

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

PHẬT-GIAO TÔNG-LUẬN (1)

Đạo Phật phát-sinh ra về thế-kỷ thứ năm trước kỷ-nguyên Cơ đốc ở miền hạ-lưu sông Hằng-hà, thoát tiên-truyền-bá trong đất Ấn-độ maulâm, rồi lan ra cả các miền khác châu Á, từ quần-đảo Mã-lai cho đến các khoáng-đá đất Tây-bá-lợi-á. Tuy về sau bị đạo Hồi xâm-lấn mà phải thoái-bộ, nhưng hiện nay xem ra còn có sức mạnh, có thể phục-hưng lại được. Trong cõi Đông-Á ngay nay, cái tư-tưởng quốc-gia hãy còn chưa được thịnh, mà các văn-minh cổ đã suy rồi, đạo Phật chính là một cái sức mạnh có thể ngăn-ngừa được sự rối-loạn hoặc chính-đốn được cuộc đảo-diền vậy. Tức cũng như ở Âu Mĩ nhờ có đạo Thiên-chúa mới gọi là có cái vẻ thống-nhất tinh-thần một chút, các dân-tộc Á-châu cũng vậy, nhờ có đạo Phật và đạo Hồi mới gọi là có cái dây liên-lạc với nhau vậy. Trên mọi sự cạnh-tranh xung-đột về kinh-tế, về xã-hội, về chủng-tộc, đạo Phật vẫn là một đạo hòa-bình bác-ái, có thể làm phương-châm tôn-chỉ cho người ta được. Người nào có lòng ham biết việc đời xưa, lo nghĩ đến sau này, thì xét lịch-sử cái đạo mấy nghìn năm kia thật cũng là một cái quang-cảnh ly-kỳ và một mối tư-tưởng sâu-xa vậy.

Người ta nghiệm ra đã lâu rằng đạo

Phật hồi khởi-thủy là một đạo tựa vào những hạng hạ-lưu trong xã-hội Ấn-độ. Về phương-diện đó thì hình như phản-đối với cái chế-độ giai-cấp. Tuy-nhiên cũng cần phải phân-biệt cho rõ. Nói đến giai-cấp của Ấn-độ, thì hình như có ý lẫn hai cái quan-niệm thật khác nhau. Như nói rằng ở Ấn-độ có hai cấp cao-thượng : là cấp Bà-la-môn và cấp Xá-đề-li, thì cái chữ « cấp » đó nghĩa nó rộng lắm, cũng như nói các « hạng » người trong xã-hội vậy. Lại có khi dùng chữ « cấp » để chỉ những cái đoàn-thể chặt-hẹp giống như là « họ » hay « phường », có kỷ-luật nghiêm như tôn-giáo, khiến cho có thống-hệ nhất-định, như cấm không được lấy vợ lấy chồng với người cấp khác, không được cùng ăn cùng uống với người cấp khác.

Đạo Phật không phải là phản-đối với cái giai-cấp theo nghĩa hẹp đó. Lại cũng không phải muốn phá bỏ các đẳng-cấp lớn trong xã-hội, khiến cho người dân được bằng-dẳng với ông vua đầu. Đạo Phật cốt nhất là phá cái quyền đặc-biệt của phái Bà-la-môn (*brahmanes*). Phái này đã truyền ra một cái đạo cho mình là cao quý hơn cả người thường, gần thành như một bậc thần-thần vậy. Theo đạo ấy thì phạm công-đức là do sự lễ-bái mà ra cả; mà có tư-

(1) Nguyên Pháp-văn của J. Przyluski trong « Tap-chí Paris ».

cách làm việc lễ-bái thì duy có hạng Bà-la-môn mà thôi, thành ra hạng này được chiếm quyền-lợi to về vật-chất và về tinh-thần. Chế-độ giai-cấp tức là cái tình-trạng thực-tế đó diễn thành ra pháp-luật, công-nhiên thì ừa-nhận cho hạng Bà-la-môn được cái đặc-quyền về ba phương-diện tôn-giáo, xã-hội, kinh-tế vậy. Đạo Phật ngay từ hồi đầu đã phản-đối cái chế-độ tẻ-hại đó, và phản-đối như thế tức là thực-hiện ra một cái khuynh-hướng vẫn đã chuyển-động trong dân-gian đời bấy giờ, không những trong khắp cõi Ấn-độ mà cả trong các xứ khác nữa, mà thực-hiện một cách mạnh-mẽ lạ thường.

Đạo Phệ-dà (*Véda*) là gốc ở cái lý-thuyết cho sự lễ-bái là có hiệu-lực vô-cùng; muốn cho có công-đức, có hạnh-phúc, thì phải có lễ sinh-vật dâng cho chư-thần. Nhưng cái lý-thuyết đó trái ngược, khiến cho lương-tâm cùng lý-tinh không thể không phản-kháng lại được. Người ta muốn cho có oai-quyền, có thế-lực hơn người, há chẳng phải là nhờ ở trí-thức cùng đạo-đức ư? Như vậy thì bậc thánh-nhân không phải là hạng Bà-la-môn, mà thực là người hiểu biết lẽ phải và làm điều đạo-đức vậy. Tôn-giáo không phải là chỉ ở nơi hình-thức, ở ngoài tâm-trí con người ta; tôn-giáo phải là cái đạo sống của người ta, vừa kiêm cả học-vấn, cả tín-ngưỡng, cả nhân-từ. Như thế thì cấp Bà-la-môn nhờ cái thuyết lễ-bái vừa được địa-vị cao, vừa được lợi-lộc lớn, nhất-đán bị một cái tôn-giáo mới phá hoại mất cả địa-vị cùng lợi-lộc. Theo đạo mới này thì kẻ tu-hành còn cao hơn bậc Bà-la; kẻ tu-hành mới xứng-đáng được cung-đường. Đồng-thời, cái thuyết di-truyền kế-tập, là gốc của chế-độ giai-cấp, cũng bị lay-động cả. Vì nếu ai có công tu-hành cũng mong đắc-đạo được, thì lấy đồng-giống mà phân hơn kém là

vô-lý. Đối với con mắt kẻ đạo-nhân, thì không có gì là giai-cấp cả; bọn Bà-la-môn tự-phụ là cao-qui hơn người, chẳng qua là hảo-huyền cả. Nói tóm lại thì gốc đạo Phật là ở một cái phong-trào xã-hội có quan-hệ với một cái quan-niệm cao-thượng về đạo-đức và tôn-giáo mà chủ-y là phá-hoại những đặc-quyền của phái Bà-la-môn.

Nếu muốn biện-biệt cho rõ những duyên-cớ gì đã có ảnh-hưởng mà giúp cho đạo Phật nảy-nở ra được, thì phải nhìn ra ngoài cõi Ấn-độ. Ở Ba-tư, trước khi họ *Achéménides* lên cầm quyền làm vua thì cũng xảy ra một cuộc cải-cách tôn-giáo giống như đạo Phật ở Ấn-độ vậy. Lại ở hai đầu cực-đông cực-tây châu Á, cũng nổi lên hai cái phong-trào như thế; ở nước Tàu thì là Đạo-giáo, phản-đối với cái tôn-giáo cựu-truyền trong nước, ở Do-thái thì là đạo Tiên-tri, phản-đối với bọn giàu có quyền-thế trong nước. Lại ở Hi-lạp nữa, cũng thấy nổi lên cái phong-trào bình-dân phản-đối với qui-tộc.

Như thế thì ra vào khoảng năm trăm năm trước kỷ-nguyên Cơ-đốc, suốt cõi Á-châu đã qua một hồi biến-động dữ. Nhưng cái phong-trào ở mỗi nơi có một tính-cách riêng. Ở Ba-tư thì là kẻ nóng-dân phản-đối cái chế-độ phong-kiến tàn-bạo; ở Do-thái, thì là đảng cùng-dân với đảng có của xung-đột nhau. Ở Ấn-độ thì không phải chỉ có bọn làm ruộng với bọn dân nghèo mà thôi, còn nhiều các phần-tử khác trong xã-hội cũng hiệp nhau lại để cùng phản-đối với cấp Bà-la-môn. Như những tay gian-hùng vốn là dòng-dõi bản-tiền mà cướp được nước làm vua, như bọn lái buôn đi buôn xa mà trở nên giàu-có, như các nhà tu-hành, nhà triết-lý, nhà biện-thuyết, mà bị phái Bà-la-môn công-kích là chủ-tri những thuyết

đi-đoan. Ngay trong nội-địa Ấn-độ, phong-trào ấy cũng mỗi xứ một khác; ở những xứ giống A-lợi-á (*Arya*) đến thực-dân đã lâu, như miền thượng-lưu sông Hằng-hà, thì những người không phục cho đạo Bà-la-môn là đạo chính-truyền, thường họp nhau lại thành những hội kín nhỏ, để truyền một cái đạo bí-mật, tức là đạo trong kinh Ưu-bà-ni-tát (*Upanishads*); ở những xứ giống A-lợi-á thực-dân chưa được khắp; thì thế-lực của cấp Bà-la-môn không được mạnh lắm, các phái kia công-nhiên nổi lên phản-đối, bấy giờ mới thấy những đạo mới nổi lên trong dân-gian, như Phật-giáo, Kỳ-na-giáo 耆那教 (*Jainisme*). Đạo Phật sau này ít được đạo Kỳ-na, cùng những đạo nhỏ ở các địa-phương khác, có lẽ là nhờ những vua chúa có thế-lực ở đất Ma-kiền-đà (*Magadha*) giúp-đỡ và che-chở cho. Phái quân-chủ chuyên-chế đó, ngay tự sinh-thời Phật-tổ, đã nhất-thống cả miền hạ-lưu sông Hằng-hà, đến đời A - dục - vương (*Asoka*) thì quyền-thế khuếch-trương ra một phần to đất Ấn-độ.

Đạo Phật, đạo Kỳ-na, đạo Ưu-bà-ni-tát, cùng nhiều phái nữa đã thất-truyền, cùng một thời-đại ấy nổi lên rầm-rầm, và cùng là do một tấm lòng khát-vọng trong dân-gian vậy. Khắp các địa-phương trong cõi Ấn-độ đồng-thời chuyển-động lên như thế, chắc không phải là sự ngẫu-nhiên: Vua Darius nước Ba-tư vào khoảng năm 512 trước kỷ-nguyên Co-đốc đã đánh lấy được đất *Pendjab* ở Ấn-độ, đặt thành một trấn thuộc về đế-quốc *Achéménide*. Sự xung-đột đó xem ra đã dao-động cả đất Ấn-độ, khiến cho những phần-tử trong bao nhiêu đời vẫn rời-rạc chưa thành hình, bấy giờ dần dần cũng kết-tinh cả lại.

Nhân có ảnh-hưởng ở ngoài đó, những tư-tưởng mới truyền sang Ấn-

độ, rồi sau thành những phần-tử cốt-yếu trong đạo Phật. Trước hết là cái quan-niệm về "ông chúa-tể trong thiên-hạ", có lẽ phát-khởi ra ở tự Ba-tư-luân (*Babylone*), rồi sớm đã truyền ngay sang phía đông, và nhất là từ sau khi họ *Achéménide* sang chinh-phục đất Ấn-độ thì khiến cho dân-chúng nước ấy những xôn-xao muốn chuyển-động. Cái quan-niệm này là một quan-niệm cốt-yếu về cả các phương-diện tôn-giáo, xã-hội, chính-trị, vì ông chúa-tể cao hơn cả các bậc vua chúa khác, là một ngôi siêu-việt như ra ngoài cả cõi nhân-loại, thì còn đảng quyền-quí nào trong xã-hội là vượt được quyền nữa; chúa-tể là nơi nương-tựa của kẻ yếu-hèn; chúa-tể giúp yên mỗi loạn mà dựng ra kỷ-cương mới. Quan-niệm ấy truyền khắp ra trong dân-chúng, khiến cho vừa đạo Phật, vừa cái chủ-nghĩa đế-quốc của nhà vua Ma-kiền-đà đều cùng nhau bành-trướng ra mạnh mẽ. Phái quân-chủ Ma-kiền-đà càng củng-cố được quyền-vị của mình, thì đối với công-chúng lại càng rõ ra cái tính-cách chúa-tể thiên-hạ. Đồng-thời, đạo Phật càng ngày càng thịnh, tức là tiêu-biểu cho cái kỷ-cương mới vậy. Phép Phật là phép của Đế-quốc, và trong lòng kỷ-niệm của bọn tín-đồ nhà Phật thì đức Phật-tổ lúc đầu chỉ là một nhà tu-hành đặc-đạo, sau dần dần biến thành một bậc chúa-tể trông-tượng, oai-quyền cao hơn cả các vua chúa khác.

Lại trong đạo Phật có nhiều chỗ giống với đạo Ba-tư là đạo *Zoroastre*, thì có lẽ cũng là bởi cái ảnh-hưởng của Ba-tư sang Ấn-độ vậy. Như cái lễ thờ-đền-phát sau khi đã chết rồi, hai đạo đều lấy làm trọng lắm. Trong đạo Phê-đà thì điều đó khác hẳn, người nào có công lễ-bái là được hưởng phúc lành, mà được hưởng ngay về sau này. Hoặc đến khi thác đi còn được hưởng cái dư-huê ít nhiều, là bởi vì cõi lai-sinh vốn

không khác gì đời hiện-tại. Chứ như trong đạo Ba-tư và đạo Phật thì không có thế: Đời này ngắn-ngủi, không có quan-hệ gì; kẻ tu-hành chỉ nên nghĩ đến sự hạnh-phúc về lai sinh mà thôi. Ở cõi đời sau này, kẻ ác sẽ phải khổn-khổ, người thiện thì được sung-sướng. Thật là một cái hi-vọng tốt đẹp cho những kẻ khổn-nạn ở đời, khiến cho được yên-ủi mà chịu những cái khổ hiện-tại.

Ấn-độ xem ra còn mượn của Ba-tư cái quan-niệm về mặt-kiếp và sự tin-ngưỡng về đấng cứu-thế. Vũ-trụ không phải là vô-cùng. Đến ngày hết kiếp thì cái thế-giới của ta ngày nay sẽ tuyệt-diệt. Bấy giờ có đấng cứu-thế xuất-hiện ra: trong đạo Ba-tư thì gọi là *Saohyant*, trong đạo Phật thì gọi là *Di-lặc* (*Maitreya*), nghĩa là Phật vị-lai.

Bấy nhiêu cái quan-niệm, bấy nhiêu cái giáo-lý, họp lại thành một lý-thuyết rất có thống-hệ. Bậc chúa-tể đã cao hơn bậc Ba-la-môn, cái công-đức của người ta đã không phải ở sự lễ-bái mà ra, và cõi đạo-đức đã là nơi mở rộng cho cả mọi người, thì tất trong thế-gian phải đặt ra một cái kỷ-cương mới; kẻ yếu-hèn có thể hi-vọng những sự cao-xa; trong vũ-trụ bày ra có nơi thiên-đường, nơi địa-ngục; về quá-khứ cũng như về tương-lai, đời kiếp nào cũng có đấng cứu-thế xuất-hiện ra.

Nhân sự chinh-phục của các vua họ *Achéménide* mà Ấn-độ với Ba-tư có trực-tiếp với nhau, rồi sau lại nhờ các đoàn buôn đi lại trong hai nước, mà sự liên-lạc ấy vẫn giữ được, đó là cái có thể giải được nhiều cái đặc-tính trong đạo Phật; tuy-nhiên, còn có những đặc-tính khác nữa, không thể cho là bắt-chước của ngoài: như cái lý-tưởng của đạo Phật là cái lý-tưởng từ-bi bác ái, và cái lòng hoan-hỷ của các bậc tôn-đồ hồi đầu diễn ra tranh

ra tượng bằng một nét mặt vui tươi, tức là tiêu-biểu cho tấm lòng nhân-từ phổ-cập đến cả vạn-vật vậy. Bởi đó mà đạo Phật thời bấy giờ là đặc-biệt hơn cả các đạo khác; không phải là sự kết-quả tất-nhiên của những nguyên-nhân vô-ngã; chính là cái công thành-thực của những kẻ dốc lòng khai-sáng vậy.

Thế cũng chưa đủ cho thiên-hạ tin được là cái kỳ công của thần-thánh. Ta chỉ nên cho là vì cái hại đã đến cực-điểm, mà tất phải nghĩ ra phương thuốc để bỏ-cứu. Cái giai-cấp-tinh-thần nó hẹp-hòi quá độ; người nào đã nhiệm cái tinh-thần ấy thì uổng mình chỉ có quan-hệ với một số ít người mà thôi; cái luân-lý do đó mà ra là thuần căn-cứ ở lòng danh dự cả, nghĩa là ở cái thiên-kiến riêng của mỗi hạng người. Đối với cái luân-lý danh-dự đó, đạo Phật xứng lên cái luân-lý từ-bi, người ta không thuộc vào giai-cấp nào cả, và có quan-hệ với tất cả các người khác, tất cả các giống vật; bấy giờ như bỏ cái gian nhà chật hẹp mà đem mình sáp-nhập vào vũ-trụ, không lấy cái thân-phận mình làm tự-cao nữa, mà lại lấy làm tự-khiêm; đối với các giống khác không tỏ lòng khinh-bĩ nữa, mà lại tỏ lòng thương yêu. Cái nước đã bị chế-độ giai-cấp đè-nèn trong bấy lâu sẽ là nước mà người ta trước nhất thoát được ra ngoài những cái thiên-kiến về đẳng-cấp mình. Chính là để phản-đối với cái chế-độ giai-cấp mà các nhà Phật-giáo hồi đầu đã đặt ra một cái luân-lý cho hết thảy mọi người có thể theo được và nhận đó sáng-lập ra cái tôn-giáo đạ-đồng thứ nhất vậy.

Cái đạo của Phật-tổ và của các bậc tôn-đồ theo ngài lúc buổi đầu là thế nào? Nay không thể nào nói cho đích-xác được. Đạo là đạo truyền miệng, mà ngày nay không có cái chứng-cứ gì có thể tin được. Mãi mấy trăm năm

sau khi đức Thích-già-mâu-ni mất, bấy giờ đạo đã biến đi nhiều lắm và đã qua bao nhiêu lớp các bậc cao-tăng khuếch-trương phát-siễn ra nhiều, khi ấy các kinh-diễn mới bắt đầu biên-tập. Và những lời Phật nói, những lẽ Phật dạy, kể cũng chẳng hề chi. Cốt là cái lòng thiên-hạ tôn-kính Phật, khiến cho những người thuộc về khắp các đẳng-cấp trong xã-hội họp cả nhau ở dưới cửa Phật như anh em một nhà vậy. Cái lòng tôn-kính đó có khi cảm ngay từ lúc đầu, khiến cho tâm-hồn mở rộng mà khuynh - hướng về đường bác-ái ; bấy giờ thì thật là bước vào một cuộc đời mới, không phải học-hành, không phải tu-luyện, tiện-thị được nhập-tịch vào họ Thích-già, nghĩa là về đường tinh-thần được đứng bằng-đẳng với đức Mâu-ni vậy.

Đạo không có nhà tu, không có thầy dòng : chỉ có từng bọn người đi rải-rắc khắp mọi nơi, vừa hành-khất, vừa truyền đạo. Trong những người mới theo đạo, có kẻ đi cùng với bọn hành-khất để lại truyền đạo cho người khác, có kẻ cứ ở nhà làm ăn, sẵn lòng đem tiền của chia cho các anh em đồng-đạo. Giáo-hội bấy giờ gồm cả hai phái du-thuyết và tại-gia đó, người đi thì truyền đạo, kẻ ở thì cung-dưỡng, hai bên thật là có mật - thiết quan - hệ với nhau. Về mùa mưa, đi đường khó, thì các thầy truyền-giáo đến ở trọ các nhà. Đầu mùa mưa với cuối mùa mưa có hai kỳ hội-đồng lớn, tức là hai cái hội to trong một năm.

Lê-nghi cùng giáo-lý rất giản-dị ; giáo-đồ một lòng từ-bi cung-kính, họp nhau từng bọn nhỏ, sinh-hoạt ở ngoài xã-hội Bà-la-môn ; đó là mấy cái tinh-cách của đạo Phật lúc phối-thai. Cái tôn-giáo hồi đầu tâm-thường như thế, sau này đã phải kinh-qua biết bao nhiêu lần biến-thiên canh - cải, mà bành-trướng ra đến làm cho khắp cõi

Á-châu đầy những phật-đường cùng tinh-xá vậy.

Đạo Phật lúc nguyên-thủy là cách-biệt hẳn với xã-hội Bà-la-môn, vậy mà về sau lại khuôn theo xã-hội ấy mà thay-đổi : tư-tướng, chế-độ, đều bắt-chước mà phỏng theo cả. Sự tiêm-nhiễm ấy cũng giống như sau này ở Âu-châu đạo Cơ-đốc hóa theo xã-hội La-mã vậy.

Chính đạo Bà-la-môn, từ khi trong giáo - hội xuất - hiện ra những cái khuynh-hướng mới lạ, thời cũng bớt phần nghiêm - khắc đi mà thành ra uyển-chuyển hơn. Đạo Ưu-bà-ni-tát nguyên là phản-đối cái thuyết lễ-bái, sau thành ra một phái nổi lên muốn phá-hoại cả cái cổ-giáo Phệ-đà. Bọn Bà - la - môn, thấy nguy - hiểm đến quyền-lợi của mình, bèn đối-phó lại cũng khôn-khéo lắm. Tùy-cơ ứng-biến, làm cho điều-hòa được cả đạo cũ với thuyết mới. Dần-dần đem cả sách Ưu-bà-ni-tát sáp-nhập vào trong kinh Phệ-đà. Thành ra đạo Phật không phải là cạnh-tranh với một cái cổ-giáo tràn-hủ nữa, mà thực phải chống-đối với một cái đạo đã chấn-hung cải-cách lại rồi. Kết-cục thì đạo Bà-la-môn tuy đã qua một hồi sắp diệt-vong, mà vẫn còn duy-tri được cái địa-vị cũ.

Đây không thể thuật lại được cả cuộc cạnh-tranh đó khi thắng khi bại thế nào. Cứ đại-khái mà nói thì thời-kỳ thứ nhất là hồi đế-quốc Ma-kiền-đà đương toản-thịnh, đạo Phật thắng-thế, công-kích đạo Bà-la-môn dữ lắm ; thời-kỳ thứ nhì thì từ khi đế-quốc bị giải-tán, phái Bà-la-môn lại phản-kích lại đạo Phật.

Sau cuộc dòng-chinh của vua A-lich-son-đại (ALEXANDRE) nước Hi-lạp, thì cái lý-tưởng về ông chúa-tể thiên-hạ lại càng thịnh-hành lắm, họ *Maurya* làm vua đất Ma-kiền-đà, khuếch-trương thế-

lực ra khắp miền hạ-lưu sông Hằng-hà. Họ này vốn xuất-thân bản-tiền, mà thừa được cái phong-trào ấy sẽ tiêu-biểu cho cái lý-tướng phổ-thông của đạo Phật, là cái lý-tướng ông vua thượng-võ, đem uy-lực ra bảo-hộ cho Phật-giáo. Vào khoảng 250 năm trước Gia-tô Cơ-đốc, có vua A-đục (Açoka) ra tay nhất-thống cả đất Ấn-độ, cuộc nhất-thống này là lần thứ nhất trong lịch-sử Ấn-độ. Vua sùng đạo Phật, đạo Phật được một hồi toàn - thịnh. Đã được nhất-thống về chính-trị, lại muốn nhất-thống về tôn-giáo nữa, bèn phái các giáo-sư đi các phương xa để truyền đạo. Nhưng mà sự-nghiệp của vua không được bền. Muốn cho bền thì phải công-phu mấy mươi đời kế-tiếp nhau mới được. Á-đục-vương chẳng may không có người kế nghiệp xứng-đáng, nên nghiệp lớn không thành. Sau vua thì đế-quốc bị tan. Đến họ *Cunga* lên nối ngôi cho họ *Maurya* thì lại thiên-vị phái Bà-la-môn và tỏ ra ác-cảm với đạo Phật. Trong khoảng thế-kỷ thứ ba trước Gia-tô, đạo Phật đương bùng-bột tiến lên, tưởng không gì cản được. Đến thế-kỷ thứ hai thì đã thấy đạo Bà-la-môn phục-hồi lại rồi.

Nay ta hãy không xét về phương-diện chính - trị, mà thử dò xem cái thực-tình thế nào. Đạo Bà-la-môn lấy cái chế-độ về giai-cấp và cái oai-quyền của kinh-điền làm gốc, thì trong miền trung-ương là đất giống A-lợi-á đến thực-dân đã lâu, từ khoảng trung-lưu sông Ấn-độ (*Indus*) cho đến thành Xá-vê (*Benarès*), thế-lực vẫn vững-vàng lắm, không bị đạo Phật làm cho suy-sút được mấy tí. Đạo Phật truyền-bá ra được mau là ở các vùng chung-quanh, dân là người bản-thổ, hay là cũng có ít nhiều giống A-lợi-á đến thực-dân, mà còn chưa được mấy. Thành ra chính nơi trung-tâm Ấn-độ

thì đạo Phật vẫn chưa truyền-nhiệm đến được.

Vả lại đạo Phật ngay từ khi mới bành-trướng ra, cũng vẫn đã chịu ảnh-hưởng của đạo Bà-la-môn rồi. Các môn-đồ Phật-tổ hồi đầu xem chừng là những người ti - tiện chất - phác, có bụng-dạ tốt, nhưng không có tài có học gì. Còn phái Bà-la-môn thì là những tay chữ-nghĩa cao-kỳ cả. Nhà Phật chưa có kinh-điền gì, mới có mấy câu cách-ngôn văn-tắt của Phật-tổ truyền lại bằng tiếng Ma-kiền-đà mà thôi; còn phái Bà-la-môn thì hằng tụng ba kinh Phê-đa, đã biên thành sách tự bao nhiêu thế-kỷ đến giờ, mà viết bằng một thứ văn-tự tuyệt-luân, là chữ « phạn » (*sanskrit*). Bấy giờ môn-đồ nhà Phật chỉ ước-ao có một điều, là làm sao cũng có văn-chương, cũng có kinh-điền như bọn kia. Lòng nguyện-vọng đó có lẽ là do tự mấy tay Bà-la-môn có học-thức hồi bấy giờ qui-y về đạo Phật, như người tên là Đại-Già-diệp (*Kācyapa*), xem ra là tay chủ-trương trong kỳ hội-nghị thứ nhất của đạo Phật. Cứ theo cái khuynh-hướng đó, thì những tay đàn anh trong giáo-hội, chẳng bao lâu mất cái lòng khiếm-tốn lúc hồi đầu, và dần dần cũng theo cái thái-độ tự-cao của phái Bà-la-môn. Từ đấy các nhà chép truyện, thuật lại gốc-tích đạo Phật, thì nhau mà nói tốt nói đẹp thêm lên. Bao nhiêu những vị theo đạo lúc mới đầu thành ra hiền-thánh hết cả, và toàn-thị là dòng-dõi nhà võ-sĩ, nhà qui-tộc hết cả.

Đồng - thời, sự - tích Phật-tổ càng khoáng-trương mãi ra, và đức Phật nghiêm-nhiên thành như một vị chúa-tể siêu-việt vậy. Thừa nhờ là thái-tử sinh trong cung vua. Sự đản-sinh này có nhiều điềm lạ lắm; sinh được bảy ngày, thì bà mẹ là Ma-gia (*Māyā*) chết. Hồi còn nhỏ tài-đức đã hơn cả các tay bác-sĩ đời bấy giờ. Bỏ nhà đi tu, tu-hành

khổ-hạnh trong mấy năm, sau biết rằng vô-ích, đến ẩn dưới cây bồ-đề. Ma-vương đến cám-dỗ, Phật thắng được Ma-vương. Rồi trăm-tư mặc-tướng, đình-lĩnh tinh-thần, mà phát-minh ra được cái lẽ nhân-quả ở đời, khiến cho người đời ngu-muội, diệt được nhân-quả thì tới cõi trí-tuệ. Bấy giờ là thành Phật, nghĩa là giác-ngộ. Sau khi giác-ngộ rồi, đi ra thành xá-vệ, và khác nào như ông vua tuy n-bổ pháp-luật, bèn tuyên lên bốn điều gọi là tứ-diệu-đề : thứ nhất là *khổ*, nghĩa là ở đời là khổ ; thứ nhì là *dục*, nghĩa là khổ là bởi bụng dục mà ra ; thứ ba là *diệt*, nghĩa là phải diệt bụng dục mới mong được giải-thoát ; thứ tư là *đạo*, nghĩa là con đường phải theo cho tới cõi giải-thoát.

Trong sự-tích đó cũng khó phân-biệt được phần nào là phần sự thực, phần nào là phần truyện huyền. Sự-tích này không phải là sự-í của một người nữa, mà thật là cái hình-ảnh phảng-phất một vị thần siêu-việt vậy.

Mấy thế-kỷ sau khi Phật đã tịch-diệt rồi, nhân-vật của Phật biến-hóa đi mà thành một bậc thần-thánh siêu nhân-loại như thế, kết-quả làm cho thay đổi cả khoa thần-thoại cùng phép lễ-bái của đạo Phật. Những kẻ theo đạo hồi đầu thì vẫn thờ các thần của đạo Bà-la-môn cũ, như thần Phạm-thiên (*Brahma*), thần Đế-thích (*Indra*) ; v. v., và mục-dịch của người đi lễ-bái là chỉ mong cho tới cõi thiên-đường, là nơi thần-tiên ở. Những sự tin-tưởng cùng lòng hi-vọng đó còn truyền đến mấy đời về sau, nhưng từ khi Phật cũng hóa thân, thì Phật còn cao hơn các thần cũ. Bấy giờ những di-tích của Phật cũng đáng thờ cả. Lại cho rằng cõi Phật là cao hơn cả các cõi thần khác, là nơi toàn-phúc cực-lạc, trước còn để ngang bằng với cõi Phạm-thiên, sau

biệt-lập ra một cõi siêu-việt khác, gọi là cõi Nát-bàn (*Nirvana*).

Sự tin-tưởng đã thay-đổi như thế, thì đồng-thời thế-thống trong giáo-hội cũng thay-đổi hẳn. Việc quan-trọng nhất là lập ra một phái tu-hành, dựng ra nhà riêng cho kẻ đi tu đến ở luôn đấy. Từ trước đến bây giờ, các thầy truyền đạo là đi giông ngoài đường cả, hành-khất mà kiếm ăn, chỉ trong mùa mưa mới đến các nhà trọ mà thôi. Trong bọn các người ấy, chẳng bao lâu thấy xuất-hiện ra hai cái khuynh-hướng trái nhau : Một phái thì khắc-khổ tu-hành, lánh xa một mình ở những nơi rừng sâu bãi thẳm ; một phái thì họp thành bọn, cử một người cũ đứng lên làm đầu chủ-trương. Phái sau này rồi sau được phần hơn ; bấy giờ thì thành cái lệ các nhà tu-hành phải họp nhau thành bọn. Nhưng mà đi truyền đạo mà kéo từng đám đông như thế thời gặp mùa mưa đến trọ đầu không tiện, vậy phải dựng nhà riêng hay là sửa những cái hang cái động cho ở. Trước là ở tạm mà thôi, nhờ những thiện-nam tín-nữ chung-quanh cung-cấp cho đồ ăn thức uống, sau dần dần thành những nhà tu thường-trụ.

Lúc mới đầu chưa có sắp-đặt gì, hãy còn lộn-sộn lắm, tăng-ni ở lẫn-lộn với nhau, cũng có điều hỗn-độn ; sau mới chỉnh-đốn dần, đặt ra qui-chế nghiêm-nhất. Vì sự ăn ở chung, mà thành ra phải có phép-tắc chung, phải định ra trật-tự trên dưới, bấy giờ mới đặt ra có lễ nhập-môn tức là lễ thi-phát, hạn tập-luyện tức là phép « sa-di » 沙彌, cùng các giới-diệu trong-phật. Thế là trước có « đạo », sau đặt ra « luật », rồi về sau này nữa lại thêm có « luận », tức là ba bộ-phận lớn trong kinh-diệu, sau đặt tên là « tam-làng ».

Tự bấy giờ giáo-hội chia ra làm hai hạng, giới-hạn rất phân-minh :

một bên là thiện-nam tín-nữ, đem lòng theo đạo, nhưng vẫn ở trong đời, -hỉ phải theo mấy điều qui-giới tầm-thường mà thôi ; một bên là hạng tu-hành, vừa nam vừa nữ, chia ra tăng ni, ở nơi tự-viện, cách-biệt cõi đời, đã chịu các lễ thụ-giới thụ-pháp mà được có địa-vị cao-quí trong giáo-hội. Chế-độ mới này thật là khác hẳn với cái chế-độ hồi đầu, khi ấy thì người đi truyền đạo hành-khất cùng với các chủ nhà cung-duỡng ở chung với nhau trong suốt mùa mưa, có cái tình liên-lạc mật-thiết, và cùng nhau là bằng-dẳng hết cả. Nay thì sự bình-dẳng ấy không còn nữa ; kẻ *tục* với kẻ *tu* phân-biệt nhau hẳn, một bên thì hạ xuống, một bên thì cao lên, sự phân-lia đó có ảnh-hưởng sâu-xa về đường đạo-đức, đường tôn-giáo.

Cái địa-vị kẻ tu-hành đối với người thế-tục bấy giờ cũng chẳng khác gì cái địa-vị của cấp Bà-la-môn đối với các hạ-cấp khác trong xã-hội. Sự bất-bình-dẳng đó khiến cho trong « tăng-già » (*sangha*), nghĩa là trong xã-hội tu-hành của đạo Phật, sinh ra cái lòng tự-tôn tự-đại, khinh kẻ ở ngoài, thật giống như cái tâm-lý của phái Bà-la-môn vậy. Đến khi trong tăng-già chia ra đẳng-hạng, phân-biệt kẻ trên người dưới, tùy theo sức học công tu, thì cái tâm-lý ấy lại càng rõ-rệt ra lắm nữa.

Nay xét đến giáo-lý và giáo-hội, hai bên phát-đạt, có điều giống nhau, thật không phải là một sự ngẫu-nhiên. Trên kia đã nói rằng nhà Phật tưởng-tượng ra ở trên cõi đời trần-tục này có một cõi đời thanh-cao hơn, trước còn cho là giống như cõi Phạm-thiên của cổ-giáo Ấn-độ, sau lại siêu-việt hơn nữa mà biệt-lập ra một cõi riêng gọi là cõi Nát-bàn. Cõi đó tức là cõi Phật, là nơi những người tu-hành đã đặc-đạo, đã được hoan-toàn giác-ngộ rồi mới lên được đó. Còn

người phạm kẻ tục, thì có công-đức đến đâu, cũng chỉ lên được đến cõi Phạm-thiên là cùng. Xem thế thì ra không những trong chế-độ của giáo-hội phân-biệt ra kẻ sang người hèn, mà trong giáo-lý cũng thấy xuất-hiện ra cái khuynh-hướng đó. Chỉ tư luân-lý cùng tôn-giáo cũng chia ra hai bậc như thế : có một cái luân-lý của kẻ phạm-tục ở trong cõi đời, lại có một cái luân-lý của kẻ tu-hành đặc-đạo ; có một cái tôn-giáo cứu-cánh ở nơi thiên-đường cực-lạc, lại có một cái luân-lý cứu-cánh ở cõi Nát-bàn. Người tầm-thường thì ăn ở cho phải đạo, thế là đủ rồi ; đó là cái luân-lý cũ của xã-hội từ xưa đến giờ. Nhưng người tu-hành thì phải có công-đức siêu-tuyệt hơn, phải biết cần-cù học đạo, phải biết tĩnh-tâm thiền-dịnh. Thế là đạo Phật chịu ảnh-hưởng của xã-hội Bà-la-môn biến đổi đi khác hẳn hồi đầu, từ nay phát-siễn ra theo một đường-lối mới, kết-quả cũng khác hẳn xưa. Trong khi ấy thì có một phái theo hẳn cái khuynh-hướng mới đó, nổi lên phản-đối với phái cũ, tạo-thành ra một đạo Phật mới, tức là phái Đại-thừa vậy.

Tự thế-kỷ thứ hai trước Gia-tô, ở những miền người A-lợi-á thực-dân đã lâu, đạo Phật đã bị hoặc ngăn-trở hoặc bách-hại nhiều quá, bấy giờ các bậc chủ-trương trong giáo-hội mới xoay ra theo một cái chính-sách mới : là lấy lòng những vua chúa ngoại-quốc để nhờ bảo-hộ cho, hoặc không thì cũng giữ trung-lập mà đừng cản-trở. Từ đấy những kẻ qui-y đạo Phật là thuộc về đủ các giống người : ở phía nam thì giống *Mundas*, giống *Dravidiens*, ở tây-bắc thì giống *Grecs*, giống *Scythes*, giống *Parthes*. Cái chính-sách ấy kết-quả làm cho đạo Phật truyền-bá ra ngoài cõi Ấn-độ, vì về phía nam thì

người đất *Dékhan*, phần nhiều là người đi buôn và đi biển, thường giao-tiếp với các dân ở miền Nam-dương, còn về mặt tây-bắc thì thường có những đoàn-buôn tráng sang Ba-tư, lên trung-bộ châu Á và sang nước Tàu. Về mặt đó, sau khi người *Scythes* sang dựng nước ở Ấn-độ, hồi vua Già-nhị-sắc - già 迦貳色迦 (*KANISHKA*) qui-y đạo Phật, thì việc truyền-bá đạo lại càng dễ-dàng lắm. Việc vua Già-nhị qui-y đạo Phật cũng quan-trọng như việc vua A-dục khi xưa. Vua A-dục thì giúp cho đạo Phật một hồi bành-trướng ra ở đất Ấn-độ; vua Già-nhị thì từ nay mở cửa cho đạo Phật tràn ra ngoài cõi Á-châu.

Cải phong - trào bành - trướng ra ngoài đó, khỏi tự thế-kỷ thứ hai, về đời vua Hi-lạp MÊNANDRE, — miền tây-bắc Ấn-độ bấy giờ thuộc người Hi-lạp chinh-phục, — rồi đến sau kỷ-nguyên Gia-tô, về đời vua Già-nhị, lại càng mạnh-lắm, trước sau thật là có kết-quả tốt cho đạo Phật. Đạo Phật gần phái Bà-la-môn vốn sở-trường về cổ-văn bằng chữ Phạn, đã bắt-chước mà dựng thành được một lối văn-chương riêng; nay lại giao-tiếp với các dân-tộc mới, sẽ tạo-thành ra một nền mỹ-thuật cùng triết-học mới vậy.

Trong mấy thế-kỷ đầu, các tín-đồ nhà Phật đời nọ sang đời kia chỉ dùng tiếng thổ-âm đất Ma-kiền-đà, mà truyền-khẩu cho nhau được mấy câu kinh câu kệ cho là của Phật dạy mà thôi. Đến khi đạo truyền-bá về phía tây, thì bấy giờ mới biên-chép thành sách và dùng một thứ cổ-văn có kinh-điển, có giá-trị hơn là thứ tiếng Ma-kiền-đà, tức là chữ *Pali* cũng là một thứ chữ Phạn. Đối với kinh-điển của đạo Bà-la-môn có ba kinh *Phệ-đa*, thì đạo Phật cũng dựng ra kinh-điển, cũng chia ra ba bộ gọi là *Tam-tạng*. Sau thấy các kinh-

điển đó chỉ hợp cho tính cách kẻ tu-hành mà thôi, bèn đặt ra những lối giản - dị hơn, như truyện ngụ-ngôn, như bài tuồng hát, để cho người thường đọc được, và dễ khiến cho công-chúng biết ham mùi đạo. Những sách văn-chương phổ-thông đó thường soạn bằng chữ Phạn (*sanskrit*), là thứ chữ cổ-văn của phái Bà-la-môn. Sách trứ-danh nhất tương-truyền là của nhà thi - nhân A-thấp - phọc-lũ-sa 阿濕縛婁沙 (*ASVAGHOSHA*), Tàu dịch là Mã-minh bò-tát 馬鳴, sinh-trưởng về thế-kỷ thứ nhất sau kỷ-nguyên Gia-tô.

Ấn-độ về thời-dại theo đạo Phệ-đa, thì hầu như không biết các mỹ-thuật tô-tạo Mỹ-thuật Ấn-độ mà được hoàn-toàn là nhờ ở sự hội-hợp nhiều các phần-tử khác nhau: như văn-hóa A-lợi-á, tôn-giáo Phật-đà, kỹ-nghệ của ngoại-quốc đem vào. Trước hết là nghề chạm-khắc đền chùa, phối-thai ra từ đời A-dục-vương đã có đặc-sắc lắm; rồi đến các cổ-tích ở *Barhut*, ở *Sanchi*, thì bấy giờ là tuyệt-xảo tuyệt-mỹ. Ở *Sanchi* này xem ra không những phỏng theo các kiểu của Ba-tư, mà lại theo cả lối trang-sức của người thổ - dân đất *Dékhan* nữa. Đến các phái *Mathurá* và *Gandhára*, thì nghề chạm-khắc và nghệ kiến-trúc biệt-lập nhau mà đều phát-đạt cả, hai đang đều chịu ảnh-hưởng của nghề làm tượng của Hi-lạp.

Đến như nguồn-gốc của triết-học đạo Phật, thì còn mờ-ám chưa thể xét ra rõ được. Về triết-học cũng như về mỹ-thuật, các đời trước không để lại được mấy tí, và những đồ-đệ của Phật-tổ, xem chừng cũng không thích lý-luận. Một bộ sách cổ nhất về triết-học đạo Phật là sách "Lời vấn-đáp của vua MİLINDA", chép lời vấn-đáp của vua MÊNANDRE với một vị giáo-sĩ đạo Phật. Xem đó thì có lẽ đồ-đệ nhà

Phật nhờ được giao-tiếp với các tay văn-sĩ Hi-lạp mà dần dần tập được lối lý-luận tinh-vi. Tuy-nhiên, dầu trong triết-lý đạo Phật có nhiều chỗ giống với các học-thuyết Hi-lạp, thứ nhất là khoa luận-lý của ARISTOTE, nhưng vẫn có sáng-kiến và có đặc-sắc lắm. Đại-khái mấy điều cốt-yếu của triết-lý ấy như sau này.

Vật-chất với tinh-thần vốn không phải có sai-biệt nhau. Bản-ngã của mỗi người, cũng như các vật trong thế-giới hữu-hình, là do các phần-tử kết-hợp lại theo phép số. Như một mảnh vật-chất hay một mảy linh-hồn phải một số bao nhiêu phần-tử kết-hợp lại mà thành ra. Những mảnh ấy trong khi tập-hợp lại thì gây ra cái ảo-tưởng là có người ta và có vạn-vật. Nhưng kỳ-thực không có gì là hữu-thường. Có hợp thì có tan, có tan lại có hợp; nhất-thiết là tạm-thời cả, không có gì là linh-hồn bất-diệt, không có gì là nhân-cách vĩnh-viễn, không có gì là bản-ngã nhất-định. Đến chính Phật cũng thế: bản-ngã của Phật cũng là bất-thường, vô-thực, hư-huyền cả.

Các nhà tu-tướng đạo Phật đã theo đường-lối nào mà đến cái chủ-nghĩa hư-vô lạ-lùng như thế? Có lẽ là căn-cứ ở một cái thuyết cũng giống như thuyết về số của phái PYTHAGORE bên Hi-lạp. Các nhà ấy trước hết tin rằng trong vũ-trụ duy chỉ có số mà thôi, và cho rằng tuyệt-nhiên không có gì là thực-thể cả. Hết-thấy như nước trào dâng lên, không có gì là nhất-định cả; duy chỉ có cái số các phần-tử kết-hợp lại là nhất-định mà thôi. Nhân đó mà cái ngoại-tướng lưu-truyền đi được mãi; nhân đó mà sinh ra cái ảo-tưởng có bản-ngã nhất-định.

Các giáo-sĩ đạo Phật đã tuyên-bố ra một cái lý-thuyết phá-hoại cả linh-hồn, cho vạn-vật dù người dù thần đều là

huyền-ảo cả, cho linh-hồn không phải là bất-diệt thì thiện-ác không có báo-ứng, đã tuyên-bố ra một cái thuyết như thế, thì đạo Phật làm sao mà còn sống được nữa. Trên kia đã nói rằng đạo Phật thật là một mà thành hai, vốn là một đạo phổ-thông trong dân-gian, mà dần dần hóa ra một đạo cao-thượng về triết-lý. Kể tục thì vẫn chỉ biết đạo phổ-thông mà thôi, không thiết gì đến phần triết-lý cả; duy trong bọn tu-hành, có một số người cao-thượng mới hiểu rõ những tu-tướng mới đó. Còn cái đạo của số nhiều người trong dân-gian thì không vì đó mà thay đổi gì cả; nhưng sự cách-biệt trong các hạng tín-đồ lại càng ngày càng rõ-rệt mãi ra, và sự thống-nhất trong giáo-hội cũng càng ngày càng suy-kém đi vậy.

Trong khi hạng tri-thức tựa-hồ như biệt-lập ra ngoài giáo-hội, thì cái quan-niệm về người tu-hành đặc-đạo cũng thành ra siêu-tuyệt, dường như không mấy ai đạt tới cho được. Người đặc-đạo từ nay là một bậc cao-siêu, không dính-dáng gì với đời, không thiết-tha gì đến đời nữa. Các bậc tông-đồ hồi đầu, nhiệt-thành chan-chứa, ra công cứu-độ cho chúng-sinh; kể tu-luyện ngày nay thì cao-kỳ lãnh-đam, dường như không có cảm-giác gì đến sự đời nữa: cái kiêu-mẫu người tu-hành từ đây là bậc «la-hán» (Arhat). Không cần gì phải cứu-độ cho chúng-sinh: việc cần-cấp chỉ là phải tu-luyện làm sao cho được vào cõi hư-vô, cho được tuyệt-mối tình-dục. Ấy một cái đạo từ-bi bác-ái mà vì sự cao-kỳ của một phái huyền-tướng biến thành ra như thế đó.

Cái cách tu-luyện cao-kỳ, cái thuyết hư-vô tuyệt-đối đó, càng ngày càng lưu-tệ, rồi sau gây lên một cái phong-trào phản-kháng, chấn-chỉnh lại cái lòng tôn-giáo và khôi-phục lại cái luân

lý cũ. Sự phản-kháng này nhóm lên tự mấy thế-kỷ đầu sau Gia-tô. Lòng tin-tưởng, lòng hi-vọng của các đồ-đệ nhà Phật hồi đầu, không phải là đã biến đi mất hẳn, trong dân-gian vẫn còn giữ được. Nhờ có người khôi-phục lại, những cái cảm-tình ấy lại nổi lên hăng-hái như xưa. Phải mới lập lên đó gọi là phái «Đại-thừa» (*Mahayana*); đạo Phật của phái này là một đạo Phật rộng-rãi hơn, hợp với nhân-đạo hơn, công-nhiên muốn tựa vào phần đông trong giáo-hội. Còn phái trái lại thì đặt tên là Tiểu-thừa (*Hinayana*). Thế là đạo Phật từ nay chia ra làm hai phái, tức là hai giáo-hội ganh nhau. Các nhà tu-luyện về phái Tiểu-thừa hướng-lai chỉ biết chăm sự giải-thoát cho mình mà thôi. Từ nay đối với cái mục-đích duy-kỷ đó, đã có một phái khác xướng lên cái chủ-nghĩa vị-tha. Nhà tu-hành không nên vội cầu vào cõi Nát-bàn; nghĩa-vụ là phải đem phép màu mà truyền dạy cho chúng-sinh, dù thân mình phải nấn-ná trong cõi luân-hồi cũng mặc lòng. Muốn khôi-phục lại cái lý-tưởng vị-tha đó, không gì bằng noi theo ngay cái gương của Phật-tổ khi xưa, trong bao nhiêu đời kiếp đã từng xả-thân để độ chúng. Trong phái Đại-thừa, kẻ nào tu hành là cũng có cái hi-vọng có ngày thành Phật được, ai ai cũng có thể tới bậc «bồ - tát» (*bodhisattva*) được. Người nào cũng có thể tu-hành được, miễn là có lòng thành, không có phân ra đẳng-hạng; ai ai cũng có thể là ông Phật tương-lai cả. Cái lý-tưởng của phái Đại-thừa đó thật là khoan-dung đại-độ, đối-hản lại với cái tính-cách cao-kỳ duy-kỷ của phái Tiểu-thừa.

Về triết-lý thì những điều sáng-kiến đã phát-minh được, không phải có bỏ đi đâu; nhưng cái thuyết hư-vô không phải là tuyệt-đối nữa, mà là tương-đối với một cái chủ-nghĩa thần-bí tích-cực. Cõi Nát-bàn vẫn là một cõi thanh-cao, siêu-tuyệt, bất-khả tư-lượng; nhưng

không phải là cõi hư-vô nữa. Cái giới hạn của bản-ngã vẫn không có, các đặc-tính của vật-chất cùng tinh-thần cũng vẫn không rõ; nhưng người ta có cái cảm-giác được hòa-đồng với vạn-vật hóa-sinh trong vũ-trụ. Cái chủ-nghĩa thần-bí đó rồi sau này làm một cái nguồn cảm-hung sâu-xa cho các nhà mĩ-thuật tuyệt-luân của nước Tàu và nước Nhật.

Đến như khoa thần-thoại, cũng được thêm phong-phú. Giáo-hội càng thêm kẻ qui-y, thì mỗi kẻ đó tức là một vị Phật tương-lai, mà đồng-thời trong khoảng vũ-trụ cái số các vị «bồ-tát» cũng tăng lên vô-cùng vậy. Bồ-tát tức là thiên-thần của đạo Phật, những vị có oai-quyền hơn nhất chẳng qua là các thần Ấn-độ cũ biến-tướng đi mà thành ra tôn-thần của phái Đại-thừa. Cứ như vậy mà dần dần bao nhiêu thần-thánh của Ấn-độ hóa-nhập vào đạo Phật hết cả; sự đồng-hóa đó không phải là không có nguy-hiểm, vì đạo Đại-thừa có thể bị những cái chất tạp ở ngoài đó, như cách lễ-bái, phép phù-chú, sự mê-tin trong dân-gian, nó tràn ngập mất mà làm cho biến-tính đi. Sự nguy-hiểm ấy ở Ấn-độ đã đáng sợ, mà ở các dân-tộc ngoài cũng là một điều quan-ngại cho đạo Phật vậy.

Đất Á-châu thật là cái trường-sở rộng-rãi vô-cùng để cho các nhà truyền-giáo của phái Đại-thừa có thể hết sức hành-động. Các nhà này lại theo những đường của người trước đã đi qua, rồi chẳng bao lâu mà khắp các xứ đã có người truyền đạo qua, cái số những kẻ qui-y đạo Phật thuộc về hai phái càng ngày càng đông. Tuy-nhiên, trong cái cõi đế-quốc tinh-thần lớn-lao rộng-rãi đó, rồi chẳng mấy chốc thấy phân lia sai-biệt ngay.

Ở Ấn-độ thì thủy-chung vẫn trung-thành với chế-độ giai-cấp, giống A-lợi-

á càng thực-dân rộng ra bao nhiêu thì cái phạm-vi của cổ-giáo Bà-la-môn lại càng khuếch-trương ra bấy nhiêu, mà đạo Phật càng ngày càng bị xô lùi mãi đi. Đến khi đạo Hồi tràn sang Ấn-độ, thì Phật-giáo tiêu-diệt từ đấy. Đạo Phật bị khu-trục hẳn ra ngoài cõi Ấn-độ, chỉ còn giữ được hai cái khu-vực hẻo-lánh, là đất Nê-bôn (Nêpal), và đảo Tích-lan (Ceylan).

Những xứ tiếp-cận về miền Nam-đương, thì phái Đại-thừa trước được phần hơn; nhưng mà không giữ được lâu cái địa-vị đó. Ở quần-đảo Mã-lai, ngày nay còn biết bao nhiêu cổ-tích chứng rằng đạo Phật đã có hồi thịnh-hành, nhưng về sau đạo Hồi tràn sang thì văn-hóa Ấn-độ biến mất. Ở Ấn-độ-Chi-na, đạo Phật vẫn mạnh, nhưng phái Tiểu-thừa sau được phần hơn; hiện nay ở Xiêm-la, ở Cao miên, ở Diên-điện, đương có một cái phong-trào phục-hưng cổ-học chữ *Pali*.

Trái lại, thì ở trung-bộ Á-châu cũng như các xứ khác ở phía bắc Ấn-độ, phái Đại-thừa lại thắng. Ở Mông-cổ và ở Tây-tạng thì bị những đạo cũ của bản-xứ truyền-nhiêm mà đạo Phật Đại-thừa có đôi một cái tinh-cách đặc-biệt. Các nơi chùa-chiền của hai xứ này thường thờ những vị gọi là « hoạt-phật » (phật sống), hóa-thân truyền đời nọ sang đời kia; xét ra thì có lẽ là phỏng theo các vị thần cũ của bản-xứ, xưa kia thường ám vào thân-thể người ta mà xuất-hiện ra.

Đạo Phật truyền vào nước Tàu ước vào khoảng đầu kỷ-nguyên Gia-tô; nhưng trong mấy thế-kỷ đầu, không phát-đạt được mấy, vì bọn quyền-qui có ý ngăn-trở, và cũng vì Ấn-độ với Chi-na bấy giờ không có trực-tiếp giao-thông với nhau. Đến năm 399 thì thầy Pháp-Hiền 法顯 đi sang Thiên-trúc để thăm các nơi cổ-tích của đạo Phật, rồi năm

518 bà Vũ-hậu nhà Bắc-Ngụy phái sang Tây-trúc một vị sứ-giả tên là Tống Vân. 宋雲 Tự bấy giờ đạo Phật được biết rõ hơn, truyền-bá ra khắp các hạng trong xã-hội. Có người học chữ Phan, khảo triết-lý, dịch các kinh. Đến đời Đường là một đời vẻ-vang thịnh-trị, có những bậc cao-tang như Huyền-Trang, 玄奘 như Nghĩa-lĩnh, 義靖 đi sang Thiên-trúc tìm kinh, thật vừa là những tay thám-hiềm rất là kiên-gan, lại vừa là những nhà bác-học rất lỗi-lạc, bậc đạo-đức rất cao-siêu. Đế-quốc Trung-hoa bấy giờ đương hồi toàn-thịnh, văn-chương mỹ-thuật lại nảy-nở rực-rỡ: nao thợ chạm đời Ngụy, nhà thơ nhà vẽ đời Đường, đều lấy cảm-hứng ở trong cái thần-bí chủ-nghĩa của đạo Phật Đại-thừa cả. Văn-minh nước Tàu bấy giờ thật là ánh sáng cả cõi Á-châu.

Văn-minh ấy đã cùng với đạo Phật truyền sang Cao-lý và Nhật-bản từ đời trước. Ở Nhật-bản, đời chúa Saōtoku nhiếp-chính (593-622) là mở ra một thời-dại toàn-thịnh. Chúa là người rất sùng đạo Phật, chính-dồn việc chính-trị, lập ra các chùa-chiền, tướng-lệ sự học-vấn cùng các mỹ-nghệ. Nhất là về thời-dại *Tempyō* vào thế-kỷ thứ tám, là một đời văn-vẻ rực-rỡ trong lịch-sử Nhật-bản, thì bên chính với bên giáo, tôn-giáo với mỹ-thuật, thật là điều-hòa liên-lạc với nhau một cách rất mật-thiết.

Ở những xứ thuộc văn-minh nước Tàu, sự sinh-hoạt về đường tôn-giáo vẫn lấy một chữ *hiếu* làm chủ hết, bởi đó mà thành ra sự thờ cúng tổ-tiên. Muốn cho thuận cái lòng khuynh-hướng đó, đạo Phật về Bắc-tôn bèn khuếch-trương các sự lễ-bái thuộc về người chết, tức là các lễ-siêu-độ vong-hồn. Đó là cái tinh-cách chung của đạo Phật Đại-thừa ở nước Tàu cùng ở Nhật-bản; tuy-nhiên tự-trung cũng chia ra nhiều tôn nhiều phái. Có phái

thì thờ đức Di-lặc (*Maitreya*) là đấng cứu-thế về kiếp sau. Còn phái khác đông hơn, thờ đức A-di-đà (*Amitābha*), là đức Phật đại-từ đại-bi. Đức A-di-đà ở cõi Tây-thiên, có Bồ-tát Quan-âm theo hầu, kẻ dốc chí tu-hành thì khi thác di hồn được lên đây. Đến như phái Thiền-tôn (*Dhyāna*, tiếng Nhật đọc là *Zen*), thì người theo phần nhiều là trong hạng thượng-lưu. Theo học-thuyết của phái này, thì sự trí-tuệ là bởi trực-giác mà được, bởi định-tĩnh tinh-thần mà đạt tới được, chứ không phải diễn ra lời nói. Cái thần-bí-chủ-nghĩa của phái này có vẻ trầm-mặc sâu-xa, thật là một cái nguồn cảm-hứng cho những nền kiệt-tác trong mỹ-thuật Nhật-bản, nhà mỹ-thuật như chỉ mượn cái vật-chất, mượn cái đầu đề để làm có mà gọi ra những cái cảm-giác thâm-trầm siêu-tuyệt vậy (1).

Nay đã lược-thuật qua về đạo Phật rồi, có một điều kinh-nghiệm như sau này: là đạo Phật tấn-tới ở xứ nào thì liền thấy quyền trung-ương ở xứ ấy mạnh lên, và văn-học, mỹ-thuật, triết-học, đều đồng-thời hưng-khởi. Sự đó rõ-rệt nhất là ở Ấn-độ về đời hai vua A-dục và Già-nhi, ở nước Tàu về đời nhà Đường, ở Nhật-bản về thời-dại *Tempyō*. Nếu nhân đó mà kết-luận rằng xã-hội cùng cá - nhân bao giờ cũng phải nhờ sức tôn-giáo mới phát-đạt được hoàn-toàn, thì cũng có lẽ là quá-lạm. Tuy-nhiên, sự văn-hóa của loài người vẫn có thể lấy tôn-giáo

làm một cái trợ-lực rất mạnh. Mà thật cứ xét lịch-sử Ác-hâu thì thấy đạo Phật thường thường vẫn tỏ ra là một cái nguyên-động-lực rất mạnh của sự nghiệp văn-minh.

Còn một điều nữa cũng đáng chú-ý, là đạo Phật có cái tài uyển-chuyển, gặp trường-hợp nào, cảnh - ngộ nào, cũng có thể uốn theo cho thích-hợp được. Sự hoạt-động của các nhà truyền đạo hồi đầu, thật đáng lạ-lùng thay; không có bao lâu mà chinh-phục được cả miền hạ - lưu sông Hằng-hà; rồi muốn cho ngang bằng phái Bà-la-môn, bèn làm ra sách-vở, đặt ra luật-lệ, dựng thành kinh-điển. Ra thảo-luận với người Hi-lạp thì cũng tập được cái thuật lý-luận chẳng kém gì. Bấy giờ tưởng cái tiền-đồ đã vững-vàng, thì đạo Phật lại hóa ra một đạo huyền-tưởng: các bậc La-hán, ẩn mình ở nơi tinh-xá tịch-mịch, không thiết gì đến mọi sự ở ngoài, dường như đã đến cõi Nát-bàn yên-ôn rồi. Trong khi ấy thì những dân-tộc phương xa mới bắt đầu biết mùi đạo; các thầy truyền đạo lại xuất-hiện ra vô-số, những đức-tính xưa lại nảy-nở ra rục-rỡ; kỷ-luật cùng giáo-lý sẽ tùy cách cần dùng của sự truyền đạo mà thay-đổi cho thích-hợp. Tự mấy năm nay, tinh-thế lại thấy khác xưa. Cái phong-trào đại-công-nghệ đã bắt đầu biến-hóa cõi Á-dông. Những vấn-đề mới lạ xuất-hiện ra, mà các nhà chủ-trương đạo Phật không phải là chưa biết dự-bị đề đối-phó. Hiện nay đã chú-ý về mặt đó rồi, đã lập ra những công-cuộc cứu-tế để giúp đỡ

(1) Hiện không có thống kê chắc-chắn, không biết rõ số người theo đạo Phật trong thế-giới là bao nhiêu. Nếu cho người theo đạo Phật là những người trong một đời thường có lúc cầu đến bọn tăng-lữ làm lễ-bái, và nếu ước dân-số nước Tàu là ba trăm triệu người và dân-số của đế-quốc Nhật-bản là tám-mươi ba triệu, thì đại-khái số người theo đạo Phật như sau này:

Đại-thừa (Tàu, Nhật-bản, An-Nam, Tây-tàng, Mông-cổ, Ấn-độ)... 411 triệu.

Tiểu-thừa (Xiêm-la, Diến-điện, Tích-lan, Ai-lao, Cao-miên)... 49 triệu.

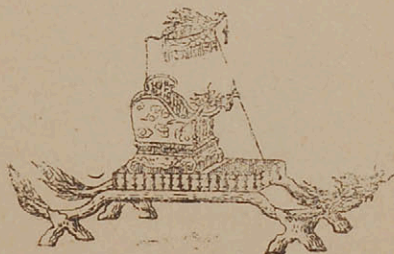
cho những kẻ lao-động ở các nơi tỉnh thành lớn.

Còn cái cốt-cách của đạo Phật, thì khoa-học Thái-tây thường không hiểu rõ. Vấn giải-thích đạo Phật là một đạo vô-thần. Thế là coi cái bề ngoài làm trọng quá. Ngay từ hồi đầu, đạo Phật vẫn đã thừa nhận rằng ở trên loài người có những bậc cao-siêu hơn người, người ta phải cố cho đạt tới cõi đó, không phải là làm những sự lễ-bái hão-huyền, nhưng cốt là tu-luyện lấy tâm-tĩnh. Những bậc siêu-nhân-loại đó trước còn là những thần cũ của đạo Bà-la-môn. Sau dần dần thờ Phật làm thần, rồi lại hóa cả thần Phật vào một cái quan-niệm tuyệt-đối, là cõi Nát - bàn. Rồi chính Nát - bàn cũng hóa đi mà không phải là một cái chân-tượng tích-cực nữa. Đến trình-độ đó thì cái thuyết vô-thần chẳng qua chỉ là một trạng-thái của cái chủ-nghĩa hư-vô tuyệt-đối vậy.

Đạo Phật vẫn khuynh-hướng về chủ-nghĩa hư-vô, nhưng cái đặc-tính của đạo Phật không phải là ở đó, mà thật là ở cái chủ-ý muốn độc-lập đối với các quỷ-thần vậy. Người ta đã không tin rằng sự cầu-cúng, sự lễ-bái có hiệu-lực gì, thì là quyết tự mình giải-thoát lấy mình, không phải nhờ đến thần-quyền thần-lực gì cả. Nhưng không bao lâu sự thờ chư-phật cũng trở nên một món lễ-bái, càng ngày càng thịnh,

nhân-loại có cái nguy-hiểm lại làm nô-lệ một hạng thần mới; nhà triết-học bấy giờ mới gia-công tránh cho khỏi sự nguy-hiểm đó; lấy cái trí phê-phán mà bác bỏ cả các vị thần kia đi, khiến cho người ta không thể ý-lại vào đâu được nữa, chỉ có thể trông cậy ở mình. Tuy-nhiên, cái chủ-nghĩa hư-vô đó, không phải là nơi cứu-cánh, chỉ là một cái trình-độ trung-gian, để tạo thành ra cái chủ-nghĩa thần-bí của phái Đại-thừa. Chắc rằng những chốn cao-siêu của các nhà triết-học đã đạt tới đó, không phải là phần nhiều các tín-đồ đạo Phật có thể tới được. Bao giờ thiên-hạ cũng còn thờ những cây bồ-đề cùng những di-tích Phật. Ngày nay còn nhiều nơi, thiện-nam tín-nữ vẫn còn mờ-hoặc mê-tín lắm. Nhưng mà cái học-thống còn đó. Hiện nay đã thấy có cơ phục-hưng, có lẽ cũng là nhờ các nhà bác-học Âu-tây gia-công nghiên-cứu đạo Phật. Cõi Á-châu ngày nay, đương bị thất-vọng về cái văn-minh vật-chất của Tây-phương, lấy làm bàng-khuàng nghĩ-ngợi, bèn quay về chất-vấn các bậc cổ-triết đời xưa. Đạo Phật nếu biết chấn-hưng lại, còn có thể làm cho yên-ủi lòng người và hướng-đạo cho các dân-tộc vào một cõi tiền-đồ mới.

THƯỢNG-CHI dịch



TRUYỆN-KÝ MỘT BẠC CAO-TẶNG NƯỚC TÀU

Ông Đường-tặng Huyền-Trang 玄奘(1)

I

Từ đời Đường Tống trở về trước, nước lớn ở phương Đông duy có nước Trung-hoa có tiếng là nhiều người hơn cả. Còn phía Tây thì có nước Ấn-độ có tiếng là nhiều voi ; nước Ba-tư có tiếng là nhiều châu-báu ; nước Thổ-nhĩ-kỳ, có tiếng là nhiều ngựa ; tuy rằng thanh-danh văn-vật không bằng Trung-hoa, nhưng đều có cái phong là một đại-quốc lớn-lao rộng-rãi, vì với nước Trung-hoa cũng như anh em vậy.

Nay xét xem địa-đồ thì năm nước Thiên-trúc kia lại càng gần láng-diềng với nước Trung-hoa lắm. Lẽ ra xưa nay đã giao-thông nhiều lần, Hán-tộc Phan-tộc đã thân nhau như một nhà mới phải. Thế mà từ sau khi Trương Khiên sang sứ nước Tây-vực, Giới-tử sang lập công ở nước Lâu-lan, các nước ở phương tây đã nhiều nước thông sang Trung-quốc, mà người Trung-quốc những kẻ lo xa vẫn lấy sự « hòa nhưng » làm sợ, bảo rằng giao-thiệp với các nước xa là không nên. Cũng có lúc thông-sứ đi lại với nhau chẳng qua có hai việc : nghĩa là các nước phương tây mà đến là chỉ vì việc triều cống, Trung-quốc mà đi là chỉ vì việc binh-giao. Ngoài ra cũng có khi tàu vượt bể nam-lai, đội lạc-đà đông-chí, nước Đại-uyên cống gậy trúc-trượng cho vua Hán, kẻ thương-nhân cung quạt đoàn-phiến cho sư Hiền, lấy tài-hóa giao-thông với nhau từ đời Hán đời Tấn đã như thế rồi. Nhưng cái chí chỉ

cốt về việc thương-mại, mà cái việc thì không phải là do tự chính-phủ, vậy nên không hay phát-siễn ra được việc gì.

Còn như lấy một cá-nhân mà hay mạo-hiểm đi qua chơi đến ngoài cõi xa, thân trào lên núi Tu-di, mắt đã xem qua thành Xá-vệ, khiến cho học-thuật chốn thần-châu được nhờ cái ảnh-hưởng, bờ cõi bên Đông-Á được biết sự thực-nghiệm, làm nổi được việc lớn-lao ấy chính là một người tin-đồ trong Phật-giáo, thế mà sách sử không thấy chép đến truyện ấy, kẻ học-giả cũng chẳng ai xét đến những sách kia, chỉ có trong bọn giáo-đồ còn giữ được những sách cũ ghi chép, không đến nổi mai-một đi mất cả. Đời nhà Nguyên, bên nước Ý có một người tên là Mã-kha-Bác-la. (MARCO POLO). chân buộc xà-cạp đi dép cỏ, đi bộ qua chơi sang đất Trung-quốc, người Tây đến nay vẫn lấy làm khen, đã dịch ra làm sách, truyền làm mĩ-đàm. Thế mà các vị sư-tăng nước Tàu biết bao nhiêu người vô-vô chống gậy đi bộ một mình qua chơi sang đất Tây-phương, thì chẳng thấy ai nói nhắc đến; người ta có mỗi một mình Mã-kha-Bác-la, mà người ta kể rõ sự-tích ra mãi chỉ sợ không tương, nước Tàu thì có biết bao nhiêu là Mã-kha-Bác-la, mà lại chỉ kiêng giấu đi không dám nói đến, há chẳng lạ lắm thay !

Trong năm Vĩnh-bình đời Hán, vua Minh-đế có nằm mộng thấy kim-nhân bay từ trên không xuống. Vua mới

(1) Dịch trong bộ Thiên-niên tụng-thư.

hợp cả quần-thần lại để đoán mộng. Phó Nghị nói : « Ở bên Tây-vực có vị thần, gọi tên là Phật, Bê-hạ mộng thấy chừng là Phật đấy chẳng ? » Vua cho là phải. Mới sai quan Lang-trung là Sái Âm 蔡音 và Bác-sĩ đệ-tử là Tần Cảnh 秦景 sang sứ nước Thiên-trúc đi hỏi tìm Phật-pháp. Lữ Am đi đến nước Trung Thiên-trúc, gặp bọn hồ-tăng là Nhiếp-ma-dằng 攝摩騰, Trúc-pháp - lan 竺法蘭, bèn đón về nhà Hán, mạo-hiềm đi qua những nơi lưa-sa mới về đến đất Lạc-áp, Minh-đế tiếp-dãi rất hậu, mới lập ra chùa Bạch-mã ở Thành-tây-châu, để cho chư-tăng ở. (Việc này chép ở năm Vĩnh-bình thứ 11 đời vua Minh - đế, Tây-lich năm 68.)

Đó là khi khởi - thủy Phật - pháp truyền đến đất Hán (1), mà cũng tức là một buổi đầu người Trung-quốc với người Ấn-độ giao - thông học-thuật với nhau. Song đương khi ấy Sái Âm, Tần Cảnh, đi sang Ấn-độ không biết đi qua những đường nào ? Và trải hết bao nhiêu năm ? Những nước đi qua xét thấy phong-thổ nhân-tình như thế nào ? Trong sách đều bỏ khuyết cả, nay không thể xét được.

Đời vua Hoàn-đế nhà Hán, có con thái-tử vua nước An-tức là An-Thanh; đời vua Linh-đế thì có người nước Nhục-chi là Chi - lâu - già - sắm đều đi chu-du tuyên-hóa có sang đến đất Lạc-dương. Đời Tam-quốc bên nước Ngụy có người Trung-Thiên-trúc là

Đàm-kha-già-la có đến chơi Hứa-dô. Bên nước Ngô có người nước Khang-cư là Tăng Hội và Duy-chi-nan, đều lại đất Giang-lã. Xướng đến đời Lục-đại, người Tây - phương sang qua Trung-quốc càng nhiều. Từ đời Tấn đến đời Đường, trong nước Tàu những bậc cổ-đức cao-tăng sang du-lich bên Ấn-độ cũng được đến năm sáu mươi người, nhưng chỉ đi đến phía đông núi Thông-linh là cùng, hoặc đến một nơi trong nước Ấn-độ nào đó mà thôi. Chưa thấy ai chịu vất-vả khó-nhọc thành-thực đi cầu nguyện mong cho đạt tới, chu-du khắp cõi Tây - phương như ông Đường - tăng Huyền-trang này, lấy một mình lên giảng-đàn biện-luận chiết-phục được cả hơn năm nghìn chúng, lại được vua các nước lấy lễ hậu-dãi, thực làm thêm vẻ-vang cho nước Tàu lắm. Nào là cái tâm kiên-nhẫn, cái sức cường-nghị, không sợ gì hiềm-trở, không từ gì khó-nhọc, không ngại gì chậm-trê, cứ xem kể ra ở trong sách *Tây-vực-ký* này thì biết.

PHÊ-BÌNH. — Đầu đời Đường uy-thanh rất thịnh, tiến binh sang cõi Tây-vực không phải một lần, như Lý Tĩnh 李靖 tiến-binh đến đất Thổ-cốc-hồn ; Hầu Quân-lập 侯君集 tiến binh đến đất Cao-xương, Quách Hiếu-Khắc 郭孝恪 tiến binh đến đất Yên-kỳ ; A-sử-na-xã-nhi 阿史那社爾 tiến binh đến Qui-lư ; Tô Định-Phương 蘇定方 tiến binh đến đất Hạ-lỗ, lại tiến đến cả

(1) Chu Sĩ-Hành *Kinh-lục* rằng : « Đời Tần Thủy-hoàng đã có lữ sa-nôn là Đâu Lợi-Phòng mười tám người đem kinh Phật vào khuyến-hóa. Vua cho là dị-tục bắt đem giam cả ». *Hán Võ cổ-sự* : « Đời vua Hán Võ năm Nguyên-thứ đi đánh Hung-nô bắt được tượng Kim-nhân đem về, vua đem hương hoa cúng tế ở trong cung Cam-tuyền ». Lưu Hưởng *Liệt-tiên truyện* tự : « Khi Lưu Hưởng hiệu-định sách võ ở gác Thiên-lộc, đã xét thấy có Phật-kinh. Lại xét từ xưa học được tiên-thuật là 146 người, mà tựa-trung 74 người đã thấy ở trong kinh Phật. » *Ngụy lược Tây-nhung truyện* rằng : « Đời Tiên-hán Ai-đế năm Nguyên-thọ nguyên-niên, bác-sĩ là tử Cảnh Hiến sang sứ nước Nhục-chi, có chịu khâu-truyền được kinh Phú-đồ ». Xem thế thì trước đời Minh-đế nhà Hán, Phật-giáo đã tràn sang phía đông nước Tàu rồi, các sách mà nói là khởi-thủy từ đời Minh-đế, là nói về lúc thịnh vậy.

A-chi-na thuộc-bộ ; Vương Phương-Dực 王方翼 liền binh đến Y-lê; Nguyên Khánh 元慶 liền binh đến Đại-bột-luật. Chỉ duy có Vương Nguyên-Sách 王元策 do đường Tây-tạng liền binh vào đến Thiên-trúc, kéo thẳng đến thành Khoa-phô-ni-nhĩ về lưu-vực sông Hằng-hà rồi trở về. Từ đây mới khai ra cái đường phía nam Thiên-son cõi Trung-ương Á-lê-á, những việc ấy phần nhiều ở về trước khi Huyền-Trang tây-hành, đường lối-hành rất là gian-hiêm.

Ấn-độ 印度 hoặc gọi là nước Bà-la-môn 婆羅門, ý là bảo thần Bà-la-môn gây dựng ra đất nước ấy. Bà-la-môn hoặc gọi là Phạn-thiên 梵天, vậy nên đất nước ấy cũng gọi là Phạn-thổ, mà tiếng nước ấy thì gọi là Phạn-ngữ. Tên riêng nước Ấn-độ hoặc gọi là Nhục-chỉ 月氏, Nhục-bang 月邦, Nhục-minh 月明, Nhục-chỉ 月支, Thiên-trúc 天竺, Thân-độc 身毒, Hiền-đậu 賢豆, Thiên-đậu 天豆, Thiên-chân 天真. Hán-thư truyện Trương Khiên 張騫: Khiên nói rằng: « Khi tôi ở nước Đại-hạ, thấy có bán gậy trúc đất Cùng và vải nước Thục, mới hỏi rằng ở đâu đem lại đây? Thì người nước Đại-hạ nói rằng: « Người lái buôn ở nước tôi đi buôn ở nước Thân-độc về. » Nước Thân-độc ở về phía nam nước Đại-hạ, chừng vài nghìn dặm, thổ - trước và phong-tục nước ấy giống như nước Đại-hạ, nhưng mà đất ti-thấp, khí nắng nóng nực. Dân ở đây thì hay cưỡi voi ra trận. Quốc-đô thì ở gần bên nước lớn. Cứ ý Khiên lượng ra thì nước Đại-hạ cách đất Hán một vạn hai nghìn dặm ở phía tây-nam; nay nước Thân-độc lại ở về phía đông-nam nước Đại-hạ và nghìn dặm, lại mua được vải nước Thục, thế thì cách nước Thục cũng không xa mấy. Nay sang sứ nước Đại-hạ, đi về đường rợ Khương thì hiêm lắm, mà người rợ Khương họ ghét. Đi về phía bắc một chút thì bị rợ Hung-nô

bắt được; đi về đường Thục thì tắt gần hơn, và lại không có giặc. » Xem thế thì biết Trung-quốc với Ấn-độ từ đời nhà Hán đã thông-thương với nhau. Khiên bảo rằng: « Đi tắt qua đường Thục-sáng » nghĩa là đi qua Từ-xuyên vào đất Tạng, rồi qua núi Tuyết-son mà thông đường sang. Thế mà nhiều người không xét bảo rằng Trung Ấn hai nước núi sông cách trở, đời cổ vẫn không đi lại với nhau. Câu nói ấy là bởi từ khi người Âu Mi mới đến thám-hiểm về miền Trung Á-lê-á, khoe rằng mình mới tìm đến Ấn-độ trước, mà coi khinh cả người trước đi. Đó là tại về sử truyện nước Tàu họ không hay xét biết hết được. Còn như người nước Tàu sao cũng mơ-hồ theo cái thuyết ấy mà không chịu xét.

Sách Đại-Đường Tây-vực-ký mười-hai quyển là do Huyền-Trang vâng tờ chiếu mà soạn ra, đệ-tử là Biện-Cơ 辨機 có sửa nhuận lại, ghi chép tường thực. Nay các nước đông tây đều có bản dịch. Vì rằng muốn xét việc đời cổ Ấn-độ và uy-thanh nhà Lý-Đường, chỉ có sách ấy là chắc tin được. Kim-son Tiên-thị có đề bài bặt ở trong sách tùng-thư rằng: « Sư đời Đường là Huyền-Trang có làm sách Đại-Đường Tây-vực-ký, người Tây-dương đời Minh là Ngải-nho-lược có làm sách Chử-phương ngoại-kỷ, đều là đề khoe cái tôn-giáo của mình. Nhưng sách Ngoại-kỷ còn hay kể qua cái đại-khái về núi-sông phong-thổ các nước; chớ như sách của Huyền-Trang chép thì chỉ thuật nhiều những truyện linh-dị mà thôi. Song được người học trò là Biện-Cơ sửa lại văn-từ cũng nhã, vậy nên tuy là truyện hoang-dẫn, nhưng không đến nỗi khiến người ta phải buồn ngủ. » Lời phẩm-bình như thế, thực là hoang-dẫn.

Sách của Mã-kha-Bác-la tên là « MARCO POLO TRAVELS » nguyên viết bằng chữ Lạp-đinh, nay các nước đều

có bản dịch và có cả chú-giải. Nước Tàu cũng có bản dịch tên là «Mã-kha Bác-la-du-ký 馬哥博羅遊記», Ninh-ba Đinh-thị Khiêm có chú rõ các nơi đất.

∴

Những người tây-du về trước đời Đường.

Trước đời Huyền-Trang hai trăm năm, nào ai dám thừa nguy mạo hiểm đi tắt sang Ấn-độ, làm thêm vẻ-vang cho lịch-sử nước nhà, duy chỉ có thầy Sa-môn Pháp-Hiền 法顯 mà thôi. Pháp-Hiền họ Cung 龔, người đất Võ-dương quận Bình-dương, mới xuất gia ở chùa Giang-lăng, thường thấy kinh-luật thiếu-thốn lấy làm cảm-khái, chỉ muốn đi tìm-tôi. Năm Long-an thứ ba (tây-lịch 399) đời vua An-đế nhà Tấn, Pháp-Hiền cùng với người đồng-học là Tuệ Cảnh 慧景, Đạo-Chân 道真, Tuệ-Ứng 慧應, Tuệ-Ngôi 慧暉 cùng khởi-hành từ Trảng-an (1).

Pháp-Hiền có soạn ra một quyển sách *Phật-quốc-ký* để ghi chép hành-trình. Khi mới khởi-hành từ Trảng-an, qua Lũng-son (2) đến nước Kiền-qui, rồi đi lên đến nước Nậu-đan (3), qua trấn Trương-dịch (4), lại tiến đến đất Đôn-hoàng (5), quan thái-thủ Đôn-hoàng là Lý Hiệu 李浩 cung cấp cho sang qua sông Sa-hà (6). Trong sông Sa-hà nhiều loài ác-quỉ và gió nóng, nếu gặp phải thì chết ngay, không một người nào toàn cả. Trên không có một con chim nào bay, dưới không có một con thú nào chạy, trông xa vun-vút vô-cùng, muốn tìm chỗ sang đò, chỉ nhận xem chỗ có người chết bỏ đồng xương

khô lại đó để làm tiêu-chí. Từ đấy đi về phía tây, lại quay về hướng bắc trông sang Thiên-trúc, đi đường ròng-rã một tháng, thì qua núi Thông-linh. Trong núi mùa đông mùa hạ đều có tích tuyết, có thứ độc-long nó hay thò độc ra, gió mưa cát sỏi, đường núi gian-hiêm, vách đá đứng dựng đến nghìn nhai. Xưa đã từng tạc đá thông đường, bắc thang để leo đi, độ qua đến hơn bảy trăm sớ như thế. Lại phải qua cầu dây leo mới vượt sang sông được, kẻ trái đến vài mươi chỗ như thế.

Đã qua núi Tuyết-son rồi (một tên là núi Hỉ-mã-lạp) lại qua sông Tần-đô (tức là sông Ấn-độ) rồi vào đến cõi bắc nước Thiên-trúc, ở đấy người dân áo mặc ăn uống cũng giống như tục nước Tàu. Rồi lại qua Tiểu-Tuyết-son, ở đó gió rét thường nổi lên, người cùng đi bị chết đường nhiều, Pháp-Hiền cố sức đi một mình, qua những chỗ sơn hiêm, rồi sang qua bờ sông Hằng-thủy (tức Hằng-hà), đi đến cõi Trung-Ấn-độ lại ghé đáp thuyền buôn đến nước Sư-tử (7).

Sư Hiên một bọn cùng đi hơn mười người, hoặc người lưu ở lại, hoặc người chết đi mất, ngoảnh đi ngoảnh lại chỉ có một mình, thường động lòng tư-tưởng muốn về, bèn đáp một cái thuyền to của người lái buôn đi về, trong thuyền có chừng hơn hai trăm người, đằng sau có dất thêm một cái suồng nhỏ, để phòng khi đi bề gian-hiêm ngộ thuyền lớn có hư-hỏng chãng. Khi ấy được tin thuận gió, mới quay về đông mà đi được ba ngày, gặp cơn bão to, thuyền rò nước thấm vào, người lái buôn muốn chạy sang cái

(1) Nay là phủ Tây-an đất Thiểm-tây. (2) Nay ở Tần-châu. (3) Nay là phủ Lương-châu. (4) Nay là Cam-châu. (5) Nay là Gia-cốc quan ngoại, (6) Tức là sông Đẳng-hà, có nhiều bãi cát, (7) Tức là đảo Tích-lan, xưa có thầy tăng là Già-la hay chế-phục được sư-tử, nên lại gọi là nước Sư-tử.

suồng nhỏ, sợ trên suồng nhỏ lại có nhiều người nhảy sang, bèn cắt đứt dây neo. Bọn người lái buôn cả sợ, tinh-mệnh khi ấy chỉ ở giây-phút, thuyền gặp bão như thế mười ba đêm ngày rồi rạt đến bèn một cái cù-lao, sau lại sửa sang thuyền như cũ rồi lại đi. Trong bề khi ấy có nhiều giặc cướp, nếu gặp phải là không được toàn vẹn, mặt bề lớn mệnh-mông, không biết đâu là bờ, chẳng biết đâu là đông tây cả, chỉ trông mặt trời mặt trăng và tinh-tú mà đi, nếu gặp phải trời mưa âm ám, lại bị phải gió thổi đi, thì không biết đâu là bờ bến cả; đương đêm thường có sóng lớn đánh tràn đi, chỉ thấy hiện ra loài cá quái lạ, nước bề thì thâm vô-đề, lại không có chỗ hạ neo. Đến khi trời tạnh sáng lên mới biết đông tây, đi như thế hơn chín-mươi ngày mới đến một nước tên là Gia-bà-đề (tức nước Qua-oa).

Ở đấy lại gặp thuyền buôn khác đi về phía đông, đem lương-thực năm mươi ngày, theo phía đông-bắc, tới Quảng-châu, đi mới được hơn một tháng, chợt một đêm kia vào trống canh hai, gặp cơn mưa to gió mù, những người thương-khách ai nấy đều sợ hãi. Vả lại thêm trời luôn mấy đêm mù tối, người lái thuyền ngắm trông nhiều chỗ sai lầm, trải qua đến hơn bảy - mươi ngày, lương-thực đã hết cả, phải lấy nước mặn bề để nấu ăn, mỗi người để dành được độ hai thưng nước ngọt đã hồ hết cả, các người thương-khách bàn nhau rằng lúc đi đã tính độ năm-mươi ngày thì đến Quảng-châu, nay đã quá kỳ nhiều rồi hay là sai đường chẳng. Bèn xoay về phía tây-bắc mà đi để tìm bờ, lại đi cả ngày đêm mười hai ngày nữa mới đến cõi quận Trường-quảng (nay là huyện Tức-mặc tỉnh Sơn - đông) phía bờ bèn nam núi Lao-son, đến đấy mới thấy có nước ngọt rau ngon, bọn thương - khách chuyển ấy đi

kinh - lịch gian - nan, hằng ngày lo sợ, chợt đến được bờ núi ấy thấy có rau lê-hoặc cỏ cây mới biết là thuộc về đất Hán. Nhưng không thấy người dân nào qua lại, chẳng biết là chốn nào, hoặc người nói chưa đến Quảng-châu, người nói đã đi qua rồi, chẳng biết đâu là chắc hẳn, bèn bơi thuyền nhỏ vào trong bến để tìm người hỏi xứ-sở, mới biết đó là bờ phía nam núi Lao-son cõi quận Trường-quảng châu Thanh, mà thống-thuộc về đời nhà Tấn

Pháp-Hiền từ khi khởi-hành tự đất Trường - an, sáu năm mới đến đất Trung Ấn-độ, ở lại đó sáu năm, khi về trải ba năm mới đến Thanh-châu, du-lich khắp ba mươi nước. Khi về là năm giáp-dần đời vua An-đế nhà Tấn niên-hiệu Nghĩa-hi thứ hai-mươi. Pháp-Hiền tự nói rằng : « Tôi tìm đường đi tắt sang tây-phương, bắt-giác động-tâm toát mồ-hôi ra, song cứ việc thừa-nguy mạo-hiềm mà đi, không tiếc gì cái hình-hài cả, là vì chí đã định-hướng, chuyên một lòng ngu-trục, liệu mình vào chốn tắt chết, để mong có đạt được một phần trong muôn phần chẳng. » Từ xưa đến nay chưa có ai mạo-hiềm được như sư Hiền. Hiền đi về đến ở chùa Kinh-châu, hưởng-thọ 86 tuổi. Thế mới biết bụng thành đã cảm, thì không bị - tắc nào mà chẳng thông; chí-hướng đã định, thì không công - nghiệp nào mà chẳng thành. Sau sư Hiền lại có thầy tăng nước Ngụy là Tuệ-sinh 慧生.

Ngụy-thư nói : Trong năm Hi-bình, vua Minh-đế có sai vương-tử là Phục-Tử Thống, và Tống Văn, Sa-môn Pháp-Lực đi sang Tây-vực để hỏi tìm kinh Phật, khi ấy có kẻ Sa-môn là Huệ-sinh cũng đều đi, ba năm mới trở về, có làm bài *Du-ký*, nhưng nay đã thất-truyền.

Đời vua Đường Cao - tôn năm

Hàm-banh thứ hai, lại có kẻ sa-môn là Nghĩa-Tĩnh 義淨 cũng khởi-hành từ Trung-quốc, vượt qua Nam-hải vào đất Ấn-độ, du-lich hơn ba-mươi nước, rồi đem về được bốn trăm bộ kinh-diễn, đó lại là ở về sau thầy Huyền-trang.

PHÊ-BÌNH. — Từ đời Đường trở về trước các sư-lãng nước Tàu đi sang tây-du chỉ mới đến phía đông núi Thông-linh, hoặc đi đến đất Vu-diên là cùng. Chỉ có Pháp-Hiền là đi đến nước Ấn-độ. Sau lại có Đàm Vô-kiệt 曇無竭, Trí-Nghiêm 智嚴, Tống Văn-Khang 宋雲康, Pháp Lăng 法朗, Huệ-sinh 惠生, Huyền-Trang 玄奘, Hưu-Tu 又須, Bát-Không 不空 đều nối nhau đi sang sau; các người ấy có trước-thuật ra sách cả, nhưng nay chỉ còn có sách Phật-quốc ký 佛國記 của Pháp-Hiền, và sách Tây-vực-ký 西域記 của Huyền-Trang, còn thì sách Tống-vân gia-ký và Đạo-được-truyện đều mất cả, may nhờ có sách Già-lam-ký ở Lạc-dương có trích lục lại được đại-khai ít nhiều mà thôi. Truyện Nam-hải của Nghĩa-Tĩnh, nghe ở bên Nhật-bản còn giữ được.

Sách Phật-quốc-ký của Pháp-Hiền, ở bên nước Anh trường đại-học Ngưu-tân, thầy văn chưởng-giáo James Legge đã có dịch ra sách, tên là: A Record of buddhistic Kingdoms có chua những tên đất chừng cứ kỹ-càng.

Sách của Pháp-Hiền chỉ có một quyển chia làm ba tiết: Tiết thứ nhất kể từ lúc khởi-hành từ Trường-an đi về phía tây ra cửa ải, sang sông Sa-hà, qua núi Thông-linh, rồi đi đến bờ cõi các nước phía bắc Ấn-độ và phía tây Ấn-độ, Tiết thứ hai nói về lúc du-lich Trung Ấn-độ, từ nước Ma-hiễn-la cho đến nước Ma-kiệt-đề. Tiết thứ ba nói về những việc đi chơi Vương-xá-thành, và từ Đa-ma-lê-đế vượt bể về đến Thanh-châu.

Sách du-kj nước Tàu rất cổ không gì bằng bộ Sơn-hải kinh và mục Thiên-tử truyện, nay xét những các đất đi qua thì phần nhiều không thể xét được. Duy có sách của Pháp-Hiền, Huệ-sinh, Huyền-Trang, đều là tự mình lịch-duyet mà làm ra chứ không phải bịa-tạc ra vậy. Những sách ấy không những là của báu của nước Tàu, mà cũng là sách tín-sử của Ấn-độ vậy.

Người Tây không tin có rồng, nhưng sách tôi-cổ của nước Tàu là kinh Dịch 易 đã từng nói rõ là có rồng. Sách Xuân-thu truyện Tả-thị nói thời nhà Hạ có đất quan nuôi rồng, việc ấy không phải là vu-hoặc. Pháp-Hiền và Huyền-Trang đi tây-du, cũng thường nói có loài độc-long, thể thì loài rồng không những xuất-một ở phía đông Á-châu, và lại làm hại ở phía tây Á-châu nữa.

Gia-thế Huyền-Trang.

Pháp-Hiền, Huệ-sinh đều gọi là nhà thám-hiềm ở nước Tàu, nhưng Pháp-Hiền kinh-lịch mới đến ba phía tây trung đông đất Ấn-độ; Huệ-sinh thì mới đến phía bắc đất Ấn-độ, tức-tích còn hẹp, đều không bằng Huyền-Trang cả. Huyền-Trang 玄奘 tên là Vĩ 禪, sau tu ở chùa Đại-án-từ, vậy nên cũng gọi là Ân-từ pháp-sư; tục là họ Trần 陳, đời đời ở đất Trần-lưu, vốn là con cháu sau ông Trọng-Cung quan trưởng đất Thái-khâu đời nhà Hán. Nhân khi xưa có ông tổ là Khang làm quan nước Tề, được thực-ấp ở đất Châu-nam, mới thành ra lập nhà ở đấy, vậy cũng là người ở Hầu-thị đất Lạc-xuyên (Trần-lưu nay là huyện Hà-nam; Hầu-thị thì ở về phía đông huyện Yên-sư bây giờ.) Cha là Tuệ 慧, sớm thông kinh-thuật, người cao tám thước, mi-mục thanh-minh, làm quan lệnh đất Giang-lăng; trong năm Đại-nghiệp đời vua Tùy Dường-đế, ông cáo quan

về, sinh được bốn con trai, Trang là con thứ tư, khi lên tám tuổi, cha cho ngồi ở cạnh ghế, khẩu-truyền cho đọc sách *Hiếu-kinh*, đến chỗ thầy Tăng-tử lánh chiếu đứng dậy, Trang cũng sóc áo đứng dậy. Cha hỏi có sao. Thưa rằng: «Thầy Tăng nghe mệnh thầy dạy phải lánh chiếu đứng dậy. Nay con nghe lời cha dạy bảo, dám đâu ngồi yên.» Cha rất lấy làm vui lòng.

Người trọng-huynh là Trương-Tiếp 長捷, xuất-gia tu ở chùa Tĩnh-thổ Đông-đô, có đem Huyền-Trang đến ở chùa ấy, được ít lâu chợt có tờ sắc cho các sư họp thi ở chùa Lạc-dương để xét rồi mới cấp cho tờ độ-diệp (1), mới được làm tăng. Huyền-Trang vì học kinh còn ít, không được dự vào cuộc thi ấy, cứ đứng vo-vắn mãi ở ngoài cửa công-môn ngàn-ngữ không muốn đi. Khi ấy chủ coi việc độ-tăng ấy là quan Đại-lý-khanh Trịnh Thiện-Quả có tài biết người, trông thấy Huyền-Trang lấy làm lạ, hỏi rằng: «Người là con nhà ai?» Huyền-Trang kể rõ họ tên. Lại hỏi: «Người muốn xuất-gia để làm gì?» Thưa rằng: «Ý muốn xa nối Phật Như-lai, gần sáng di-pháp.» Thiện-Quả khen là có chí giỏi, và khen cái khí-phách trạng-mạo ông ấy, nên đặc-cách lấy cho làm tăng, nhân bảo các quan-liêu rằng: «Tụng-nghiệp học cho thành được thì dễ, chứ như phong-cốt luyện được thì khó; nếu độ cho người này, thì tất thành là bạc người vi-khi trong chốn thiền-môn.» Sau quả được như lời.

Sau khi Huyền-Trang đã xuất-gia rồi, cùng ở với anh, thấy trẻ con chơi đùa, ý ông cho là khinh-bĩ, khi ấy tuổi mới mười ba, mà tiếng thơm đã nức khen từ đó. Đương lúc bấy giờ nhà Tùy mất nước, thiên-hạ sôi-nổi. Huyền-Trang mới bảo anh rằng: «Đây tuy là làng cha mẹ, nhưng mà loạn-lạc mãi như thế này, há nên cứ ở chết mãi chỗ này. Nay nghe vua Đường (2) đem quân lấn-dương đã chiếm-cứ lấy đất Trường-an, thiên-hạ về nương theo như theo cha mẹ, tôi muốn theo về đó là hơn.» Người anh nghe theo, bèn cùng đi đến Trường-an, bấy giờ là năm Võ-đức nguyên-niên (niên-hiệu vua Đường Cao-tổ).

Khi bấy giờ nền nước mới thảo-sáng, còn đương cần sự giúp binh, học-thuật Tôn Ngộ coi là cấp-vụ, chưa ai rồi mà giảng-bàn đến đạo Khổng đạo Thích, vì thế mà chốn kinh-thành chưa có mở ra giảng-dàn. Xưa kia Tùy Dương-đế có lập lên bốn đạo-tràng ở Đông-dô, triệu các danh-tăng trong thiên-hạ về ở đó, chur-tăng trung-triệu về đó đều là bạc cao-hạnh. Vì đến mặt-niên trong nước loạn-lạc, sự cung-cấp phải đình đi mất, nên chur-tăng nhiều người bỏ đi chơi Ba-thục (Tứ-xuyên). Huyền-Trang lại thưa với anh rằng: «Ở đây không có việc giảng pháp, không nên bỏ phí thì-giờ, xin đi qua chơi sang đất Thục để tìm chỗ thụ-nghiệp.» Người anh khen là phải, bèn cùng đi qua hang Tý-ngọ (đường tắt vào Thục, ở về phía tây-nam đất Tây-an) vào đất Thành-dô.

(1) Tự đời Minh trở về trước phẩm các tăng phải do quan ty xét cấp cho tờ độ-diệp rồi mới được làm tăng, chứ không được tự-tiện

(2) Đời Tùy Dương-đế năm Đại-nghiệp thứ mười-ba, Lý Uyên khởi binh ở Thái-nguyên, tháng mười-một, vào đất Trường-an, lập vua Cung-đế. Năm sau, Vũ-Văn-Hóa-Cập giết Dương-đế ở Giang-dô. Cung-đế cũng bị Vương Thế-Sung giết. Nhà Tùy mất.

Chu-tăng đều họp cả ở Thành-đô, bên Đại-khai pháp-diên để giảng tụng, Huyền-Trang gia-công tinh-cần, trong khoảng hai ba năm, xét thông hết cả các bộ kinh. Khi ấy thiên-hạ đời kém loạn-lạc, chỉ trong đất Thục là yên-lĩnh, vậy nên các tăng-lữ bốn phương về ở đó càng nhiều, mỗi khi khai giảng-tọa thường đến và trăm người, nhưng không ai hơn được Huyền-Trang. Người anh Huyền-Trang, phong-thần cũng tuấn-lãng, học-thức cũng hoằng-thông, nhưng chán-chỉnh đời-cương, đảo-áp thù-tục thì không bằng Huyền-Trang; hai anh em đều hay lập nên được ý-nghiệp thanh-quì, tiếng thơm chất-nhã, thực là đáng khen vậy.

PHÊ-BỊ-H. — Người xuất-gia với người tại-gia, hình-tích tuy rằng khác mà sự-lý thì cũng là một. Xem như Huyền-Trang khi nhỏ, chịu lời cha dạy cho sách Hiếu-kinh mà biết lánh chiều đứng dậy, thì là biết điều hiếu; khi đi ở đâu đều vâng theo mệnh anh, thì là biết điều lễ; thấy bọn trẻ chơi đùa thì cho làm khinh-bĩ mà không thêm chơi, chỉ siêng-nặng học tập kinh-điển, quý-báu từng tấc bóng, tuy là tuổi trẻ mà đã có cái độ-lượng người lớn; các bậc thánh-hiền trong ngô-đạo cũng chẳng qua như thế, không nên cho là theo Phật-giáo mà khinh đi được.

Đường-Tăng là Tuệ-Lập 慧立 có soạn ra truyện Tam-tạng pháp-sư chùa Đại-từ-án mười quyển, sự-tích ông Huyền-Trang mà được truyền về đời sau là may nhờ có sách ấy. Tuệ-Lập nói Huyền-Trang đến Tràng-an thấy ở đó loạn-lạc đời kém, lại lánh đi sang đất Thành-đô. T c Cao-tăng truyện có nói rằng: Vì có thầy Sa-môn Đạo-Cơ khai-hóa giảng kinh ở Ích-châu, thầy Huyền-Trang nghe tin lấy làm hâm-mộ, mới

cùng anh đều đi sang đó. Những điều ấy có thể bỏ-di cho sách Tuệ-Lập.

Thế-lục vẫn có một bộ Tây-du ký, mượn cái truyện thầy Huyền-Trang đi lấy kinh, phu-diễn mà làm thành ra, chừng là làm ra tự đời nhà Minh. Xét đời nhà Tống trước đã có hai quyển Thi-thoại về truyện thầy Tam-tạng pháp-sư đi lấy kinh. Tuy gọi là thi-thoại mà kỳ-thực là thế vẫn chia ra từng chương từng hồi. Tây-du-ký cũng là bắt-chước tự bản ấy. Sự-ích Huyền-Trang trong chính-sử không rõ, may có truyện tiểu-thuyết ấy, nên đến nay lưu-tục đều biết cả.

Khởi-thủy đi tây-du

Niên-hiệu Võ-đức thứ năm, Huyền-Trang hai mươi tuổi, trụ-tri ở chùa Tuệ-không phía nam châu Ích, nghe tin chốn kinh-sư đã bình-yên, nghĩ muốn sang tây-phương tìm thầy để hỏi-han ý-nghĩa sâu-xa, thường nói rằng: « Học phải cốt kinh-lịch cho xa, nghĩa phải cốt sơ-thông cho hiểu, nếu chỉ trông ngóng ở một nơi, thì chưa hay thám xét được huyền-áo. » Người anh vì tình thân thủ-túc, không nỡ dứt tình, cố trụ ở lại. Huyền-Trang bèn hẹn riêng kết hạ với bọn thương-chân, giong thuyền qua thác Tam-giáp (1), rồi theo ven sông mà trốn đi, đến chùa Thiên-hoàng đất Kinh-châu.

Khi ấy Hán dương-vương lấy là bậc uy-đức ý-thân tọa-trấn ở châu Kinh, nghe Huyền-Trang đến, rất lấy làm vui, về, thân tự đến yết lễ, ông đối-dáp rõ-ràng, vương rất lấy làm tưởng-thưởng. Khi Huyền-Trang ở Thục, thường đến tham yết thầy Cơ Pháp-sư, Cơ trông thấy thường than rằng: « Ta đi chơi

(1) Thuộc về cõi huyện Qui một là thác Diêm-dự, hai là thác Cờ-đường, ba là thác Vu-sơn, đều là chỗ thác nước hiểm-ngheo

các giảng-dàn đã nhiều, mà chưa thấy người thiếu-niên nào thần-ngộ được như người ấy. » Đến đây lại tự Kinh-châu đi bắc-du để thăm tìm các vị cao-tăng, khi đi đến Tương-châu (1), nghe nói thầy sa-môn Tuệ-Hưu có tiếng đạo-dức cao xa, kiến-giải và đức-hạnh cũng tương-đương, một mình ở đất Nghiệp-trung (2) tuyên-ngôn truyền-thu, từ-phong truyền-bá đến đâu, trong nước đều lấy làm cao-thượng. Huyền-Trang sang theo ở được tám tháng, chịu nghe lời dạy không chán. Tuệ-Hưu lấy làm kinh-dị tuyệt-trần, vỗ tay mà than rằng : « Người là một người trong đời hiếm có vậy. » Sau Huyền-Trang lại vào đất Trường-an. Khi ấy có thầy Sa-môn là Đạo-Nhạc, thầy Tôn-sur là Cầu-Xá, đương khai giảng ở Trường-an để làm phép cho kẻ học-giả, Huyền-Trang mới cùng lại theo. Lại cùng với thầy Sa-môn Tăng-Biện, Huyền-Hội cùng bàn hỏi chất-chính nghĩa ngờ, bèn lưu ở chùa Đại-trang-nghiêm.

Đất Trường-an là nơi đông người tụ-hội, nào là phái cửa-lưu, dòng tam-giáo, không người nào là không tụ-hợp ở đó. Nói về phái Phật-học thì cũng có người kiến-giải xét biết nhị-thừa (đại-thừa và tiểu-thừa học), tinh-hạnh thấu cùng tam-học (giới, định, tuệ), làm khuôn-phép Phật-giáo ở chốn thượng-kinh, các bạn nầu-sòng nhiều người theo về học. Huyền-Trang đã cùng bạn mài rũa, mà lại hay thần-giải siêu-ngộ, có đủ mọi tài, nổi tiếng ở chốn kinh-ấp. Song học đã đến lúc thảo-nghệ càng thâm, thì nghi-lự lại càng lắm. Huống-chi sách Phật ở Trung-quốc, đều đã qua một lần phiên-dịch, có chỗ thì văn-từ không rõ nghĩa, hoặc có chỗ thì nói được một điều mà bỏ sót đến ba điều. Nếu muốn bỏ những chỗ trệ, giải

những chỗ nghi, đề-dịnh cho biết rõ chỉ-qui, thì không gì bằng thân sang nước Ấn-độ, học tập lối văn bối-diệp (3), tìm cho rõ vết-tích Thích-già, cầu đạo mà tìm đến tận nguồn, họa may mới hiểu-thấu được. Huyền-Trang nghĩ vậy mới có cái chí tây-du.

Đạo học-vấn vô-cùng, đóng cửa mà nghiên mãi sao hay hiểu thấu hết được. Thánh như Không-tử còn phải học lễ ở Đàm-tử, hỏi nhạc ở Trành-Hoảng, xem khắp cả cổ-sử mơn đời, trải qua cả bảo-thư trăm nước, rồi sau học mới thông hết được cả; Huyền-Trang mà muốn đi sang Ấn-độ cũng là ý ấy. Núi Kỳ-dồ-quạt-sơn là nơi thánh-địa Phật Như-lai, các giáo-đồ về Phật-học mà coi đó làm trọng cũng như Gia-giáo-đồ mà coi trọng cái đất Gia-lộ-tân-lãnh (*La Mecque*), Hồi-giáo-đồ mà coi trọng cái đất Mạch-khai (*Jérusalem*). Song những bọn Gia-Hồi-giáo-đồ mà tìm đến những đất ấy, là vì có mộ-giáo-chủ ở chỗ ấy, nên mới cố đến đề lễ-bái, chứ về tôn-phong cũng không có phát-minh được điều gì. Nay cái chí Huyền-Trang mà đi tây-du lại có phần lớn-lao hơn thế vậy.

Đời vua Đường Thái-tôn, trong cõi nước đã trị yên, uy-thanh xa kịp đến cõi ngoài, phía bắc bình rợ Đột-quyết, phá nước Diêu-dã, phục nước Hồi-hột; phía tây dẹp nước Thổ-phồn, hàng nước Cao-xương, không những là có hết cả cõi đất Tây-vực của thời Hán, mà uy-thanh lại kịp đến cả nước Thiên-trúc, nước Đại-thực, thực là thịnh lắm vậy. Song quốc-uy tuy rằng phần-trấn, mà kẻ lữ-du vẫn lấy làm gian nan. Huống-chi lấy là một kẻ có-khách, phía tây ra cửa Ngọc-môn, lội suối qua đèo, đi cầu dây, qua bãi cát, đi qua toàn những chỗ bồng

(1) Nay là huyện Chương-dức Hà-nam. — (2) Tức là Tương-châu.

(3) Cây bối giống như loài cây móc, nhà chùa khi xưa thường dùng lá bối làm giấy để viết kinh.

thịt nhưc đầu, trông thấy toàn những tục dị-ngôn dị-phục, hiềm-trở biết là chừng nào !

Người Âu-tây bây giờ có tiếng hiểu-kỹ, về địa-dư-học điều-tra đã kỹ-càng lắm. Xa gì bằng nam bắc bằng-cực, những chỗ loài động-thực-vật tuyệt-diệt hết cả, thế mà còn dất chó lè cà-kheo đi để sưu-tầm bí-hiểm ; sâu gì bằng đáy bể đại-dương, có nơi những kẻ giao-nhân phường dẫn-hộ (1) không biết dấy là đâu, thế mà còn giồng dây xuống mò mãi tận dưới chín tầng vực sâu, để tìm cho biết đích hình-tượng. Duy có đất Trung-Á-tế-á đến bây giờ vẫn còn nhiều chỗ bí-mật, không mấy người đã hay trở rõ sông núi, ghi kỹ dậm-đường, khiến cho người ta được trông rõ như trở bàn tay. Chưa kể chi đến sự xe hơi tàu thủy không thể đi được, dẫu đến người hữu-chí vẫn lấy sự đi chơi đất Trung-Á-tế-á làm một việc khó-khăn, huống-chi là đời Huyền-Trang thì còn khó đến đâu.

Huyền-Trang cốt lấy sự đi cầu pháp làm trọng, mà coi sinh-mệnh làm khinh, dẫu đến thiên-nạn vạn-nạn cũng coi như không vậy. Thế mà đi rồi lại hay sinh-hoàn được, đó chẳng phải là hữu-chí cảnh-thành ư ? Ở đời những kẻ tiêu-trọng-phu chỉ biết trọng sinh-mệnh mà coi khinh sự-nghiệp, rồi thành ra sự-nghiệp cũng chẳng làm nên gì, mà sinh-mệnh cũng chẳng giữ được lâu, quanh đi quẩn lại, ngó trước ngó sau, rồi thành ra một đời hư-sinh vô-hỗ. Huyền-Trang cũng không may mà độ làm lãng, nếu không thế thì sự-nghiệp có kém gì Trương Khiên, Ban Siêu, Phó Giới-tử đâu. Song lấy cái người đã khi-thể đi-tục mà còn hay làm được sự-nghiệp như thế, thì dưới trăm đời ai nghe thấy mà chẳng hưng-khởi nức lòng.

Khi Huyền-Trang muốn đi, nhiều người hết sức ngăn-trở. Ông đáp lại rằng: « Xưa kia Pháp-Hiền, Trí-Nghiêm đều là kẻ sĩ một thời, mà còn hay đi cầu-pháp để làm lợi cho quần-sinh, lẽ nào lại không ai nổi theo được cái cao-tích ấy mà để tuyệt mất thanh-phong đi ; đã làm người đại-trượng-phu thì phải nên theo đòi cho kịp. » Khi bấy giờ thiên-hạ mới yên, chính phủ Tần đương cấm dân không ai được ra khỏi ngoài biên. Ôi ! cái người nhờ được uy-lực của nhà-nước để đi ra chốn man-mạch, thì còn có chỗ trông cậy không sợ gì ; chứ nay như Huyền-Trang ra đi, không những là chẳng được chính-phủ bảo-hộ cho, mà lại xúc-phạm đến cấm-lệnh của chính-phủ nữa, thế thì chuyến đi này chẳng là càng khó lắm ru !

PHÊ-BÌNH. — Huyền-Trang đã hay cần tập kinh-diễn mà còn cho là chưa đủ, rồi lại đi thăm thầy Đạo-Cơ mà chẳng cho đường Ba-thục làm hiểm, theo thầy Đạo-Nhạc mà chẳng cho đất Trường-an làm xa, đi lễ yết thầy Tuệ-Hư mà chẳng hiểm gì là lia cách xa anh, chỉ cốt đi tham-lễ chư-phương để khai-phát nghĩa ngộ, cái đạo đi học là phải như thế. Thế mà còn cho làm chưa đủ, lại còn mạo-hiểm đi sang tây-phương, chẳng phải cái người giỏi hơn đời thì sao hay thế được.

Muốn xét về học-thuật ngoại-quốc thì phải nhờ về các sách phiên-dịch, từ đời Hán đến đời Đường những người phiên-dịch sách Phật ra cũng nhiều, hoặc các thầy tây-tăng kiêm thông cả chữ Phạn chữ Hán, hay là các người tài-sĩ, học đã tinh-thông cả nội-diễn, vậy nên những sách dịch ra đều khá cả. Song chữ Phạn nghĩa rút mà lời nhiều, đem Hán-văn mà dịch truyền ra thì thường không cai hết được nghĩa,

(1) Người mò cá và những kẻ mán ở ven bờ.

thể cho nên có một bản sách mà đến hai ba lần dịch ; lại còn lầm chỗ tên người tên đất khác nhau, cũng chẳng khác gì như ngày nay dịch văn Âu Mĩ. Huyền-Trang mà đi sang Ấn-độ, một là để học tập chữ Phạn, hai là để sưu-la kinh-điển, làm cho bổ-tích tông-môn, công ấy không phải là nhỏ, mà lại còn hay phát-minh về lịch-sử địa-lý cũng nhiều.

Tuệ-Lập có truyền nói rằng : « Khi Huyền-Trang pháp-sư sắp đi, có cùng bạn dâng biểu xin đi, song có tờ chiếu vua không cho đi, mọi người đều thoái-chí cả, duy pháp-sư không chịu khuất. » Xem thế thì những người lập-chí không kiên, gặp khó là lùi lại ngay, thì những người ấy nay còn có thấy ở đâu nữa.

Tập thử khi sắp đi.

Năm Trinh-quán thứ ba đời vua Thái-tôn nhà Đường, Huyền-Trang hai-mươi sáu tuổi, định đến tháng trọng-thu thì lên đường ra đi, song nghĩ đường tây-lộ hiểm-nghèo, bèn chịu khó làm hết mọi sự khổ-sở để thử lòng mình, mà đều kham được cả, chứ không nản sợ, đã tự-tin được thế mới quyết lòng ra đi.

Khi bấy giờ có thầy tăng ở Tần-châu là Hiếu-Đạt sắp tự kinh-dô trở về làng, Huyền-Trang bèn theo cùng đi, đến Tần-châu (1) trọ lại một đêm, lại gặp bạn là người Lan-châu (2), ông lại theo đi, đến Lan-châu trọ lại một đêm, gặp người Lương-châu (3) đem ngựa của quan trở về, ông lại theo đi, đến

đó trọ lại hơn một tháng. Khi ấy Lý Đại - Lương đương làm quan đô-đốc Lương-châu, phụng chiếu-lệnh cấm dân không cho ra ngoài biên, phòng - cấm nghiêm-ngặt. Bấy giờ có người báo Lương rằng : « Có một thầy tăng từ Trường-an lại, muốn đi sang tây-phương, không biết là có ý gì. » Lương sai người đuổi theo định bắt ép về kinh. May có thầy tăng là Tuệ-Uy 慧威 nghe thấy Huyền-Trang có cái-chí đi cầu-pháp, rất lấy làm khen ngợi tán-thành, mật sai hai kẻ đệ-tử là Tuệ-Lâm 慧琳, Đạo-Chính 道整 đi đưa đường sang phía tây ; từ đấy không dám công-nhiên ra đi, cứ phải ngày náu một chỗ đêm mới ra đi, lần mãi đến Qua-châu (4).

Quan thứ-sử Qua-châu là Đốc Cô-Khai nghe tin Huyền-Trang đến, không có ý chống cự gì cả, Huyền-Trang mới hỏi hành-trình đi tây-phương. Khai nói : « Từ đây đi về phía bắc hơn năm-mươi dặm, có con sông Hồ-lô (5), trên rộng dưới hẹp, nước chảy xoáy mạnh quá, sáu dặm không thể sang dò được. Phía trên là Ngọc-môn-quan (6) là con đường tắt do, mà chính là nơi yết-bà về cõi tây vậy. Quan-nọai về phía tây-bắc có đống Ngũ-phong 五烽 (7), chỗ ấy có đặt các vọng-canh, cách nhau chừng độ trăm dặm, trong quãng đường ấy không có cây cỏ, không có nước-nôi gì cả. Ngoài đống Ngũ-phong ra là một bãi cát Mạc-hạ-diện, tức là cõi nước Y-ngô (8). » Huyền-Trang

(1) Nay là huyện Thiên-thủy thuộc Cam-túc. — (2) Nay là huyện Cao-lan thuộc Cam-túc. — (3) Nay là huyện Võ-uy thuộc Cam-túc. — (4) Nay là huyện An-tây ngoài cửa quan Gia-cốc. — (5) Nay tên là Giác-hà ở về phía tây huyện Đôn-hoàng. — (6) Ở về phía tây bờ sông Đãng-bà, đời cổ là Ngọc-môn-quan. — (7) Sách *Tây-thành ký* của Đinh-Khiêm có khảo về đống Ngũ-phong đời Đường, lấy những nơi đống ấy ở đất Táp-luân làm chứng-cứ. Đệ-nhất-phong tức là đất Ba-nhan-mộc-luân, đệ-nhi-phong tức là đất A-bố-tô-ô-lỗ-tô ; đệ-tam-phong tức là đất Cát-thuận ; đệ-tứ-phong là đất A-tập-cách-sắc-nhĩ-dăng ; đệ-ngũ-phong là đất Nạp-mộc-cáp-ô-tô. Đó là những chỗ đất cát sỏi khoảng trung-trong không có nước suối, người không thể ở được, xưa nay vẫn đặt làm nơi đống thú. — (8) Đường-thư Đại-lý-chí : Năm Trinh-quán thứ sáu đời Đường, đổi tên nước Y-ngô gọi là Y-châu. Khi Huyền-Trang qua đó là năm thứ ba, thì còn biệt lập là một nước, nay là đất Cáp-mật.

nghe nói lấy làm buồn rầu bực-tức, mà cái con ngựa cuội đi, lại bị chết, dùng-dăng chữa ra đi, thì tờ truy-nã lại đến nơi.

Nguyên là quan Thứ-sử Lương-châu biết tin Huyền-Trang chữa trở về kinh, liền đượt ở điệp đến Qua-châu rằng : « Nghe có thầy tăng là Huyền-Trang muốn sang bên tây - phiên, vậy sức cho châu-huyện các nơi phải nghiêm-ngặt xét hỏi mà bắt giữ lại. » Kể châu - lại là Lý Xương mật đem tờ điệp ấy lại hỏi : « Thầy có phải là Huyền-Trang không ? » Huyền-Trang còn trì-nghi chưa trả lời. Xương lại nói : « Thầy phải nói thực, nếu mà phải, đệ-tử sẽ liệu cho thầy. » Huyền-Trang mới nói thực. Xương lấy làm khen-ngợi lắm, nói rằng : « Thầy mà thực hay đi được như thế, thì tôi xin vì thầy xé phăng cái tờ điệp này đi. » Nói rồi liền ngay ở trước mặt xé phăng đi, và nói rằng : « Thầy liệu mà đi cho sớm ! »

Khi ấy có hai người tiểu-tăng đi hầu, thì Đạo-Chính đã trở về Đôn-hoàng rồi, duy còn Tuệ-Lâm theo đó thì tự biết rằng cũng không thể bặt-thiếp theo đi xa được, Huyền-Trang cũng cho trở lại. Mới mua được một con ngựa để cuội đi, nhưng ngặt vì không có người nào dẫn đường đi cho. Chợt dẫu có một kẻ Hồ-nhân chạy lại, tự nói là họ Thạch 石 tên tự là Bàn-Đà 槃陀, đến xin thụ-giới làm đệ-tử. Huyền-Trang ưng cho. Hồ-nhân mừng lắm, cáo-từ ra về. Đi độ một lát liền thấy đem quà-bánh trở lại. Huyền-Trang thấy người hùng-khien mà trang-mạo lại cung-kính, mới tỏ ý sắp đi báo cho biết. Hồ-nhân nói xin hộ-tống người đi qua dãy núi đôn Ngũ-phong. Huyền-Trang cả mừng, bèn sắm cho quần áo hành-trang và mua thêm con ngựa, hẹn ngày đi.

Ngày hôm sau, chú tiểu Hồ ấy lại cùng với một Hồ lão-ông nữa cuội một con ngựa già sắc đỏ mà gầy,

theo nhau cùng đến. Tiểu Hồ nói « Ông già này về đường tây-phương đã đi quen lắm, kẻ ra đã đi lại nước Y-ngô đến hơn ba mươi lần, vậy tôi mời ông lại đây. » Hồ lão-ông mới kể chuyện : « Đường tây-phương rất là hiểm-ác, nào là ngàn sông cách bến, sa-mạc mênh-mông, loài quỷ-vị, cơn nhiệt-phong, lỡ gặp phải thì không thể tránh khỏi được. Nếu đi mà có nhiều bạn-lữ còn sợ mê-mẫu sai-lầm, hưởng-chi nhà sư đi có độc một mình thì đi sao được ; xin tự liệu trước chờ đề hoai mất thân-mệnh. » Huyền-Trang nói : « Ta chỉ cốt đi cầu phật-pháp, nên mới mong đến tây-phương, nếu không đến được nước Bà-la-môn thì ta không trở về đong nữa ; tưng-sử chết ở giữa đường, ta cũng chẳng ân-hận ! » Hồ-ông thấy chỉ nhà sư đã kiên-quyết, bèn nói rằng : « Nhà sư cứ quyết là đi thì nên cuội ngựa tôi này, con ngựa này vãng-phản con đường Y-ngô đã đến mười lần, khoẻ mạnh mà lại thuộc đường lắm ! » Huyền-Trang nghĩ là thực, liền đổi ngựa cho, Hồ-ông mừng rỡ, kính lễ à từ biệt.

Đêm hôm ấy Huyền-Trang sắp-sửa cùng chú Tiểu-Hồ lên đường đi đêm, chừng quá canh ba thì đi đến bờ sông, trông xa đã thấy cửa Ngọc-môn-quan, ở trên thượng-lưu cách cửa quan chừng mười dặm, hai bên bờ sông rộng chừng hơn một trượng, bên cạnh có bụi cây ngô-đồng. Tiểu-Hồ mới chặt cây làm cầu, giải cở giải cát lên trên cho phăng để ruồi ngựa qua sang. Huyền-Trang đã qua được sông rồi lấy làm cả mừng, mới giải ngựa ra để dừng lại nghỉ. Huyền-Trang cách Tiểu-Hồ chừng độ hơn năm mươi bước đều giải đệm ra năm ngũ. Một hồi lâu, Tiểu-Hồ chợt vung dao trở dậy sẽ bước tới gần Huyền-Trang, còn cách độ mười bước nữa lại quay trở lại. Huyền-Trang cứ thần-nhiên không sợ hãi gì cả. Trời gần sáng, liền gọi

Tiêu-Hồ trở dậy, sai lấy nước súc miệng rửa mặt xong, sắp sửa lại ra đi. Tiêu-Hồ thưa rằng : « Đệ-tử nghĩ rằng đường đi còn xa mà hiềm-nghèo lắm, lại không có nước có cỏ gì cả. Dạy ở dưới năm đồn Ngũ-phong là có nước, tất phải đi đêm qua đó lấy trộm nước mà đi thì mới lọt. Song nếu một chỗ vụng - canh mà đã biết, thì bị chết liền, không gì bằng trở về là yên-đản hơn cả. » Huyền-Trang không nghe. Tiêu-Hồ nói rằng : « Nếu vậy thì đệ-tử không hay đi theo được, vì việc nhà còn mắc bận nhiều, mà phép vua, tôi không dám xúc-phạm » Huyền-Trang biết ý, bèn cho trở về. Tiêu-Hồ nói rằng : « Thầy đi không đến nơi được, nếu mà bị bắt thì làm thế nào ? » Huyền-Trang nói : « Phông-thủ cái thân này bị cắt vụn ra như cám, cũng không chịu giật lùi trở lại ! »

PHÊ-BÌNH. — Trước khi Huyền-Trang sắp sang tây-phương, đã chịu khó làm hết mọi sự khổ-sở, để thử lòng xem có kham được cả mà không nản sợ, thì mới quyết ý. Người ta muốn làm một việc gì mà đều hay như thế thì mới thành-công được. Song lúc mới cử-sự thì ai là chẳng kiên-quyết; đến khi lâm-sự rồi lại bàng-hoàng nản sợ mà bỏ dở chừng thì nhiều lắm. Huyền-Trang lúc đi đường kinh-lich lại vất-vả khó-khăn gần đến trăm phần trong khi còn ý-tưởng ; thế mà ông cứ chống gậy đi một mình, không có đoái-hoài ngảnh lại ; có đủ nghị-lực như thế, nên mới thành được chí vậy.

Huyền-Trang ra đi chỉ lo về nỗi núi sông cách-trở, tập-tục quái-dị và những loài rắn độc thú dữ nó ngăn-trở, những lúc mưa to gió lớn khó chịu được mà thôi. Còn như cấm-lệnh của chính-phủ vẫn là phải tránh lẩn ; tưởng rằng ra khỏi Ngọc-môn-quan rồi, người ở thưa-thớt, còn ai biết mà xét hỏi đến nữa. Ai ngờ đến Lương-

châu còn bị bắt ép trở về, đến Qua-châu còn thấy tờ điệp truy-nã, đến đồn Ngũ-phong còn bị lên bản, những nỗi khổ-nạn như thế, thực là ý-liệu không thể biết trước được. Lại còn một nỗi bị kẻ Hồ-nhân và Hồ-lão-ông nó nói đường đi nguy-hiểm cho khiếp-sợ, trải qua cả mọi sự gian-nan mà lòng không hối-hận, thực là không thể chuyển lui được vậy.

Gao xương vương

Huyền-Trang lúc mới ra đi còn có Tuệ-Uy sai hai người đệ-tử đi theo, nửa chừng đã cho về cả; sau lại gặp kẻ Hồ-nhân theo đi, chừa đến đồn Ngũ-phong, kẻ Hồ-nhân ấy lại bỏ đi; từ đây chỉ trơ một mình, quanh lượn trên bãi sa-mạc, như thế có đủ làm cho Huyền-Trang bại-hứng đầu, lại làm cho thêm kiên cái chí tự-lập vậy. Phàm việc gì chỉ chắc ở mình, chứ có chắc cậy ở người sao được.

Huyền-Trang đi tắt hơn tám-mươi dặm đã trông thấy đồn đệ-nhất-phong, sợ người trên vụng-canh trông thấy, bèn nép ẩn ở bên ngoài bãi cát, đến đêm mới lại đi, đi qua phía tây đồn, thấy có nước xuống uống, vừa rửa tay xong, toan lấy cái túi da để đựng lấy nước uống, chợt có mũi tên bắn phụt qua, xuyết tin vào đầu gối, vụt chốc lại có một mũi nữa phụt qua, mới biết rằng đã bị người trên vụng-canh trông thấy, bèn nói to lên rằng : « Tôi là sư-tăng tự kinh-sư lại đây, xin đừng bắn tôi nữa ! » Nói rồi liền tắt ngựa đến trước đồn, người trong đồn cũng mở cửa ra hỏi, rồi đưa vào yết-kiến quan hiệu-úy Vương-Tường, hỏi han xong biết ý rồi, Tường mới bảo rằng : « Đường đi tây-phương hiềm-nghèo lắm, nhà người cũng không đi tới được đâu. Nay ta cũng chẳng làm tội người, ta chỉ bắt người lại trở lộn về Đồn-hoàng mà

thối, » Huyền-Trang không nghe. Quan hiệu-úy khen cái chí-hướng giỏi, bèn cấp cho nước trong hánh mì, rỏ bảo đường tắt cho đi đến đồn đệ-tứ-phong.

Huyền-Trang đi đêm đến đồn đệ-tứ-phong, sợ lại bị bắt giữ lôi-thối, muốn lên đến lấy nước rồi đi, chưa kịp xuống đến chỗ lấy nước, thì đã thấy mũi tên dáo bay vọt qua đến, bèn lập-tức bước đảo đến chỗ đồn quan. Quan đồn vui mừng đón vào nghỉ, lại bố-thí cho một cái túi da lớn và thóc ngựa tiến đón cho đi. Huyền-Trang một mình đi được hơn trăm dặm, không ngờ lạc đường, tìm chỗ nước suối ngọt mãi không thấy, túi nước uống đem đi lỡ tay đánh đổ mất cả, lương-thực nghìn dặm đường, một sớm khánh-kiệt, đi quanh-co mãi trên đường bãi cát, không biết đi đường nào, muốn trở về đông, đảo lại đồn đệ-tứ-phong. Đi mới được hơn mười dặm, tự nghĩ bụng rằng : « Ta trước đã phát-nguyện nếu không đi tới nước Thiên-trúc, thì thề không trở về đông nữa, nay có gì lại quay về, thà đi sang phương ấy mà chết, còn hơn là quay về phương đông mà sống ! » Nghĩ rồi lại quay cương ngựa về hướng tây-bắc mà đi lên.

Khi bấy giờ mệnh-mạng tử-cổ, người ngựa mỗi mết, đêm thì loài yêu quái lóc lữa ra, sáng quắc như sao sa ; ngày thì gió giạt cát tung lên, tan như mưa bụi ; tuy rằng thẽ mà trong tâm thấy Huyền-Trang không sợ-hãi gì cả, chỉ khổ một nỗi nước uống hết, khát quá không đi lên được, bốn đêm năm ngày, không được một giọt nước nào giấp cổ họng, mồm khô ruột cháy, sắp muốn tuyệt hơi, không thể bước lên được nữa, bèn nằm ra ở bãi cát; đến nửa đêm hôm thứ năm, chợt thấy cơn

gió lạnh rùng mình, mát-mẻ sương-khoai như tắm nước lạnh, người bấy giờ mới mở được mắt ra, ngựa bấy giờ cũng đứng lên được, đi độ vài dặm nữa, chợt thấy cỏ xanh tốt, nước mát ngọt, người ngựa đều được tỉnh-táo, lại đi hai ngày nữa, mới ra khỏi bãi lưu-sa đến cõi nước Y-ngô.

Khi ấy vua Cao-xương (1) là Khúc Văn-Thái nghe ở Y-ngô có người thầy tăng bên Hán mới sang, lập-tức sai sứ sắc cho vua Y-ngô phải tiên-tống đưa thầy tăng ấy đến Cao-xương. Cao-xương dựng nước về khoảng giữa đời Nguyên-Nguy, tuy ở lãnh ra phía tây, nhưng cũng là dòng Hán-tộc, vậy nên nghe tin thầy tăng bên Hán đến thì hâm-mộ. Huyền-Trang đi hơn sáu ngày mới đến thành Bạch-lục (nay là đất thành Quảng-yên), cõi Cao-xương, khi ấy trời đã chiều tối, vương cùng các quan-thị dàn đuốc trước sau, tự ra khỏi cung đón rước vào trong hậu-viện, mời ngồi trong màn bảo-trưởng tầng gác trong, lễ bái thăm hỏi rất chu-chí. Vương nói : « Đường-sá-mạc cát sỏi hiểm-nghèo, mà thầy đi một mình tới nơi được, thì thực là kỳ lắm ! » Lại nói rằng : « Quả-nhân xưa có cùng đấng tiên-vương sang chơi bên đại-quốc, theo vua Tùy đi du-lịch đông tây hai kinh, và các nơi đất Yên, Đại, Phần. Tấn, có gặp nhiều các vị danh-lãng, mà tâm không hâm-mộ ai cả ; chỉ từ khi nghe đại-danh pháp-sư, trong tâm lấy làm hoan-hỉ, mong tôn-sư ở lại đây để cho đệ-tử cung-duỡng, cúi xin xét tấm vi-thành vui lòng ở lại, chớ đừng nghĩ gì đến sự tây-du nữa. » Huyền-Trang cố chối từ.

Vua Cao-xương động nét mặt vung tay áo nói to lên rằng : « Ta đã có

(1) Cõi đất Cao-xương ở về phía tây Thổ-lỗ-phiên, gần hồ Nhã-nhĩ.

cách xử với sư tăng, sư đi sao được; tất là phải lưu ở đây, hay là lại đưa trở về ước, xin nhà sư nghĩ đó. » Huyền-Trang thở dài nức-nổ không thể nói ra được. Vương cũng không nghe, lại sai tăng thêm đồ cung-dưỡng, mỗi ngày tiến-thực, vương thân tự dâng mâm cơm. Huyền-Trang đã bị lưu giữ làm ngăn-trở trái mắt ách trước, bèn thề nhĩ đói không ăn nữa, để cho cảm động lòng vua. Từ đấy chỉ xếp bả gồ yên, ba ngày không có hơi nước nào vào đến miệng, đến ngày thứ tư, Vương mới sinh lòng quý-hối, bèn nói tạ lại rằng: « Thôi, xin mặc ý thầy sang tây-du, xin thầy xoi cơm cho. » Huyền-Trang sợ rằng nói không thực, mới xin Vương trở mặt trời thề mà nói, Vương nghe theo, bèn cùng ước hẹn làm anh em.

Huyền-Trang lúc mới đi đến đó bị phải vua Cao-xương ngăn-trở lại, sau lại được vua Cao-xương giúp đỡ cho nhiều lắm, nếu không có hội-ngộ ấy thì e rằng cái chí Huyền-Trang không thể thành được, đó cũng là cái bụng chí-thành nó cảm-dộng vậy. Vua Cao-xương đã hứa để cho Huyền-Trang ra đi, bèn độ cho bốn người sà-di (1) để làm tiền theo đi cung-cấp việc hầu-hạ; chế cho ba-mươi bộ áo, vì sợ bên tây-phương rét lắm; lại chế cả cho bao tay nịt chân và khăn mặt các thứ đủ cả. Lại cấp cho một trăm lạng hoàng-kim, ba vạn ngàn-liền, năm trăm tấm lĩnh và lụa, ba mươi con ngựa, hai mươi lăm người thủ-hạ lực-lưỡng; sai quan điện-trung thị-ngự sử Hoan Tín đưa đi đến nhà chúa Khắc-hàn là Diệp-Hộ. Lại viết ra

hai mươi bốn phong thư (2) để thông đi hai mươi bốn nước Khuất chi, mỗi một phong thư lại đưa phụ thêm một tấm lĩnh để làm tin. Lại sai đem đi năm trăm tấm lụa lĩnh và lụa, hai xe các thứ quả-vi, để dâng ho chúa Khắc-hàn Diệp-Hộ, và viết thư nói rằng thầy pháp-sư này là em tôi muốn sang cầu pháp bên nước Bà-la-môn, xin nhờ Khắc-hàn thương nhà sư cũng như thương tôi. Lại xin sắc cho các nước phương tây, cấp cho ngựa Ô-lạc (ngựa tram) đưa ra khỏi bờ cõi

PHÊ-BÌNH.—*Vua Cao-xương vốn xưa là họ Mã 馬, năm Thái-hòa đời Ngụy, vua là Mã-Nho bị phải người nước giết chết, mới suy-lôn quan trưởng-sử là Khúc Gia 鞠嘉 lên làm vua, họ Khúc có nước mới từ đó. Văn-Thái 文泰 nối ngôi về năm Võ-dức đời Đường, niên-hiệu là Diên-thọ. Năm Trinh-quán thứ 13, Văn-Thái làm đoạn-tuyệt cả đường triều cống ngoài cõi Tây-vực, lại cùng nước Hột-quyết đánh nước Y-ngô, phá nước Yên-kỳ. Vua Đường đưa thư xuống thiết-trách, với Văn-Thái vào châu, Văn-Thái xưng bệnh không vào. Nhà Đường phát quân ra đánh. Văn-Thái lo sợ mà chết, nước phải qui-hàng, vua Đường đổi tên đất ấy gọi là Tây-châu. Khi Văn-Thái tiên đưa Huyền-Trang ra đi, sắm-sửa cho tư-trang vãng-hoàn đủ sung hai-mươi năm, ngờ đâu quốc-vận với thọ-mệnh Văn-Thái lại không kịp đợi đến khi sau này, thương thay!*

Bài khải của Huyền-Trang tạ vua Cao-Xương rằng :

(1) Mới vào ở chùa tu được thập-giới gọi là sa-di.

(2) Nước Cao-xương vốn có một thứ chữ riêng, hình-trang nó cũng giống như thứ chữ cổ-văn Mông-cổ, cũng mỗi một chữ một âm. Đầu đời Minh trong thập-quốc-dịch-ngữ vẫn còn chép riêng một thứ chữ Cao-xương; ở đây Khúc-vương viết thư đưa cho Diệp-Hộ Khắc-hàn chùng là dùng thế chữ ấy.

« Trang nghe rằng : Sóng bể sáu xa, vượt qua đó phải nhờ tay lái ; dân-sinh mê-hoặc, dân cho đi phải mượn lời thiêng. Bồi vầy đức Như-Lai, suy lòng đại-bi của một con, sinh ra cõi lục ; lòng bóng chỉ-luệ của ba sáng, soi khắp chốn mù. Mây từ rợp tuyết đỉnh trời cao ; mưa pháp nhuận ba nghìn cõi rộng. Đã cùng yên-lợi, đều thỏa y-qui. Truyền giáo sang đông, sáu trăm năm lẻ. Cuộc thăng-hội đã lấy-lừng nơi Ngô, Lạc ; lời sám-thập từng chung - đức đất Tần, Lương. Chẳng trụ thói huyền, đều khuông nghiệp thành Song, n, vời xa lại dịch, âm-nghĩa bất-đồng. Đòi cách thánh xa, nghĩa càng sai suyễn. Khiến cho cái ý-chỉ « song lâm nhất vị 雙林一味 », rẽ ra thành hai phái hiện dương ; cái tôn-thống « nhị thường bất nhị 常不二 », lách ra làm đôi dòng nam bắc. Phân-vấn đôi ngã, trải vạ trăm năm ; suốt cõi nghi-ngờ, nào ai quyết-định.

« Huyền-Trang : Vốn nhờ phúc cũ, sớm dự cửa thiền ; đội tráp theo thầy, năm hầu hai kỷ. Danh-niên các bạn, đã khắp hỏi han ; đại-tiền hai thừa, đã từng mở xét. Thường lắm lúc mở kinh ngàn-ngai, cầm quyền lần-ngần. Trông vườn Cấp (1) mà kiếng chân, ngóng đỉnh Thửu (2) mà tưởng mến. Muốn những bài-lâm một chuyển, may ra tác-hoặc khỏi ngờ. Vãn biết rằng tác ống nhỏ không thể dòm được trời ; cái bầu con khó lòng tát được bể. Nhưng cái bụng vì thành không thể bỏ được, nên mới thúc-trang lên đường, thăm-thoắt dặm trắng, vừa đi tới nước Y-ngô.

« Nếp thấy đại-vương, bầm-thu cái khi thàn-hòa của nhị-nghi trời đất ; rủ áo làm vua, vô nuôi dân chúng ; phía đông vì bằng phong đại-quốc, phía tây yên vô tục bách-nhung. Những

nước Lâu-lan Nhục-chi, nào nơi Xa-sư Lương - vọng ; đều nhờ án sáu, đã nhuần đức hậu. Lại hay kính hiền yêu sĩ, hiểu thiên lưu từ ; thương xót kẻ xa-xôi đi lại, ân-cần cho tiếp-dãi đến nơi ; đã được vào hầu, nhuần ơn càng hậu ; tiếp-dãi truyền-trò, phát-dương pháp-nghĩa. Lại được nhờ ngài giảng kết làm nghĩa anh em, đóc một tấm lòng yêu thuận. Và lại đưa thư cho hơn hai-mươi phiên cõi Tây-vực, giới-sức ân-cần, sai bảo tiên-tống. Lại thương tôi tây-du vô-võ, đòng tuyết lạnh lũng ; bèn xuống lời minh-sắc, độ cho bốn chú tiền sa-di, để làm người hầu-hạ. Nào là pháp-phục mũ bông, đem cứu giầy miệt, hơn năm mươi thứ, và linh lụa vàng bạc tiền nong, để khiến cho sung cái phí vãng-hoàn trong hai mươi năm. Nếp trông thẹn-thùng sợ-hãi, khôn biết xử-tri cách nào. Dầu khơi dòng nước Giao-hà, vì ơn kia chẳng tí kém ; cần hồn non Thông-lĩnh, độ nghĩa nợ còn nặng hơn. Thôi cái hiểm cầu treo khe thẳm, chẳng cần phải lo ; kia cái làng cây đạo thang trời, âu cũng sắp lời. Nếu được toại chí thỏa lòng, thì cũng là nhờ ơn nhà vua vậy.

Sau này xin bài yết chúng-sư, bầm vâng chính-pháp ; đem về phiên-dịch, truyền-bá những điều chữa từng nghe. Phá tan cái rừng rậm-rạp của những kẻ tà-kiến, tuyết hẳn cái ý xuyên-lạc của những mối đĩ-đoan ; bỏ cái sự di-khuyết cho nền tượng-giáo, định cái kim-chủ-nam cho chốn huyền-môn. May ra cái công nhỏ ấy, ngộ đáp được cái ơn sáu kia. Nay tiền-đồ còn xa, không thể lưu ở lâu được ; ngày mai từ-biệt, thêm thiết bụi ngùi ; khôn xiết đội ơn, cần dâng khải lên kính-tạ (3). »

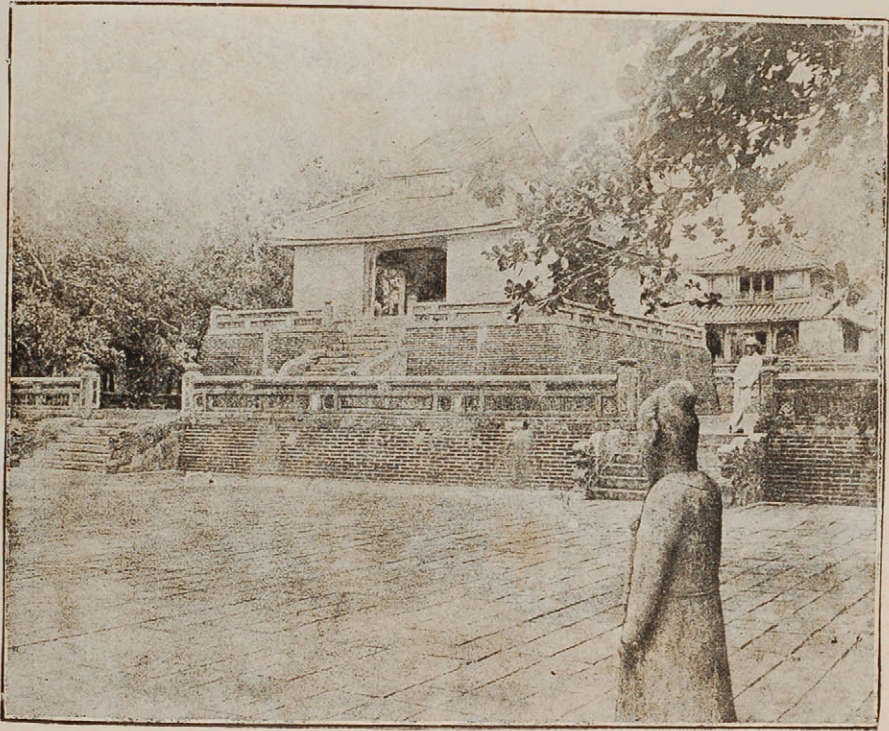
(Còn nữa)

ĐỒNG-CHÂU dịch

(1) Nơi Phật ở, cũng như chữ chi viên 祇園. — (2) Núi Linh-thửu ở bên Tây-vực cõi Phật.

(3) Nguyên Hán-văn bài khải xem phần chữ Hán trong kỳ báo này.

Ảnh cung-điện Huế



Lăng vua Thiệu-trị

Kinh ảnh T.-C. Khuyển

Ảnh cung-điện Huế



Lăng vua Tự-đức

Kính ảnh T.-C. Khuyển

TỔ-QUỐC PHONG-THI

I

Thơ văn rất có quan-hệ về phong-tục chính-trị, thơ văn không phải là khoa mùa ở ngoài đầu lưỡi đầu. Ngạn-ngữ Âu-châu có câu rằng : « Lời nói là phôi-thai cho việc làm. » Lời nói là gì ? là thơ văn vậy. Việc làm là gì ? là phong-tục chính-trị vậy. Phong-tục chính-trị hay thời hiện ra thơ văn cũng hay, phong-tục chính-trị dở thời hiện ra văn thơ cũng dở. Đời xưa đảng tiên-vương thường đi tuần-du, nghe thơ văn mà biết cả chính-trị phong-tục cũng bởi lẽ ấy.

Xem như kinh Thi nước Tàu là cửa đờc thánh Khổng tay ngài sửa soạn, thơ Nhã thơ Tung và đủ cả chính-phong biến-phong, ngụ ý về khuyên răn, khiến người ta miệng đọc tai nghe, biết điều hay thì theo, điều dở thì lánh, chứ không phải là dạy người ta học làm thơ văn.

Thơ văn nước ta thế nào ? Thơ văn bằng chữ Hán, là theo lối Tàu, không phải tiếng của nước mình trước xưa vẫn có ; lời phong-dao, câu ngạn-ngữ, cảm-xúc ở bên trong, phát-hiện ở bên ngoài, có âm-hưởng tự-nhiên, ấy thật là thơ văn của nước ta đó. Tiếc xưa không có chữ biên chép, mượn chữ Tàu chấp lại biên ra một thứ chữ để ghi nhớ cho tiện, nhưng mình viết mình xem, người khác xem không hiểu hết, thời không phải là lối chữ thông-dùng, thành ra bốn nghìn năm nay thơ văn ấy không truyền ở ngòi bút, nét mực, chỉ truyền ở câu ví lời hát mà thôi.

Than ôi ! Cỗ-nhân mất, thơ văn của cỗ-nhân chưa mất, tổ-quốc còn, thời thơ văn của tổ-quốc vẫn còn ; cái óc cái lưỡi của cỗ-nhân còn kỹ-thác ở văn-chương này, mà phong-tục chính-trị của tổ-quốc vẫn còn phô-diễn ở văn-chương này. Xem cho kỹ thời vận-hội thịnh suy, trình-độ tiến-hóa của nước mình cũng hiểu được ít nhiều. Đờc thánh Khổng dạy chữ ôn cổ tri tàn, nghĩa là ôn lại truyện cũ thời mới biết được sự mới. Vì thế người Âu-châu ở nước ta lập trường bác-cổ, có ý khảo-cứu thơ văn diên-tích của nước mình để so-sánh ngày nay với ngày trước thế nào. Ta sinh-trưởng ở nước Nam, mà việc nước Nam ta lại không tư-tưởng đến, thế thì đối với cỗ-nhân, đối với tổ-quốc, há chẳng vô-tình lắm ru !

Tôi đây học ít tài hèn, không đáng gọi là người yêu nước, cũng không dám gọi là người mến cổ, nhưng vẫn có cái si-tưởng để bên lòng, nhiều lúc trắng trong gió mát, đứng trước thềm hoa, ngậm mẩu câu phong-dao tiêu-khiển, chợt có cảm-tình, mơ-mơ màng-màng, như hồn tổ-quốc lơ-vơ ở bên mình, bóng cỗ-nhân thấp-thoảng ở trước mặt, nghĩ ra mới biết thơ văn của nước mình xúc-động lòng người ta đến như thế.

Vậy đem những lời phong-dao xưa nay thường nói đến, chia ra làm phong, nhã, tụng, gọi là « Tổ-quốc phong-thi », làm thêm chú-thích để cho dễ hiểu, nhưng cũng còn nhiều chỗ khuyết-nghi, xin các ngài duyệt đến, có điều gì lầm lẫn, cải-chính cho, đa-ta.

I. — CHÍNH-PHONG

1. — Chăn loan gối phượng gương
lồng,
Màn đào rủ dọc trướng hồng giải
ngang.

Còn đương chọn đá thử vàng,
Ngọc lành lẽ quấy ra đường bán rao.
Quan-quan mấy tiếng thư-cưu,
Mong người quân-tử hảo-cầu kết
duyên.

Phấn son cho phủ tấm nguyên,
Anh-hùng sánh với thuyền-quyên
mới tình !

Thơ này người con gái khuê-các, đem thơ
Quan-thư tự tử với mình, mong đợi kết
duyên với người quân-tử. Thơ này ở huyện
Quảng-xương tỉnh Thanh.

2. — Tôi là con gái Trường-sinh,
Tôi đi bán rượu qua đình ông Nghè.

Ông Nghè sai lính ra đe,
Tôi lay ông Nghè tôi đã có con.

Chữ *de* cũng có người đọc là *ve*, nhưng
« sai lính *ve* » thì không phải lẽ ; *ve* là lấy
tình-tử *ve*-văn, chứ không phải đem mệnh-
lệnh người trên mà sai kẻ dưới *ve* được.

Triều nhà Lê ai đỗ Tiến-sĩ, vua sai làm nghề
cho ở, cho nên đỗ Tiến-sĩ gọi là nghề,
hiện nay chỗ đền miếu các quan ngày
trước vẫn gọi là nghề. Người con gái này ở
xã Trường-sinh, vẫn giữ lòng trinh-khiết, sợ
quân ông nghề có những-nhiều đến mình
chàng, nên kể tình thực như thế.

3. — Sớm ngày em đi hái dàu,
Hai anh mở túi đưa trầu em ăn.

Trình rằng : Bác mẹ em rần,
Làm thân con gái chớ ăn trầu người. »

Thơ này là người con gái phòng có kẻ bỏ
thuốc mê vào trong miệng trầu, mà quyến
rũ mình chẳng, cho nên mượn lời cha mẹ để
từ chối, cũng là cách ăn nói êm dềm.

4. — Dao vàng bỏ túi kim-nhung,
Biết rằng quân-tử có dùng hay không ?
Lộc còn ẩn bóng cây tùng,
Thuyền-quyên đợi khách anh-hùng
vãng-lai.

Thơ này là người con gái giữ giá kén chồng
đem dao vàng và con lộc mà ví với mình,

5. — Lấy chồng cho đáng tấm chồng,
Bỏ công trang-diễm má hồng răng đen.
Chẳng tham ruộng cả ao liền,
Tham về cái bút cái nghiên anh đồ.

Nước ta trước trọng chữ nho, cái nghiên
cái bút của anh đồ thật có giá-trị. Thơ này
người con gái kén chồng, không tham nhà
giàu, chỉ tham học trò hay chữ.

6. — Ai về đường ấy với dò,
Với cầu với quán ta cho mượn tiền.
Ước gì quan đáp đường liền,
Kéo anh đi lại tồn tiền đồ ngang.

Em về sửa quán bán hàng,
Đề anh làm khách qua đàng trú chân.
Lời người con trai ước với con gái.

7. — Anh về xẻ ván cho giầy,
Bắc cầu sông Cái cho thầy mẹ sang.
Thầy mẹ sang em cũng theo sang,
Đò dọc quan cấm dò ngang tồn tiền.

Người con gái trả lời, ý nói thân gái phải
theo bố mẹ, chứ không dám tự quyết. Thơ
này ở huyện Nga-sơn tỉnh Thanh-hóa.

8. — Vì sông nên lụy đến dò,
Vi trời tối phải lụy cỏ bán hàng.
Vi tình nên phải đa-mang,
Vi duyên anh biết què nạng ở đây.

9. — Ở đây gần cảnh nhà chùa,
Lẽ dàu có lẽ dạn-dò trắng-hoa.
Trúc mai mong hợp một nhà,
Đôi bên đạo-nghe đã già đồng càn.

Người con gái đáp lại người tình - nhân,
không chuộng thói trắng-hoa, chỉ trọng về
đường đạo-nghe.

10. — Trăm thức hoa đua nở tháng
giêng,
Có bông hoa cải nở riêng tháng mười.
Trăm cành hoa cười, trăm nụ hoa
nở,
Mùa xuân sang, con bướm trắng, rập-
riu đàn ong.
Con chim kia sao khéo nảo-nùng,

Quốc kêu giông-giả như nung lòng sàu.

Gió nồm hây-hây lúc ban chiều,

Một đàn bướm trắng rập-riu trên non.

Đêm đông dài nghe vượn ru con,

Cá khe lẩn bóng chim luồn gốc cây.

Con ve kêu ổng-ảnh canh chầy,

Kìa quân-tử trúc dạ này bằng-khuâng.

Em như hoa thơm mà mọc trong
rừng,

Thơm cay ai biết ngát lòng ai hay!

Người trinh-nữ trông thấy mùa xuân hoa
bướm tươi cười, tự nghĩ mình như hoa cải
mùa đông, như hoa thơm trong rừng, kén
dợi người quân-tử, không biết quân-tử có
thương-thức cho không, nhân có thơ này,

11.— Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,
Nhớ người đầy gấm khấn điều vạt vai.

Tục xưa đàn ông lấy khăn điều vạt vai
làm lịch-sự, người con gái này chung-tình
với người quân-tử, nhớ người nhớ cả cái
khăn điều.

12.— Lấy nhau cho trọn một đời,
Đồ chùa Thiên-mỗ dăm đời lòng xưa.

Chùa Thiên-mỗ ở phía tây kinh-thành Huế
thuộc xã An-ninh. Nguyễn-thị-Ngũ người xã
Xước-du tỉnh Thừa-thiên, vợ ông Đặng Đứơc-
Siêu trốn loạn Tây-sơn, vào ẩn ở Gia-dịnh, bà
ấy ở nhà nuôi con giữ tiết, đảng giặc là người
Vũ Văn-Dụng muốn hiếp lấy, quyết chí không
nghe, nhân có thơ này.

13.— Muốn nghìn chẳng lấy anh đồ,
Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm.

Người con gái nói khích người con trai
học trò.

14.— Hay nằm đã có vông đào,
Dài lưng đã có áo bào vua cho.

Còn nhiều thóc gạo của kho,
Việc gì mà chẳng ăn no lại nằm.

Thơ này người học trò đáp lại.

15.— Ăn mua cho đàng ăn mua,
Lấy chồng cho đàng việc vua việc làng.

Thiếp liêu thân thiếp với chàng,
Nghèo hèn thiếp chịu quan sang thiếp
nhờ.

Thơ này là nói người đàn bà dâm-dang,
cũng đáng tay nội-trợ,

16.— Muốn cho gần mẹ gần cha,
Khi vào thúng thóc khi ra quan tiền.

Muốn cho gần bến gần thuyền,

Gần cha gần mẹ nhân-duyên cũng gần.

Con gái phải đi lấy chồng xa, nhớ cha mẹ
làm ra thơ này.

17.— Xấu-sa cũng thể chồng ta,
Đầu mà đẹp tốt cũng ra chồng người.

Chồng tôi áo rách tôi thương,

Chồng người áo gấm xông hương mặc
người.

Hai câu này của người đứơc-phụ, đáng
làm gương cho bọn nữ-lưu.

18.— Ai ăn cau cưới thì dền,
Tuổi em còn bé chưa nên lấy chồng.

Tục nước ta nhà trai hỏi vợ thời phải mang
cau đến nhà gái, để biểu trong họ, xem ra
nhiều nhà dựng vợ gả chồng, tự thừa mười-
một mười-hai tuổi, đến sau nhân vì sự xấu
đẹp mà bỏ nhau, hoặc vì sự giàu nghèo mà
bỏ nhau, đến nỗi nhân-duyên nhiều điều
ngăn-trở. Thơ này của người thiếu-nữ, tuy
là ý còn kén chồng, nhưng cũng đáng làm
lời châm cho nhà có con gái.

19.— Ba chùa ông đúc ba chuông,
Ba cô ông đóng ba giường bình khung.

Còn một cô bé chưa chồng,

Đề ông kén giống chọn dòng cho cô.

Nhất là ông cống ông đồ,

Hai là ông bát ông đồ bằng lòng.

May mà cửa các treo cung,

Cô bé cô dặt cô hồng cô ru.

Ru rằng: con ăn con ngủ cho no,

Con lấy con chững con hò con đi.

Ngày sau con học con thi,

Me mong con đỗ mẹ thì nhờ con.

Tục xưa để con trai thì treo cung ở trước
cửa, ý là con trai phải theo việc kiếm-cung.
Lê-triều trước cử-nhân gọi là ông cống, tú-
tài gọi là sinh-đồ, đương bấy giờ triều-dinh
trọng khoa-mục, nhà có con gái ai cũng muốn
kén ông cống, ông đồ, có ý trọng về danh-giá,
đối với ngày nay, nhà có con gái chỉ mong
gả cho ông tham ông phán, trọng về lương-
cao bổng nhiều, hai đường tâm-lý khác nhau.

20. — Quả cau nho-nhỏ, cái vỏ
vân-vân,
Nay anh học gần mai anh học xa.
Tiền gạo thi của mẹ cha,
Cái nghiên cái bút thật là của anh.

Thơ này người đàn bà khuyên chồng đi học, đem nghiên bút của mình mà đưa lại cái công tiền gạo của cha mẹ.

21. — Cây xanh thì lá cũng xanh,
Anh bẻ được cành anh hái được hoa.
Đôi bên bác mẹ thời già,
Mong anh có chữ để mà cây trồng.

Thơ này đàn bà khuyên chồng, ý nói nhà chồng hiền-hậu, mà chồng học tài có thể làm được, nhưng phải cố sức sớm được thành-danh, để cha mẹ chồng cấp-kiến, mà cha mẹ bên mình cũng được vẻ-vang.

22. — Tuổi em mới có mười ba,
Ruộng nương cửa nhà anh để cho em.
Anh học, em cố em làm,
Quần áo anh rách em tìm em may.
Đường tà cho chí đường ngay,
Đường kim mũi chỉ vá may thực-thà.
Trống một thu cửa dọn nhà,
Trống hai canh cửa trống ba đi nằm.

Trống tư sang đầu trống năm,
Khuyên anh dạy học còn nằm làm chi.
Ba năm chúa mở khoa thi,
Biên vàng Choi-Chối trước thi tên anh.
Bồ công cha mẹ sắm-sanh,
Tiền lương gạo đốn cho anh vào tràng.
Ơn vua tên đội biên vàng,
Võng anh đi trước võng nàng đi sau.

Triều-đình trước trọng khoa-cử, ba năm một lần thi hương, thi hương xong, thi hội-đô, vua ban cho mũ áo và biên vàng cho về vinh-qui. Người đàn bà này có ý hi-vọng, làm thơ này để khuyên chồng.

23. — Triều-đình còn trọng thi-thư,
Khuyên anh đèn sách sớm trưa học-hành.
May nhờ phận có công-danh,
Mà anh phú-qui ấy mình về - vang.
Khuyên đừng trai gái loang-toàng,
Khuyên đừng chè rượu nữa mang tiếng
[cười.

Cũng đừng cờ bạc đua chơi,
Sao cho sự-nghiệp ra người trượng-phu.
Sao nên nổi tiếng danh-nho,
Thần trung tử hiếu để cho khen cùng.
Người hiền-phụ khuyên chồng trung hiếu.
Thơ này lưu-hành ở huyện Vĩnh-lộc tỉnh Thanh-hóa.

24. — Thả ra ai kém ai đâu,
Kể xe chỉ thắm người xâu hột vàng.
Sáng trăng giải chiếu hai hàng,
Bên anh đọc sách bên nàng quay tơ.
Xe chỉ quay tơ là nghề thêu dệt, vợ chăm làm, chồng chăm học, hai người cùng khuyên nhau, làm ra thơ này.

25. — Ai về Phú-lộc gửi lời,
Lời này một bức dặn người tri-âm.
Mối tơ chín khúc ruột tâm,
Khi tháng tháng đợi khi năm năm chờ.
Vi tình hồ-đề làm ngõ,
Cắm sào chỉ quyết đợi chờ nước xuân.
Ước sao chỉ Tấn tở Tần,
Sắt-cầm hảo-hợp lựa vắn *Quan-thư*.

Xã Phú-lộc thuộc huyện Thụy-nguyên tỉnh Thanh-hóa. Người trinh-nữ có ý mong đợi người quân-tử, làm ra thơ này.

26. — Trên trời có đám mây mưa,
Dưới sông nước chảy đò đưa anh về,
Anh về thăm quán thăm quê,
Thăm cha thăm mẹ trở về thăm em.

Người đàn ông lấy vợ ở trên đường ngược, khi về quê, vợ tiễn chân ra đò có ý mong nhớ, làm ra thơ này, cũng là lời chinh-dáng.

27. — Cái cốc mà ngốc ao chà,
Bay lên vô cánh nóc nhà chị Lương.
Chị Lương kia hỡi chị Lương,
Cái răng hột đồ làm tương anh đồ.

Lương là tên người con gái, răng hột đồ là răng đen như hột đồ, ý nói con gái lịch-sự đáng lấy anh đồ, để coi việc con nước tương cả nuôi cho anh đồ đi học sau còn nương nhờ, cũng như con cốc ở dưới ao mà lên nóc nhà, mừng được yên-ôn vậy.

28. — Nửa đêm nghe vạc cầm canh,
Nghe chim liệng tổ nghe anh khuyên
nàng.

Khuyên nàng nằng đã hồ nghe,
Nghe con gà đã te te gáy dồn.

Vạc hay đi ăn đêm, chập tối nó đi ăn, gần sáng nó bay về, nghe tiếng kêu biết trời gần sáng, lúc ấy chim kêu gà gáy, chớng giục vợ dậy chăm việc làm ăn, nhân có thơ này.

29. — Quốc kêu quốc rữ mùa hè,
Phận làm con gái phải nghe lời chồng.

Chữ rằng : *phu xướng phu tông*,
Phận làm con gái lấy chồng tùy-gia.

Trước là thờ mẹ kính cha,
Sau là trông cửa trông nhà cho anh.
Khuyên đừng quen thói chua-chanh,
Lần-la trò-chuyện chấy thành va lầy.

Người đàn bà lắm lời, thường hay sinh chuyện lời-thối, việc nhà người ta mà mình cũng cao-thiệp đến, cũng như là chấy thành ma phải va lầy, vậy nên mủn che tai, đi cũng sợ dẫu mặc dấy, gần lửa rất mặt, thả rằng cao chạy xa bay. Thơ này là lời chồng khuyên vợ.

30. — Vì chồng nên phải gắng công,
Nào ai xương sắt da đồng chi dày.

Thơ này khen bà Trương Trắc: vị người Tô-Định người nước Tàu giết chồng, tấm lòng đau xót, cùng em gái là bà Trương Nhị nổi binh đánh Tô Định, thu-phục giang-son.

31. — Cái bằng bể em đổ-dành,
Để mẹ kín nước rửa bành con voi.

Trèo lên đỉnh núi mà coi,
Kia ông quan Thượng cỡi voi che dù.

Nước ta khi trước đánh trận dùng bằng voi, người đàn bà cũng có lòng yêu nước, muốn cho chồng theo việc chinh-chiến, để lập công-danh, cho nên dạy con bế em, để mình thân-hành rửa bành voi, sửa-sửa cho chồng kịp ngày đi đánh trận, có ý hi-vọng cho chồng làm được như quan Thượng, nhân có thơ này.

32. — Con cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ-non.

Nàng về nuôi cái cùng con,
Để anh đi trầy nước non Cao-bằng.

Khoảng triều vua Minh-mệnh, đảng giặc tên Văn đánh giữ thành Cao-bằng, ông Nguyễn Tiến-Lâm đem binh đánh khôi-phục tỉnh-

thành, người Sơn-nam phải lên đóng binh ở tỉnh ấy, mới làm thơ này.

33. — Trời sinh ra giặc làm chi,
Để chồng tôi phải ra đi chiến-trường !
Bao giờ phá giặc thẳng Khôi,
Yên thành Gia-định chồng tôi được về !

Triều vua Minh-mệnh người Lê Văn-Khôi khởi binh đánh Gia-định, lữ ông Lê Văn-Nghĩa đem quân vào đánh giặc Khôi, thời bấy giờ người chinh-phụ mới làm thơ này.

34. — Ba năm trấn-thủ lưu đồn,
Ngày thời canh điểm tối dồn việc quan.
Chém tre đốt củi trên ngàn,
Uống ăn kham-khò phân-nân cùng ai !

Người lính đóng ở trên đường rừng, uống nước khe ăn cơm đờ, ở nhà nửa sàn tre, đêm thì canh gác, ngày thì chém tre đốt củi để dùng, cái tình-cảnh của người chinh-phụ khổ sở cho xiết, nghĩ mình làm phận tôi đòi, làm trên cũng phải xét soi cho tiến. Thơ này ở huyện Thạch-thành tỉnh Thuận.

35. — Anh ơi, phải lĩnh thi đi,
Cửa nhà đơn chéch đã thì tôi đương.
Sớm khuya coi sóc mọi đường,
Dù mà khó nhọc dám thường quản công.

Thơ người chinh-phụ ở huyện Nông-cống tỉnh Thanh. Triều ta lệ nhà con một thi khỏi đi lính, khi sức bắt lính, nhiều người sợ chặt cả ngón chân ngón tay, giả làm tàn-giật, để khỏi ứng-tuyển, người đàn bà này có lòng vì dân vì nước, khuyên chồng bớt sức đi việc chinh-chiến, việc nhà quân-cổ đã có mình, nhân làm thơ này.

36. — Bồng bồng nảy lộc ra hoa,
Một trăm chị lính trầy ra thăm chồng.

Trầy ra có gánh có gồng,
Trầy ra thăm chồng bấy bị còn ba.

Hồ ai có nhẩn mi ra,
Mà mi hồ kể con cà con kê.

Muốn tốt thì đưa nhau về,
Việc quan anh chịu một bề cho xong.

Người lính quê ở tỉnh Thuận phải ra đóng ở ngoài Bắc-kỳ, các người vợ lính nhớ chồng ra thăm, đường sí xa-xôi, đồ hành-lý đi đường bị mất cướp, có ý phân-nân với

chồng, nhưng người chồng hết lòng công-nghĩa, mà quên cả tình riêng, làm lời này để dặn vợ.

37. — Trời đất một vầng,

Bắc nam đôi ngã,

Phân hồng-nhan buồn-bã xiết lo.

Chàng từ bề Sở sông Ngô,

Lấy ai coi sóc sớm trưa việc thường.

Chàng từ vầng mệnh quân-vương,

Cờ mao trở nẻo trên đường ruổi ngay.

Trông chừng dặm liễu đường mây,

Càng trông càng vắng một ngày xa khơi.

Chàng đi góc bể bên trời,

Đi thời lặn tuổi qua đời trèo non.

Groom là vợ giáo là con,

Nâng-niu chẳng quản ấp hôn chẳng đời.

Thôi ra bề lại vào ngôi,

Sóng sáu cũng lội chông gai cũng trèo.

Ăn thời thất-thần ít nhiều,

Cảm thương cha mẹ nhớ chiều vợ con.

Đường trường cách-trở nước non,

Mẹ già đầu bạc thiệp còn xuân xanh.

Giang-son thiệp gánh một mình,

Hỡi chàng có thấu thiệp tình cho hay?

Biết là chàng ở đâu đây,

Thiếp xin mượn cánh chấp bay tìm

chàng.

Chữ rằng : đồng tịch đồng sàng,

Đồng sinh đồng tử cru mang đồng lần...

Thơ người chinh-phụ, vẫn có tình-tử thiết-tha.

38. — Tay cầm bán-nguyệt xênh-xang

Bao nhiêu ngọn cỏ ra hàng làm tội.

Mặc ai che tán che tàn,

Ta đây mặc sức nghênh-ngang cõi bờ.

Con gái họ Trương, người xã Như-kinh,

huyện Gia-lâm, tỉnh Bắc-ninh, con nhà hèn-

hạ, nhan-sắc tâm-thường, tiếng rất tốt,

một hôm chúa Trịnh Bính vắng dù đi

qua đó, dân-gian trông thấy sợ hãi trốn

chạy, chỉ ta vẫn cất cổ bên đường mà hát

hai câu này, chúa Trịnh nghe thấy xưng ý

đòi về cung, dựng làm bà phi.

39. — Dù ai sang cả mặc ai,

Thân này nước chảy, hoa trôi sá gì

Thời vua Lý Thái-tôn đi đánh Xiêm, thành, bắt được vợ vua Xiêm là nàng Mi-ê, đem xuống thuyền, nàng Mi-ê đắm đầu xuống sông chết, nhân có thơ này.

40. — Chàng về Hồ thiệp cũng về Hồ,
Chàng về Hồ-Hán thiệp về Hồ-Tây.

Hồ Hán tức là Hồ Hán Xương con Hồ Qui-Ly. Hồ-Tây tức là Tây-hồ ở Hà-nội, thời bấy giờ họ Hồ có ý chực cướp ngôi nhà Trần, mưu đắp Tây-đô ở An-tôn thuộc huyện Vĩnh-lô, tỉnh Thanh, ai Hồ Công-Sinh trông coi việc đắp thành, vợ Hồ Công-sinh là nàng Bình-Khương can rằng : nhờ ơn vua nhà Trần đỡ lên được, nay lại theo nhà Hồ, nghĩa vua tôi nghĩ sao cho đáng. Công-sinh nghe lời bỏ không trông coi nữa, họ Hồ giận, bắt Công-sinh chôn ở bên thành, vợ Công-sinh thương xót, cũng đập đầu vào thành mà chết, nhân có thơ này.

41. — Thuyền bầu trở lái về dòng,
Con đi lấy chồng để mẹ cho ai ?

Mẹ già đã có con trai,

Con là phận gái dám sai chữ tông.

Thơ này câu trên là mẹ đưa chân con về nhà chồng, có ý thương nhớ. Câu dưới là lời con gái trả lời.

II. — BIẾN-PHONG

42. — Tiếc thay cây quế trong rừng,
Mà cho thẳng máng thẳng mường nó leo.

Đời vua Lý Thái-tôn đem Bình-dương công-chúa gả cho Thiên-Thái ở châu Lương. Vua Nhân-tôn đem Khâm-thành công-chúa gả cho Há - Khánh ở châu Vĩ-long, mười hôn-nhân mà làm chức cơ-mi những bọn phiến-tù như thế là thất-sách, thời-nhân chê mà làm thơ này, ý nói cây quế mà để thẳng mường nó leo, ấy là phối-hợp không xứng.

43. — Hạt nước trắng mà dựng chậu
thau,
Cái đẹp chữ triện dựng rau thái-lài.
Tiếc người da trắng tóc dài,
Mẹ cha ép gả cho người đàn-ngu.

Rồng vàng tắm nước ao tù,
Người khôn ở với người ngu bực mình,

Rau thài-lài là cái vật khinh mà lại đưng vào
cái hộp chữ triệu là cái đồ quý, ao tù là cái
ao bùn lù mà lại đem tắm cho con rồng vàng,
thời không xứng, Thơ này ý nói cũng như
thơ trên.

44. — Tiếc thay hạt gạo tám xoan,
Thôi nổi đồng điều lại chan nước cà.
Tiếc thay hạt gạo trắng ngần,
Đã vo nước đục lại vẫn than rơm.

Hai câu này cũng như ý thơ trên, chế
người có con gái gả chồng không xứng-dáng.

45. — Người ta bắt chạch đàng đầu,
Mẹ em tham giàu bắt chạch đàng đuôi.

Bắt chạch đàng đuôi thời không có thể
bắt được, người con gái gả cho con nhà giàu
trông là lấy được của, không ngờ của chẳng
được, mà người ta ở mấy mình bằng ra sao,
có ý phân-nân mà làm thơ này.

46. — Đàn bà như hạt mưa dào,
Hạt sa xuống giếng hạt vào vườn hoa.
Đàn bà như hạt mưa sa,
Hạt vào gác tía hạt ra ruộng bùn.

Nước mưa rơi vào vườn hoa, hoặc vào gác
tía, thời nước mưa ấy đáng nên quý-hóa, nếu
rơi xuống giếng hoặc ra ruộng bùn, thời
nước mưa ấy coi cũng thường vậy, vì như
đàn bà được nương thân vào cửa quyền-
quý thời mình được yê-vang, nếu phải chổ
bèn-hạ thành ra chịu khổ một đời. Người đàn
bà này than thân tủi phận làm ra thơ này.

47. — Nhớ ai như nhớ thuốc Lào,
Đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên.

Đời Lê Vĩnh-thọ, nước Ai-lao mới đem
thuốc Lào sang, nên ta gọi là thuốc Lào, bấy
giờ quan dân trai gái ai cũng nghiện thuốc,
năm Cảnh-trị nhà Lê mới hạ lệnh nghiêm-
cấm, không cho ai ăn, cũng có ý dễ-chế ngoại-
hóa, nhưng nhiều người mắc nghiện vào
không thể chữa được, chôn điếu ở dưới đất
thò xe lên để hút vụng, nhờ khí tàn đóm
vương ra cháy cả nhà, vì thế không cấm
nữa. Thơ này nói tình-nhân nhớ nhau khao-
khát như nhớ điếu thuốc Lào vậy.

48. — Vì chông cho cá bèn dăng,
Vì tình nên phải đi trăng về mù.

Cá bèn dăng cũng như trai gái bèn hơi
nhau không gỡ ra được. Thơ này là của người
con gái đa-tình.

49. — Sông sâu cá lặn mất tăm,
Chín tháng cũng đợi một năm cũng chờ.

Sông Ngâu nước đục lơ-lơ,
Cắm sào đợi nước bao giờ nước trong.

Thơ này là người con gái mong đợi tình-
nhân mà không được gặp.

50. — Bấy giờ mặn mới hỏi đào,
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa ?

Mặn hỏi thì đào xin thưa :
« Vườn đào còn đó vẫn chưa ai vào. »

Thơ này là lời trai gái hai bên trang-giò
vời nhau.

51. — Thân em như tấm lụa đào,
Còn hay đã xé vương nào cho ai ?

Thân em như tấm lụa đào,
Phát-phơ giữa chợ biết vào tay ai !

Em nằm cành trúc cành mai,
Đông-đào tây-liễu biết ai bạn cùng.

Hai câu này trai gái trộm lời hỏi nhau
cũng như ý chương trên.

52. — Chúng chị đây như thẻ chuông
vàng,

Đem treo cửa lĩnh muôn ngàn quân coi.

Chúng anh đây như quỉ nhà trời,
Tay cầm dùi ngọc thử chơi chuông vàng.

Tục tỉnh Bắc-ninh nhà quê có tục hát dùm,
con gái xướng con trai họa, cũng là câu hát
vì vậy.

53. — Chúng em đây như cá hóa rồng,
Chín tầng mây bọc ở trong da trời,

Chúng anh đây có phép thần-thông,
Rẽ mây lên quyết bắt rồng cưỡi chơi.

54. — Chúng chị đây như thẻ sập
vàng,

Chúng anh như mảnh chiếu bên hàng

Ước gì trời thổi gió lên, [bỏ quên.
Có khi mảnh chiếu lên trên sập vàng.

55. — Chúng chị đây như hoa gạo
trên cây,
Chúng anh như thể cỏ may vệ đường.
Ước gì trời thổi gió ngang,
Hoa gạo rụng xuống kề đường cỏ may.
Ba thơ này cũng là lời hát đúm ở Bắc-ninh.

56. — Ra đường thấy cái hoa rơi,
Hai chân đá hất chẳng chơi hoa thừa.
Ra đường nhặt lấy hoa rơi,
Hai tay nâng lấy cũ người mới ta.

Câu trên nói vợ thừa người ta không nên lấy, câu dưới nói lấy cũng được, về tay mình tuy cũ mà cũng như mới.

57. — Xin nàng đừng thăm đừng
phai,
Thoang-thoảng hoa nhài thì mới thơm
lâu.

Ai ơi, chớ phụ hoa ngâu,
Tham hoa phú-quí đi cầu mẫu-đơn.

Cái hoa qui về hương thơm, hoa mẫu-đơn tuy gọi là phú-quí, nhưng chỉ có sắc không có hương, không bằng hoa ngâu và hoa nhài có hương có sắc, không thăm lại không phai. Người con gái này giận người con trai chê mình xấu mà tham người đẹp, nhân làm thơ này đem hoa ngâu tự ví với mình, tuy không được như mẫu-đơn phú-quí, nhưng hoa ngâu vẫn có hương.

58. — Không sơn mà gấn như keo,
Không bùa không thuốc mà theo với
tình.

Để đầu dứt mối tơ mành,
Vì hoa nên phải lánh mình tìm hoa.

Thơ này cũng là lời hoa-nguyệt. Than ôi! một chữ tình làm cho người ta mê-mẩn cả tình-thần, dỗi-bại cả chí-khí, gấn như keo dính như rựa, gỡ mấy cũng không ra, cũng làm bậc anh-hung hào-kiệt, đa-mang một chữ tình thành ra mắc một cái lụy.

59. — Trên đầu em giắt hoa nhài,
Chớ cho ai hái nữa hoài hoa đi.
Nói đây có các cô di,
Làm thân con gái có thì mà thôi.
Cái duyên đã nửa phần đời,

Bấm gan chịu mãi với trời được ru?
Phen này quyết chí đi tu,
Con mắt lóng-lánh toan tu chùa nào?
Lập nghiêm tu chốn động đào,
Tu chẳng tu được tu vào với anh.
Con trai gheo gái làm thơ này.

60. — Em lại đây ăn một miếng trâu,
Chẳng ăn cầm lấy cho nhau bằng lòng.
Trâu này anh nghĩ có công,
Tự vua đến chúa cũng dùng nữa ta.

Con trai mời trâu con gái làm thơ này. Tục truyền đời vua Hùng-vương có một ông quan lang họ Cao, sinh được hai con trai, người con trai lớn nhân vì vợ mà ghét em, em bực bỏ đi, khi đi vào rừng cùng lối, khe nước sâu không thể lội qua được, bực mình đâm đầu xuống bên khe mà chết, người anh không thấy em về, đi tìm cũng đến chỗ khe ấy, tự nghĩ vì mình để em đi mất, bèn vật đầu vào cây cau mà chết. Sau người vợ không thấy em mà cũng không thấy chồng về, đêm ngày lấy làm buồn bực, hết sức đi tìm chồng tìm em, bất-ý đi đến chỗ ấy, thấy một cây cao trên ngọn có lá, chung quanh không có cành, ở dưới gốc có một giầy leo có lá mà thôi, nhân hỏi người thổ-trước họ mới kể sự-trang cho nghe, lâu lâu mới nghĩ ra, chồng mình và em mình chết ở đấy, bèn liều mình cũng chết nốt, sau hóa ra hòn đá vôi, người chồng hóa là cây cau, người em hóa là giầy trâu. Vua Hùng-vương bấy giờ đi tuần-du, bỗng-nhiên đi đến cái khe ấy, thấy có một cây cao có quả khác thường, sai các quần-thần bẻ cái quả ấy, hái cái lá ấy ăn thử, rồi nhò vào cái hòn đá ấy, hiện thành sắc đỏ, mới đem ba thức ấy hợp làm một, ăn thử có ý-vị thơm-tho, bèn mệnh danh là trâu cau, chiếu cho thiên-hạ phạm việc hôn-nhân tế-tự tất phải dâng thứ ấy.

61. — Cau non hạt tía lòng đào,
Trâu tằm cánh phượng rọc dao lưu-cầu.
Vôi thời tằm những vôi tàu,
Ở giữa đệm quế đôi đầu thơm thay.
Xin anh cầm lấy trâu này,
Dù mặn dù nhạt dù cay dù nồng.

Dù may nên đạo vợ chồng,
Đôi tay nâng lấy kéo lòng nhớ thương.
Cầm lược thời nhớ đến gương,
Cầm khăn nhớ túi nằm giường nhớ
chăn.

Người con gái mời trầu con trai làm thơ này, ý nói miếng trầu tuy là vật nhỏ-mọn, nhưng miếng trầu tri-kỷ rất là quý-báu, ăn miếng trầu ấy thì phải nhớ đến người tằm, cũng như là cầm lược nhớ gương, cầm khăn nhớ túi.

62. — Trời sinh nhan-sắc làm chi,
Hoa thơm ong bướm có khi động lòng.
Vi cam cho quýt đèo-bông,
Vi em nhan-sắc cho lòng tương-tư.
Thơ này con trai phải lòng con gái.

63. — Xin đừng bắc bạc làm cao,
Phèn chua ta đánh nước nào chẳng
trong.

Sông Thương nước chảy đôi dòng,
Đèn chong đôi ngọn em trông ngọn nào.
Muốn tắm mát lên ngọn sông Đào,
Muốn ăn sim chín tìm vào rừng xanh.
Hai tay em vùi hai cành,
Quả chín em bẻ quả xanh em đừng.
Bấy lâu anh ở trên rừng,
Chim kêu vợ nót nửa mừng nửa lo.
Sa chân bước xuống mạn đò,
Nửa toan buồn bán nửa lo sự đời.

Tỉnh Hải-dương, huyện Chí-linh, ở chỗ Lục-dầu-giang có con sông Đào, một ngọn nước trong một ngọn nước đục, và gần rừng có quả sim, người con trai này lên rừng buôn bán, ước với người con gái làm thơ này, đừng nên bắc bạc làm cao, đừng bèn nọ ngóng bên kia, để thêm lòng ái-ngại, nước sông Đào thì tắm mới mát, sim trên rừng thì ăn mới ngon, nhưng phải chọn quả chín, quả xanh đừng bẻ, cũng như người con gái kén chồng phải nên biết người biết của nếu đã biết nhau thời phải nên quyết chí, đừng để ta lâu nay phải lo buồn về sự nhân-duyên nữa.

64. — Thương nhớ ai lơ-lửng đầu
cầu,

Lược thưa biếng chải gương tàu biếng
soi.
Sập đá hoa bở vắng không ngồi,
Phòng loan lạnh ngắt đợi người tương-
tư.

Thương nhớ ai ra ngần vào ngõ,
Đêm quên giấc ngủ ngày mơ trận cười.

Người con gái tương-tư làm thơ này.

65. — Đồng-dăng có phố Kỳ-lừa,
Có nàng Tô-thị có chùa Tam-thanh.
Ai lên xứ Lạng cùng anh,
Tiếc công bác mẹ sinh-thành ra em,
Tay cầm bầu rượu nắm nem,
Mảng vui quên hết lời em dặn-dò,
Gánh vàng đi đổ sông Ngô,
Đêm đêm mơ tưởng đi mò sông Thương.
Vào chùa thắp một tuần hương,
Miệng khấn tay vái bốn phương chùa
này.

Đồng-dăng thuộc tỉnh Lạng-sơn, có núi Vọng-phu, là nàng Tô-thị, chùa Tam-thanh là núi Nhất-thanh, Nhị-thanh và Tam-thanh, trước triều Lê Cảnh-hưng, ông Ngô Thời-Sĩ người xã Thanh-oai tổng Thanh-oai huyện Thanh-oai, làm chức Tổng-trấn ở Lạng-sơn, mới gọi tên núi là núi Tam-thanh. Ông có văn-chương có chính-sự, chiêu dân khẩn ruộng, giúp yên trộm cướp, người xứ ấy nhớ công-đức làm đền kỷ-niệm ở núi Nhị-thanh, ở đấy thành một chỗ đô-hội. Ngô tức là nước Tàu, người Tàu thường sang thông-thương ở đó, bấy giờ người Trung-châu đem vàng bạc lên buôn bán với người Tàu, nhân vì bè-bạn vui chơi, bầu rượu nắm nem làm thích chí, rồi lại bị người Tàu lừa đảo, cờ gian bạc lận nỏ rút của mình mà mình cũng không biết, nhiều khi tiếc của ngần cả người ra, mơ-màng giấc mộng, tưởng là đi qua chuyển đò sông Thương đánh rơi mất, bỏ một nơi tìm một nơi, vâng thời chẳng thấy, thay trời với sông, tỉnh ra thời thấy của đã hết, ngồi nghĩ lại lúc bước chân ra đi những lời vợ dặn lại càng thêm ngán nỗi chua cay! Thời từ nay tu-tỉnh lại, đem tấc thành, nén hương lên chùa Tam-thanh, lạy thần-thánh giang-sơn a-hộ cho mình mạnh khỏe, buôn bán phát-tài, nhân làm thơ này hối-quá.

66.— Gánh vành đi đò sông Thò,
Đêm đêm to-trưởng ra mò sông Thương.

Sông Thò thuộc xã Kiệt-dặc huyện Chí-
linh tỉnh Hải-dương, ở gần đây cũng có sông
Thương. Vành là cái cụp đánh cá ; đêm đề
cụp một nơi mà đi tìm một nơi, nhân có
thơ này.

67.— Rủ nhau lên núi đốt than,
Anh đi Tam-diệp em mang non Tinh.
Củi than nhem-nhuốc với tinh,
Ghi lời vàng đá chớ đành quên nhau.

Núi Tam-diệp ở huyện Tống-sơn tỉnh
Thanh-hóa, núi có ba bậc gọi là Tam-diệp,
non Tinh tức là núi Bằng-tinh kề sông Mã-
giang cũng thuộc tỉnh Thanh, người con gái
làm nghề đốt than, có nhân-tình với người
con trai, sau người nhân-tình đi ra Tam-
diệp nhớ nhau mà làm thơ này.

68.— Ước gì em hóa ra giới,
Bay đi bay lại tới nơi anh nằm.
Ước gì em hóa ra lằm,
Nhả tơ làm dện anh nằm cùng em,

Thơ này của người con gái, lời tuy hoa-
nguyệt nhưng vẫn thật chí-tình.

69.— Tiếng ai như tiếng chuông
vàng,
Xa nghe tưởng ngỡ tiếng nàng ta đây.
Tiếng ai như tiếng chuông đồng,
Xa nghe tưởng ngỡ tiếng chồng ta đây.

Thơ này của trai gái xướng-họa với nhau.

70.— Mấy khi rồng gặp mây đây,
Đề rồng than-thở với mây vài lời.
Rồi ra rồng ngược mây xuôi,
Biết bao giờ lại nổi lời thủy-chung.

Thơ này là tính-nhân gặp nhau.

71.— Chim khôn mắc phải lưới
hồng,
Ai mà gỡ được đèn công lạng vàng.
Vàng thời anh chẳng lấy vàng,
Anh mà gỡ được thời nàng lấy anh

Người con gái này, tự nghĩ mình như con
chim khôn, không may mắc phải tai-nạn,
hoặc là bị phải kiện-cáo chi đó, nhờ người
đàn ông ấy lo liệu, rồi ước lấy nhau, làm
thơ này.

72.— Muốn ăn mơ nổi mặn chòm,
Đề anh lặn-lội đi tìm của chua.
Thế - gian thấy bán thì mua,
Biết rằng mặn nhạt chất chua thế nào?

Thơ này là lời nói ví của người đàn ông,
kén vợ mà phải vợ không ra gì, cũng như
mua quả chua mà phải quả chát vậy.

73.— Ai lên ở vạn Đông-triều,
Xa quay ống suốt bỏ liều cho em.
Tay em rọc lá gói nem,
Người chị tếch mắt người em lộn chông.

Đông-triều thuộc tỉnh Hải-dương, chỗ ấy
trước có vạn thuyền buôn bán vui-vẻ; xa
quay ống suốt là nghề nữ-công của nước
ta, trước vẫn đem bông củi xe thành sợi
vải, rồi đánh ống để mặc củi, đánh suốt để
dệt vải. Thơ này người đàn bà nói, chông đi
Đông-triều việc nhà bỏ liều cho mình, nào
việc củi vải, nào việc gói nem lễ-bái cũng
một tay mình, chị dâu em dâu cũng chẳng
có người nào đỡ việc cho mình.

74.— Anh muốn trông anh lên ba
đội anh ngồi, một đội anh trông,
Trông thu-không ba hồi điếm-chỉ.

Anh ngồi anh nghĩ, thợ vắn thợ dài,
Trúc nhớ mai, thuyền-quyên nhớ
khách.

Quan nhớ ngựa bạch, bóng lại nhớ
cây,
Anh nhớ em đây bao giờ cho được đạo
vợ chồng,

Đạo vợ chồng chẳng trước thì sau,
Nghìn năm xin chớ quên nhau !

Bấy lâu vắng mặt khát-khao,
Bây giờ thấy mặt bằng trao lạng vàng.

Lời từ-khúc của tính-nhân nhớ nhau.

75.— Chạnh niềm nhớ bạn trương-tri,
Sầu riêng riêng những nặng vì nước non.
Anh sầu em một năm nay tròn,

Kề hai mươi bốn tiết, cảnh nam chờ chim Việt, gió bắc đợi ngựa Hồ.

Ai dám phụ ai mò,
Chỉ sầu riêng bận mãi, sầu vì tình mà bận mãi.

Ai làm nên xa ngái, cho kẻ Tấn người Tần.

Thơ nhớ bạn ở Nghệ-an.

76. — Ngày ngày đứng chực bên sông,

Hỏi thăm chú lái rằng chồng em đâu ?

Chồng em đi ngược sông Ngâu,
Buôn chè Mạn-hảo chuyển sau mới về.

Sông Ngâu ở châu Thủy-vĩ tỉnh Thái-nguyên, chè Mạn-hảo là thổ-sản ở đây, người ta thường tải về bán ở Trung-châu. Cầu trên người đàn bà hỏi, cầu dưới người lái thuyền trả lời.

77. — Thóc vàng thì gạo cũng vàng,
Anh yêu em cả họ-hàng cũng yêu.

Vi mà anh có lòng yêu,
Bảo em gánh đá Đông-triều cũng đi.

Đông-triều thuộc tỉnh Quảng-yên. Thơ này con gái ước con trai, ý nói thóc đã vàng gạo cũng không thể nào trắng được, chồng đã yêu vợ thì họ-hàng cũng không ai ghét được, vì dù có bụng quyết lấy em thì công việc của anh em xin lo liệu mọi đường, dầu việc nặng-nề đến như gánh đá Đông-triều em cũng không ngại.

78. — Ai lên phố Cát Đại-đồng,
Hỏi thăm cô Thắm đã chồng hay chưa.

Có chồng năm ngoái năm xưa,
Năm nay chồng rầy cô chưa có chồng.

Anh đây cô có bằng lòng,
Đề anh mua cốm mua hồng sang chơi.

Sang chơi cô đã có chồng,
Đề cốm anh mốc đề hồng long tai.

Tưởng rằng long một long hai,
Chẳng là long cả trăm hai quả hồng !

Tục nước ta thường hay hỏi vợ về tháng tám tháng chín, mùa ấy có hồng cốm là giai-vị, cho nên hỏi vợ hay dùng thứ ấy. Thơ này người con trai ước lấy cô Thắm, nhưng cô ấy đã lấy người khác, mất rồi.

79. — Đường lên xứ Lạng bao xa,
Cách một cái núi với ba quãng đồng.

Ai ơi, đứng lại mà trông,
Kìa núi Thành-Lạng kìa sông Tam-cờ.
Anh chớ thấy em lắm bạn mà ngờ,
Bụng em vẫn trắng như tờ giấy phong.

Thơ này người con gái bảo người tình nhân.

70. — Trúc xinh trúc mọc đầu đình,
Em xinh em đứng một mình cũng xinh.

Trúc xinh trúc mọc bờ ao,
Em xinh em đứng chỗ nào cũng xinh.

81. — Bao giờ cho đá mọc mầm,
Thì ta kết nghĩa tri-âm với mình.

Bao giờ chuối hột làm đình,
Gỗ lim ăn ghém thì mình lấy ta.

Bao giờ chạch đẻ ngon da,
Bỏ-câu để nước thì ta lấy mình.

Con gái chê con trai làm thơ này.

82. — Bông đào chói-chói nở ra,
Giơ tay muốn hái sợ nhà có cây.

Lạ-lùng anh mới tới đây,
Thấy hoa liền hái biết cây ai trồng.

83. — Chè đây lấy dấy sao đành,
Em chè cam sành lấy phải quit hỏi.

Quit hỏi bán một đồng mười,
Cam ba đồng một quit ngồi tro-tro.

Nào khi gánh nặng anh chờ,
Qua cầu anh đợi bây giờ quên nhau.

84. — Nàng về già gạo ba giăng,
Đề anh gánh nước Cao-bằng về ngâm.

Nước Cao-bằng ngâm gạo thì trắng gạo,

Anh biết rằng em có liệu được chăng.
Trần trần như cuội cung trăng,

Biết rằng cha mẹ có bằng lòng không ?
Đề anh chờ đợi luống công.

85. — Cây ngô-dồng cành cao cành thấp,

Ngon ngô-dồng lá dọc lá ngang.

Quả dưa gang ngoài xanh trong trắng,
Quả mướp đắng ngoài trắng trong vàng.

Từ ngày anh gặp mặt nàng,
Lòng càng ngao-ngán dạ càng ngần-ngợ.
Thơ này lời con trai hoa-nguyệt.

86. — Rủ nhau lên núi Ba-vi,
Iấy bốn hòn đá về kê chân giường.
Kéo chân giường lệch, kéo chệch
chân giường,
Kéo còn đi nhớ về thương.
Thơ này cũng là lời trai gái hoa-nguyệt.

87. — Lên chùa lạy Phật Thích-ca,
Lạy ông Tam-thế vua cha Ngọc-hoàng.
Trở ra kết nghĩa cùng chàng,
Túi anh có nhân cho nàng đeo tay.
Dù ai bắm chỉ nàng đây,
Thì nàng cũng giữ nhân này cho anh.
Ngạn có câu: trẻ vui nhà, già vui chùa, nếu
những người thiện-nam tin-nữ mà hay đi
chùa vẫn cảnh thường sinh ra những sự
hoa-nguyệt, xem thơ này thời nên biết người
trẻ tuổi không nên vui chùa.

88. — Em là con gái đường trong,
Em đi thuyền dưới mắt lòng thuyền
trên.

Ba năm ăn ở thuyền trên,
Bồi anh thuyền muối cho nên mặn-mà.
Bước xuống thuyền chân dạn díp ba,
Bồi anh hàng trứng hóa ra đôi lòng.

Con sông Thương nước chảy đôi
dòng,
Đèn khêu hai ngọn em trông ngọn nào?

89 — Chợ tỉnh Đông một tháng sáu
phiên,
Gặp cô hàng sén kết duyên vừa rồi.
Gánh hàng anh những quế cùng hồi,
Có mọt bồ-kếp có nôi phèn chua.
Có hương thơm xếp để bên bồ,
Trần-bì cam-thảo sài-hồ hoàng-liên.
Hàng em đáng giá bao tiền ?
Đề ta xếp vốn ta liền buôn chung.
Buôn chung ta lại bán chung,
Được bao nhiêu lãi ta cùng chia nhau.

Người con trai bán thuốc bắc chim có
hàng sén làm thơ này.

90 — Em rằng em muốn đi buôn,
Ta về kiếm chốn nha-môn ta mãn.
Dù em buôn bán xa gần,
Làm sao tránh khỏi cửa tuần anh đây.

Triều vua ta trước các cửa sông có đặt ra
tuần để tuần-phòng những thuyền bè đi lại
thì đánh thuế, cũng như sở Thương-chính
bây giờ. Thơ này người ngồi cửa tuần ghẹo
người con gái đi buôn.

91. — Dù em buôn chỉ bán tơ,
Buôn ngọn sông Bờ bán ngọn sông
Thao.

Nước sông Thao biết bao giờ cạn,
Núi Ba-vi biết vạn nào cây.
Nào nhà anh tú đầu đây ?

Sông Bờ nay thuộc Hòa-bình. Người con,
gái đi buôn, phải lòng anh tú, nhân có thơ này

92 — Mưa từ trong Quảng mưa ra,
Mưa khắp thiên-hạ mưa qua chùa Thầy.
Đôi ta đã gặp nhau đây,
Như con bò gầy gặp đám cỏ non.

93. — Đem qua có ngủ xin thề,
Phần thi muôi đốt phần mê sự đời.
Cầm bằng chẳng ngủ đêm nay,
Đề mai ta sẽ lấy ngày làm đêm.

Hai chương này cũng là lời trai gái hoa-
nguyệt với nhau.

94. — Trách cha trách mẹ nhà chàng,
Cầm cân chẳng biết rằng vàng hay thau.
Thật vàng chẳng phải thau đâu,
Đừng đem thử lửa cho đau lòng vàng.

Người đàn bà gặp bố mẹ chồng cay nghiệt
phân-nân làm ra thơ này, ý nói mình cũng
như vàng mà còn phải thử.

95. — Thà rằng chẳng biết thi đùng,
Biết chỉ dan-diu nửa chừng lại thôi.
Thà rằng chẳng biết cho xong,
Biết thi như mứt như đong lấy sầu.
Thơ này người nhân-tình trong-tư.

96. — Tiếc thay cái tấm lụa đào,
Áo rách chẳng vá vá vào áo tôi.

Trời kia có thấu chẳng trời,
Lựa đào đem vá áo toi sao đành?

Thơ này người con gái than mình như
lấm lựa đào, mà lại gặp duyên người chồng
không ra gì.

97. — Ai vô quán Đúc chợ Cầu,
Đề thương đề nhớ đề sầu cho ai?

Đề sầu cho khách vắng lai,
Đề thương đề nhớ cho hai cô hàng.

Chợ Cầu thuộc tỉnh Quảng-bình, thơ này
cũng là tình-nhân nhớ nhau

98. — Trên trời có đám mây xanh,
Ở giữa mây trắng chung quanh mây
vàng.

Ước gì anh lấy được nàng,
Thời anh mua gạch Bát-tràng về xây.

Xây dọc rồi lại xây ngang,
Xây hồ bán-nguyệt cho nàng rửa chân.

Hồ bán-nguyệt là cái hồ như nửa mặt
trăng vậy. Bát-tràng thuộc tỉnh Bắc-ninh,
làng ấy có lò đúc bát, và có thứ gạch dày
mà tốt, có tiếng xưa nay. Người trai ước với
người con gái như thế, dễ tỏ lòng qui-hóa
của mình.

99. — Hà-nội ba-mươi sáu phố-
phường,
Hàng mật hàng đường hàng muối
trắng tinh.

Từ ngày anh phải lòng mình,
Mẹ cha đi dinh đã mấy mươi phen.

Nàng quen anh chẳng nên quen,
Lâm bạn mất bạn ai đền ơn cho.

Thành Hà-nội là thành Thăng-long, đời vua
Lê Cảnh-tòa khoảng năm Cảnh-hưng
Trịnh Doanh trồng tre đập lũy, đặt ra tám
cửa thành, chọn lính tuần-cảnh để canh-
phòng cho nghiêm-mật, lại đặt ra ba-mươi-
sáu phố phường, đến nay thành-phố canh-
cải, nhưng tên phố vẫn còn như trước. Chỗ
ấy là chỗ phồn-hoa, trai tửu-chiêng gái giang-
hồ, đủ thứ người không thiếu. Thơ này
người đàn bà có ý trách người tình-nhân
đi lại không được thật bụng.

100. — Trai làng ở góa còn dòng,
Sao em đã vội lấy chồng ngụ-cư?

Ngụ-cư thì mặc ngụ-cư,
Lắm tiền lắm thóc cũng như người
làng.

Câu trên con trai nói mỉa người con gái
câu dưới người con gái trả lời.

101. — Trách người quân-tử vụng
suy,

Có dân thiên-lý mà che manh-mảnh.

Trách người quân-tử bạc tình,
Có gương mà để bên mình chẳng soi.

Người đàn bà gặp phải chồng ghét làm ra
thơ này.

102. — Trách người quân-tử bạc tình,
Chơi hoa mà nở bẻ cành bán rao.

Người đàn bà phải chồng ruồng-rẫy, lại
vu cho những tiếng xấu-sa, nên làm thơ này.

103. — Vợ anh như ngọc như ngà,
Anh còn tình-phụ nữa là thân tôi.

Vợ anh như thể đĩa xôi,
Anh còn tình-phụ nữa tôi cơm dền.

Người đàn bà chê người đàn ông bỏ
vợ, không chịu lấy, làm ra thơ này. Ý nói
vợ anh đẹp và giàu anh còn tình-phụ, nữa
là tôi xấu mà nghèo, thì anh ăn ở với tôi
làm sao được.

104. — Xưa tôi ở với mẹ cha,
Mẹ cha yêu giầu như hoa trên cành.

Bây giờ tôi ở với anh,
Anh đánh anh đập anh tình phụ tôi
bất xấu nạn chẳng nên nời,
Anh đi lấy vợ để tôi lấy chồng.

Anh thời lấy vợ cách sông,
Để tôi lấy chồng liền ngõ anh đây.

Người con gái bỏ chồng có ý mỉa-mai một
câu rất sâu-sắc mà làm thơ này.

105. — Mẹ tham một thúng bánh
chung,

Tham con lợn béo để lưng em chịu đòn.

Bánh chung ngon thậm là ngon,
Lưng em chịu đòn đau thậm là đau.

Tục nước ta hỏi vợ, ngày tết phải đi tết bánh chưng, người đàn bà trách cha mẹ tham lễ-vật mà gả cho người độc-ác, làm ra thơ này.

106. — Mẹ sinh con trai làm chi,
Đầu gà má lợn mang đi cho người.

Mẹ sinh con gái như tôi,
Đầu gà má lợn mẹ ngồi mẹ ăn.

Người con gái lấy được chồng giàu có
ý lên mặt với anh em bên mình, và cậy
mình nuôi được mẹ, làm ra thơ này.

107. — Khoai chẳng ngựa cũng lẩn-
tần,
Mẹ chồng chẳng độc cũng lẩn-nhẫn với
dâu.

Thực-thà cũng thế lái trâu,
Thương yêu cũng thế nâng dâu mẹ
chồng.

Khoai ngựa thì vẫn ngựa không ngọt bao
giờ, lái trâu vẫn quen thói lừa đảo, không có
thực-thà, mẹ chồng đối với nàng dâu có dạy
bảo chữ mắng điếu nọ tiếng kia, chẳng cay
nghiệt cũng ra cay nghiệt, thói đời như thế
là thường.

108. — Ớt nào là ớt chẳng cay,
Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng,
Măng non nấu với gà đồng,
Chơi nhau một mẻ xem chồng về ai.

Gái có máu ghen cũng như ớt có tinh cay,
vợ với chồng hòa hợp cũng như măng non
với gà đồng, hai vị ấy nấu lẫn với nhau
thời mới phải mùi. Người đàn bà này bực
về chồng say mê người vợ thiếp, nổi máu
ghen giở thói Hà-dông sư-tử mà làm ra thơ
này.

109. — Ngày xưa anh ở trong phòng,
Bây giờ anh đã vào trong hàng thuyền.
Hai tay bưng đĩa trà viên,
Trước lạy hàng thuyền sau chiềng
ông cai.

Chồng tôi tham sắc tham tài,
Một chĩnh hai gáo hẳn rồi không yên.
Cho tôi chiếc đĩa đồng tiền,
Anh đi lấy vợ tôi xin lấy chồng.

Người chồng đi buôn thuyền, nhân-tình
nhân-ngãi với người khác, không đi lại
với người vợ cả, vì thế người vợ lấy đĩa
trà phân trình với ông cai và hàng thuyền,
rồi bẻ chiếc đĩa đồng tiền, thế không lấy
người chồng ấy nữa.

110. — Một thuyền hai lái chẳng
xong,
Một chĩnh hai gáo còn nong tay vào.

Tiờ này ý nói trong nhà một vợ một
chồng thì mới yên, nếu hai vợ thì sinh ra
nhiều sự lời-tôi, cũng như thuyền hai lái
chĩnh hai gáo vậy.

111. — Em đây thua sắc thua tài,
Em chịu lui xuống để người khác lên.

Thơ này người đàn bà thấy chồng lấy vợ
hại, mà nói giễu như thế.

112. — Em khôn em ở trong bồ,
Chị dại chị ở Kinh-dô chị về.

Trong bồ là chỗ nhà què, kiến-thức hẹp-
hòi, sao bằng chỗ Kinh-dô là chỗ phồn-hoa,
thiếu gì lời khôn-ngoa, cách lịch-sự. Thơ
này là người vợ cả nói mỉa người vợ hai.

113. — Mèo lành ai nỡ cắt tai,
Gái kia chồng rầy khoe tài chỉ em.

Con gái đã phải chồng rầy, chẳng hư nề
nọ cũng hồng nề kia, cũng như con mèo
đã cắt tai thời không dùng được nữa.

114. — Con ngựa trắng mà thảng
giày cương thừng,
Con người lịch-sự ốm lưng ông lão già.
Nào ai có biết sự nhà,
Ra đường người hỏi rằng cha hay
chồng.

Nói ra nó cực trong lòng,
Gọi cha không phải gọi chồng sao đang.

Con ngựa trắng là ngựa đẹp, thời phải
dùng giày cương bằng da, nếu giày cương
bằng thừng thì không xứng, chồng là
cương-kỷ cho vợ, vợ trẻ mà phải chồng già,
nhân làm thơ này.

115. — Thấy em là gái hữu-tình,
Vậy nên anh phải lánh mình tới đây.

Bây giờ đàn đã bén giây,
 Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên
 ta.

Ở nhà nhờ mẹ nhờ cha,
 Đến đây nhờ có bà già mà thôi.
 Nên chẳng bà nói hộ tôi,
 Để tôi tình trước với người tri-âm.

Tục nước ta lấy vợ phải có người mối,
 người con trai này đã có ước với người con
 gái làm bạn sắt cầm, nhưng còn e bố mẹ họ
 có bằng lòng gả hay không, nên phải mượn
 bà lão làm mối mà làm ra thơ này.

116. — Tay tiên rót chén rượu đào,
 Đồ đi thì tiệc uống vào thì say.
 Chẳng chề chẳng chén sao say,
 Chẳng thương chẳng nhớ sao hay đi tìm.
 Tìm em như thề tìm chim,
 Chim ăn bẻ bấc đi tìm bẻ đồng.

Người con trai trước hẹn với người con
 gái làm bạn tri-âm, sau người gái ấy đi mất,
 có ý thương tiếc làm thơ này.

117. — Mẹ mình khéo để mình ra,
 Để mình gốc bưởi để ta cành bông.
 Ngõ là mình thực một lòng,
 Để ta đeo bông đi sớm về trưa.
 Ai ngờ ra dạ đong-đưa,
 Lại chề lươn vắn mà ưa chạch dài.
 Tham vàng bỏ nghĩa em ơi,
 Vàng thì ăn hết nghĩa tôi hãy còn.

Người con gái trước có ước lấy người
 con trai này, sau lại bỏ đi lấy người khác,
 người con trai oán hối làm ra thơ này.

118. — Cây cao gió dật ùng-ùng,
 Ai về đường ấy hẳn cùng đôi cô.
 Nhà anh lắm việc hồ - đồ,
 Vợ con chưa có biết nhờ cậy ai.
 Xưa nay cây những người ngoài,
 Đường kim mũi chỉ mượn người vá
 may.

Tình cờ bắt gặp nàng đây,
 Mượn cắt cái oá mượn may cái quần.
 May rồi anh sẽ hồi công,
 Em đi lấy chồng anh lại giúp cho.
 Giúp em một thùng xôi mùa,

Một con lợn béo một vò rượu tăm.
 Giúp em đôi chiếu em nằm,
 Đôi chăn em đắp đôi trăm em đeo.
 Giúp em quan sáu tiền cheo,
 Năm quan tiền cưới lại đèo buồng cau.

Hồi công là trả công, xôi mùa là xôi nếp
 cái mùa, rượu tăm là rượu ngon đặc cất
 tâm mà uống, đôi trăm là vòng khuyên đeo
 tai, tiền cheo là nộp tiền cheo cho làng ;
 người con trai ước lấy người con gái, mà
 khéo đặt ra thơ này.

119 — Thiếp như mĩa tiến vừa tơ,
 Chàng như con bướm giật-giờ đợi ai.
 Non cao sóng hãy còn dài,
 Thương nhau đã dễ bằng mười phụ
 nhau.

Thơ này người ở tỉnh Thanh-hóa e người
 tình-nhân không thật bụng lấy mình. Mĩa
 tiến, là mĩa ngon tiến vua.

120. — Chân đi chẳng tới hồi chân ơi,
 Chân đi chẳng tới chân ngồi xuống đây.
 Ngồi buồn tính đổi ngón tay,
 Tính đi tính lại ngón này hơn trăm.
 Tính tháng rồi lại tính năm,
 Tính tháng tháng hết tính năm năm rồi.
 Đòi ta biết thừa nào người.

Thơ này ở châu đ-gạc-hạc tỉnh Thanh, lời
 trai gái hoa-nguyệt với nhau.

121. — Tối hôm qua trăng sáng lơ-mờ,
 Em đi gánh nước tinh-cờ gặp anh.
 Vào vườn bẻ quả cau xanh,
 Bỏ ra làm bốn mời anh xơi trâu.
 Thơ này cũng là trai gái hoa-nguyệt.

122 — Sơn lâm mấy cõi tương vàng,
 Cây bao nhiêu lá thương nàng bấy
 nhiều.

Anh qua điểm ngói bên đình,
 Đình bao nhiêu ngói thương mình
 bấy nhiều.

Thơ này người con trai tương-tư con gái.

123. — Cửa chùa ai thấy cũng thêm,
 Em cho chị mượn chồng em vài ngày

— Chồng em có phải trâu cày,
Mà chị lại mượn cả ngày cùng đêm ?

Lời thời-nhân chê người con gái quyền
rủ chồng người ta, cho nên đặt ra thơ này.

124. — Đưa chàng ra cửa Nam-quan,
Chim trăm giọng hót hoa ngàn hương
Nhớ ai sớm đợi trưa chờ, [đưa.
Nhớ ai ai nhớ bây giờ nhớ ai.

Vua Lê Chiêu-thống mất nước chạy sang
Tàu, các qua i theo hầu, vợ con các quan
tiên chân ra cửa Nam-quan rồi trở lại,
trông chòm hoa nở, nghe giọng chim kêu,
động lòng thương nhớ, nhân làm thơ này.

125. — Mẹ ơi con chẳng lấy đàn,
Dù xa dù gần lấy khách mà thôi.
Lấy khách được mặc áo đôi,
Được đi hải đảo được ngồi ghế cao.

Người Tàu sang ta trước vẫn có bím, ta
gọi là đuôi xam ; người mình là chủ, người
Tàu ở ngoại-quốc đến là khách, người con
gái muốn lấy khách làm thơ này.

126. — Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống ruộng cà hái nụ tầm-xuân.
Nụ tầm-xuân nở ra cánh biếc,
Em đi lấy chồng cũng tiếc em thay !

127. — Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng như cá cắn câu.
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,
Chim vào lồng biết thưa nào ra.

128. — Thầy thiếp là thầy thiếp ơi,
Nay chuồng mai trống cho tôi động lòng.
Chín con tôi bỏ cho chồng,
Tôi theo thầy thiếp cực lòng tôi thay.

Thầy thiếp là người đánh đồng-thiếp để
thăm người chết, người đàn bà bỏ chồng
đi theo thầy thiếp, người ta chê mà làm thơ
ây.

129. — Cá buồn cá lội thung-thăng,
Em buồn em biết đái-đăng cùng ai ?
Phương đông chưa mọc sao mai,
Đông-hồ cạn nước biết ai hạn cùng,

Khi trước ta làm đông-hồ như hình cái
gáo, dưới có lỗ để chảy nước, mỗi một trống
canh thời chảy hết một gáo nước. Thơ này
đem nhớ người tình-nhân.

130. — Đố ai đốt cháy ao bèo,
Đề anh gánh đá Đông-triều về ngâm.
Bao giờ cho đá mọc mầm,
Thời anh kết ngãi tri-âm với nàng.

Đá Đông-triều ngâm mấy cũng không thể
mọc mầm được, ao bèo đốt mấy cũng không
thể cháy được, người đàn ông quyết chí bỏ
vợ, cho nên làm thơ này.

131. — Anh đây mục-hạ vô-nhân,
Anh ngồi anh gửi cái xuân cô nảo-
nùng.

Những phường áo tía quần hồng,
Anh thề anh chẳng có trông đũa nào.
Lấy anh đi rồi cho hào,
Dù ngắm dù nguyệt dù sao mặc mình.

Câu hát xâm, lời tuy hoa-nguyệt, nhưng
cũng là thơ người hiền-sĩ bi-thời mất-thế.

132. — Lưỡi câu vàng anh buộc chỉ
vàng,
Mua cái mồi ngọc quăng sang sân rồng.
Người ta câu bể câu sông,
Tôi chỉ câu lấy con ông cháu bà.

133. — Ai lên nhẩn-nhủ hàng bông,
Có muốn lấy chồng thì xuống Nguyệt-
viên.

Nguyệt-viên lắm bạc nhiều tiền,
Lại có ao liền tắm mát nghỉ-ngơi.

Làng Nguyệt-viên thuộc huyện Hoảng-hóa
tỉnh Thanh, người làng ấy ước lấy chị hàng
bông làm ra thơ này.

(Còn nữa)

TBIÊN-BÌNH

DANH-NHO NƯỚC TÀU

Thiệu Ung

Thiệu-Ung 邵雍 là một kẻ nhà nho cao-minh hào-dật hồi nhà Tống. Tiên-sinh tên tự là Nghiêu-phu 堯夫, nguyên là người đất Phạm-dương, sau dời ở huyện Cung-thành. Lúc bé tự cho cái tài mình là hùng-vĩ hơn người, kịp khi đã vào học, hết sức khuyh-mộ về đờng cao-minh, kỳ cho thoát-lý lối tục-học. Kết cái thảo-lư ở trên núi Tô-môn nguồn Bách-nguyên để đọc sách, tự mình cần-khổ nghiêm-khắc, mùa đông chẳng đốt lò, mùa hè chẳng cầm quạt, đêm ngủ chỉ tựa ghế chẳng ngã xuống giường, như vậy có mấy năm. Có viên Cung-thành-lệnh là Lý Chi-Tài hiệu là Bắc-hải, là người thâm-thúy về lẽ kinh Dịch, nghe tiên-sinh có chí cần-học, đến tận chỗ sơn-lư bảo tiên-sinh rằng : « Nhà ngươi đã từng được nghe cái thuyết giảng về nhân-tính vật-lý thiên-sở thiên-tượng đấy hay chưa ? » Tiên-sinh thưa rằng : « Chưa được nghe, xin thu-giáo. » Tiên-sinh mới thờ Lý Chi-Tài làm thầy, đem sách Dịch truyện của Lý về học. Tiên-sinh dò xét được chốn u-ẩn, giác-ngộ được chốn thần-bí, phần nhiều tự mình hiểu được, không đợi thầy truyền,

Tiên-sinh lại khảng-khái nói rằng : « Người xưa từng bảo rằng làm bạn với cỏ-nhân. Song-le ta chưa kịp đi khắp bốn phương, ta muốn đi khắp bốn phương làm bạn với thiên-hạ-sĩ, sẽ về làm bạn với cỏ-nhân. » Rồi tiên-sinh đi đất Ngô, sang đất Sở, qua đất Tề đất Lô, chơi đất Lương đất Tấn, ít lâu rồi về, nói rằng đạo ta ở đó vậy. Lúc ấy tuổi đã ngoài ba mươi, chơi ở đất Hà-nam, vui thích trên dòng sông Y, mới định chỗ ấy là chỗ ở. Nhà tranh, tường đất, ngày thường trong nhà rộng

không, mà vẫn rất lấy làm vui-vẻ, hàng năm cày cấy, chỉ đủ cung-cấp cơm ăn áo mặc. Đặt tên chỗ ở gọi là An-lạc-oa, nhân tự đặt hiệu là An-lạc tiên-sinh. Hàng ngày cứ buổi sớm thì đốt hương ngồi tĩnh, kịp buổi trưa thì rót rượu hai ba chén, hơi thấy say thời thôi ngay, không bao giờ để đến say quá. Cho nên tiên-sinh thường có thơ rằng : « Uống rượu chỉ nên hơi chiuên-choáng, xem hoa đừng khiến đến toi-bời. » Lại hay ngâm vịnh, đối cảnh cảm-hứng, thì liền ngâm thơ để tự-thích. Cứ đến mùa xuân mùa thu khí trời êm-ái, thường hay ra chơi trong thành hoặc ngoài thành, khi ra thì cưỡi một cái xe nhỏ, có một người kéo, cũng không chuẩn-dịnh là đi đến chơi đâu, chỉ tùy ý sở-thích mà thôi, cho nên tiên-sinh có thơ rằng : « Trên gác cao trông hoa tựa gấm ; dưới xe nhỏ ruồi cỏ như mây. » Các nhà sĩ-phu ở quanh vùng ấy đều biết tiếng xe tiên-sinh, tranh nhau ra đón tiếp. Trẻ con các nhà ấy cũng reo rằng : « Tiên sinh nhà ta đã đến. » Hoặc có kẻ lưu tiên-sinh ở trong nhà một hai ngày, tiên-sinh cũng ở rồi mới đi. Hoặc có kẻ hiểu-sự sửa-sang ra một nơi biệt-thất, quang-cảnh giống như chỗ tiên-sinh ở, để đón tiên sinh đến, gọi chỗ ấy là chỗ hành-oa. Tiên-sinh với ông Tư-Mã Quang đời bấy giờ đều trừ-danh là bậc thuân-đức. Người địa-phương kính mến lắm, thường răn bảo nhau rằng chớ là điều bất-thiện, sợ Tư-mã-công với Thiệu tiên-sinh biết. Sĩ-phu đời ấy đến làm quan đất Lạc-dương, có nhiều người chữa đi vào trong công-phủ, mà trước đã đi đến thăm tiên-sinh, lấy sự được tiếp-kiến tiên-sinh làm hân hạnh. Tiên sinh đức túy khi hòa, ai trông thấy cũng biết ngay rằng là bậc hiền-

giả. Ngày thường ở nhà, vui cười suốt ngày, chẳng làm sự gì khác người cho lắm. Cùng người nói chuyện, tất nói về đường nhân nghĩa trung-lin. Hay vui lòng biểu-dương những điều thiện của người, mà chẳng bộc-bạch những điều ác của người. Hàng người vô-luận kẻ sang kẻ hèn, kẻ lớn kẻ bé, tiên-sinh nhất-khái tiếp-đãi lấy điều thành-thực; cho nên người quân-tử thì vui về đạo-đức, kẻ tiểu-nhân thì phục về độ-lượng. Đời Nhân-tôn năm Da hựu, ông Phú-Bật làm lễ-tướng, ông Văn-Ngạn-Bác làm đại-sứ đất Hà-nam toan dùng tiên-sinh, đem lễ lưỡng-phủ triệu-kiến tiên-sinh, tiên-sinh chẳng chịu khuất. Quan Lưu-thủ là Vương Cung-Thần cử tiên-sinh làm chức Trung-tác chủ-bạ, tiên-sinh cố từ chẳng tựu-chức. Đời Thần-tôn năm Hi-ninh thứ hai, triều-đình cử kẻ di-dật, lễ-tướng là Lã Hối tiến tiên-sinh lĩnh chức Đinh-xuyên đoàn-luyện thối-quan, tiên-sinh lại cố từ chẳng tựu-chức. Năm Hi-ninh thứ ba Vương An-Thạch làm tướng, thi-hành phép mới, thiên-hạ tao-động. Đẳng quân-tử là lũ ông Phú-Bật, Tư-Mã Quang, Lã Công-Tử các người, đều từ chức lui về ở đất Lạc-dương, vốn trọng tiên-sinh, cùng tiên-sinh giao-du thân-mật, vì tiên-sinh mua vườn mua đất làm nhà. Lúc ấy kẻ cố-cựu với tiên-sinh, có nhiều người muốn làm một bài hặc tội Vương An-Thạch, rồi từ chức mà đi, đến bàn với tiên-sinh. Tiên-sinh nói rằng: « Phép mới của An-Thạch, tuy rằng hại dân, nhưng chính là cái lúc kẻ hiền-giả nên tận-lực, có thể cứu giúp cho dân được phần ấy, thì dân chịu hạnh-phúc được phần ấy, chứ đưa hặc tội mà bỏ đi thì ích gì. » Lúc ấy An-Thạch lại tiến dẫn Lã Huệ-Khanh làm chức tham-chính, Huệ-Khanh vốn là kẻ gian-hoạt tiểu-nhân. Ông Phú-Bật thấy thế, có sắc lo buồn. Tiên-sinh nói rằng: « Phú-công đừng lo, An-Thạch, Huệ-Khanh hai người ấy, vốn vì thế-

lợi kết-hợp với nhau, hễ thế-lợi mà ngang nhau, thì tất tự họ lại trừ-dịch nhau ngay, chẳng kịp làm hại người đâu. » Chẳng bao lâu, Huệ-Khanh quả-nhiên lưỡng-phản An-Thạch bị bãi-tướng.

Bắt đầu năm Hi-ninh, tiên-sinh ở đất Lạc-dương, chợt nghe có tiếng chim đỗ-quyển kêu. Tiên-sinh nói rằng: « Lạc-dương tự xưa vốn không có tiếng đỗ-quyển, nay có là điềm chẳng hay, thế là địa-khí tự nam sang bắc. Sau này nhà vua tất dùng người phương nam làm lễ-tướng, lấy học-thuyết loạn thiên-hạ. » Sau quả-nhiên có Vương An-Thạch. Tiên-sinh tri-lự hơn người, gặp việc thường hay biết trước. Ông Trình Minh-Đạo có nói rằng: « Tiên-sinh trong tám hư-không và mình-sắc, cho nên gặp việc thường hay tiên-tri, khác với những nhà chiêm-nghiệm như lũ người Kinh-Phòng người Quách Phác. » Tiên-sinh mất, tuổi sáu-mươi-bảy, triều-đình tặng tên thụy là Khang-tiết tiên-sinh. Tiên-sinh sở trước-thuật, có sách Hoàng-cực kinh-thế sáu-mươi-bốn thiên, sách Quan-vật nội-ngoại-thiên, truyện Ngu-tiêu vấn-đối, truyện Vô-danh-công. Tập thơ của tiên-sinh gọi là Kịch-nhưông-tập. Những sách của tiên-sinh bình-nhật làm ra, về chốn tâm-thuật tinh-vi, thì ở sách Hoàng-cực kinh-thế. Về chốn đời tình gửi ý, thì ở tập thơ Kinh-nhưông. Nào sự nghiệp hoàng-vương để-bá, và thời-tự xuân hạ thu đông, nào khí-vận âm-dương ngũ-hành, nào cảnh-tượng phong-vân nguyệt-lộ, thảo-mộc sơn-xuyên, tùy-ý sở-thích, sai-lạc quán-thông, trong tâm không một chút gì trệ-ngại, thực là một bậc phong-lưu nhân-hào. Tự nhà Tần nhà Hán về sau, hàng chư-nho không người nào có cái khi-tượng ấy.

Tiên-sinh là người lúc nào cũng thần-nhàn khí-định, xử-trí mọi việc rất

được tinh-dáng. Tiên-sinh thường ở trong núi sâu miền Bách-nguyên, mở ra một cái thư-lai, một mình tu-dưỡng ở trong ấy, người bạn tiên-sinh là Vương Thăng-Chi thường thường thừa lúc trống lổ lại thăm tiên-sinh, lúc nào cũng thấy tiên-sinh ở dưới ngọn đèn xanh, khăn áo ngồi nghiêm-chỉnh, dẫn đến đêm khuya cũng vẫn thấy như thế. Vì tiên-sinh tu-dưỡng được cái thể chí-linh, cho nên trông thấy được đạo-lý chốn tinh-minh.

LỜI NGƯ-TIÊU VẤN-ĐỐI

(Tiên-sinh đặt ra lời vấn đáp đề luận về cái nghĩa huyền-diệu của tinh-mệnh đạo-đức.)

Kẻ ngư-giả đủ cần câu, câu cá ở trên sông Y-thủy. Kẻ tiêu-giả đi qua, đặt gánh củi nghỉ vai, ngồi ở trên hòn bàn-thạch mà hỏi kẻ ngư-giả rằng : « Tất là củi của tôi giúp nên việc cho cá của bác đấy phải không ? » Ngư-giả đáp rằng « phải. » — Tiêu-giả nói rằng : « Tôi biết rằng tôi hữu-dụng với bác đó vậy. » — Ngư-giả nói rằng : « Củi là thể củi, cá là thể cá, tất phải đợi lửa rồi sau mới thành là dụng. » — Tiêu-giả hỏi rằng : « Thế nào là dụng, có thể được nghe chăng ? » — Ngư-giả đáp rằng : « Dụng đó là đối với vạn-vật có cái thủ-đoạn khéo khôn ấy vậy, có thể lấy ý mà hội, chẳng có thể lấy ngôn mà truyền, dấu thánh-nhân cũng chẳng có thể truyền ra ngôn-ngữ được. » — Tiêu-giả nói rằng : « Thánh-nhân đã chẳng có thể truyền ra ngôn-ngữ, thế thì kinh Dịch, kinh Thi, kinh Thư, kinh Lễ, kinh Nhạc, kinh Xuân-thu, sáu kinh chẳng phải là ngôn-ngữ của thánh-nhân đấy ư ? » — Ngư-giả nói rằng : « Đáng thời rồi sau mới ngôn, ngôn gì mà ngôn. » Hai người mới bẻ củi nướng cá, cùng nhau ăn thích mà bàn kinh Dịch.

Tiêu-giả với ngư-giả vấn-đáp với nhau rằng : « Trời nương vào đâu ?

— Nương với đất. — Đất phụ vào đâu ?
 — Phụ với trời. — Thế thì trời đất nương đâu phụ đâu ? — Cùng nương phụ với nhau, trời đất chẳng ngoài hình với khí, hình vậy còn có bờ bến, khí vậy không có bờ bến. » Tiêu-giả lại hỏi rằng : « Bác dùng đạo gì mà được cá ? » — Ngư-giả đáp rằng : « Tôi dùng cần trúc, giầy tơ, phao nổi, phao chìm, lưới câu, mồi câu, sáu cái vật ấy mà được cá, đủ sáu cái vật ấy là việc người, được cá với chẳng được cá là việc trời ; nếu sáu cái vật ấy chẳng đủ mà chẳng được cá, không phải là tại trời, là tại người vậy. » — Ngư-giả lại hỏi tiêu-giả rằng : « Tiêu-nhân có thể tuyệt được hết không ? » — Tiêu-giả đáp rằng : « Chẳng có thể tuyệt được hết, trời đất có khí âm khí dương, loài người có quân-tử tiểu-nhân ; không khí âm thì chẳng thành khí dương, không tiểu-nhân thì chẳng thành quân-tử, duy khiến cho trong khoảng đó có bèn thịnh bèn suy mà thôi. Đòi hay thì quân-tử sáu phần, tiểu-nhân bốn phần, tiểu-nhân dành chẳng bằng được quân-tử, đòi dở thì khác thế. Quân-tử thường là bề đức-hạnh hơn bề ngôn-ngữ, tiểu-nhân thường là bề ngôn-ngữ hơn bề đức-hạnh ; đòi hay thời kẻ sĩ thành-thực nhiều, đòi dở thời kẻ sĩ trá-sức nhiều, kẻ thành-thực ít khi chẳng thành sự, kẻ trá-sức ít khi chẳng bại-sự. » — Tiêu-giả lại hỏi Ngư-giả rằng : « Kẻ tài ở đời, có kẻ lợi cho đời, lại có kẻ hại cho đời, là cơ sao ? » Ngư-giả đáp rằng : « Có tài mà cậy chi tài, có kẻ tài mà trung-chính, có kẻ tài mà bất-chính. » Tiêu-giả hỏi rằng : « Thế thì sao chẳng kén chọn lấy những người trung-chính mà dùng ? » — Ngư-giả đáp rằng : « Xưa nay ai chẳng kén chọn ; nhưng hiền có loài hiền, ngu có loài ngu ; có người Nghiêu Thuấn xuất-hiện, tất có loài Kiệt Trụ xuất-hiện, tất có loài Kiệt Trụ phụ-tòng. »

VÔ-DANH-CÔNG TRUYỆN

Vô-danh công sinh ở phương Kỳ, nhà ở sông Y. Tuổi lên mười, cầu học ở người thôn, hiểu hết được cái tình người thôn. Tuổi hai-mươi cầu học ở người làng, hiểu hết được cái tình người làng. Tuổi ba-mươi, cầu học ở người nước, hiểu hết được cái tình người nước. Tuổi bốn-mươi, cầu học ở người xưa, hiểu hết được cái tình người xưa. Tuổi năm-mươi cầu học ở trời đất, hiểu hết được cái tình trời đất. Muốn đem cái học mình chất-vấn với người xưa người nay, thì người xưa người nay thủy-chung không có ai giống như mình cả. Dem hỏi trời đất, thì trời đất chẳng đáp. Tự mình chẳng lại được biết mình, vì thế tự-hiệu là Vô-danh-công. Ôi ! Vô-danh nghĩa là chẳng thể gọi ra được danh-hiệu vậy ; có thể mà không vết tích, có dụng mà không trệ-ngại, không vết tích trệ-ngại, dấu quỷ thần cũng chẳng thể gọi ra được danh. Cho nên mình có thơ rằng :

Tự-tự chữa-bày, quỷ-thần nào hay,
chẳng bởi ở ta, bởi ai đó thay !

Thê thái-cực lúc là cái thê vô-danh đó chẳng. Cho nên tự mình làm lời tán mình rằng : « Ta có diện-mạo, ta có hình-hài, lẩn cái quả tròn, nhàn vãng nhàn lai (là nói không trệ-ngại) »

Tinh hay uống rượu, đặt tên rượu là Thái-hòa thang ; uống chẳng uống nhiều, hơi say thì thôi, cho nên mình có thơ rằng : « Tinh hay uống rượu, rượu uống ngà-ngà ; uống chữa ngà-ngà, miệng trước ngâm-nga ; ngâm-nga chẳng đủ, liền kip hiệu-ca. »

Chỗ nhà ở gọi là An-lạc-oa, chỉ cầu mùa đông ấm mùa hạ mát, cho nên mình có thơ rằng : « Tường chẳng cầu

cao, nhà chẳng cầu to ; chấn vãi đủ ấm, canh rau đủ no. »

Cùng người giao-du, suốt đời không quá nòng không quá nhạt, chữa từng làm những việc chau mày, cho nên mình có thơ rằng : « Phong-nguyệt tình-hoài, giang-hồ tình-khí ; không tổng không ghênh, không câu không kì »

Nghe người chê chữa từng giận, nghe người khen chữa từng mừng ; nghe ai nói điều ác người, thì chữa từng họa, nghe ai nói điều thiện người, thì theo mà họa, lại theo mà mừng ; cho nên mình có thơ rằng : « Vui thấy người thiện, vui nghe việc thiện ; vui nói lời thiện, vui làm ý thiện ; nghe điều ác người, như đội chông gai ; nghe điều thiện người, như đeo lan huệ. »

Tuổi già có hai con, chẳng dạy con sách khác, chỉ dạy con sáu kinh ; cả đời chuộng lễ hư-vô, mình chữa từng nói một lời ; cho nên mình có thơ rằng : « Chẳng cầu ông tiên, chẳng vịnh ông phật ; quanh chốn hiên-đình, chơi với trời đất »

Nhà vốn nghiệp nho, miệng chữa từng chẳng nói đạo nho, thân chữa từng chẳng làm nết nho, cho nên mình có thơ rằng : « Tâm không nghĩ cần, chân không chạy cần ; người không chơi cần, vật không lấy cần ; sách ông fti Hiên, chữa từng đời tay, lời ông Nghiêu Thuấn, chữa từng đời miệng ; đương cảnh trung-hòa, cùng bạn lạc-dị ; ngâm thơ tự-tại, uống rượu hoan-hỉ ; trăm năm thái bình, chẳng là chẳng gặp ; bảy-mươi kháng-cường, chẳng là chẳng thọ. » Ấy là cái nết Vô-danh-công đầy chẳng !

TÙNG-VA biên-thuat

LƯỢC-KHẢO VỀ VĂN-HỌC-SỬ NƯỚC PHÁP (1)

VI

VĂN-HỌC VỀ THỀ-KỶ THỨ 19

1. — THỜI-ĐẠI NÃ-PHÁ-LUÂN

Phong-trào phản-kháng thời-đại trước về triết-học, văn-học tôn-giáo. — Khi loạn cách-mệnh ở nước Pháp đã bị cái bàn tay sắt của vua Nã-phá-luân dẹp yên rồi, thời trong nước khởi lên một cái phong-trào văn-học mới, càng ngày càng thịnh, nhưng ở ngoài hẳn quyề-thể kể đơng-đạo. Ức là phong-trào lãng-mạn (*mouvement romantique*), muốn đem văn - chương mỹ - nghệ khuynh - hướng về đường cảm-tình tưởng-tượng, cũng liền với cái phong-trào tư-tưởng xoay về chủ-nghĩa linh-linh và tôn-giáo Gia-tô vậy.

Ba tay chủ-trương cái phong-trào ấy : Staël phu-nhân; Chateaubriand; Joseph de Maistre. Phong-trào ấy khởi ra tự quyền sách « Nói về nước Đức » (*De l'Allemagne*) của một vị phu-nhân tài-tinh là bà STAEL (1766-1817, con gái quan cố - thượng - thư NECKER, xuất-bản năm 1810, sách ấy giới-thiệu và phê-bình các phái văn-học triết-học mới ở nước Đức, Bà STAEL trước đã làm một quyển đề là « Xét về văn-học quan-hệ với tình-trạng đạo-đức và chính-trị ở các nước thế nào » *La Littérature dans ses rapports avec l'état moral et politique des nations. 1800*) sáng-lập ra một môn riêng về triết-học lịch-sử; bà lại soạn hai bộ tâm-lý tiểu-thuyết hay về ái-tình và mỹ-thuật, là bộ *Delphine* (1802) và *Corinne* (1807),

cùng một quyển luận-thuyết tư-tưởng rất cao và có trác-kiến sâu-sắc về chính-trị đề là « Luận về các việc lớn trong cuộc Cách-mệnh nước Pháp » (*Considérations sur les principaux événements de la Révolution française, 1818*), Bà nghị-luận tự-do, thường bị chính-phủ vua Nã-phá-luân bách-hại, phải trốn cùng ra các nước Âu-châu khác,

Đồng-thời có CHATEAUBRIAND (1768-1848) chịu ảnh-hưởng một cái tinh-thần cách xa hẳn tinh-thần thế-kỷ thứ 18 mà soạn ra sách « Tinh-tủy đạo Thiên-chúa » (*Le Génie du christianisme*), muốn dùng cảm-tình cùng thi-vị chứ không dùng lý-luận để cảm-hóa cho nhân-tâm theo về đạo. Lại soạn hai bộ tiểu-thuyết nhỏ, *Atala* và *René*, cũng là lối văn cổ-động về đạo một cách đặc-biệt, đem vào văn-học cùng tôn-giáo những lẽ-lối văn-chương cùng lời-lẽ nghị-luận mới lạ, tư-tưởng mơ-màng, lời văn phảng-phất, tản-văn mà bay-bồng như thơ, bóng-bẩy lạ-lùng, lại hay dùng những tiếng lạ tiếng mới, Rồi đến một bộ anh-hùng-ca bằng văn xuôi, đề là « Tử vi đạo » (*Les Martyrs* 1809) cũng cùng theo một cái cảm-hứng về văn - học và tôn - giáo đó. CHATEAUBRIAND còn làm nhiều sách văn-chương, du-lich, chính-trị, lịch-sử nữa, đều chủ-trì cái thuyết nhà văn nên gốc lòng tin đạo và trung-thành với vua, nhưng không được sốt-sắng như hồi đầu; khi tử-hậu mới xuất-bản một bộ sách đề là « Tập-ký-lục của người qua đời » (*Mémoires d'outre-*

(1) Xem N. P. số 92, 96, 103, 113, 137.

tombe, 1849-1850, thật là phản-trái lại cả tư-tưởng bình-sinh.

Chủ-nghĩa tôn-giáo và quân-chủ còn có một người nữa chủ-trì, tuy văn-chương không bằng mà lý-luận nghiêm-mật hơn, cũng là đặc-sắc lắm, là bá-bút JOSEPH DE MAISIRE (1754-1821), là người Pháp nhưng có máu ngoại-quốc. Về tôn-giáo, về chính-trị, ông chủ-trì cái thuyết chuyên-chế tuyệt-đối. Có làm sách: « Cuộc dạ-dâm ở thành Bỉ-đắc » (*les Soirées de Saint-Petersbourg*), sách « Luận về Giáo-hoàng » (*Le Pape*), cũng nhiều những văn công-kịch kịch-liệt lắm, phản-đối lý-tính cùng tự-do, bài-bác cả các tư-tưởng của thế-kỷ thứ 18, cùng những chủ-nghĩa chế-độ của các xã-hội đời nay.

Phái văn phò Chính-phủ. — Ba nhà văn vừa kể trên có cái biệt-tài lỗi-lạc, không thuộc quyền lung-lạc của Chính-phủ, lại công-nhiên phản-đối Chính-phủ. Ngoài ra còn có một phái văn-nhân phò Chính-phủ, cứ nhân-tuần theo các qui-cử cũ, không có chút khi-lực hoạt-bát gì. Các nhà làm thơ, người thì Hàn-lâm, người thì nghị-viên, chịu mệnh-lệnh của Chính-phủ mà kể làm thi-ca, kể soạn kịch-bản, như đúc theo một cái khuôn-mẫu đã nhất-định, chẳng có chút tinh-thần đặc-sắc gì, tuyệt-nhiên không có ảnh-hưởng chi đến người đương-thời cả.

Lối văn-chương đó thực là lối văn-chương vô-vị, không thể có người tài được. Nay kể qua mỗi thể thơ văn một vài nhà, phần nhiều là người sở-đắc ở cái phong-khí đời trước nhiều, nên ở thế-kỷ thứ 19 mà văn-chương vẫn ra giọng đời trước.

Đại-khái như: ARNAULT (1766-1834), khi thì soạn bi-kịch, khi thì làm ngụ-ngôn, cũng được thiên-hạ hoan-nghê; DE JOUY (1764-1846), có soạn kịch nhiều, mà lối bi-kịch thì non lắm, duy những bài thơ về nhạc-kịch có giá-trị, lại thường viết cho các báo những bài thời-kịch thú-vị mà không ký tên; LUCE DE LANCIVAL (1764-1810), chuyên-trị lối anh-hùng-ca và lối bi-kịch, theo đúng như phép-tắc cũ; PARSEVAL-GRAND-MAISON (1759-1834), có soạn bài kịch *Philippe Auguste*, cũng muốn thử đặt lối anh-hùng-ca mới, nhưng không thành; RAYNOUARD (1761-1836), về diễn-kịch thì có làm một bài bi-kịch cũng xuất-sắc đề là *Les templiers* và về khảo-cứu thời có soạn nhiều sách có giá-trị về các thứ tiếng ở Nam-phương nước Pháp; BAOUR LORMIAN (1770-1854), làm bi-kịch thì tâm-thường lắm, nhưng có công khéo truyền-bá lối thơ; OSSIAN (1), NÉPOMUCÈNE LEMERCIER (1771-1840), có soạn kịch, lại làm thơ trào-phúng, nhiều bài mới-mẻ ngộ-giải, cũng có tài hoạt-bát và có chí cải-lương; FONTANES (1755-1721), còn lưu-truyền được ít nhiều bài thơ hay, nhưng có tiếng nhất là nhà chính-trị khôn-khéo; DÉSAUGIERS (1772-1827), có nhiều bài hài-kịch cũng lý-thú, về thi-ca thì có giọng vui-vẻ; MILLEVOYE (1782-1816), có làm nhiều bài thơ trường-thiên theo lẽ-lối cũ, ngày nay không ai còn nhớ nữa, nhưng còn lưu-truyền lại răm ba bài thơ sâu, thiên-hạ thường đọc đến; GUIRAUD (1728-1847), có làm bi-kịch và thơ tình, nhưng bi-kịch không còn ai biết mà thơ tình còn nhiều người đọc; VIENNET (1777-1868), sự-nghiệp văn-chương còn được mấy bài ngụ-ngôn cũng nghe được, và mấy bài thơ giễu-cợt cũng lý-thú, nhưng có ý

(1) Thi-nhân cổ xứ *Ecosse*, (về thế-kỷ thứ 3), đời sau mượn tên làm ra một lối thơ u-âm hoàng-hốt, gọi là *poésie ossianique*, thịnh-hành về thế-kỷ thứ 18.

thiên công-kịch phải lãng-mạn, không khỏi có rệi với văn-nghe.

Về hi-kịch thời có hầu một phái, có thể gọi là phái COLLIN-D'HARLEVILLE, cũng thịnh-hành được khá lâu, tuy những bài kịch soạn ra không có ý-nghĩa thâm-trầm về tâm-lý mà có vẻ hoạt-bát đĩnh-ngộ. Có mấy nhà nên kể tên như sau : ANDRIEUX (1759-1833), có bài kịch « Bọn lỵe dạ » (*Les Elourdais*), nhưng không được nổi tiếng bằng mấy tập truyện đoán-thiên ; PICARD (1769-1828), vừa làm kép hát, vừa làm làm chủ phường hát, vừa tự soạn kịch lấy, có một bộ kịch đề là « Một tỉnh nhỏ » (*Petite ville*) tả phong-tục cũng đúng và cũng tinh ; ALEXANDRE DUVAL (1767-1842), soạn kịch rất nhiều, cũng được thiên-hạ hoan-nghe, nhưng chỉ vì bày trò khéo, chứ không có văn-chương gì, nên không còn lưu-truyền lại ; ETIENNE (1778-1845), có bài hi-kịch « Hai chú rể » (*Les deux Gendres*), đã bị kiện là bắt chước của người khác, nhưng ai cũng công-nhận cho là bài kịch khéo nhất về thời-đại Đê-chính.

Về tiểu-thuyết thời ngoài mấy bộ trứ-danh của CHATEAUBRIAND và bà STAEL, tự đầu thế-kỷ thứ 19 đến cuối đời Quân-chủ-phục-hưng (*Restauration*) cũng còn nhiều sách khác nữa. Thời-đại ấy là một thời-đại biến-tiên, phong-trào thay đổi luôn, nên các sách cũng không có tồn-chỉ nhất-định, tùy cái cảm-hứng của cá-nhân và cái ảnh-hưởng của nhất-thời mà thôi.

Trước hết có một bọn mấy vị phu-nhân đã nổi danh tài-sắc một thì, lại có để lại văn-chương sách-vở cũng nhiều : bà GENLIS (1746-1830) làm nhiều những tiểu-thuyết cùng kịch đoán-thiên, đề diễn ý-kiến riêng về giáo-dục ; bà COITIN (1773-1807), làm mấy bộ tiểu-thuyết *Malvina*, *Mathilde* và *Elisabeth* ; bà SOUZA (1761-1836), làm sách *Adèle de Senanges* ; bà nam-tước KRUDENER (1764-1824), tu-tướng thiên về thần-bí, có

làm sách *Valérie* ; là công-tước DURAS (1778-1829), làm sách *Ouirika* và *Edouard*.

Về bên đàn ông thì có SENAN-COUR (1770-1846) học-trò ROUSSEAU, cũng mắc phải cái bệnh lãng-mạn như thầy, làm sách *Obermann*, đầy những cái khí-vị mơ-màng sâu-thẳm ; XAVIER DE MAISTRE, là em JOSEPH DE MAISTRE làm sách « Du-lich chung quanh buồng tôi » (*Voyage autour de ma chambre*) và « Truyện người hủi thành A-ốc » (*Le Lépreux de la Cité d'Aoste*), cũng nổi tiếng một thời ; FIÉVÉE (1767-1839), là nhà làm báo, chỉ soạn có một bài đoán-thiên tiểu-thuyết « Cửa hồi-môn của cô SUZETTE » (*La Dot de Suzette*) mà có tiếng. Hai nhà tiểu-thuyết nữa là PIGAULT-LEBRUN (1753-1835) và DUCRAY-DUMINIL (1761 1819) thời không có văn-chương thanh-nhã như các nhà trên, một người tả những phong-tục xấu trong xã-hội, một người tả những chuyện quái-đản bất-kinh, là hai cái nguồn văn mới lạ đời bấy giờ, cũng được nhiều người đọc. D'ARLINCOURT (1789-1856), có làm một thiên anh-hùng-ca đề là *Charlemagne* (1818) không ăn-thua gì, lại làm nhiều bài kịch như « Chuyện vây thành Paris », (*Le Siège de Paris*, 1826), văn-chương bác-tạp, cũng được lưu-hành nhất-thời, nhưng nổi tiếng về sau là nhờ ở một bộ tiểu-thuyết « Người cô-độc » (*le Solitaire* 1826). DUCAUGE (1783-1833), hăng-hái cổ-động cái chủ-nghĩa tự-do, nên hoặc là soạn kịch như bài « hung-kịch » (*mélodrame*) trứ-danh đề là « Ba mươi năm, hay là thân-thể một tay cờ bạc » (*Trente ans ou la vie d'un joueur*), hoặc là soạn tiểu-thuyết như bộ *Valentine* cùng nhiều bộ khác nữa, đều có vẻ hoạt-bát hùng-hồn lắm. Sau nữa có BENJAMIN CONSTANT (1767-1830), là bạn của bà STAEL, làm bộ *Adolphe*, dùng tiểu-thuyết mà kể những sự lầm-lỗi riêng của mình, đời sau nhiều người bắt-chước.

Nói tóm lại thời văn-học về đời Đệ-chính thứ nhất (*Premier Empire*) thật không lấy gì làm phong-phú cả. Nhưng cũng nhân vì đó mà xảy ra một sự lạ như sau này: là người ta khao-khát một giọng văn mới, bèn xoay ra ham-mê văn-chương các nước ngoài. Nhất là về lối thi-ca. Như những thơ cô-áo của OSSIAN, thi-nhân xứ *Ecosse* đời xưa, không biết có thực hay không, do người xứ ấy tên là MACPHERSON về thế-kỷ trước họp lại thành tập, truyền sang nước Pháp, thiên-hạ lấy làm khoái lắm. Lại lối kịch của Đứơc, u-âm trúc-trắc, mà cũng làm người ưa. Còn những tuồng của nhà danh-kịch nước Anh SHAKESPEARE, do DUCIS lược-thuật ra tiếng Pháp, thiên-hạ đòi dịch cho hoàn-toàn và cho thật đúng. Lối thơ tán-thán của Anh vẫn có vẻ thâm-trầm hoạt-bát, nhất là thơ BYRON, thành một cái «mốt» lưu-hành, các nhà làm thơ đua nhau mà phỏng theo, mà bắt-chước.

II — THỜI-ĐẠI QUÂN-CHỦ KHÔI-PHỤC

Về thời-kỳ Nã-phá-luân, lối thơ tán-thán và lối tuồng bi-kịch là hai lối suy nhất; về đời Quân - chủ khôi-phục (*Restauration*) thời chính hai lối đó lại dần dần khôi-phục lên.

Sự phục-hưng trong lối thơ tán-thán. Béranger. G. Delavigne. Lamartine. — Về lối thơ tán-thán thời trước hết có BÉRANGER (1780-1857), lời văn hãy còn theo cổ-diễn mà giọng-diệu đã có vẻ tân-kỳ, dùng lối ca thường dễ diễn những đề ái-quốc, biền được cái giọng tự-do thể ca-dao ra cái vẻ nghiêm-trang thơ nhã-tụng. Rồi đến CASIMIR DELAVIGNE (1793-1841), nhân về cuối đời Nã-phá-luân lòng ái-quốc trong dân-gian bị đè-nén một cách lạ thường, bèn cảm-kích mà viết ra tập thơ *Messéniennes* (1818), đổi mới hẳn lối «bi-ca» (*élegie*) đời trước. Sau đến LAMARTINE (1790-1869), ngay tự tập

thơ đầu đề là *Méditations* xuất-bản năm 1820, nhờ có một cái cảm-hứng đặc-biệt thâm-trầm, uyên-nguyên tự trong tâm-sự riêng và trong cảm-tình tôn-giáo của tác-giả, và nhờ có giọng thơ êm-ái lạ thường, hầu biến-cải hẳn lối thơ tán-thán từ trước, như tạo - thành ra một lối mới vậy. Trong sự-nghiệp đề-tạo ra một lối thơ mới đó, có khuyah-hướng về phương-diện tôn-giáo, thời còn có ALFRED DE VIGNY (1799-1863) nữa, có tập thơ *Poèmes*, và nhất là tập *Eloï*, cũng có đặc-sắc lắm.

Victor Hugo và phái lãng mạn.

— Cũng trong khoảng bấy giờ có VICTOR HUGO (sinh năm 1802) chủ-trương phái lãng-mạn, ra tay mở-mang cho lối thơ tán-thán được thêm đặc-sắc vô-cùng. Mấy tập thơ đầu của ông, như tập «Ca-từ» (*Odes et ballades*) xuất-bản năm 1822, rồi kể đến tập «Đông-phương từ» (*Orientales*, 1828), tập «Lá mùa thu» (*Feuilles d'automne* 1831), tư-tưởng còn thuộc về lối quân-chủ và tôn-giáo cũ, mà từ-điệu thời thật là sành-sỏi khéo-léo, thu được hết cái vẻ hay vẻ đẹp của âm-nhạc cùng hội-họa.

Ông mới có hai-mươi tuổi mà nghiêm-nhiên đứng chủ một cái thi-xã mới, gồm được lắm tay làm thơ có tài về thời ấy, như: hai anh em DESCHAMPS, EMILE 1791-1871, và ANTONY, 1800-1869) là tay giúp bút mẫn-cần của báo *La Muse française*, cơ-quan của thi-xã mới; SAINTE-BEUVE (1804-1860) bấy giờ làm thơ (*Consolations*, *Pensées d'aout*, 1829-1830), làm tiểu-thuyết (*Volupté* 1834), đương ham dùng lối phân-tích tâm-lý rất tinh-trùng, như nhà giải-phẫu-học phân-tích các cơ-quan trong thân-thể vậy; ALFRED DE MUSSET (1810-1857), khi đầu mới soạn mấy tập thơ như «Chuyện Y pha-nho và Ý-dại-lợi» (*Cortes d'Espagne et d'Italie*, 1830), «Bài kịch trong ghế» (*Le Spectacle dans un fauteuil* 1832), chưa có những cái cảm-hứng âu-sầu cao-thượng như

trong tập « Thơ đêm » (*Nuits*, 1835-1836) sau này, còn biểu-lộ ra cái tính-cách khiêu-khiêu khoái-boạt, không quản gì những lẽ-lối phép-tắc của xã-hội, chỉ cốt cần lấy sự khoái-lạc về nhục-thể mà thôi, kể trong các thi-nhân về phái lãng-mạn hồi ấy, ngoài thi-bá HUGO ra có lẽ là tay có đặc-sắc và được cảm-tình với thiên-hạ hơn cả; THÉOPHILE GAUTIER (1811-1872), vừa làm thơ (*Poésies*, 1832; *Emaux et Camées*, 1852), vừa làm tiểu-thuyết (*Mlle Maupin* 1835; *Capitaine Fracasse*, 1864), vừa làm phê-bình (*les Grottesques*, 1844), thiên trọng đến mệ-tin về hình-thức câu văn, cho văn-chương là một nghề chạm-trổ, bấy nhiêu nhà coi thi pháp cũ như một cái thuật lộng-xảo, đem câu thơ mà biến-hóa theo đủ các lối-diệu, tùy cảm-tình cùng tưởng-tượng sai khiến.

Cuộc cách-mệnh lãng-mạn trong nghệ diễn-kịch. — Nhưng mà sự cái-cách chú-trọng nhất về nghệ diễn-kịch. Cái tên lãng-mạn (*romantisme*) hồi bấy giờ hãy còn mập mờ phảng-phất, nhiều người hiểu sai mà lạm-dụng, chính Victor Hugo đã phải giải-thích rõ-ràng trong bài tựa trữ-danh của bản tuồng *Cromwell* của ông soạn năm 1827 mà không chủ ý để đem ra diễn, bài tựa ấy có thể cho là bài phi-lộ của phái lãng-mạn vậy. Kể dấy lại soạn bài kịch *Hernani*, định để đem diễn, bị Hội Hàn-lâm kêu-nài với vua CHARLES X không cho phép, nhưng sau vua cũng cho, diễn ngày 25 tháng 2 năm 1830: bài này chính là cái mẫu lối tuồng lãng-mạn mới, phá hẳn thể-thức lối cổ-kịch, khiến cho các nhà văn về phái cổ-diễn, không thể không châm-chước mà đổi mới vậy. Ông lãnh tụ phái lãng-mạn bấy giờ càng ra sức chiến-đấu, có khi thắng cũng có khi bại, soạn luôn mấy bản kịch như sau: *Marion Delorme* (1831), *le Roi s'amuse* (1832), *Lucrèce Borgia*

(1833), *Angelo* (1835), *Ruy Blas* (1838), *les Burgraves* (1843). Những bài trữ-danh nhất, như *Hernani* và *Ruy Blas*, về sau này còn diễn nhiều lần nữa, vẫn được thiên-hạ hoan-ngheh lắm. Tuy nhiên trước các bài ấy đã có một nhà soạn kịch, tên là ALEXANDRE SOUMET, làm mấy bài theo lối lãng-mạn rồi, như bài *Cléopâtre* (1824), *Jeanne d'Arc* (1825), và nhất là bài *Une fêle de Néron* (1829), đối-lại với bài cổ-kịch *Britannicus* của RACINE, kể cũng có công và cũng là bạo vậy.

Sau năm 1830 thì chủ-nghĩa lãng-mạn thật đã thắng hẳn. Đến CASIMIR DELAVIGNE là người vẫn giữ nền-nếp xưa nay, trong bài kịch *Louis XI* (1832) và *Les Enfants d'Edouard* (1833) cũng phải châm-chước theo lối mới. VIGNY soạn bài *Chatterton* (1835) thì công-nhiên thiên hẳn về chủ-nghĩa lãng-mạn, tuy bị thiên-hạ dị-nhi nhiều mà cũng thắng được hết thảy. Về sau FRANÇOIS PONSARD (1814-1867), thừa lúc thiên-hạ hơi muốn hồi-cổ, đem diễn bài cổ-kịch *Lucrèce* (1843), được thành-công, giữa lúc HUGO diễn bài *Burgraves* bị thất-bại, nhưng đến các bài kế sau, như *Charlotte Corday* (1850) thời cũng không thể không khuyh-hướng về lối mới.

Nhất-diện thời ALEXANDRE DUMAS cha (1803-1870) lấy tích trong lịch-sử mà soạn theo lối tân-kịch, cũng là khéo lắm. Trong những bài *Henri III* (1829), *Antony* (1831), *la Tour de Nesle* (1832), *Mlle de Belle-Isle*, *les Mousquetaires* (1845); *la Reine Margot*, *le Chevalier de Maison Rouge* (1847), v.-v., ông đem những nhân-vật cùng sự-thực trong lịch-sử mà uốn theo cái tri-tưởng tượng mạnh-mẽ của ông Lại luyện được mấy tay giúp bút giỏi, như GAILLARDET, AUGUSTE MAQUET, v.-v., khai-sáng ra một lối diễn-kịch và lối tiểu-thuyết mới lạ, về sau nhiều người bắt-chước,

III. — SAU ĐỜI QUÂN-CHỦ CHO ĐẾN TRƯỚC TRẬN PHÁP-PHỔ

Nói tiếp về diễn-kịch, — Từ sau đời Quân-chủ Phục-hưng, nghề diễn-kịch khi thăng khi giáng bất-thường, nhưng cũng có cái vẻ đặc-sắc khả-quan. Duy đến thời-kỳ này là thời-kỳ đã cận-tiếp với ta, về diễn-kịch cũng như về tiểu-thuyết, về thi-ca, các tác-giả cùng tác-phẩm còn bẽ-bộn, nhà văn-học-sử chưa thể chọn-lọc cho kỹ-càng và phê-bình cho đích-đáng được. Vậy không thể bình-phẩm về từng nhà, chỉ có thể nói qua cái phong-trào khuynh-hướng về đường nào vậy.

Nói về diễn-kịch thời lối hài-kịch (*vaudeville*) cũng thịnh-hành được lâu, trú-danh nhất là EUGÈNE SCRIBE (1791-1861), dùng lối này mà tả cái hiện-trạng hạng trung-lưu xã-hội đời bấy giờ, tuy chỉ tả được cái bề ngoài thiển-cận mà thôi mà không phải là không có lý-thú. Lối này vốn có xen những điệu hát phong-tình, về sau chính ông SCRIBE cũng bỏ dần đi, cho có cái vẻ hi-kịch (*comédie*) nghiêm-trang hơn, như mấy bài : *le Mariage d'argent*, *Bertrand et Raton*, *Adrienne Lecouvreur*, *Bataille de dames*, v.v. Rồi kể đến những nhà soạn kịch như ALEXANDRE DUMAS CON (sinh năm 1824), có làm những sách : *La Dame aux Camélias*, *le Demi-monde* v. v. ; EMILE AUGER (sinh năm 1820 : *le Mariage d'Olympe*, *l'Aventurière*, *les Lionnes pauvres*, *les Effrontés*, v.v.) ; TH. BARRIÈRE (1823-1877 : *les Filles de marbré*, *les Faux bonshommes*, v.v.), đem những cái xấu trong xã-hội mà tả ra như hệt, giễu-cợt một cách chua cay ; lại như : ERNEST LEGOUVÉ (sinh năm 1807 : *Médées*, *Par droit de conquête*, *Béatrix* v.v.) ; OCTAVE BEUILLET sinh năm 1812 : *la Crise*, *le Village Dalila*, *le Roman d'un jeune homme pauvre* v.v.) ; VICTORIEN SARDOU (sinh năm 1831 : *les Pattes de mouche*, *Nos intimes*, *la Famille Benoiton*, *Rabaga* v.v.) ; thời

tả những phong-tục thuần-mĩ hơn, giễu những cái thói dỏm buồn cười của xã-hội. Ngoài-giả còn những lối kịch phá-bù, không theo lề-lối gì, như những bài đoán-kịch *Proverbes* của ALFRED DE MUSSE, cũng có hứng-thú.

Nói tiếp về thi-ca. — Phải lãng-mạn về thi-ca cũng vẫn thấy xuất-sắc lắm. Ngoài mấy tập thơ tuyệt-tác như *Nouvelles méditations* (1828), *Harmonies poétiques et religieuses* (1830), *Recueils* (1829), LAMARINE còn soạn một tập thơ trường-thiên tả về tâm-sự mình đề là *Jocelyn* (1836), lại soạn một bộ nữa đề là « Thiên-thần đầy xuống hạ-giới » (*la Chute d'un ange*), nói về lễ sáng-tạo vũ-trụ, nhưng hơi kém bài trên. VICTOR HUGO thời hồi đầu thuần chuyên một lối thơ tán-thán, sau theo những phong-trào chính-trị triết-học phản trái nhau, mà làm ra những thơ tôn-chỉ bất-nhất, như mấy tập *Châtiments* (1852) có giọng thóa-ma những kẻ đương-đạo về đời Đế-chính thứ nhì, tập *Contemplations* (1856) cảm-hoài buồn-bã, tập *Légende des siècles* (1859), tưởng-tượng khí vu-khoát, tập *Chansons des rues et des bois* (1865), tùy bút ngâm-vịnh, có thú tự-nhiên, tập *Le Pape* (1878), *L'âne* (1880), tu-tướng đường-đột, dị-kỳ, v. v.

Ngoài hai bậc đó là hai tay lĩnh-tu cái phong-trào thi-ca đời bấy giờ, nhân cuộc cách-mệnh năm 1830 lối thơ chính-trị lại thịnh-hành lắm. Đại-đề các nhà trú-danh về lối này là lấy thơ mà công-kích những người có trách-nhiệm trong cuộc chính-biến khôi-phục đế-quyền cho vua Nã-phá-luân thứ 3. Thi-ca ấy đương-thời cũng thịnh-hành, nhưng ngày nay không còn lưu-truyền nữa.

Ngoài-giả, những nhà còn có tên truyền lại trong các lối thơ thời có : BRIZEUX 1806-1868, REBOUL 1796-1864, AUTRAN (1813-1877), DE LAPRADE (1812-

1883), LECONTE DE LISLE (1818-1894), BAUDELAIRE (182-1867), DE BANVILLE (1823-1891), SULLY-PRUDHOMME (1839-1907), EUGÈNE MANUEL (1823-1901), DE BORNIER (1825-1901), THEURIET (1833-1907), COPPÉE (1842-1908), DEROULÈDE (1846-1914), v. v., Kể thì thiên về chính-trị, kể thì thiên về triết-lý, kể thì tả về cảnh-vật thiên-nhiên, mỗi người đều có tài đặc-biệt cả.

Nói về tiểu-thuyết đời nay. —

Nhưng mà thịnh-hành nhất là lối tiểu-thuyết, xuất-bản không biết bao nhiêu quyển mà kể, xâm-phạm vào cả phạm-vi của nhật-báo cùng tạp-chí, đại-khái là đem tình-trạng xã-hội hiện-thời mà hình-dung tả-mạc ra đủ các lối, các cách, các thể, các giọng. Nổi danh về nghề tiểu-thuyết thì có những người như sau này : HONORÉ DE BALZAC (1799-1850 : *Eugénie Grandet, le Père Goriot, le Médecin de campagne, la Peau de Chagrin, v. v.*) ; VICTOR HUGO (*Notre Dame de Paris, les Misérables, Quatre-vingt-treize, v. v.*) ; ALFRED DE VIGNY (*Cinq-Mars*) ; CH. NODIER, 1780-1844 : *Jean Sogor, Trilby, la Fée aux miettes, v. v.*) ; BEYLE tên hiệu là STENDHAL (1783-1842 : *la Chartreuse de Parme, le Rouge et le noir*) ; CH. DE BERNARD (1805-1850 : *le Gerfaut*) ; ALEXANDRE DUMAS (*Les Trois mousquetaires, Monte-Cristo, la Reine Margot, v. v.*) ; EUGÈNE SUE (1804-1859 : *Mathilde, les Mystères de Paris, le Juif - Errant*) ; MÉRIMÉE (1803-1870 : *la Double Méprise, Colomba, v. v.*) ; GEORGE SAND (1804-1876 : *Valentine, Indiana, Lélia, Mauprat, Mlle La Quintinie, v. v.*) ; OCTAVE FEUILLET, G. FLAUBERT, ABOUT, anh em DE GONCOURT, ALPHONSE DAUDET, EMILE ZOLA, v. v., tất cả các nhà ấy cùng vô số nhà khác nữa đều là khéo dùng lối tiểu-thuyết hoặc để làm như bức tranh vẽ thể-thái nhân-tinh, hoặc để làm như bài học dạy chính-trị lịch-sử

hoặc để làm như cái nhật-ký biên chép tâm-sự của mình, hoặc để làm như cái khuôn mà phóng bút vẽ-vòi cho thích-chí, thật là thiển-bình van-trạng, không thể sao nói cho cùng được.

Nói về các thể văn về tôn-giáo triết-học chính-trị. — Trong tân-văn thì các lối văn tôn-giáo, triết-học, chính-trị vẫn chiếm một địa-vị to. Kế-nghiệp JOSEPH DE MAISTRE thì có DE DONALD (1754 1840) tán-dương cho tôn-giáo chính-truyền ; trái lại thì PAUL-LOUIS COURIER (1772-1825) lại phản-đối cái chính-sách áp-chế của nhà vua và của giáo-hội, lời-lẽ cũng hùng-hồn lắm. Ngoài-giả còn có LAMENNAIS (1782-1854), vừa chủ-trì cho cái cựu-thuyết của Giáo-hội, lại vừa đề-xướng cái chính-sách cấp-tiến mới, đều tỏ ra hăng-hái vô-cùng ; LACORDAIRE (1802-1861), là học trò của LAMENNAIS, lúc đầu thì nhiệt-thành tán-dương cái học-thuyết của thầy, nhưng sau thấy học-thuyết ấy bị Giáo-hội La - mã bài-xích, thời người-lạnh bỏ liễn ; MONTALEMBERT (1810-1870), cũng cùng một chủ-nghĩa ấy, nhưng có ý trầm-trọng hơn, thủy-chung vẫn hết-sức điều-hòa thuyết tự-do với quyền giáo-hội, dù La-mã không bằng lòng mặc lòng ; DUPANLOUP (1802-1877), làm chức tu-giáo, chủ-trì cái thuyết nên giao quyền giáo-dục trong nước cho Giáo-hội. Bấy nhiêu người toàn là những tay nghị-luận có quan-hệ với Giáo-hội cả. Nhưng ngoài Giáo-hội cũng có những người như HAVET, RENAN, đem cái tài văn-chương, cái học yêm-bác, mà phê-bình khảo-cứu về tôn-giáo, soạn nhiều sách rất có giá-trị và rất có ảnh-hưởng.

Về triết-học thì ROYER-COLLARD khôi-phục lại cái linh-tinh-triết-học ở trong học-giới đời bấy giờ. Rồi kể đến VICTOR COUSIN (1791-1867) là tay lỗi-lạc nhất, khuếch-trương cái triết-học

ấy ra, khiến cho không khu-khu ở trong cõi thuần-lý nữa, mà xoay về phương-diện thực-sự của lịch-sử. Ông có nhiều tay học-trò cũng xuất-sắc lắm, như JOUFFROY (1796-1842), JULES SIMON, BERSOT, JANET, CARO, v. v. Đó là những người trong học-giới, giáo-giới. Độc-lập ở ngoài thì có phái thực-nghiệm của AUGUSTE COMTE (1795-1857), người kế-nghiệp trứ-danh là LITTRÉ (1801-1881).

Kinh-tế học thì có JEAN-BAPTISTE SAY (1767-1862), FRÉD. BASTIAT (1801-1850), là hai người lại kiêm cả tài văn-chương nữa. Còn PROUDHON (1809-1865) chủ-trương cái xã-hội-chủ-nghĩa, thường thảo-luận và phản-đối với hai nhà trên kịch-liệt lắm.

Những cái phong trào tư-tưởng đó, không phải là không có quan-hệ đến văn-học, vì đời nay lại hơn đời xưa, nhà tư-tưởng phải có tài văn-học mới mong truyền bá tư-tưởng của mình được rộng và được sâu. Lại nghề làm báo cũng thịnh-hành và cũng giúp cho sự truyền-bá tư-tưởng nhiều. Những tay viết báo có tài thời như GODEFROY CAVAIGNAC, EM. DE GIRARDIN, PRÉVOST-PARADOL, GUSTAVE PLANCHE PAUL DE SAINT-VITOR. Lại có người ngoại-quốc, như người Đức HERNI HENIE (1805-1864), người Ý FIORENTINO (1805-1866), viết văn Pháp thạo lắm, người đời coi cũng như người Pháp vậy, và cũng có công trong cuộc văn-học đương-thời.

Nghề diễn-thuyết và chính-trị về tôn-giáo. — Trong khoảng thế-kỷ thứ 19, chính-thể nước Pháp thay đổi cũng nhiều lần, nhưng chốn nghị-trường bao giờ vẫn mở rộng cho các nhà chính-trị tranh-biện. Những tay biện-thuyết trứ-danh về chính-trị là : ROYER COLLARD, đại-tướng FOY, MANUEL, CASIMIR, PÉRIER, BERRYER, LEDRU ROLLIN, LAMARTINE THIERS, GUIZOT, JULES FAVRE. Diễn-thuyết về tôn-giáo thì bao giờ ở nhà thờ Notre.

Dame de Paris cũng vẫn là có tiếng lắm, nhất là có những tay hùng-biện như FRAYSSINOUS, LACORDAIRE, DE RAVIGNAN, không những giảng về đạo mà lại nói rộng đến cả lịch-sử cùng chính-trị nữa. Lại còn một nơi diễn-đường cũng làm vẻ-vang cho nghề diễn-thuyết, là các trường đại-học, như trường Sorbonne thì có những khoa giảng của GUIZOT, COUSIN, VILLEMMAIN, trường Collège de France thì có những khoa giảng của MICHELET, QUINET, toàn là những tay văn-học, sử-học, triết-học đại-danh một thời lên đầu giảng học cho hàng nghìn người nghe vậy.

Nói về các khoa sử-học phê-bình và bác-ngữ. — Khoa sử-học và khoa phê-bình là liền với sử-học, trong suốt thế-kỷ thứ 19 vẫn thịnh-hành lắm. Những sách sử-ký của AUGUSTIN THIERRY (1795-1856) vừa khảo-cứu đích-xác, vừa kết-cấu văn-vẻ. Còn như GUIZOT, MICHELET, QUINET, THIERS, MIGNET, HENRI MARTIN, LOUIS BLANC VICTOR DURUY, thời có người là chuyên-trị về sử-học, có người là chính-trị kiêm sử-học, đều làm vẻ-vang cho nghề làm sử cả. Các nhà ấy chép sử có tài, không khác gì như khôi-phục lại được các nhân-vật cùng sự-tích đời trước rõ-ràng hiển-hiện như thực vậy. Sử-học đời này thịnh cũng chẳng kém gì tiểu-thuyết, cho nên cũng có người gọi thế-kỷ thứ 19 là đời sử-học.

Khoa văn-học phê-bình cũng được mấy tay nổi tiếng, hoặc là tay dạy học, hoặc là tay viết báo, như VILLEMMAIN, SAINT-MARC, GIRARDIN, SAINTE-BEUVE, đem các văn-chương cổ-kim ra nghiên-cứu, cho biết giá-trị ảnh-hưởng thế nào, thời-đại tác-giả thế nào, phán-đoán được đích-xác như nhà khoa-học nghiên-cứu các sự-vật vậy.

Khoa khảo-cổ, khoa bác-ngữ cũng theo cái phong-trào khảo-cứu đó mà phát-dại, đem những ngữ-ngôn cùng cổ-

tích của các dân-tộc lớn đời xưa mà khảo-sát cho biết các văn-minh đời trước thế nào. Trứ-danh nhất thì có những nhà sau này : CHAMPOLLION, MARIETTE và MASPÉRO chuyên về cổ-ngữ, cổ-văn cùng cổ-tích Ai-cập ; EUGÈNE BURNOUF khảo về chữ phạn cùng các sách cổ Ấn-độ ; BRÉAL so sánh các thứ tiếng mà định phép-tắc cho khoa ngữ-học. Riêng về tiếng Pháp thì có LITTRÉ soạn một bộ «Pháp-ngữ tổng tự-diễn,» thật là một công-trình vĩ-đại.

TỔNG-KẾT

Ấy lịch-sử văn-học Pháp từ khi mới thành ra tiếng Pháp đến giờ đại-khai như thế. Tiếng Pháp ấy là cái lợi-khi của văn-học Pháp, mà văn-học Pháp là cái gương sáng phản-chiếu cả văn-minh cùng lịch-sử nước Pháp trong ngót mười thế-kỷ vậy. Văn-học Pháp vẫn liền với sự sinh-hoạt của quốc-dân Pháp, cho nên tinh-thần nước

Pháp càng bành-trướng lên bao nhiêu thì văn-học Pháp càng phát-đạt bấy nhiêu, thường giúp cho thần-trí nước Pháp ảnh-hưởng ra khắp cả thế-giới vậy. Xét lịch-sử văn-học Pháp thì thấy đã nhiều lần văn-chương chữ-ngữ nước Pháp có cái vẻ thống-nhất cả toàn-Âu ; như về đời Trung-cổ thì những bài anh-hùng-ca của Pháp thật là truyền khắp Âu-châu ; gần đây thời tiếng Pháp đã hai phen được cái địa-vị và cái danh-giá làm thứ tiếng văn-học của các hàng thượng-lưu-tri-thức ở khắp các nước trong Âu-lục và cả Mĩ-châu nữa : về thế-kỷ thứ 17 là nhờ về văn-chương và về thế-kỷ thứ 18 là nhờ về triết-lý. Từ đây tiếng Pháp vẫn giữ được cái danh-dự làm thứ tiếng ngoại-giao của vạn-quốc vậy.

HỒNG-NHÂN biên-dịch.

On n'est pas au monde pour être heureux, mais pour faire effort et s'élever au-dessus de soi-même. Si la théorie de l'évolution est vraie, c'est le procédé de la nature qui fait sortir des types inférieurs des formes de plus en plus parfaites. Réaliser dans sa propre âme la grande loi universelle de la vie, se sentir le théâtre vivant d'une transformation splendide, c'est être, en somme, bien payé de ses douleurs.

ELIMIR BOURGES.

Người ta ở đời không phải để cầu lấy sung-sướng, nhưng cốt phải gắng-gỏi làm sao cho mỗi ngày một hay hơn mãi lên. Nếu cái thuyết tiến-hóa là đúng, thời sự nỗ-lực đó chính là cái cách của tạo-vật dùng để nhàn cái xấu mà tạo ra cái đẹp vậy. Đem tâm-hồn mình mà thi-hành một cái phép lớn của vũ-trụ, lấy mình làm động-cơ cho một cuộc biến-hóa rực-rỡ, kể cũng là đáng cái công-phu khó-nhọc vậy.

KHẢO VỀ SÁCH XUÂN-THU TẢ-TRUYỆN

XIV

9. K. — Sở-tử, Sái-hầu, Trần-hầu, Hứa-nam, Đốn-tử, Thăm-tử, người Tỳ, người Việt cùng đánh Ngô

T. — Mùa đông năm Chiêu-công thứ năm, Sở-tử đem binh Chư-hầu và rợ Đông-di đánh nước Ngô để báo cái thù thua ở trận Cúc-lich-ma. Đại-phu Việt là Thường Thọ-Quá đem binh đến hội với Sở-tử ở đất Tỏa.

Sở nghe tin quân Ngô đã kéo ra trận, Sở Viên Khải-Cương đem quân ra đuổi, nhưng không đặt binh phòng-bị nên bị quân Ngô đánh cho thua ở đất Thước-ngan. Sở-tử bèn cuội ngựa trạm đến đất La-nhuế. Ngô-tử cho em là Quệ-Do ra đón xin khao quân Sở. Người Sở bắt Quệ-Do định đem giết lấy máu tóỉ trống. Sở-tử sai người đến hỏi Quệ-Do rằng: « Khi người ra đón quân ta thì người xem bói có được quẻ tốt-lành không ? »

Quệ-Do thưa: « Quẻ tốt lắm ! Quả-quân tôi nghe tin nhà vua sắp đến đánh nước tôi, thì có xem một quẻ bói rùa, lời gieo quẻ có đoán rằng: « Ta phải sai người ra đón quân Sở mà xin khao quân ngay đi, để xem vua Sở giận-dữ nóng nảy hay là thư-từ thế nào thì mới biết đường mà phòng-bị. » Lời gieo quẻ như thế thì chắc là tốt-lành.

Nếu mà ngài vui-vẻ mừng đón kẻ sứ-thần này rồi giải binh cho nước tôi được nghỉ-ngoi, thì nước tôi tất quên cả cái chết đến nơi đi mà diệt-vong bao giờ không biết.

Nay ngài bắt tóỉ kẻ sứ-thần này sắp đem giết để tóỉ trống, thế là Ngô tóỉ biết được đường để phòng-bị rồi. Nước tôi

tuy hèn yếu, nhưng mà nếu sắp-sửa được sớm: thì có thể chống cự được binh ngoài. Sự-thế dù khó dễ thế nào mặc lòng mà đã phòng-bị trước được thì là tốt-lành rồi.

Vả nước Ngô tôi người ta vì cả cái đại-thể quốc-gia, chứ có vì gì một mình tôi. Nếu tôi được đem tóỉ trống bên này, mà nước tôi biết được đường phòng-ngữ để giữ cho khỏi sự chẳng ngờ thì còn gì tốt-lành hơn nữa.

Cái mai rùa kia để xem bói việc nước thì khi nước có việc gì mà chẳng xem. Còn như tốt với xấu thì cũng không ai nhất-dịnh được.

Sở-tử bèn không giết Quệ-Do. Trận ấy, Ngô phòng-bị sẵn cả rồi, Sở đánh không được phải rút về mà tha cho Quệ-Do về nước.

∴

Tháng ba, năm Chiêu-công thứ sáu, người Trịnh đúc cái đỉnh đồng mà khắc những luật-văn sách hình-thư vào. Trịnh Thúc-Hướng đưa thư trách Tử-Sản rằng: « Trước tôi vẫn đề ý đến ông, nhưng nay thì thôi rồi. Ngày xưa các tiên-vương mỗi khi làm-sự mới nghị-luận đặt ra luật-pháp, chứ không đặt thành ra sách hình-thư sẵn, là sợ rằng dân biết trước mà càng sinh ra tranh-doan, ấy thế mà cũng vẫn không cấm chỉ hết cái tranh-doan của dân đi được, nên lại phải lấy điều nghĩa làm khuôn-mực, lấy việc chính-lệnh mà giảng buộc, lấy lễ phép để thực-hành, lấy tín-uớc để gìn-giữ, phải vâng theo lòng nhân-từ. Phải đặt ra lộc-vị để khuyến kẻ thuận-tùng, nghiêm trị tội lỗi để răn kẻ dám-dăng.

Các tiên-vương đã làm như thế rồi mà cũng còn sợ chưa phục được dân. Nền lại phải thật lòng mà bảo ban, hết sức mà dỗ-nạt, đem sự-vụ mà dạy khuyên, lấy hoà-vui mà sai khiến, lấy kinh-cần mà đối-dãi, lấy cương-lực mà làm việc, lấy cương-quyết mà phán-đoán. Lại còn phải cầu lấy những bậc thánh-triết, minh-sát, trung-tín để cho làm qua-trưởng; bậc từ-huệ cho làm thầy dạy dân. Dân đến bấy giờ mới có thể tin-dùng sai khiến được mà không còn sinh ra họa-loạn gì.

Bấy giờ ông làm đề cho dân thuộc luật cả thì càng dễ sinh ra tranh-lụng, họ cứ viện sách ra mà cãi cho được câu may khỏi tội, chứ không sợ gì người trên nữa. Thế thì không được đâu.

Nhà Hạ đến lúc chính-trị nát thì mới đặt ra sách luật gọi là « Vũ-hình (1) »; nhà Thương đến lúc chính-trị hỏng thì mới đặt ra sách luật gọi là « Thương-hình (2) »; nhà Châu cũng đến lúc chính-trị suy thì mới đặt ra sách luật « Cửu-hình (3) ».

Ba bộ luật ấy là đặt ra ở những đời đã suy cả. Bấy giờ ông làm tướng nước Trịnh, ông đã đặt ra phép ngăn bờ xẻ ngòi, thi-hành cái lệnh cho dân hủy-báng, tham-dinh những luật-pháp của ba đời suy-loạn để đặt ra hình-thu, nay lại đem đục ra đĩnh. Ông làm như thế mà muốn cho dân yên được thì khó lắm.

Dân đã hiểu cái mối tranh-lụng rồi thì họ sẽ bỏ cả lễ-pháp đi chỉ gò lấy luật mà thôi, dù đến những việc nhỏ như cái mũi kim, họ cũng đem kiện nhau. Đến bấy giờ kiện-cáo bề-bộn, hối-lộ công-hành. Tôi chắc không

trộn được đời ông, Trịnh đến phải suy-bại mất. Tôi nhớ có câu rằng: « Hễ nước sắp mất thì lăm luật-lệnh », là nghĩa thế chẳng.

Tử-Sản phục thư rằng: « Cừ như lời ông nói thì Kiêu tôi thực là kẻ hèn tài, không biết lo xa cho con cháu. Công-việc hiện nay chẳng qua là tôi làm đề cứu-vãn lấy một lúc đó thôi. Tôi tuy không vâng theo được lời ông nhưng cũng không bao giờ quên được cái ơn của ông dạy bảo.

Vua Sở khi còn làm Lệnh-doãn, chế cớ tinh là đồ nghi-vệ của vua để thầy đi săn. Thiên-Doãn (4) Vô-Vũ chặt cớ tinh ấy ra mà rằng: « Một nước mà hai vua thì ai chịu được ». Nay ông lên làm vua, xây một cái cung gọi là Chương-hoa rồi thu- nạp tất cả những người can tội bị trốn cho ở vào đây cả trong cung ấy. Có một tên đầy-tớ canh cửa của Vô-Vũ cũng trốn vào ở đây. Vô-Vũ vào bắt, quan coi cung không cho bắt mà rằng: « Vào cung vua mà bắt người là tội to. » Nói rồi quan coi cung bắt Vô-Vũ đem nộp vua.

Lúc ấy vua Sở sắp uống rượu. Vô-Vũ thưa rằng: « Đức Thiên-lử thì coi sóc cả thiên-hạ mà vua Chu-hần thì giữ lấy bờ cõi nước mình, là cớ-chế như thế. Vậy ở trong bờ cõi, đâu không phải là đất của vua. Kẻ nào ăn cái lông dật trong bờ cõi đó mà không phải là thần-dân của vua. Phong-thi có câu rằng: « Khắp hòa thiên-hạ dưới trời, ở đâu cũng đất cũng người nhà vua. » Nhưng trời có mười số, người ta cũng có mười bậc. Cho nên dân phải thờ vua mà vua lại phải thờ thần. Bầy-tôi của vua ấy là tước Công 公, bầy-tôi của tước Công y là quan đại-phu 大夫, bầy-tôi của

(1) Vũ-hình 禹 刑 = Hình-luật của vua Vũ. — (2) Thương-hình 湯 刑 = Hình-luật của vua Thương.

(3) Cửu-hình 九 刑 = Chín điều hình-luật. — (4) Thiên-Doãn 天 尹 = Họ hợp hai chữ.

quan đại-phu ấy là kẻ sĩ 士, bầy-lôi của kẻ sĩ ấy là kẻ tạo 皂 (1), bầy-lôi của kẻ tạo ấy là kẻ dư 興, bầy-lôi của kẻ dư ấy là kẻ lệ 隸, bầy-lôi của kẻ lệ ấy là kẻ liêu 僚, bầy-lôi của kẻ liêu ấy là kẻ bộc 僕, bầy-lôi của kẻ bộc ấy là kẻ đài 臺. Đó là mười bậc người vậy. Chả: ngựa gọi là kẻ ngữ 圉, chẵn trâu gọi là kẻ mục 牧, việc gì có chức-nghiệp ấy. Bây giờ quan coi cung bảo tời rằng: « Sao mày được vào cung vua mà bắt người. » Vậy thì những kẻ bỏ chức việc mà trốn không ai được bắt dư ?

Trong pháp-luật của vua Văn-vương nhà Châu có câu rằng: « Hễ có kẻ đào-vong thì phải lùng mà bắt. » Vua Văn-vương sở-dĩ lấy được thiên-hạ là vì thế. Đức Văn-vương là tiên-quân Sở ta đặt ra đạo luật « bộc khu » là luật trị những kẻ ăn-nặc có câu rằng: « Giấu chứa đồ ăn trộm thì đồng-tội với đũa ăn trộm. » Vua tiên-quân ta sở-dĩ mở bờ-cõi cho nước ta đến sông Nhữ được, cũng là vì thế. Nay cứ như lời quan coi cung thì ra không có một quan chức nào bắt được kẻ đào-vong nữa. Đũa nào đào-vong cũng tha không bắt thì rồi đến không còn ai chịu phục-dịch nữa, việc nhà vua sẽ bỏ cả dư ? Ngày xưa vua Vũ-vương nhà Châu kể tội vua Trụ ra với Chư-hầu rằng: « Ông Trụ làm chủ chứa những kẻ bô-đào trong thiên-hạ, như vục sâu chứa cá, rừng rậm chứa cầm-thú vậy. » Ấy vì thế mà vua Trụ đến nỗi chết.

Nay ngài mới bắt đầu hội Chư-hầu mà đã bắt-chước vua Trụ thì thực không nên. Nếu theo như pháp-luật của hai vua Văn-vương thì việc này xét ra được kẻ gian rồi đó. » Vua Sở nói: « Thôi, mi bắt lấy tên đầy-tớ của mi

đi, chứ kẻ gian việc này thì có quyền-thế, mi không làm gì được đâu. » Vua Sở tha cho Vô-Vũ.

Người Trịnh dọa nhau cái ma Bá-Hữu. — Bá-Hữu là quan Khanh nước Trịnh, năm Trương-công thứ 30, bị Tử-Tịch giết chết. Hễ có người nói rằng: « Ấy, ông Bá-Hữu đến đây », thì mọi người đều chạy mà-toi cả ra. Về tháng hai cái năm mà Trịnh đúc bộ hình-thư vào đình đồng, có người nằm chiêm-bao thấy Bá-Hữu mặc áo giáp vừa đi vừa nói rằng: « Đến ngày nhâm-tí năm nay thì tao giết thẳng Đới (tức Tử-Đới đồng-đảng giết Bá-Hữu). Lại đến ngày nhâm-dần sang năm thì tao giết thẳng Hoạn (tức Công-Tôn Hoạn đồng-đảng giết Bá-Hữu) ». Quả-nhiên đến ngày nhâm-tí năm ấy thì Tử-Đới chết. Lại đến năm sau thì Công-Tôn Hoạn chết. Vì thế người trong nước càng lấy làm sợ-hãi lắm.

Tử-Sản bèn lập Lương-Chỉ (con Bá-Hữu) lên làm quan Đại-phu để yèn cái việc ấy đi thì cái chuyện ma Bá-Hữu thôi ngay. Đến khi Tử-Sản sang sứ Tấn. Tấn Triệu Cảnh-tử hỏi rằng: « Bá-Hữu chết rồi mà còn làm được ma thiêng như thế dư ? »

Tử-Sản nói: « Được chứ. Người ta lúc mới hóa-sinh thành hình người thì gọi là « phách ». Hễ sinh đủ phần « phách » rồi thì trong tự có cái dương-khi gọi là « hồn ». Về sau người nào hưởng-dụng được nhiều tinh-tủy của vật-loại vào mình thì « hồn phách » thêm khỏe-mạnh. Cho nên thông-minh sáng-láng được đến như thần-linh vậy.

Xem như những đũa bô cu me đi mà bị chết tươi kia, cái « hồn phách »

(1) Sĩ là người có học-vấn tài-đức sắp ra làm quan. Còn tạo, dư, lệ, liêu, bộc, đài đều là những tên chức-dịch ở công-sở, tùy thuộc nhau theo thứ tự.

của nó cũng còn nương-đưa vào người khác để trêu-quở đời được, nữa là ông Lương-liêu này (Bá-Hữu). Ông là đồng-đôi vua Mạc-công là liên-quân nước tôi, cháu ông Tử-Lương, con ông Tử-Nhĩ và là quan Khanh nước tôi đây. Nhà ông từng-chính đã ba đời nay, nước Trịnh tôi tuy không được phong-hậu lắm, như lời ngạn gọi là một cái nước nhỏ-mọn, thế nhưng đã đến ba đời cầm quyền-bình trong nước, thì dùng đã nhiều vật-chất mà hưởng đã lắm tinh-túy rồi. Họ-hàng ông ta lại to lớn, thì y-ý được nhiều. Ông ta lại bị chết tươi như thế thì ông ta làm được ma thiêng cũng là phải.»

Đồ nam-tử cần-án. — Cái chuyện « ma » Bá-Hữu nước Trịnh ở đây cũng tức như cái chuyện « ma » Banh-Sinh nước Tề trên kia. Đều bởi ở cái miệng những kẻ muốn báo thù cho người chết mà bịa-dặt ra để cưỡng-hoặc bọn ngu cho khoái-chí. Tử-Sản làm tướng-quốc biết mảnh-khỏe ấy, sợ họ sẽ gây thành cái họa đảng-tranh, làm nhiều việc nước. Nên Tử-Sản cho con Bá-Hữu được tập chức thi chuyện « ma » ấy yền ngay. Vậy biết Tử-Sản thực là một nhà pháp-sư, phi phù sát quỷ cao tay thông-huyền trong trảng chính-trị vậy.

Tuy-nhiên, về phương-diện chính-sách thì Tử-Sản thực là tay khôn-khéo, nhưng về phương-diện học-lý, Tử-Sản không chịu giải-thuyết cái mảnh-khỏe chính-trị ấy ra với người đời, lại đem hai chữ: « *hồn phách* » là cái thuyết-lý rất tinh về sự sống, về sinh-lý-học mà cưỡng giải cho « ma » là có thực, thì Tử-Sản lại là nhà quỷ-biến mà thuyết Tử-Sản là một tà-thuyết vậy.

Tử-Sản cho rằng: Dòng càng sang, thế càng lớn, quyền càng chuyên, ăn-hưởng càng được nhiều những chất tinh-túy của loài vật thì « ma » càng thiêng. Vậy những « ma » của các vị đế vương lâm-liệt ngày xưa, không biết thiêng-liêng đến thế nào. Thiêng-liêng thế nào mà lại chịu để cho trên lịch-sử có hai chữ « *lich-triều* ». Thiêng-liêng thế nào mà những khi nước mất nhà tan, thành xiêu miếu đổ, không hề thấy một « ma » nào hiện lên mà ám-ảnh trêu-quở được ai bao giờ. Coi đó thì biết Tử-Sản bất-quá là một nhà chính-trị về phái qui-tộc (1) nên văn-sức câu nói ấy để lèo đời và tự phó mình đó mà thôi.

Mạnh Hi-tử nước Lô, lúc sắp chết, cho triệu các quan-thuộc đến mà dặn rằng: « *Lẽ là cái gốc để làm người Không có lẽ thì không lập được. Ta chắc ông Khổng Khâu tức là một người đạt-giã ở đời nay đó. Ông là dòng-đời thánh-nhân ở nước Tống. Cụ tổ về ngành họ ông bây giờ là Phất-phủ Hà đang lẽ được làm vua Tống mà nhường chỗ em là Lê-công. Đến cụ Khảo-phủ thì làm tướng giúp vua Đới công, vua Vũ-công và vua Tuyên-công nước Tống. Ba lần thụ mệnh mà cụ càng khiêm-cung. Vì vậy có khắc vào cái đỉnh ở nhà thờ cụ rằng: « *Thụ mệnh lần thứ nhất thì khúm-núm, lần thứ hai thì lom-khom, lần thứ ba thì cúi rạp xuống. Rồi lần tương mà chạy, nhưng cũng không ai dám khinh. Nào com nào cháo để nuôi miệng ta đều ở cái đỉnh này.* » Xem lời mình - văn ấy thì biết cụ khiêm-cung là dường nào. Tang Tôn-Hột có câu rằng: « *Phàm đảng thánh-nhân, con cháu tất có người có đại-đức. Người đại-đức ấy dù không được**

(1) Tử-Sản với Tử-Tịch, Bá-Hữu là anh em và là công-tử nước Trịnh cả.

tôn-hiền ngay đang-thời thì sau cũng sản-xuất được kẻ đạt-nhân. » Vậy đạt-nhân chắc là Khổng Khâu bây giờ đó.

Hễ ta chết được trọn vẹn rồi thì các ông phải đem thằng Thuyết với thằng Hà-Ky hai con ta đến nhờ ông Khổng Khâu cho chúng nó học-hành. »

Bởi thế Mạnh Ý-tử (Hà-Ky) với Nam-Cung Kinh-Thúc (Thuyết) đều là học-trò ông Trọng-Ni cả.

Đồ-nam-tử cần-án. —Truyện-văn đây trở xuống, những chỗ nói về Khổng phu-tử, đều có ý tôn-sùng tin-ngưỡng cả. Coi đó thì biết đó là bút của Tả-thị, hoặc nhân lời sử-văn mà nhuận-sắc lại, hoặc tự ý phụ thêm vào, chứ không phải là có bút của Khổng-phu-tử điếm-duyet qua đến nữa. Tiên-nho có nhà nói rằng: «*Toàn-văn một bộ Tả-truyện có hai phần. Phần trên văn rất hùng-hồn chắc là có bút của Khổng-phu-tử. Phần dưới thì văn kém lắm, chắc là bút của Tả-thị.*» Lời ấy tuy không có chứng-thực rõ ràng. Song ta đọc toàn-bộ Tả-truyện thì thấy văn-khi có như thế thực.

Mùa xuân năm Chiêu-công thứ 8. Có một hòn đá ở đất Ngụy-du nước Tấn biết nói. Tấn-hầu hỏi Sư Khoáng rằng: «*Sao đá lại nói được?*» Sư Khoáng thưa: «*Đá thì không nói được. Hoặc có ai ẩn vào đấy. Không thì dân họ đồn liêu.*» Bấy giờ Tấn-hầu đang xây cái cung Li-kỳ, nên Sư Khoáng lại liếp liến rằng: «*Hoặc-giả lại còn một nghĩa mà tôi đã nghe được rằng: «Phàm hưng-công mà không liệu thời mùa-màng cho dân, để cho dân sinh ra ta-oán, thì thường có những vật vốn không nói được mà nói ra.» Bấy giờ ngài xây dựng ra nhiều cung-thất tốt-đẹp rực-rỡ quá, để cho dân lực đến điều-tàn hết cả. Dân người ta không còn bảo-toàn được*

linh-mệnh mà ta-oán khắp nơi. Thế thì đá cũng phải nói ra cũng là phải.»

10. K — Quân Sở diệt nước Trần

T. — Tháng chín năm Chiêu-công thứ 8. Quân Sở diệt nước Trần. Vua Linh-vương Sở cho Xuyên-Phong-Thú là đại-phu Sở làm chức Trần-công, vì vua Sở cho Xuyên-Phong-Thú ở trấn Thành-quần không chịu xiêm-nịnh vua. — Bấy giờ là năm Trong-công thứ 26. Linh-vương còn là Công-tử Vi. Quân Sở đánh Trịnh bắt được Hoàng-Hiệt. Xuyên Phong-Thú với Công-tử Vi tranh công với nhau, đến lúc đem tù ra hỏi thì Hoàng Hiệt nói Công-tử Vi bắt được y. Xuyên-Phong-Thú tức quá vác giáo đuổi chực đâm Công-tử Vi — Nên vua cho Xuyên-Phong-Thú làm chức ấy. Nhân y ngồi hầu rượu vua. Vua hỏi: «*Ở trấn Thành-quần, nếu người biết ta sẽ làm được đến thế này thì lạy người phải tránh ta nhỉ?*» Xuyên-Phong-Thú thưa: «*Nếu bấy giờ thần biết ngài sẽ làm được đến thế này thì thần quyết liều chết cho trọn đạo mà dẹp yên cho Sở.*»

Người huyện Cam nhà Châu với Diêm-Gia là đại-phu huyện Diêm nước Tấn cùng tranh nhau thừa ruộng ở huyện Diêm. Tấn đem quân rợ Âm-nhung vào đánh ấp Dĩnh nhà Châu, Thiên-vương sai Thiềm Hoàn-bá đến trách Tấn rằng: «*Kể từ đời nhà Hạ, đất Hậu-tắc là khởi-tổ nhà Châu ta mở ra nước Ngụy, nước Thai, nước Nhuế, nước Kỳ và nước Tấn, ấy là cõi đất mẹ tày của ta bấy giờ. Đến vua Vũ-vương đánh được nhà Thương mở ra như đất Bô-cô, đất Thương-gêm, ấy là cõi đất mẹ đông của ta bấy giờ; nước Ba, nước Bộc, nước Sở và nước Đặng ấy là cõi đất mẹ nam; nước Lưc, nước Thận, nước Yên và nước Bạc ấy là cõi đất mẹ bắc. Cõi đất của nhà Châu ta như thế thì còn kể gì đâu là*

xa với gần nữa. Vua Văn vua Vũ vua Thành vua Khang đều phân-phong cho các em cùng mẹ để làm phen giầu cho nhà Châu. Cũng chỉ vì các ngài lo sẽ đổ nát về sau đó thôi, chúng ta sao nên coi như mũ thóp của trẻ con, lớn lên thì bỏ đi được.

Đức liên-vương ngày xưa đầy họ Đào-Ngột ra ngoài cõi nước để chống với những loài lỵ-mị. Vì thế họ Doãn tổ rợ Âm-nhung là giống gian-tà phải đầy ra ở Qua-châu. Đến Huệ-công của bá-phụ được tha ở Tần về mới dụ người rợ Nhung cho vào ở đất Trung-quốc, để cho chúng nó lảng-bức các nước họ Cơ ta, nên chỉ rợ Nhung mới chiếm-cứ được những nơi đồng-áng của ta. Không thế thì sao chúng nó làm như thế được. Vậy các rợ Nhung mà chúng nó có được cõi đất ở Trung-quốc là lỗi của ai? Ôi, đức Hậu-tắc mở-mang ra bờ cõi mà đến bây giờ để cho quân Nhung-dịch nó chiếm cứ thì phỏng có nguy không?

Bá-phụ nghĩ lại mà coi. Ta đây với bá-phụ cũng như áo xiêm có mũ đai, cây có gốc, nước có nguồn, dân-nhân có người mưu-chủ vậy. Nếu mà bá-phụ xé mũ đứt đai, nhổ gốc lấp nguồn và trừ bỏ đấng mưu-chủ đi thì còn kể gì quân Nhung-dịch nó có cần gì đến một người như ta đây. »

Thúc-Hương bảo Tuyên-tử rằng : « Vua Văn-công mà gây nên được nghiệp bá thì có dám cải-cách một điều hiển-chương nào. Ngài phải tôn-phù Thiên-tử mà lại còn cung kính thêm. Từ Vua Văn-công trở đi, mỗi đời một suy kém, khinh-miệt nhà Châu là nơi tông-thống để càng rõ cái lỗi kiêu-rồng. Chư-hầu người ta nhĩ tâm với Tần cũng là phải. Và lời vương quở trách như thế là có lẽ lắm. Ông phải nghĩ xem. »

Tuyên-tử bằng lòng, trả lại ruộng huyện Diêm và tha cho tù ấp Dĩnh về.

Tề có họ Loan họ Cao là dòng vua Huệ-công đều ham-mê chè-rượu và chỉ tin lời người nhà trong, nên nhiều kẻ thù-oán. Hai họ này đang cường thịnh hơn họ Trần họ Pháo, nên lại càng ghét hai họ ấy. Hai họ Trần, Pháo ấy bèn hòa-mục với nhau mà đánh hai họ Loan, Cao.

Tử-Lương là người họ Cao bàn rằng : « Nếu hiệp được vua về với mình đã thì Trần, Pháo hai họ còn trốn đâu được. » Vì vậy hai họ Loan Cao vào đánh cửa Hồ-môn nhà vua. Ân Bình-Trọng chinh-đốn mũ-áo đứng ở ngoài cửa Hồ-môn. Bốn họ đều cho người đến triệu Ân Bình-Trọng, nhưng ông không về với họ nào cả. Có kẻ đầy tớ hỏi ông rằng : « Ông giúp cho Trần, Pháo chăng ? » Ông nói : « Bọn ấy được điều gì mà giúp ? » Người đầy tớ lại hỏi : « Thế ông giúp cho Loan Cao chăng ? » Ông nói : « Bọn này thì hơn gì ? » Người ấy lại hỏi : « Thế thì ông đi về nhà thôi chứ ? » Bình-Trọng nói : « Vua đang bị giặc đánh còn về đâu được. »

Bấy giờ vua Tề cho triệu Bình-Trọng thì ông vào. Vua Tề với hai họ Loan Cao đánh nhau ở nền tắc. Hai họ Loan Cao thua. Hai họ Trần Pháo bèn chia nhau gia-sản của hai họ Loan Cao. Bình-Trọng bảo Hoàn-tử họ Trần rằng : « Ông phải đem gia-sản của hai họ ấy mà sung-công. Bởi vì «nhượng» là đầu mọi đức, cho nên gọi «nhượng» là một ý-đức. Chớ ở đời, phạm giống có khi-huyết, giống nào cũng có bụng tranh lợi. Vậy gặp điều lợi không nên cưỡng mà lấy, phải nghĩ đến điều nghĩa là hơn. Nghĩa là gốc lợi. Chứa lợi nhiều thì sinh ra tai-hại. Ông không nên tàng-trữ lắm lắm gì thì mới hưng-thịnh được. »

Hoàn-tử bèn đem cả gia-sản của hai họ mà nộp vào nhà-nước và xin cáo-lão về ở ấp Cử.

Hoàn-tử lại đem tư-ấp của mình phân cho những vị Công-tử, Công-tôn, nào không có lộc. Đem thóc của nhà ra cấp cho những người dân bần-cùng cô-quả. Vua Tề cho Hoàn-tử thêm ấp ở bên ấp Cử, Hoàn-tử cũng xin từ. Từ đó họ Trần mới hưng-thịnh lên ở nước Tề.

11. — K. Sở-tử đánh nước Tù

T. Năm Chiêu-công thứ 12. Sở-tử đi săn ở Châu-lai. Bèn sai Đãng-hầu đem binh vây nước Tù. Sở-tử thì đóng quân-thứ ở Càn-kê để làm hậu-viện. Hôm ấy trời mưa tuyết, Sở-tử đội mũ da, mặc áo lông chim của Tần biểu, khoác chăn lông chim chã, đi hia da báo, cầm roi da, đi ra hàng quân. Có quan Hữu-doãn là Tử-Cách vào yết-kiến buổi chiều hôm. Sở-tử bỏ mũ, chần và roi ra mà nói chuyện với Tử-Cách. Sở-tử nói : « Ngày xưa đức Tiên-vương ta là Hùng-Dịch cùng với vua Tề là Lê-Cấp, vua Vệ là Vương-tôn Mậu, vua Tấn là Nhiếp-phủ, vua Lỗ là Cầm-phả cùng thờ vua Khang-vương nhà Châu. Thế mà bốn nước kia đều được phần ban-thưởng thêm, duy nước ta thì không. Nay ta cho người vào nói với vua nhà Châu xin một cái đỉnh để làm phần riêng. Không biết vua nhà Châu có cho ta không? » Tử-Cách thưa : « Phải cho ngài chứ! Ngày xưa đức Hùng-Dịch là tiên-vương nước ta, nổi lên ở đất Kinh-sơn hẻo-lánh, xe bằng cành cây, áo quần lam-lũ từ nơi hoang rậm, lặn suối trèo non, đi vào thờ vua thiên-tử nhà Châu, việc cung-đốn vào nhà vương bấy giờ, ta chỉ phải nộp những cái nõ gỗ đào và những cái tên bằng gai mà thôi. Còn như vua Tề thì là cậu vua nhà Châu. Ba vua Tấn, Lỗ, Vệ thì là em ruột. Bởi thế cho nên bốn nước ấy đều có phần

riêng mà Sở ta thì không. Đến bây giờ nhà Châu với bốn nước ấy đều phải phục-sự ngài. Ngài truyền mệnh-lệnh gì đều phải nghe. Vậy có lẽ nào vua nhà Châu lại tiếc ngài cái đỉnh. »

Sở-tử lại hỏi : « Nước Hứa là chỗ ở của ông Côn-Ngô là bá-phụ ta xưa. Nay người Trịnh tham lấy khu ruộng ở nước Hứa mà không trả lại cho ta, nếu ta đòi ruộng ấy lại thì Trịnh có nghe không? » Tử-Cách thưa : « Phải trả lại cho ngài chứ! Nhà Châu còn không tiếc đỉnh thì Trịnh dám tiếc ruộng dư? » Sở-tử lại hỏi : « Ngày xưa Chu-hầu chỉ sợ Tần mà kiêng nước ta ra. Nay ta đắp đại-thành ở Trần Sái, Bất-canh, mỗi nước ngạch thuế đều nghĩa cỗ binh-xa cả, việc này người cũng có công đó. Như thế Chu-hầu có sợ ta không? » Tử-Cách thưa : « Họ sợ ngài lắm chứ! Cứ những mấy nước Trần, Sái, Bất-canh thì Chu-hầu họ cũng đã đủ sợ rồi, lại thêm nước Sở vào thì làm gì mà họ không phải sợ ngài. »

Bấy giờ có quan công-bộ vào trình vua Sở về việc vua sai rửa ngọc để khảm vào cái chuôi dao. Vậy xin vua chỉ truyền cho làm thế nào. Bởi thế Sở-tử phải vào dinh trong. Tịch-phủ là quan hầu đánh xe của vua ở đấy bảo Tử-Cách rằng : « Ông là người của nước Sở trông mong, nay vua nói gì ông cũng tán vào như hưởng-ứng, thế thì nước còn nhờ gì. »

Tử-Cách nói : « Đều tôi mài cái lưỡi tôi như mài gươm, đợi vua ra thì tôi chém phăng những điều xấu của vua đi. »

Sở-Tử lại ra, lại nói chuyện thì xảy có quan Tả-sử là Ý-Tướng đi dạo qua. Sở-tử nói : « Người này là nhà làm sử giỏi lắm đấy. Y đã đọc qua cả các sách Tam-phần, Ngũ-diễn, Bát-sách, Cửu-khâu (1). » Tử-Cách thưa :

(1) Tên bốn bộ sách tối-cổ của Trung-quốc. Khổng An-Quốc giải : Tam-phần là sách Tam-hoàng. Ngũ-diễn là sách Ngũ-đế. Bát-sách là bát quái. Cửu-khâu là Cửu-châu.

« Tôi đã có hỏi người ấy rằng xưa vua Mục-vương nhà Châu muốn đi chơi khắp thiên-hạ, đâu cũng có dấu xe vết ngựa của mình cho thỏa chí. Ông Sái-công bèn làm ra bài thơ Kỳ-chiê (1) để ngăn lòng vua đi. Vì thế mà vua được chết ở Kỳ-cung yên thắm. Tôi hỏi bài thơ thế nào thì người ấy không biết. Nếu hỏi việc xa nữa thì Y còn biết gì. »

Sở-Tử hỏi : « Thế người có nhớ thơ ấy không ? » Tử-Cách thưa : « Có, thơ rằng : Quan Kỳ-phủ, ông Chiêu-công ; khen thay tin-khi ung-dung khoan-hòa. Phép vua, tài lực dân ta ; ông dùng ông quý hình như ngọc vàng. Mong vua danh-liếng vẻ-vang, say no cơm rượu chẳng màng như ai. »

Sở-tử nghe xong vái Tử-Cách mà trở vào. Từ hôm ấy, ăn không ngon, nằm không yên đến mấy ngày mà không tự hạn chế được lòng dục.

12. K — Sở Công-tử Tử ở Tấn về Sở giết vua là Kiển ở đất Càn-khê.

T — Sở-tử (Linh-vương) khi còn làm lệnh-doãn giết quan Đại-tư mã là Viên-Yêm mà chiếm lấy gia-sản. Đến lúc lên làm vua thì cướp lấy ruộng của Viên-Cư. Thiên nước Hứa sang nơi khác mà bắt đại-phu Hứa là Vị làm con tin. Người Vị là người Sái làm quan bên Sở được Sở-tử yêu, đến lúc Sở-tử diệt Sái thì người cha người Vị bị chết vì việc nước. Sở-tử lại cướp ấp Trung-thù của Đẩu Vi-qui và ấp của Thành-Nhiên. Vì thế người họ Viên với Viên-Cư, Hứa-Vi, Sái-Vị, Thành-Nhiên cùng bọn các quan mất chức cùng khởi loạn. Họ lấy mệnh-lệnh của Công-tử Khi-Tật là em Sở-tử phong ra ở Sái làm Sái-công, để triệu hai Công-tử là

Tử-Can. Tử-Tích là em Sở-tử đã xuất-bôn sang Tấn về, cùng hội-minh ở đất Đặng. Họ hứa với người hai nước Trần, Sái được phục-quốc lại mà cùng với họ cùng y-y nhau. Bấy giờ Tử-Can Tử-Tích, Khi-Tật là ba Sở Công-tử với Thành-Nhiên đem quân các nước Trần Sái, Bất-canh, Hứa, Diệp kéo vào nước Sở giết Thái-tử Lộc, Công-tử Bi-Địch là hai con Sở-tử mà tôn Công-tử Càn lên làm vua, Sở-tử nghe tin các con bị chết, tự đâm đầu xuống gầm xe mà rằng : « Người ta thương con người ta thế nào thì tôi thương con tôi thế. Thế mà tôi giết con của người ta nhiều lắm thì tôi không bị cái nạn này sao được. »

Quan Hữu-doãn là Tử-Cách nói với Sở-tử rằng : « Xin ngài đóng quân ở ngoài đồng để nghe xem người trong nước định thế nào ? » Sở-tử nói : « Chúng-nhân họ đã công-phân thì không xâm-phạm vào được. » Tử-Cách thưa : « Hay là ngài kéo quân vào một đại-thành nào rồi xin viện-binh của Chư-hầu đến cứu. » Sở-tử nói : « Chư-hầu họ đã phản cả rồi còn gì. » Tử-Cách nói : « 7 hà bị diệt-vong với Chư-hầu để cho nước đại-quốc người ta nghị-luận ngài còn hơn. » Sở-tử nói : « Thôi, đại-phúc không ai được hưởng đến hai lần, làm thế chỉ thêm nhục ra mà thôi. »

Tử-Cách thấy thế bèn bỏ Linh-vương mà về với bọn người Sở kia. Năm Chiêu-công thứ 13, Sở Linh-vương tự thắt cổ chết ở nhà họ Thân-Hội.

13. K.— Sở Công-tử Khi-Tật giết Công-tử Tử

T. — Quan-Tông bảo Tử-Can rằng : « Ngài không giết Khi-Tật đi thì ngài tuy lấy được nước rồi mà cũng còn bị

(1) Kỳ 祈 chức quan Tư-mã cũng gọi Kỳ-phủ. Chiêu là tên người.

lai-vạ với hần » Tử-Can nói : « *Ta bắt-nhẫn* ». Quan-Tòng thưa : « *Nhưng người ta nhẫn với ngài đây thì sao, tôi không nỡ đợi trông thấy ngài bị tai-vạ đâu.* » Nói rồi bèn bỏ đi.

— Người nước Sở cứ đến đêm thì sợ-hãi bảo nhau rằng : « *Vương về đây.* » Khi-Tật bèn cho người chạy đi khắp mọi nơi mà kêu lên rằng : « *Vương về rồi.* » Người trong nước lại càng sợ lắm. Sai Mạn Thành-Nhiên đến bảo Tử-Tan, Tử-Trích rằng : « *Người nước sắp kéo đến đây. Các ngài phải liệu sớm cho khỏi nhục. Cái công-phần của chúng-nhân như là nước lửa không làm thế nào được.* » Rồi lại có người chạy đến mà kêu lên rằng : « *Chúng đã đến đó rồi.* » Hai gã đều tự-sát.

Năm Chiêu-công thứ 13, Khi-Tật lên ngôi gọi tên là Hùng-Cur, ấy là vua Bình-vương Sở.

Sở Bình-vương lập lại cho nước Trần nước Sái. Hoàn cho dân Hứa đã bị thiên lại được về nước cũ. Thi ơn, miễn thuế khiếm, khoan phu-dịch cho dân. Tha kẻ có tội, cử người phế-chức.

Thần-Hội mới đến cáo chỗ để áo quan vua Linh-vương. Bình-vương bèn cải-táng lại. Khi Linh-vương còn, có xem một quẻ bói, khẩn rằng : « *Xin cho tôi lấy được cả thiên-hạ.* » Gieo xuống thì quẻ ấy không tốt. Vương bèn gọi trời lên mà mắng rằng : « *Thiên-hạ là vật cốn-con thể này mà không cho ta thì ta cứ tự-cướp lấy.* » Vì thế dân người ta sợ vương tham không biết thế nào là chán, cho nên có loạn nổi lên thì người ta theo như người theo về nhà vậy.

14. K. - Chư-nhũ đồng-minh ở Bình-khâu

T. — Năm Chiêu-công thứ 13, người Tấn lại giở ra cuộc minh-hội. Người nước Tiều-Châu, người nước Cử đến tố-cáo với Tấn rằng : « *Lỗ bất kỳ sớm hôm cứ kéo đến đánh nước chúng tôi. Nước chúng tôi sắp bị vong-diệt. Vì Lỗ như thế nên chúng tôi không đủ đồ cống.* » Bối vậy Tấn-hầu không cho Lỗ-hầu vào yết và cho Thúc-Hương đến từ-chối với Lỗ-hầu rằng : « *Đến ngày giáp-tuất này thì Chư-hầu hội-minh, nên quã-quân tôi sẽ không được tiếp ngài ngày hôm ấy. Xin ngài không cần phải sắp sửa gì nữa.* » Lỗ Tử-Phục Cảnh-bá trả lời rằng : « *Nhà vua bên ta tin lời quân man-di mà tuyệt tình với nước anh em, bỏ cả con cháu cụ Châu-công. Như thế thì xin tùy ý nhà vua bên ta thế nào. Quã-quân tôi cũng xin tuân lệnh* »

Thúc-Hương nói : « *Quã-quân tôi hiện có bốn nghìn cỗ giáp-xa, tuy có làm điều vô đạo, chắc người ta cũng phải sợ. Phương chỉ quã-quân tôi noi theo đạo-lý mà làm thì ời còn địch lại được. Con trâu dẫu gầy mà nó ngã đè lên con lợn con thì thế nào con lợn con cũng chết, Nước Lỗ còn cái lo về Nam Khoái với Tử-Trọng (1) họ đã tha cho đâu. Nếu đem quân tấn với quân Chư-hầu, và nhân cái công-phần của bốn nước Tiều-châu, Cử, Khởi, Tăng mà cùng vào trị tội Lỗ, khiến cho Lỗ bị hai cái lo thì thế nào mà Tấn không thắng* ». Người Lỗ sợ phải vâng mệnh Tấn không dám xin dự-minh nữa.

Đến lúc làm lễ minh-thệ. Triệt Tử-Sản cãi về việc công - khoản rằng : « *Ngày xưa Thiên-tử lập ra lệ cống, cứ theo thứ-tự mà phân nặng nhẹ. Phạm ngôi cao thì cống nhiều. Ấy là phép nhà*

(1) Nam-Khoái Tử-Trọng là hai người đang làm phản Lỗ.

Châu đó. Nay Trịnh tôi ở vào hàng bá-nam mà bắt nộp cống-khoán theo hàng công hầu thì sợ rằng Trịnh tôi không nộp đủ được. Bởi vậy tôi mới dám nài xin. Nay Chư-hầu thôi việc binh tranh lo việc hòa-hiến. Thế mà khách sai đến thôi-thức không tháng nào không. Khoản cống thì không hợp phép, khiến cho liêu-quốc tôi phải thiếu-thốn mà mang tội lỗi. Chư-hầu hội-minh với nhau là để bảo-lần cho các nước nhỏ, thế mà đòi cống-hiến vô-hạn thì các nước nhỏ sẽ diệt-vong đến nơi. Vậy liêu-quốc chúng tôi mà còn hay mất là hệ ở sự định lại phép-luật ngày hôm nay đó »

Tử-Sản cãi từ trưa đến chiều hôm, người Tấn mới nghe cho.

Tan hội về, Trịnh-Ỉứ Í hái-Thức trách Tử-Sản rằng: « Ông nói thế, ngộ mà Chư-hầu họ trị tội nước ta thì có thể coi là việc bền được dự ? » Tử-Sản nói: « Nước Tấn chính-quyền thuộc về nhiều nhà việc gì cũng còn đang cầu-thả ngờ vực nhau chưa xong, lại còn rồi đâu mà trị tội ai. Và đã là một nước mà không dám cạnh-tranh với ai thì tất phải bị người ta đè nên mà cũng không thành ra nước nữa. »

15. K. — Ngô diệt ấ Châu-lai.

T. — Năm Chiêu-công thứ 13, Ngô diệt ấ Châu-lai. Sở Lệnh-doãn là Ỉứ-Kỳ xin vua cho đi đánh Ngô. Sở-vương không cho mà rằng: « Ta chưa vô-yên được nhân-dân, chưa thờ được quỷ-thần, chưa sửa sang được việc thủ-bị, chưa xếp yên được việc nhà nước, thế mà dùng đến tận-lực ngay thì tất bại, không hồi lại được nữa. Ấp Châu-lai về với Ngô cũng như ở với Sở có khác gì. Người hăng thông-thả.

Sở Bình-vương sai Nhiên Chấp kén linh các nước thuộc-quốc miền tây ở Tôn-khâu. Và yên-ủi cho dân, phân-

phát cho kẻ bần-cùng, giúp cho kẻ cô-ấu, nuôi người già ốm, chiêu những kẻ bơ-vơ, tai-hoạn, miễn thuế cho kẻ có-quả, tha kẻ tội-lỗi, xét kẻ gian-ngu, cứu người tài-đức mà bị yêm-trệ. Lê-dãi người mới đến, lục-dụng người cố-cựu. Kẻ có công thì ban lộc, kẻ có họ thì thân-quí.

Lại sai Khuất Bì kén linh các nước thuộc-quốc miền đông ở Triệu-lăng, cũng làm như thế. Lại kết-thân với các nước láng giềng. Nghỉ việc binh năm năm rồi mới dùng.

Tấn Hình-hầu tranh thừa ruộng ở ấ Súc với Ung-tử, kiện nhau đã lâu chưa xử xong. Quan Ân là Sĩ-Cảnh-bá đi sứ Sở. Thúc Ngu lên quyền việc xét án. Hàn Tuyên-tử truyền cho Thúc-Ngu xét cái án cũ ấy, xét ra thì tội ở Ung-tử. Ung-tử bèn đem con gái gả cho Thúc-Ngu. Thúc-Ngu liền quay mà đổ tội cho Hình-hầu. Hình-hầu giận vào giết chết Thúc-Ngu với Ung-tử ở trong triều. Hàn-Tuyên-tử hỏi Thúc-Hương về cái tội ấy. Thúc-Hương nói: « Ba người ấy cùng có tội. Ung-tử tự biết tội mình mà đi dút lót để mua lấy lẽ phải, Thúc-Ngu lấy hình-pháp làm mới buôn lợi, Hình-hầu tự tiện giết người, ba người ấy tội như nhau. Minh đã làm ác mà lại vợ điều tốt che đi là « tội hôn ». Vì tham mà làm hại việc quan là « tội mặc ». Giết người mà không uỷ-ky ai là « tội tặc. » Sách Hạ-thư nói rằng: « Tội hôn, tội mặc và tội tặc đều bị án xử-tử cả. » Đó là lời hình-pháp của ông Cao-Giao vậy. Ba người này kẻ còn sống thì phải thi-hành vào chính-thân, kẻ đã chết rồi phải thi hành vào thi thể ».

16. K. — Sái Triều Ngô xuất-bôn sang Trịnh

T. — Sở Phi Vô-Cực thấy Triều-Ngô ở Sái thì ghét định làm cho phải đi,

Nguyên Triều Ngô là đại-phu nước Sái cũ, Sở Linh-vương diệt Sái, ông ở lại rồi cùng đồ-đệ là Quang-Tông mưu giúp Sở công-tử Khi-lật, đem quân Sái đánh Sở Linh-vương mà khôi-phục lại nước Sái, được Sở Bình-vương tin yêu) Phi Vô-Cực bèn bảo Triều-Ngô rằng : « Vua Sở tin ông cho nên cho ông về ở Sái. Nhưng ông đã có tuổi mà phải ở chức dưới như thế thì nhục. Ông phải thỉnh-cầu với vua, tôi xin giúp. » Phi Vô-Cực lại nói với các quan trên nước Sái rằng : « Vua Sở ta chỉ tin ông Triều-Ngô mà cho ông về ở Sái, các ông không biết ý ấy, mà ở trên ông ta, không khéo thì nguy đấy. Các ông không liệu đi thì tất bị tai-nạn. »

Mùa hạ, năm Chiêu-công thứ 15. Người Sái đuổi Triều-Ngô đi. Triều-Ngô xuất-bôn sang Trịnh. Sở Bình-vương biết chuyện ấy giận lắm, nói rằng : « Ta tin Triều-Ngô nên mới cho hắn về làm quan ở Sái. Vả không có Triều-Ngô thì ta không được thế này. Sao mày làm cho hắn phải đi ». Vô-Cực thưa : « Thần há rằng không va gì thầy Triều-Ngô, nhưng mà thần biết thầy ấy là người khác thường lắm từ trước kia rồi. Thầy Triều-Ngô mà ở Sái thì Sái tất hay vạt lên ngay. Bởi vậy thần khỉu thầy ấy đi là khỉu vũ-dực của Sái đi đó. »

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT biên-dịch

TUÔNG HÁT

NÀNG DẦU OAN

I

CHƯƠNG-TRÌNH

Cảnh thứ 1. — Sơn-thủy

Minh Châu con gái quan Trần Phủ-doãn, cùng Á-hoàn đi thanh-minh, Phùng Xuân là học-trò nghèo gặp gỡ, hai bên liền mắc tình, Minh-Châu hẹn chàng về cậy mối sang giam.

Cảnh thứ II. — Vườn hoa

Phùng Xuân về ở mình nhà nghèo, ngộ là Minh-Châu hẹn hão, lại sang nhà quan Phủ-doãn, đêm trăng lần vào vườn hoa, Minh-Châu cùng Á-hoàn ra thưởng hoa chơi trăng bắt gặp, Minh-Châu thử chàng làm bài thơ vấn-nguyệt, lại thử hẹn quyết xin lấy làm chồng.

Cảnh thứ III. — Nhà quan

Khi ấy ông bà Trần Phủ-doãn toan gả Minh-Châu cho con quan Đốc-bộ, thì Phùng Xuân cậy mối sang giam, ông bà không bằng lòng, Minh-Châu xin với cha mẹ, gả cho Phùng-Xuân, ông bà bất-đắc-dĩ phải nghe, nhưng thách cưới to, mối và Phùng-Xuân về nói với mẹ, cũng cố vay nợ để cưới.

Cảnh thứ IV. — Nhà nghèo

Mẹ Phùng Xuân khi cưới được nàng dâu, chắc là con nhà quan, sẵn của mang về trả nợ, chẳng là Minh-Châu bị cha mẹ bảo không nghe, liền ghét không cho gì cả, về công nợ bán-

bít, mẹ chồng gắt-gông hành-hạ, lỡ tay đánh chết Minh-Châu, sợ, đem chôn tại vườn sau, Phùng-Xuân đi học vắng, khi về thương-tiếc, ra mồ than-khóc, hồn Minh-Châu hiện lên tự-tình, Phùng Xuân bực chí về đi tu, ở chùa Phổ-minh.

Cảnh thứ V. — Nhà giàu

Làng bên chùa Phổ-minh, nhà Lê phú-hộ có một con gái tên là Ái-Nguyệt bị cảm chết, cha mẹ đón thầy lang chữa thuốc không khỏi, rước thầy-cúng, cô-dồng về gọi hồn, hồn Minh-Châu mượn xác đó nhập vào sống lại để đi tìm Phùng Xuân.

Cảnh thứ VI. — Chùa và đàng

Hồn Minh-Châu, xác Ái-Nguyệt, tự xưng là Châu-Nguyệt, chạy đến chùa Phổ-minh, nhận sư bác Phùng Xuân là chồng, cha mẹ theo giữ cũng không nghe, Phùng-Xuân từ chối cũng không được, rồi cha mẹ phải nhận Phùng Xuân làm con rể, đưa nhau về nói với ông bà Trần Phủ-doãn, sau vợ chồng xin nhận làm rể, con cả bai nhà, nhờ của Lê phú-ông để gỡ nợ, làm nên giàu có.

CÁC VAI TRÒ

Trần Minh-Châu — Ả-hoàn — Khách thanh - minh — Ông lão Cước — Chi cất cổ — Phùng Xuân — Mụ mối — Quan Trần Phủ-doãn — Bà Trần Phủ-doãn — Phùng-mẫu — Tuồng Xược — Lê phú-ông — Bà phú-hộ — Ái-Nguyệt — Tiều-hoàn — Thầy lang — Thầy cúng — Cô đồng — Sư-cụ Huyền-Giác — Iều Sa-dí, cộng 10 đào, 10 kép.

CÁC ĐIỀU HÁT

Nói sử, nói lối, ngâm thơ, nổi niêu, trống-quân, bông-mạc, sa-mạc, hát cách, đường trường, dịp chờ, than, vãn, sa lệch, cảm giá, dịp duỗi, tảo, tụng kinh, châu vãn, bài sai, hát pha,

ngọc-mỹ-nhân, hành-vân, nam-thương, kim-tiền, vọng-phu, tứ-đại-cảnh, cộng 26 điệu hát.

CẢNH THỨ NHẤT

Sơn-thúy

Trần Minh-Châu ra nói sử :

Con quan Trần Phủ-doãn, tôi tên gọi Minh-Châu, tuổi mười-lăm trắng chột đứng đầu, xuân chín chục hoa còn ấp côi. Cha trải bước làm quan đã mỗi, vua rộng cho lương tuổi từ về ; bác mẹ già vui thú đạo non quê, phận gái bé buồng the chăm nghiệp học. Nay nhân lúc rộn hồng đua lục, biết bao người dấm biếc dầy xanh, rắp chơi xuân sắm-sửa bộ-hành, cùng bạn gái thanh-minh đi tảo-mộ

Gọi :

Nào Ả-hoàn, đem vàng hương đi viếng mồ với cô đây.

Ả-hoàn dạ, bưng vàng-hương ra, cùng hát sa lệch, đi :

Áng ời áng bụi hồng tình bằng dầy dầm dầm cỏ xanh, chừ đề tình xiết bao con người ngọc (y ới y) mà đề cô lẫn quanh lẫn quanh bên suối vàng ; (y y) ngấm ối ngấm chiều xuân tình bằng nghi-ngút khói nhang (Láy), chừ đề tình ngàn hoa man-mác (y ới y) mà đề có nẻo đàng mấy nẻo đàng quanh co ; (y y) nhắc ời nhắc trông kia những đống cùng gò. (Láy), chừ đề tình luống thương đau bề (y ới y) mà đề nhấp-nhò mấy nhấp-nhò cuộc đời ; (y y) xiết ời xiết bao non nước đời đời.

Minh-Châu vào viếng mồ, ca ngọc mỹ-nhân :

Nhìn trông đống kia cùng gò, người xưa biết bao má-mồ, xin lòng riêng lòng sầu-khách, áng hoa vàng cỏ lộ-nhò, đề ai thân hao chí tồn, cuộc đời e nổi nhấp-nhò, viếng người người đời xưa, bát-ngát thay đường trần rêu mờ, hồn hoa khéo sao thần-thờ, lệ dầm dầm đầu mưa, bát-ngát hoa buồn rầu bơ-xơ.

(Đứng vẫy nước mắt).

Ả hoàn can, nói lối :

Dạ thưa cô, kia người cò đã thay kiếp khác, sao cô nay vội chác buồn rầu, vẫy ngang mấy giọt lệ châu, ngần liếc muốn thu người ngọc, chỉ rửa a cò.

Ca hành-vân :

Ả Vương Kiêu, ả Vương Kiêu, xưa vội vội sầu khên, dang non nước, sau trước ngắt-ngheo, vì Đạm-Tiên viếng mộ, hồn oan đó, song cùng theo, trận gió điu-hiu, chiều tối chiều Vương Kiêu báo mộng. Chàng Kim Trọng, động mê-hương, phụ tình phàng, trăm dang trắc-trở, nghĩ càng thương càng thương; chữ cò đó, con quan nhà, phận gái đang trà, tựa màn hoa màn hoa, vội chi mà, khóc quỉ hồn ma, nhân ngày xuân-tiết, chẳng thà dạo cảnh xem hoa.

Nói lối :

Dạ thưa cô, xem Thúy-Kiêu thừa nợ, viếng Đạm-Tiên trước ngày, rồi ra vạ gió tai bay, đến nỗi oan giây thảm ác, nay cô vốn con nhà đài-các, nên-nếp khuê-môn, sá chi mà tủi phận phai son, xin hãy tạm vui xuân dạo cảnh, dạ thưa cô.

Mình-châu nói lối :

À nghe như Ả-hoàn nói, nên hãy đưa xuân ngắm cảnh sá chi hoài cớ thương thân, xa đạo bước hồng-trần, thử qua cầu Bích-thủy đó sao.

Ngâm :

Gót sen dạo bước hồng-trần,
Qua cầu Bích-thủy xem ngần nước
trong.

(các hạ).

Khách thanh-minh, ông lão cuốc vác cuốc ra
vừa hát rồi nêu :

Vĩa : Lắng nghe con cuốc cuốc kêu
[sầu,
Vai mang cái cuốc mau mau đi đắp mồ.

Hát : Trên thế-gian tình bằng sao
những đồng cùng gò, (Láy 3), nước non tình chung biến đổi (y ý y) mấy rhaps-nhò từng hồi; cái chồ ta ngồi tình bằng khi người trước đã ngồi. (Láy 3), hỏi thăm kia người tóc bạc (y ý y) dóm da mồi còn ai; đề có chăng ông lão cuộc sống đời. (Láy 3), tay ông cầm tình như cái cuốc (y ý y) mấy đắp bồi nước non; trái bầy lâu' tình bằng cân-cốt ông chưa mòn. (Láy 3), tiết thanh-minh tình chung đi tấc-mộ (y ý y) muốn hầy còn trắng hoa; ước may sao tình bằng ông gặp chị đàn bà, (Láy 3), đem về tình chung chơi trống bồi (y ý y) mấy cảnh già càng « pho »; ò ý e ò e ò.

Khách thanh-minh chỉ cắt cổ ra gặp ông lão cuốc trên ghẹo nói lối :

A, lạ sao ông cụ già, mà hầy còn cuộc khỏe, mời ông về làm dựng ghê, liệu ông cuộc bẫm được chăng, a ông lão cuộc?

Ông lão cuốc nói lối :

Được được, lão đang muốn tìm bạn khi già, may gặp ả thật là gái trẻ; lão cuộc mồ còn vẫn khỏe, làm dựng ghê ắt hay cào, a chị cắt cổ.

Chị cắt cổ hát trống-quân :

Thanh-minh đi cắt cổ hồ, lưỡi liềm trắng uốn tay co ra về; gặp ông lão cuộc khỏe khỏe, đắp mồ còn hầy ngồi kê dưới trăng; trời hôm trăng gió ngập-ngưng, hỏi ông cuộc ruộng được chăng rước về; gió trắng non nước đề-huê, bên liềm bên cuốc ta về cùng nhau.

Ông lão cuốc hát tiếp trống-quân :

Hỏi rằng cô ả ở đâu? thấy lão bạc đầu toan lại bắt chim; đôi mình cou mắt lim-dim, bên cuốc bên liềm đôi thật xứng đôi; bây giờ lão cuộc nhọc rồi, rгоди thử vô hồi lại cuộc được ngay; nhưng mà nếu bắt lão cày, chỉ độ mười ngày lão chết ra ma.

Chị cắt cỏ hát tiếp :

Kìa ông lão cuội gốc đa, với chị trắng
già sao vẫn cày trâu ?

Ông lão cuộc hát tiếp :

Hãy xem như vợ chồng ngâu, mỗi
năm một bận sống lâu nên nhiều.

Nói :

Như ông cuội bà trắng, luôn luôn
thì lão chịu, như chàng Ngưu ả Chức,
thoang-thoảng càng thom lâu, a chị
cắt cỏ.

Chị cắt cỏ nói :

Được được, một già một trẻ gặp
nhau, ba tháng ba đồng cũng được.

Cùng dắt tay nhau hạ)

Phùng Xuân ăn mặc lối học trò ra nói lối :

Vốn quê nhà Nam-hạ, tôi tên gọi
Phùng Xuân; nền thư-trai hai chữ
thanh-bần, nơi tràng-ốc mấy lần bạch-
chiến, à à, nay nhân tiết thanh-minh,
nức-nở anh én, thử liều đem bạch-
điện, tìm bạn loan-hoàng, may dính
ước được người sang, sẽ thừa trình
cùng lão-mẫu.

Ngâm :

Thanh-minh oanh én rập-riu,
Gió trắng non nước giàu nghèo riêng ai.

Nức lòng dấm tuyết tìm mai,
Dặm xanh trang-điểm một vài bông hoa.

Ra bên cầu nom.

Minh-Châu đứng trên cầu ngâm sa-mạc :

(Hừ hừ) bên cầu tơ liễu xanh rả,
Khách cầu Lam để ai là mắt xanh.

Ả-hoàn ngâm tiếp sa-mạc :

(Hừ hừ) bóng hoa thấp-thoảng mặt
[ghèngh,
Biết ai là khách hữu-tình với hoa.

*Phùng Xuân nghe thấy ngóng trông ngâm
tiếp sa-mạc :*

(Hừ hừ) trắng hôm vừa tỏ gương nga,
Bên cầu tơ liễu bóng hoa lạc chùng.

Nói lối ngoài :

Hừ lạ thật lạ thật, mà may sao may
sao ; khéo bông đầu gặp mặt hoa đào,
coi chợt thấy trên cầu tơ liễu ; (*tán : à
à, lạ người con gái nào sang thật, mà
coi ra tinh lắm, không biết mình tồi-
tĩnh thế này, cô ta có mắng đến không ?
Nếu không thì hoài quá mà cay quã*).
Chi ai khéo hoa trên nguyệt g' ẹo, để
mình thêm trúc héo mai gầy; cũng
liều mượn gió vin mây, thử tới thăm
tương hồi nhĩ. (*tán : ừ ta hãy thử lại
tận nơi, ta ước tình xem sao, ngộ may
gạ được chằng*). (*Bước lại lên trên cầu*).

Ngâm sa-mạc :

(Hừ hừ) hoa sao hoa khéo ngấp-ngừng,
Tình không ăn ớt ăn gừng mà cay.

*Minh-Châu then dưng nép vào dưới hoa ngâm
tiếp sa-mạc :*

(Hừ hừ) người đầu kẻ éo lạ lòng thay,
Biết rằng chim đậu chim bay mà vờ.

Ả-hoàn ngâm mắng mỉa Phùng Xuân :

Thân ai đã xác như vờ,
Chi còn tính nét chai-lơ vì tình !

Nói :

Gớm anh khóa tình lắm nhĩ ? đó cô
tôi là con quan phủ, anh hãy ngắm
cái thân anh hình-dạng thế kia, liệu có
đáng tí h không mà anh tình thế ?

Phùng Xuân quay bảo Minh-Châu nói lối :

A này cô, phong-lưu lựa bực tài-
tình, đôi lứa kẻ chi nghèo khó, a cô.

Ngâm :

Vì chằng duyên nợ ba sinh,
Khó ng ềo chi quản tài-tình là hơn.

Minh-Châu nói lối :

Nếu thật là duyên số, chi dám quản
khó nghèo, xin đừng trên cợt đo điều,
về hãy liệu chiều mối lái, a cậu.

Ngâm :

Nhà nho sá quản cô-đơn,
Sẽ lần mối chỉ cung đờn mới em.

Nói :

A này, nếu cậu có muốn lấy tôi, thì sẽ về tìm mối manh giạm hỏi với cha mẹ, chớ hề gì mà phải trêu cợt, a cậu.

Á-hoàn nói lối :

Hỡi này cậu học trò, đó cô con quan lớn, cô tôi dẫu giàu nghèo không quản, cậu nên về khăn-khoản mối mai, xin đừng cợt liễu gheo mai, kéo nữa hoa cười trắng mĩa, a cậu.

Ngâm :

Giàu nghèo duyên phận cải kim,
Hẹn hò nên sẽ liệu tìm mối mai.

Ca hành-vân :

Hỡi ơi người, hỡi ơi người, đã hẹn hẹn cùng ai, thề non nước, đính ước vẹn hai, giàu nghèo chi quản ngại, chừ ơn ngãi, song còn toan, hỏi mẹ cùng cha, nhà tận nhà tận nhà quan lớn ; ngày xuân nọ, dâng vin hoa, hẹn trắng già, chi mà trêu gheo, giở trò ma trò ma ; chừ cô bé, tại nơi nhà, còn mẹ cha già, nặng vì hoa vì hoa, kip liệu mà mai mối sang qua, chi mà trêu cợt, cho người mĩa nguyệt cười hoa.

Nói lối :

Thôi cô tôi đã có lòng yêu, thì cậu kíp trở về loan liệu ; chi với hoa trêu nguyệt gheo, cho phiến liễu yếu đào non, a cậu.

Ngâm bảo Minh-Châu :

Trăng hôm đã xế đầu non,
Phía trời lác-đác chim con về ngàn.

Liệu mà trở gót buông loan,
Chốn cầu Lam chớ miên-man vì tình.

Nói lối :

Thôi cô đi về kéo lối, chờ cậu trở lại còn khuya, lòng tơ không nở phân lia, mặt ngọc khéo mà ngư-ngần, lấm sao.

Minh-Châu phải dặt ra về nói lối :

Nhác trông trời đã vơ-vẩn, quay ra bóng đã xế chiều, thôi già khách Lam-kiền, sẽ lui về hoa-đ.

Cùng hát cách về :

Tình xa-cách dặm xanh, nhác trông người tình xa-cách dặm xanh, hãy còn có bèn lẳng-vắng mấy bóng tình nẻo xa ; khéo là mắng nguyệt say hoa, (y ới y) : (Láy), trời hôm có bèn sao chẳng mấy thêm và tắc xuân, tiếc xuân ; luống hầy tần-ngần, (y ới y), (Các-hạ).

Phùng Xuân dừng ngần trông hát tiếp :

Tình luống hầy tần-ngần, trông trăng hôm lại nửa phần tiếc trắng ; ai về ai nhớ ta chẳng. (Láy), ta về ta nhớ bóng trắng ban chiều ; xa trông trắng gác đỉnh đèo.

(Hạ màn)

CẢNH THỨ HAI

Vườn hoa đêm trăng và nhà nghèo.

Phùng Xuân nói lối ngoài :

Tôi Phùng Xuân thừa nợ, với Minh-Châu hẹn thề ; song cứ bước ra về, chỉ e mình nghèo khó, dù muốn kết duyên tơ đỏ, để hay dâm ngọc cầu Lam, giờ lại sang đình ước tái-tam, rồi sau sẽ liệu tìm manh-mối (Tán). Hừ mình trước có hẹn với Minh-Châu thực, nhưng về chỉ e mình là học-trò nghèo, mà cô ấy là con nhà quan lớn, dù mình cậy ai người ta dám mối-manh cho mình, mà nếu cậy mối giạm người không gả thì rồi quá, chi bằng giờ mình lại sang tận nhà mình hẹn lại cho chắc-chắn, sau mình sẽ liệu.

Hát đường-trường đi :

Em có yêu anh, tình bằng ba-mươi-sáu núi anh cũng trào, mười-tám bề tình tang tình anh cũng vượt bốn-chín năm-mười đèo anh cũng trào qua ; chén son em ơi anh quyết hẹn với ông trăng già. (Láy), dẫu một hai ba bốn năm hẹn sáu bảy tám chín mười ta cũng nên ; sợi chỉ hồng em ơi vẫn vit là duyên. (Láy), làm sao cho chín

ước mười nguyên ta vẹn đôi ; anh chỉ
thề tình bằng có bóng ông trăng soi.

Nói lời :

Mau đảo bước non mai, sẽ thăm
ngành to liễu. (Hạ).

Minh-châu sắp ra chơi vườn hoa nói lời :

Tôi Minh-Châu, tiết thanh-minh đầy
áng cỏ xanh, sao hồng khách tình
gặp-gỡ ; nơi thúy-uyên hỏi ngành hoa
nở, như xui dạ nhờ bồn chồn ; trót là
thề hẹn sắt son, luống hây mong chùng
non nước. *Tán* : Hừ mình trước đi
lảo-mộ, có gặp cậu Phùng-Xuân, hèn
sang giạm hỏi mình, mà sao mãi
chẳng thấy tin-tức gì, chùng cậu chỉ
ngại là học trò nghèo, mà mình là con
quan lớn, chả biết giạm hỏi có được
không, nên ngần-ngại đó chứ, song
mình đã trót hẹn, thì thế nào mình
chả nói với cha mẹ đã. *Nói* : A Ấ-hoàn,
nay cô rắp vườn xuân dạo bước,
mượn cảnh thú khuấy sầu, mi sắm-
sữa hộp trà, đặng theo ra vườn liễu,
đây. (Ấ-hoàn dạ ra theo đi).

Minh-Châu ngâm :

Cuối xuân dạo gót vườn hoa,
Cho khuấy dạ nhớ kẻ mà lòng thương.

Ca Nam-bình :

Nhớ thương người, xa xa nhớ ai,
sao gần bó sai lời, khéo lỡ trở-ngại
vời xa vời, sao đó sao, có thấy cây ai,
mối mối mai, mong tin xuân vắng, chừ
vườn ra vườn hoa nhớ ai, e nhớ nhớ
ai, hồ đoái trông trúc nọ cùng mai,
dường mong nhớ ai, nhớ ai phụng-
loan xa xa khơi, khéo xa người ấy,
cho ai nhớ ai, đoái trông non xanh
tuyệt vời, đặng vui cánh hoa tươi, mà
khuấy dạ, mong nhớ người thêm ngâm-
ngùi

A-hoàn ngâm :

Ngành hoa riu nặng giọt sương,
Dưới trăng đánh thức hải-đường xem
hoa.

Nói lời :

Dạ thưa cô, giờ đêm trăng sương
lạnh, luồng gió mát hoa tươi ; nhân
khí vắng - về chiều trời, mượn thú
thanh-nhân thưởng-nguyệt, a cô.

Minh-Châu nói lời :

A Ấ-hoàn, sân đào điểm tuyết, vườn
liễu treo trăng ; ngắm cảnh đẹp vô
chùng, thưởng hoa càng hữu nhị, a
Ấ-hoàn.

Ấ-hoàn ca hành-vân :

Trẻ vui nhà, trẻ vui nhà, thử dạo
dạo vườn hoa, vườn sau trước, trăng
nước sao sa, nhác coi đường vẽ ngọc,
trời trong mát, hoa lừng thơm, nữ phụ
màu hoa, nhà cảnh nhà vườn nhà đua
rỡn. Đường đêm nọ độ trăng trong, bức
gương lồng, vui cùng hoa nguyệt, tỏ
tinh-chung tình chung. Chừ tôi tớ, sửa
khay trà, khăn mặt lược dầu, dạo
vườn sau vườn sau. Phận con hầu, dám
ngại canh thâu, xin cùng nối gót vườn
hoa lẫn bóng trăng thâu.

(Cùng vào vườn hoa.)

Phùng Xuân ra nói lời :

Nay tới ngoài trang trại, nhác trông
cõi vườn hoa ; dưới đào thấp-thoảng
bóng nga, thêm quế thử làm chủ cuối,
xem sao chớ. *Tán* : hừ giờ may sao,
mình sang tới nơi, đêm chị em còn ra
vườn hoa, mình quyết thử lần vào
mình núp, hễ chị em bắt được, là
mình được tỵ tình, đó chi.

(Lần bước vào vườn, ngồi nép dưới
khóm hoa.)

Minh-châu ra gần bên khóm hoa trông
thấy bóng người, vội giật mình thét lối :

A Ấ-hoàn, cái gì ngồi tựa dưới hoa,
trông thoảng hình như chiếc bóng, đó
coi.

Ấ hoàn sợ chạy đến vạch khóm hoa xem thì ra
người, sợ thét lối :

Ủa lạ người đâu tá ! ban đêm lại đến
ngồi ? ấy hồ-gìn trong ruộng dưa coi,
hay cuối đá dưới cây đa tựa ?

Minh-Châu trông thì ra *Phùng Xuân*, liền hỏi, nói lời :

Uả lạ ! sao thua nợ tình-quân cầu gổ, lại học ông quân-tử xà nhà ; ban đêm vào nép khóm hoa, lưỡng đã coi lòa bóng nguyệt ; nào những lời thề-thuyết sao không thấy mới-mai ? hay là đá nát vàng phai, nở để xương chờ tuyết đợi, đó chăng ? *Tán* : Này cậu, sao cậu hẹn với tôi rằng về tìm mai-mối giam hỏi, mà rồi mãi không thấy, giờ lại lên vào đây ngồi là sao, a cậu ?

Ngâm :

Đêm trăng vào lẩn vườn hoa,
Sợ khi tắm tiếng đến nhà thì sao ?
Lời xưa trót đã thâm-giao,
Sao không manh-mối lại vào tự-do ?

Phùng Xuân nói lời :

A này nàng, bởi xưa cùng tiện-lữ, đính ước cầu ô về xiết nghĩ nhà nho, vốn không ruộng ngọc ; dù muốn đàn kia lựa khúc, e không tiền đóng nên quan ; nếu mới mai mà việc chẳng hoàn-toàn, đối cha mẹ nghĩ lòng càng hồ thẹn ; nên nay lại tới đây thề hẹn, đành tính sao cho vẹn lời nguyện ; mai sẽ về nhận cá đưa tin, cho trọn nghĩa ên anh kết bạn. *Tán* : Xưa tôi gặp tiết thanh-minh, nàng có hẹn về tìm mai-mối, song về tôi chỉ e nhà học trò nghèo, mà nàng là con nhà quan lớn, không biết cậy mối sang giam hỏi, cha mẹ có gả không, nên tôi lại phải sang đây, mà ước hẹn lại, nếu khi giam hỏi, nàng có nói giúp với cha mẹ cho, mà quyết định xong việc được, thì tôi mới dám cậy mối lại, a nàng.

Ngâm :

Cầu Lam xưa trót hẹn hò,
Nhưng tình còn phải dẫn-đo với tình.
Chỉ e của bạc nhà thanh,
Biết cha mẹ có xét tình chăng ai ?

Minh-châu nói lời :

À à trót một lời đính ước, chi mấy

thứ hẹn-hò ; vậy xin hãy thử học trò tức cảnh đề thơ vấn-nguyệt đó xem.

Phùng Xuân nói lời tiếp :

Được được, mấy năm mài án tuyết, một bước tới vườn hoa ; xin trao giấy bạch bút nà, thử vẩy mực hoa ngôn trúc, đó a nàng.

Minh-châu nói lời :

A Á-hoàn mau giục, đem bút trúc gần kề ; để quân-tử ngâm-đề, thảo tờ huê điểm nét, Á-hoàn.

Á-hoàn dựa vào cầm bút giấy nghiên mực ra nói :

A này cậu hãy thử đề bài thơ rõ hay, rồi cô tôi sẽ bằm với quan lớn, thế nào việc cũng xong, a cậu.

Phùng Xuân ngồi thảo ngâm bài thơ vấn-nguyệt thơ tứ-tuyệt liên-chỉ :

Vườn hoa vẩy tuyết hỏi di trăng,
Dạn mặt phong-trần để biết chăng :
Ướm ả Hằng-nga nay mấy tuổi ?
E còn lấp-lẻ mảnh gương băng.

E còn lấp-lẻ mảnh gương băng,
Ướm hỏi trăng sao chẳng đợi dăng ?
Đêm vắng hoa thơm lời nguyện ước,
Trăng già mau vấn sợi tơ vương.

Ngâm đề xong trao Á-hoàn cầm đưa cho Minh-Châu, Minh-Châu xem thơ nói lời :

Uả tài cao tài cao, rõ hay tuyết hay tuyệt ; duyên đó lòng này đã quyết, thề xin đính kết vẹn lời.

Ngâm :

Chàng về liệu kịp mới mai,
Cô-duyên dù trở liệu bài cũng xong,

Phùng Xuân ngâm :

Vì duyên đã quyết một lòng,
Dưới hoa xin nguyện chữ đồng với trăng.

Cùng ngồi ca kim-tiền tàu-mã.

Xa-xôi hẹn lời đoan, quyết hẳn-nhe,
Đôi bạn sắt cầm, xin kết ngãi đồng-tâm,
Hỏi người tri-âm, yêu nhau hoài, nhớ

nhau mãi, chi phai lời, ai chớ phụ tình ai, sẽ rồi mối mai, kia mai mối mai tìm cây, đặng hợp-hòa hai, đặng hợp đôi lời, thương thì xin đừng đó sai, với ai tình-tự, lặc dạ chớ phai, chớ phai hỡi người tình-tự.

Ả hoàn nói lời can cô cậu :

A này cô và cậu : giờ đang lúc đêm trăng thanh-vắng, lên tới chốn vườn hoa hẹn thề ; song tôi tớ còn e, sợ mẹ cha tỏ biết ; lỡ miệng thề tiếng tâm khôn xiết, thì nhà quan khuôn phép ra sao ? nên đính lời thề hẹn, rồi cậu mau ra khỏi vườn đào, hãy nói chuyện lão-thào, để cô liệu trở vào buồng liễu. *Tán :* thôi mời cậu hãy ra, để cho cô về nghỉ, kéo lỗ ra một tí, thì mang tiếng muôn đôi, a cô cậu.

Ca hành-vân :

Cậu cô hời, cậu cô hời chớ chuyện chuyện trò chơi, thề non nước giao-ước kết đôi, kíp ra về chớ chậm, trời khuya-khoắt, đêm tà trắng, bước lặn vườn hoa, nhà lỗ nhà lỗ nhà biết hởi. Dù cha mẹ, nhẹ lòng thương, phép gia-đường để mà tha đặng, vậy là bưng là bưng. Chừ cô có đặng vương lòng, đính ước tơ-hồng, đó là xong là xong. Một chén thề hẹn với trăng trong, vườn hoa trở bước, xin đừng dan-điu tình-chung.

Ngâm :

Đôi bên duyên nợ dèo bông,
Hãy xin lần bước vườn hồng bước ra.
Đừng làm ông trộm vườn hoa,
Lỡ mang tấm tiếng phép nhà buồng thề.

Minh-Châu nói lời :

A ả hoàn nói phải, xin quân-tử hãy về ; kéo khi đêm vắng trăng khuya, lỗ đề hoa chề liễu mĩa, đó sao.

Ngâm tiễn biệt :

Ả hoàn nói phải nên nghe,
Bây giờ đêm lạnh trăng khuya hãy về.

Kéo khi liễu mền hoa kề,
Tiếng tấm khuôn phép buồng khuê
thể nào

Phùng Xuân nói lời :

A này nàng, đây vốn tình cao-thượng, rõ đấng bậc anh-hào ; đính lời gấn bó tất-giao, sá phải là tuồng hoa-nguyệt. Nay đã lời giao-kết, âu nhẹ bước ra về ; nàng trở lại buồng khuê, anh dạo về thư-viện, đó a.

Buồng phòng ngoài đường, trong dọn thất cảnh nhà ngl'è.

Phùng Xuân vượt tường ra hát cách về :

lình ra cửa động đào, mây vin mây tình bằng anh ra cửa động đào, ho^a lồng có bèn chạm mặt, mấy trăng cao bóng trăng cao xể đầu ; ngõ lòng anh thề hẹn với cao sâu, (y ối y). (*Láy*), sang hèn có bèn chớ quẩn, mấy khó giàu mấy khó giàu mà chỉ ; chúng anh đây quân-tử có thì, (y ối y). (*Láy*), giàu ăn có bèn khó chịu mấy lo gì lo gì mà lo ; song đã trót hẹn hò, (y ối y). (*Hạ màn*)

Thay cảnh nhà nghèo.

Phùng Xuân ra nói lời ngoài :

Hừ như mình, rõ khéo thật cay hoa, đem vào vườn hởi nguyệt ; lỗ ra ngoài họ biết, mới rõ thật là ê ; thời nay đã quyết lời thề, mau kíp về trình lão-mẫu.

Ngâm :

Lời xua trót đã hẹn hò,
Về thừa tóc bạc sẽ so tơ hồng. (*Hạ*).

Phùng-mẫu ra nói sử :

Thương ơi, tôi Phùng-mẫu cửa nhà thanh-bạch, con Phùng Xuân đèn sách chăm siêng ; hễ vào tràng thi trượt ngã lẩn-chiêng, nên mấy thước vườn hoang còn bỏ trống ; vợ muốn lấy con nhà sang-trọng, mình chỉ e nói giọng khó nghèo ; biết lấy gì mà cưới mà

cheo, nên vẫn chịu nằm khoèo nằm phiêu.

Ngâm :

Con tôi đèn sách văn-phòng,
 Vẫn toan lấy vợ nhưng không có tiền.
 Nghiệp nhà cây bút ruộng nghiên,
 Thi thời bất-cứ dễ tiền nào vòn.

Ca Nam-thương :

Thương thay chút phận đơn-hàn,
 đơn-hàn khổn-cực, nhà bạc cửa thưa,
 tiếng cả nhà thanh, sao khéo phận
 mỏng-manh, cô-phòng dỗi ngọn đèn
 xanh, mong con đừng bết danh, dễ mà
 thành cho thành, gây nên nghiên bút,
 văn-phòng sánh cùng thực-nữ, phận
 đẹp duyên ư, kết tóc xe tơ, khi nuôi
 khi nuôi mẹ già, sửa vườn hoa, tỏ
 gương nga, gây nghiệp nhà, nức lòng
 ta, yên vui cảnh già ; nay khi già cũng
 còn mong mối, mong con vẹn thất-gia,
 đầu là tóc bạc điểm hoa, mong cho
 đừng lòng ta, đầu con nên nhà.

(Ca xong thì Phùng Xuân về)

Phùng-mẫu nói sớ :

A Phùng Xuân, mẹ đang mong mối,
 con đã đầu về ; nhà nghèo nhiều nỗi
 khổ-khe, duyên thăm nơi nào tìm tôi,
 a con ?

Phùng Xuân nói sớ :

Dạ thưa mẹ, cảnh nhà nghèo tuy
 vận rủi, con thi trượt lại duyên may ;
 có con quan phủ-doãn bên này, gọi
 tên ả Minh-Châu rất đẹp ; với con cùng
 duyên kiếp, nay con đã hẹn thề ; vậy
 nay con trở ra về, thưa với mẹ già sang
 giạm.

Phùng-mẫu nói lời :

Ủa chà chà, sao mà con quá lạm, để
 cho mẹ thêm phiền ; nhà thì nghèo,
 muốn mua tiền đầu móc đặng đồng
 tiền, thi đã trượt, toan lấy vợ lại chòi
 nơi quan-qui, khó lắm a con.

Ngâm :

Con nhà nghèo rớt mùng tôi,
 Lại toan đũa móc mà chòi mâm son ;
 Vợ còn muốn đẹp muốn giòn,
 Muốn rẽ tiền cưới muốn con nhà giàu,

Phùng Xuân nói lời :

Dạ thưa mẹ, vợ chồng cốt là luân-
 lý, nợ duyên chi kể nghèo giàu ; nay
 con đã lựa dịp gieo cầu, xin mẹ liệu
 tìm manh cây mối, thưa mẹ.

Ngâm :

Sả nào kén chọn vàng thau,
 Đã lời thề ước khó giàu cũng cam.
 Hãy xin dầm ngọc cầu Lam,
 Cây làm mối lái kết làm tơ duyên.

Phùng-mẫu nói :

Vậy trong ấy có bà mụ mối nào,
 ra cho tôi cây một việc ?

Mụ mối ra nói :

Có có, ai cây mụ mối-manh việc chi
 đó ?

Phùng-mẫu nói lời :

A này bà mụ mối, buồn ngủ gặp
 chiếu manh ; cây bà sang quan phủ
 vào dinh, nhờ bà giạm Minh-Châu cho
 cháu.

Mụ mối nói lời tiếp :

Con nhà bà mới báu, lại muốn lấy
 con quan ; có tiền mối chấp dây loan,
 ít của thì đừng vương tơ dện.

Phùng-mẫu nói lời tiếp :

Tiền rồi tôi xin biện, việc bà hãy
 giùm cho ; khi cưới xin tạ khức giò bò,
 hay bà muốn xoi giò móng lợn, a bà
 mối ?

Ngâm :

Xin bà mai-mối hộ tôi,
 Muốn giò móng lợn hay đòi giò bò ?

Mụ mối ngâm :

Mối nay không thiết xoi giò,
 Khoét tiền rồi sẽ xe cho chỉ hồng.

Phùng Xuân ngâm :

Tiền nhà không có một đồng,
Tha-hồ mới đục khắp trong kèo nhà.

Ca hành-vân :

Thiệt trong nhà, thiệt trong nhà, có
đặng tiền ma, bà manh-mối dám đổi
đầu a, nhà nay trơ những cột, ngày mai
mốt, may mà nên, vô vạn tiền kia, về
của về của về kiu-kịn.

Nói :

Bà hãy mới hộ đi, hễ việc xong, rồi
vạn khối tiền a bà.

Mu-mối ca tiếp hành-vân :

Tiền không đặng nợ hồng chi, sự
duyên gì, chờ ho há miệng, vậy nào đi
nào đi.

Nói :

Ai biết đầu mà há miệng chờ ho, anh
cứ chắc của đi rề rề, của về kiu-kịn ; ừ
thì tôi cũng đi cho, hễ không xong thì
mặc anh nhé.

Phùng-mẫu ca tiếp hành-vân :

Chừ con nó, tạc ghi lòng, mới sọi
tơ hồng chắc là xong là xong, đợi bà
về tôi sẽ đền công, hết lòng nói giúp,
thề nào ơn mới cũng xong

Phùng Xuân nói lối :

Đặng xin mẹ ở nhà, để con đi cùng
mối.

Hát dịp chờ đi :

Ngân sông Ngân mượn thước bắc
cầu, bấy lâu có bèn ả Chừc mấy
chàng Ngâu hẹn-hò ; bởi vì ai con
dện rồi tơ vò. Song cô bay hẹn
hò, (láy), mượn trăng già có bèn
vấn - vít mấy xe cho sọi mảnh ; chốn
vườn hồng nô-nức tin oanh. Song
cô bay nặng tình, (láy).

(Hạ màn)

CẢNH THỨ BA.

Nhà quan và nhà nghèo.

Quan Phủ-doãn Trần Quốc-Bảo ra nói lối :

Tôi Đông-a phủ-doãn, Trần Quốc-
Bảo là tên ; bước làm quan trải mấy
mười niên, khi muện tuổi về miền
thôn-đ. Gái Minh-Châu chưa kết duyên
tơ đở, bà phủ Trần đã rủ tóc da mồi ;
cảnh điền-viên nhân lúc ngồi rồi, ngày
thanh-thả ngâm thơ ngụ hứng, đó sao.

Thơ bát-cú :

Đã mấy mươi năm chốn viện đào,
Bồng-hồ vừa lững bóng trắng cao ;
Non quê vội trở nơi vườn ruộng,
Bến hoạn từng qua trận gió trào ;
Rượu dốc bầu trời say tit mãi,
Cờ chen cuộc nước chuyền vắn sao.
Gương loan lấp-lé vui cùng bạn,
Một gái đào non chửa ước-ao.

Gọi :

A nào con ả-hoàn, mời bà và cô
Minh-Châu ra cho ông hỏi (ả-hoàn
dạ vào mời).

Bà phủ Trần ra nói lối :

À này ông, nay nhân buổi thanh-
nhàn, tiện khi trò chuyện ; gái Minh-
Châu, duyên tơ đào chưa bén, nơi
buồng liêu chữa ngăn ; mình đã tóc
bạc về ngân, con hãy then xuân cái
nguyệt, tôi lấy lâm mong mới lắm, a
ông.

Ngâm :

Mái đầu trắng điểm hoa bông,
Tuổi xanh còn ả tơ hồng chưa xe.
Hãy còn áy-náy lòng quê.
Đôi phen gió tựa hoa kè xa mong.

Quan phủ Trần nói lối :

A này bà, mình tóc bạc đầu phơi
màu bạch-tuyết, con tuổi xanh còn
đang độ hồng đào ; duyên kia dù chưa
đính nơi nao, lòng nợ đã rắp trao
lời hẹn. Ồ ồ ! có con quan bộ-viện,

chàng công-tử tài-danh, chùng cũng muốn rấp-danh, mà lòng tôi thuận hứa, a bà.

Bà phủ Trần nói tiếp :

Ừ chà chà, rứa thì còn đâu hơn nữa, chi bằng được cửa quan sang ; còn cần chi chọn đá thử vàng, rõ thật đáng đũa ngà mâm ngọc, đó a ông.

Ngâm :

Con quan Tổng-đốc tỉnh nhà,
Nếu ông định gả tôi là cũng ưng.

Mỏng tai nghe sự tin mừng,
Gọi con hãy thử ướm chùng xem sao.

Gọi :

A nào con Á-hoàn, gọi cô Minh-Châu ra cho ông bà hỏi đây.

Minh-Châu ra :

Dạ thưa cha mẹ, con đã ra hầu.

Bà phủ Trần nói lối :

A này con, này cô con quan Tổng-đốc, thật là dòng-dôi nhà tông ; nay toan kết ngãi xường tông, con có bằng lòng chẳng hủ, a con ?

Minh-Châu nói sử :

Trình mẹ cha ; phận con nay là gái, khác nào như hạt mưa sa ; không ưa nơi sang-trọng phồn-hoa, mong được chốn cửa nhà thanh-đạm.

Bà phủ Trần nói :

À ông a, con nó nói thế, ra nó bảo nó không thiết con nhà quan sang, nó chỉ lấy anh học-trò kiết, hay là nó đã dan-dú với ai rồi. Thôi con cứ bằng lòng con quan Tổng-đốc đi cho mẹ, chớ lấy anh học-trò kiết, thì ăn xơ mít gì a con, rõ con ương đồ quá.

Quan phủ Trần nói lối :

À hay con trót đã đính kết, thì nay con nói thiết cha nghe, thôi đừng tưởng sự hồ-mê, cứ nói chớ hề hồ thẹn, a con.

Minh-Châu nói sử :

Dạ dám thưa, xuân còn sớm chưa trao tin én, lẽ dám đầu quyển-quyển to tắm ; xin mẹ cha so lựa cung cầm, kéo con trẻ tử thâm phạm liễu. *Tán :* Dạ thưa cha mẹ, con không dám ước hẹn gì với ai, song con quan là con không dám lấy, con chỉ xin lấy học trò nghèo thôi, thưa cha mẹ.

(Đang nói thì mục mỗi đưa Phùng Xuân đến, hai bên chào hỏi mời ngồi v. v.)

Mụ mỗi nói sử :

Dạ dám thưa ông bà, đây tôi là mụ mỗi ; tở hồng dù rắc-rối, chỉ thắm vẫn từng xe ; nghe ông bà có gái buồng khuê, nên mụ mỗi muốn về tở nguyệt ; cậu Phùng Xuân học trò rõ kiết, cô Minh-Châu thanh-tiết và sang ; quả nên dặng ngọc thề vàng, xin dặng ghi đồng tac đá.

Cá nam-thương :

lioa xuân hơn-hở bông đào, tở đào còn đượm ; nay dặng thướ đầu xanh, duyên đó mụ mỗi manh, xem rõ bác tài-danh, mong cho tốt lành, xin trông cây ông xanh, xoay cho dặng tròn vành, mẹ cha thương tình, tình tở tình.

Bà phủ Trần ca tiếp :

Xa-xôi có tổ chẳng tình, duyên lành kia chờ đợi, lưỡng mong mỗi vì con, xe dặng mỗi manh, sinh con, sinh con ai nữ sinh lòng, ngày ước mong, từng từng trông, con quan đốc-bộ thành-đồng, toan xe kết tở hồng, song tở hồng, chút lòng bao quản, lòng bao quản là xong, khéo sao tở hồng, nay chậm bước tròng đồng, thôi hãy chịu về không, duyên kia rồi bông.

Nói lối :

E mỗi thôi đừng nói, việc đó hẳn không xong ; con gái tôi đang ép gả chồng, học trò kiết về tìm nơi khác.

Ngâm :

Sánh chàng công-tử giá cao,
Học trò chỉ muốn hoa đào vin tay.

Thôi đừng mơ-trưởng mê say,
Cỏ bạc nghìn hãy bện giầy tơ hồng.

Nói :

Thôi, con tôi ông nó đã định gả
cho con quan Tổng-đốc rồi, học-trò
kiết tiền đâu mà với đến.

Phùng Xuân nói lời :

Dạ, dám thưa cha mẹ, xin tỏ chút
tình con ; a này cô Minh-Châu, xưa
trót đà thề hẹn sắt son, nay có lẽ
phai lời vàng đá, a cô.

Ngâm :

Thanh-minh từ thuở tương-phùng,
Vườn hoa thề hẹn trắng lông hoa tươi.

Trước cha mẹ thú tội trời,
Nỡ nào phai nhạt những lời bẻ non.

Minh-Châu nói sử thú tội :

Dạ dám thưa cha mẹ, thương con
trẻ một và ; tiết thanh-minh gặp gỡ
đàng xa, vườn thúy-uyên trót đã định
ước ; nay cha mẹ cho vẹn lời non ước,
nào phận con dám quản phận khó
nghèo ; dù đan gầu tát bể cũng liều,
cho hái muống lặn hồ đành phận.

Ngâm :

Trót lời thề với bẻ non,
Dẫu rằng nước cạn đá mòn dám phai.

Cũng cam sấm sét tội trời,
Mặc người xe ngựa mặc người đỉnh-
[chung.

Ca kim-tiền tạ lỗi :

Ấy con tội nào xong, cha mẹ sinh con
đặng sinh lòng, mà nay đặng sinh lòng
đó còn mong, ấy mà trông mong, khi
tương-phùng khi tương-ngộ, khi tương-
đồng, gặp duyên nợ bông-bong, hẹn
thề chưa xong, chừ ai khéo đầu thăm
giám, thêm bận bèn lòng, thêm bận

bèn lòng, thòi thòi ven ước là xong,
cám công xin tội, ấy nặng tội nặng tội
xin thương, cám công xin tội nặng tội.

Quan phủ Trần nói lời :

A nghe lời con nói, trót với ai hẹn
thề ; đặng thòi cha mẹ cũng nghe,
nhưng rứa họ hàng sao thuận, a con.

Bà phủ Trần nói lời tiếp :

Nghĩ lòng mà thêm giận, trông con
lại đoái thương ; ư thòi đã muốn thề
vàng, ắt phải về mang nhiều bạc ; nếu
mà nghèo xác, thì kíp đi vay ; ít cũng
nghìn bạc trao tay, mới đặng má hồng
sánh mặt, đó chi.

Ngâm :

Học trò muốn lấy con quan,
Ít ra cũng phải ngoại ngân hoa-viên

Mụ mối nói lời tiếp :

A này, nghe lời bà lớn đã truyền,
chi câu học trò ngại đắt ; về mấy thước
vườn hoang bán đứt, hãy cốt mua
người ngọc đem về ; chắc cửa đi rề-rề,
rồi cửa về kiu-kịn, đó chi.

Ngâm :

Về vay về bán hoang-thiên,
Có tiền rồi quyết mua tiền ngại gì.

Phùng Xuân nói lời tiếp :

Nếu mẹ cha có bụng thương vì, đành
con trẻ về đi lo chạy.

Ngâm :

Đã mua một đóa hoa qui,
Nghèo thì cũng gắng thiếu thì đi vay.

Bà phủ Trần nói :

Thôi anh về liệu đó, chớ đừng chắc
vay nợ nhiều mà cưới lấy được, rồi
sau tôi cho đâu, con tôi thì chỉ có người
không đó thòi.

Ngâm :

Anh về liệu cách mà xoay,
Chớ vay nhiều nợ lại quay con mình.

Mụ mỗi nói :

Cậu cứ hãy về vay, mợ về rồi liệu trả, chớ có dám chắc gì sau xin của ông bà được.

Ngâm :

Cậu về vay nợ tây đình,
Mợ về mợ trả dám rình chực đầu.

Phùng Xuân nói lối :

Bởi vì nhà không sẵn, nên tiền cưới phải vay ; rồi mợ nó trả ngay, xin mẹ cha đừng ngại.

Ngâm :

Thương con xin hãy ngon rau,
Chồng vay vợ trả dám để sầu mẹ cha.

Quan phủ Trần nói lối :

Ừ, nay chàng đã dốc chí, nên đây cũng ưng lòng ; kíp về đem bạc sang chồng, thảo biện đủ đồng cưới vợ, đó a.

(Phùng Xuân mụ mỗi cùng chào ra, cả nhà quan phủ Trần hạ.)

Buồng phòng ngoài đường, trong thuy cảnh nhà nghèo.

Phùng Xuân ra bàn với mụ mỗi nói lối :

A này mụ, cửa nhà nghèo-ngặt, công việc lớn-lao ; trước vì trót ước - ao, nên mới sang mượn hỏi ; nay nghe cha mẹ nói, về quyết công nợ vay, lỡ sau không trả được thì cay, hay giờ cũng đành liệu chịu đặng, a mụ.

Ngâm :

Nợ vay về cưới con quan,
Sợ không trả được lại bỏ man trong
« hỏa-lò ».

Mụ mỗi nói lối tiếp :

Thôi cậu đừng có lo, đã quan cho phải gắng ; về bà có mắng, đề mụ nói cho.

Ngâm :

Con quan ngại đã gả cho,
Cứ vay mà cứ lên « hỏa-lò » thì lên.

Ca hành-vân :

Vạn vô tiền, vạn vô tiền, vay đặng đặng càn xiên, nhà ngăn nếp, vay khắp hoang-thiên, hỏi đầu mà chẳng đặng, nhà quan-cách, con ngài cho, gắng gương mà lo, bỏ bán bỏ bán bỏ tậu ruộng.

Hỏi :

Nhà cậu có bò không ? về hãy bán quách đi, mà lo liệu lấy mảnh ruộng đã, rồi mua dê mà cày.

Phùng Xuân nói :

Nhà đã nghèo, làm cóc gì có bò mà bán, mà vay nợ thì ai cho ?

Ca tiếp hành-vân :

Nghèo vay nợ, nợ ai cho, đặng chi bò dắt bò đem bán, nghĩ mà lo mà lo.

Mụ mỗi ca tiếp hành-vân :

Chừ quan lớn, trọn ưng lòng, vay khắp mọi vùng, ai mà không mà không, xếp bạc đồng cho vay tứ-tung, cậu mà vay được, sẵn tiền mới hãy tiền vung.

Nói :

Này giờ cậu đã mượn con quan lớn, hỏi ai chả cho vay, hề vay được hãy đưa mụ ít nhiều tiền tạm đã nhé.

(cùng về đến nhà)

Phùng-mẫu ra đón hỏi, nói lối :

A này con đã tới, à nợ mỗi cũng về ; bà con sang đến bên kia, công việc có xong chẳng hử ?

Ngâm :

Mỗi từng xe chỉ tay quen,
Tơ-hồng hỏi có bên duyên chẳng mà ?

Mụ mỗi nói lối tiếp :

Ồi chao, tôi đã sang nhà, nói là xong việc ; quan gả gái tơ-đào chẳng tiếc, bà lo nghìn bạc trắng nổi không ? có thì mới vấn tơ-hồng, chẳng nữa mụ dương mắt trắng, a bà.

Ngâm :

Sánh con quan đẹp bằng hoa,
Nhưng lo nghìn bạc bà già có chẳng ?

Nói lối :

Duyên thật lành, đây mới chẳng xe
những, tiền không có, hãy vay chẳng
mà cưới.

Phùng-mẫu nói lối tiếp :

Vay nợ có mà bán xói, sao quan
ngài lại thách to ; khéo đo chuồng
chẳng liệu bò, hay kén canh còn chọn
cá ; ý chừng không muốn gả, nên thách
quá làm vậy ; thôi con đừng to-tưởng
nước mây, kéo mẹ lại mắc ngày công
nợ.

Mụ mới nói lối tiếp :

Sao bà già nghĩ dở, giờ quan cả đã
cho ; cốt sao hãy tậu được bò, rồi sẽ
xe đây buộc ngựa chớ.

Ngâm :

Hãy đành vay nợ cưới phăng,
Rồi sau xe chỉ sẽ chẳng chân voi.

Nói :

Này bà, quan lớn ngài đã gả, bà cứ
đi vay nợ mà cưới, rồi về cô dâu phải
lo trả cái món nợ ấy chứ gì, và giờ bà
đã giam được con quan lớn cho con
bà, bà hỏi vay đâu chả được, hãy vay
bừa mà tiêu, a bà.

Phùng-mẫu nói lối :

Ừ nghe như mới nói, có lẽ mà mình

ung, nhân tiện việc ta vay chẳng, rồi
đến sau con nó trả cũng phải.

Ngâm :

Nghe như mới nói cũng mùi,
Ừ thì vay nợ mua voi về cày.

Ca hành vân :

Mụ ơi này, mụ ơi này, cũng chịu chịu
đành vay, người sau trước non nước
đó đây, dễ ai không nể mặt, mình vay
đất, chi mà lo, cưới đặng nàng dâu,
gầu mượn gầu đan gầu tát biển.

Mụ mới ca tiếp hành-vân :

Chừ nhân tiện, đặng vay hoang,
mượn cô nàng sau này trả nợ, nợ
bồng-bang bồng-bang.

Phùng Xuân ca tiếp hành-vân :

Dù vay lãi, ngại chi lòng, đã trót đeo
bồng, đặng là xong là xong, xin mẹ già
lo liệu cho xong, trọn lời giao ước,
sau về nàng tỉnh cũng xong.

Mụ mới nói :

Phải phải, bà với cậu cứ đi vay phứa
đi, hề có được, hãy đưa tiền hoa-hồng
cho mới, là việc cưới xong ngay lập-
tức.

(Hạ màn)

(Còn nữa)

NGUYỄN THỨC-KHIÊM

TÂM GƯƠNG TÌNH

(Đoản-thiên tiểu-thuyết)

1 - Thôi Anh kỳ-dâm

崔英奇談

Triều Nguyên, hiệu Chi-chính, năm tân-mão, đất Chân-châu có chàng Thôi-sinh tên là Anh, nhà rất giàu, từ thừa nhỏ đã tài khéo về nghề thi nghề họa, vì là con quan được tập ấm bổ làm chức huyện-úy huyện Vĩnh-gia tỉnh Chiết-giang, có đem vợ là Vương-thị cùng thuê thuyền đi phó-nhiệm. Đường đi qua núi Suyên-son miền Tô-châu, đỗ thuyền lại, lên bãi-yết một toà thần-miếu ở trên núi, bãi-yết xong, về uống rượu ở trong thuyền. Kẻ thuyền-thủ trông thấy những khí-dụng uống rượu đều là đồ kim-ngân, liền manh ra cái ác-tâm. Ngay đêm hôm ấy kẻ thuyền-thủ đem ném chìm Thôi-sinh xuống dưới nước, gôm hai đứa hầu trai hầu gái giết cả đi, chỉ để lại một Vương-thị. Kẻ thuyền-thủ bảo Vương-thị rằng: «Mày có biết cái cơ sở-dĩ khỏi chết đây không? Ta có người con thứ hai còn chưa lấy vợ, nay nó có việc đi miền Hàng-châu, một hai tháng nữa đợi nó về, sẽ cùng mày nên nghĩa vợ chồng, mày đã là người nhà ta, mày chớ sợ hãi.» Kẻ thuyền-thủ nói xong, cuốn vét sạch cả mọi đồ kim-ngân mà lấy danh-hiệu nàng dâu mới gọi Vương-thị. Vương-thị giả-cách vâng thuận, miễn-cưỡng kính-lý mọi việc thường, ân-cần hoạc-hỉ, bảo sao nghe vậy. Kẻ thuyền-thủ mừng thầm được nàng dâu ngoan, dần-dà quen-thuộc, chẳng hề-phòng nữa. Chừng được hơn một tháng, gặp tết Trung-thu, kẻ thuyền-thủ đặt tiệc rượu to, chén-chén bừa-bãi, mọi người đều say-sưa. Vương-thị đợi khi họ ngủ say, cất mình lên lên bờ, đi độ hai ba dặm, chợt mê đường lạc

lối, bạt-ngân cỏ bờ rậm, cỏ lau thưa, trông ra không biết đâu là bờ bến. Vương-thị đã đường lối gian-nan, lại sợ đằng sau có người đuổi, rồi hết sức chạy quàng chạy siên, lâu lâu trời phượng đông dần-dần rạng trắng, xa trông quăng rình rậm, thấy có nóc nhà, kịp đi vào để tìm nơi ẩn-náu. Đi đến nơi đứng chực ở ngoài cửa. Kịp có người mở cửa ra, thì là một vị sư nữ. Người sư nữ hỏi Vương-thị là người nào, vì có gì lại đây. Vương-thị bắt đầu tìm đường nói dối rằng: «Thiếp là người đất Chân-châu, người bỏ chồng đi du-hoạn miền Giang Chiết, đem cả nhà cùng đi, đi đến nơi thì người chồng bị chết, góa-bụa vài năm, người bỏ chồng đem mình gả làm thiếp cho viên Thôi-úy huyện Vĩnh-giang, gặp phải người chính-thất dữ-ác, đánh đập chửi mắng đủ đường. Mới đây viên Thôi-úy đi tựu-chức, đậu thuyền ở gần miền đây, nhân tết Trung-thu thưởng-nguyệt sai tôi đi lấy cái chén bằng vàng để rót rượu, chẳng ngờ lỡ tay đánh rơi chén ấy xuống sông, người vợ cả tất muốn để tôi vào chốn chết, tôi mới trốn-tránh cho toàn sinh-mệnh mà đến đây.» Người sư nữ nói rằng: «Cò nay đã chẳng dám về thuyền, quê-hương lại xa, một thân bơ-vơ, toan nương-tựa về chốn nào?» Vương-thị chẳng đáp gì lại được, chỉ khóc lóc mà thôi. Người sư nữ nói rằng: «Ở đây chốn rừng hoang vắng-vẻ, dấu vết người chẳng đến nơi, cò nếu cất bỏ được cái tình si tình ái, giác-ngộ lấy tấm thân, cắt tóc mặc đồ nâu sồng, ở đây mà xuất-gia thì giởng thiền tháp Phật, sớm cháo chiều rau, hằng tùy duyên để qua ngày tháng, há chẳng

hơn đi làm lễ mọn người, chịu cái khổ-
nào ở kiếp này mà kết cái thù-oán ở
kiếp sau đây ru ! » Vương - thị sụp
xuống lạy tạ nói rằng : « Điều ấy chính
là cái chí-nguyện của tôi. » Vương-
thị mới làm lễ thi-phát ở trước tòa
Phật, đặt lại pháp-danh gọi là Tuệ-Đồ.

Wương-thị vốn đọc sách biết chữ,
nghề viết nghề tính đều tinh-thông,
chứa đầy một thúng, thông hiểu được hết
kinh nội-diễn, rất được người sư nữ
kinh-trọng, cả lấy lễ đãi, phạm việc trong
chùa tất hỏi Vương-thị rồi mới làm.
Wương-thị lại là người nhu-hòa từ thiện,
người trong chùa đều kính yêu. Vương-
thị hàng ngày ở trước tòa Bạch-y-đại-sĩ
làm lễ, lạy hơn trăm lạy, mặt kêu tâm-
sự, dẫu ngày nực ngày rét đến thế nào,
cũng vẫn lễ-bái như thường chẳng thay
đổi. Lễ-bái xong, tức-khắc lui thân vào
ở chỗ nhà kín, người ngoài ít trông
thấy mặt. Được hơn một năm chợt có
người đến chùa làm lễ, lưu lại trong
chùa một đêm, làm chay rồi đi. Sáng
mai người ấy đem một bức họa cảnh
phù-dung lại bố-thí. Người sư nữ đem
bức họa ấy treo lên bức tứ - bình.
Wương-thị đi qua trông thấy, biết là
nét bút của chồng mình là Thôi-Anh,
nhân hỏi người sư nữ bức họa ấy tự
đâu mà lại. Người sư nữ nói rằng :
« Mối đây có kẻ đàn-việt đem lại bố -
thí » Vương-thị hỏi họ tên kẻ đàn-việt,
và nay ở chốn nào, sinh-hoạt về nghề-
nghiệp gì. Người sư nữ nói rằng :
« Trong đồng-huyện có một nhà đàn-
việt là anh em tên Cố-Át-Tú, xưa nay
vốn làm nghề-nghiệp thủy - thủ chở
thuyền thuê, vài năm nay cũng có
người nói rằng hẳn lại kiếm nghề
cường-hiệp học-lột ở chốn giang-bồ,
chẳng biết có thực thế hay không. »
Wương-thị lại hỏi người ấy có thường
vãng lai trong chùa này không. Người
sư nữ đáp rằng : « Cũng ít khi đến. »
Wương-thị tức-khắc đề-bụng ghi lấy, mới
cầm bút đề vào trên bức bình ấy rằng :

Niên-thiếu phong-lưu bút Trương
Kính;

Tả-chân nét bút nhường ai,
Cảnh phù-dung tả vẻ lối-tươi ;
Ngờ dàu sắc kiêu-diễm,
Sống thác dễ oan người ;
Nét phần thể - lương vào kiếp mộng,
Nay đà lưu-lạc thương ôi !
Bức bình tịch-mịch bạn thiên-trai.
Kiếp này duyên đã đoạn ;
Duyên đề kiếp sau thôi.

Điều này là điều Lâm-giang-tiên,
người sư chủ đền chẳng hiểu ý
sao. Một hôm chợt ở trong thành có
một người là Quách-Khánh-Xuân, vì
việc khác đến chùa, trông thấy bức
họa và nét đề, tra là tinh-mĩ, đem số
tiền lạng nhà sư, mua về làm đồ
thanh-ngọa. Thích-ngộ có một viên
Ngự-sử đại-phu là Cao-công Nạp-Lân,
cáo lão lui về ở thành Cô-tô. Cao-công
rất yêu-mến nghề thư - họa. Khánh-
Xuân cũng lấy nhã-ý đem bức bình phù-
dung ấy hiến cho Cao-công. Cao-công
được bức bình, rất lấy làm chân-trọng,
coi làm đồ bảo-tàng, để ở trong nhà,
mà chưa kịp hỏi bức bình ấy lai-lịch
thế nào. Chợt ngoài cửa có một người
đem trình bán bốn bức chữ thảo. Cao-
công cầm xem thì lối chữ giống ông
Vương Hoài-Tú nhà Đường, mà hùng-
kính thanh-nhã khác tục. Cao - công
hỏi ai viết. Người bán chữ thưa là :
« Tôi mới học viết. » Cao-công xem trạng-
mạo người bán chữ ấy, không phải là
kẻ hèn-hạ tầm-thường, mới hỏi quê -
quán họ tên. Người bán chữ chau trán
thưa rằng : « Tôi họ Thôi, tên là Anh,
tiểu-tự tên là Tuấn-Thần, đời đời ở đất
Châu-châu, nhờ phụ-ấm được bổ chức
Vĩnh-gia huyện-úy, đem người nhà đi
phó-nhiệm. Vì không biết thận-trọng,
bị kẻ thuyền-thủ mưu hại, ném chìm
tôi xuống dưới nước, gia-tài với thế-
thiếp, tôi chẳng đoái lại được nữa.
May tôi thuở bé cũng có tập quen thủy-

lính, lặn-lội trong làn sóng, chùng dã cách xa mới dám lên bờ, chạy vào chỗ dân-gia, toàn-thể ướt lướt-mướt, trong mình không có một đồng tiền, nhờ người chủ nhà đề ý thương, thay áo cho ăn, lại tặng cho hành phi nữa mà khiến cho đi. Tôi mời hỏi thăm đường, ra khỏi thành, đem sự mình trần-cáo với người đương-sự ở Bình-giang-lộ. Chừng cũng vì việc ấy khó tra-xét, cho nên tôi chờ chực ở đây đã một năm nay, mà vẫn liêu-nhiên không được tiêu-hao gì cả. Tôi chỉ hàng ngày lần hồi bán chữ để kiếm ăn, không dám kể rằng chữ tốt, chẳng ngờ nét chữ gà bới ấy, lại được đề vào con mắt bạc đại-nhã. »

Cao-công nghe lời Thôi-Anh nói rất lấy làm thương, liền bảo cho rằng : « Nhà ngươi sự-thế đã như vậy, cũng nên phó mặc cho là một sự vô-khả-nại-hà ; nay hẵng tạm lưu trong chỗ tây-thực nhà ta, dạy các cháu ta viết chữ, chẳng cũng nên chăng? » Thôi-Anh lấy làm may lắm. Cao-công tức-khắc đón vào chỗ nội-quán, đãi làm bạc gia-tân (thầy dạy học trong nhà). Thôi-Anh cùng Cao-công uống rượu, chợt trông thấy bức họa phù-dung ở trên bức bình, sụt-xùi sa nước mắt. Cao-công lấy làm quái mà hỏi cơ sao. Thôi-Anh thưa rằng : « Bức họa này là một cái vật bị lộn-thất ở trong thuyền, chính là Anh này thủ-bút, sao lại được ở đây? » Thôi-Anh lại đọc lên lời đề, lại thưa rằng : « Lời này chính là tay vợ tôi đề. » Cao-công nói rằng : « Nhận về cái gì mà biết? » Thôi - Anh thưa rằng : « Nhận về nét chữ lối chữ, và lại lời đề có ý-từ ở đó, thực là của kẻ chuyết-thê tôi làm ra, không phải ngờ nữa. » Cao-công nói rằng : « Nếu quả như vậy, thì ta nên vì nhà ngươi nhận cái trách-nhiệm tìm bắt kẻ đạo-tặc, nhà ngươi hẵng giữ bí-mật, chớ hở ra vội. »

Cao-công mới lưu Thôi-Anh lại ở trong nhà, sáng mai mật-triệu người

hiển bức tranh là Khánh-Xuân, hỏi bức tranh-lai-lịch tự đâu. Khánh-Xuân đáp rằng : « Mua được tự của người sư trưởng ở chùa ấy chùa họ. » Cao-công tức-khắc sai người thân-tin đi điu-dàng cật-vấn người sư trưởng rằng : « Được tranh của người nào, và ai đề vịnh? » Được vài ngày, người thân-tin về báo rằng : « Người đàn-việt trong đồng-huyện là Cỗ-Át-Tú bố-thí cho nhà-chùa mà người sư thứ là Tuệ-Đồ đề. » Cao-công khiễn người đi nói với sư trưởng rằng : « Cao - phu - nhân muốn đọc kinh Phật, không có người làm bạn, nghe sư thứ là Tuệ-Đồ là bậc diệu-ngộ, muốn đón Tuệ-Đồ về làm thầy, xin sư trưởng chớ khước. » Kỳ - thủy người sư trưởng không nghe. Nhưng Tuệ-Đồ nghe có sự Cao-phu-nhân đón mời, rất muốn đi ra khỏi chùa một phen, hoặc-giả có thể nhờ thế-lực ấy mà phục được thì. Người sư-trưởng không thể ngăn giữ được. Cao-công sai phu-khệ đi đón Tuệ-Đồ về nhà, khiến cùng với phu-nhân cùng ở cùng năm, thừa lúc nhàn hỏi lấy gia-môn thế-phiệt của Tuệ-Đồ cho tương-tận. Tuệ-Đồ tran nuốt nước mắt đem tình thực báo với phu-nhân, và tỏ ra cái tâm-sự đề bức phù-dung, lại nói rằng : « Kẻ đạo-tặc cũng chẳng xa-duy cầu với phu-nhân truyền sự ấy bảo với Cao-công, nếu bắt được kẻ tội-nhân, đề báo thù cho đấng phu-quân, thì tiên-ni này chết cũng bất-hủ. » Khi ấy Tuệ-Đồ cũng chưa biết là chồng mình đã ở trong nhà Cao-công. Phu-nhân đem lời ấy báo với Cao-công. Cao-công nhất-diện dặn-dò phu-nhân, cứ thiên-dãi Tuệ-Đồ, mà một chút gì cũng chẳng nói cho Thôi-Anh biết. Tuệ-Đồ thì cứ ở trong gác kinh, ngày đêm làm bạn với phu-nhân. Thôi Anh thì cứ ở trong viện sách, hàng ngày cùng lũ công-tôn giáo-tập nghề thư-họa.

Cao-công nhất - diện dò xét được tung-tích xuất-một và nơi cư-trú của

tên Cổ-Át-Tú, nhưng chưa dám khinh-động. Duy chỉ khiến phu-nhân âm-ngâm khuyên-bảo Vương-thị để tóc dài, trở lại lối phục-trang bèn thế-tục. Được nửa năm có người tiến-sĩ là Tiết Phỗ-Hóa làm quan cai-trị địa-phương, Phỗ-Hóa vốn là viên thuộc-lại cũ của Cao-công ngày trước. Cao-công biết Phỗ-Hóa là tay minh-mẫn, nhờ Phỗ-Hóa việc bắt trộm. Phỗ-Hóa đặt phương-pháp đi truy-nã, thì gia-tài của Thôi-Anh hãy còn cả, duy không thấy Vương-thị hạ-lạc ở chốn nào. Đem tên họ Cổ cùng-cực tra tẩn, thì thú nhận rằng thực cũng muốn lưu lại Vương-thị để phối-hợp cho con thứ hai, bất-kỳ Vương-thị lại thừa-cơ trốn đi mất, chẳng biết là đi đâu. Phỗ-Hóa mới xử họ Cổ về tội cực-hình, mà đem đồ nguyên-tang hoàn-cấp lại cho Thôi-Anh.

Thôi-Anh khi ấy, sự-trạng của mình đã được kết-thúc, lại toan từ-biệt Cao-công đi phó-nhiệm chức huyện-úy. Cao-công nói rằng: «Đội lão-phu này vì túc-hạ làm mối cho một người vợ, lấy vợ đã rồi hãy đi phó-nhiệm, cũng chưa muốn đâu.» Thôi-Anh khần-thiết từ-chối rằng: «Tiểu-sinh với Vương-thị là nghĩa tao-khang, cùng nhau cảnh bần-tiện đã lâu. Nay bất-hạnh Vương-thị lưu-lạc tha-phương, còn hay chết chữa rõ. Xin hăng chiếc thân đi đến chỗ nhiệm-chức, chày chẳng là độ vài tháng, vạn-nhất trời đất để lòng thương, nên Vương-thị hãy còn, hoặc giả mong duyên cầ-m-sắt lại được trùng-hài. Đến như sự lấy vợ khác thì tiểu-sinh này quyết không sở-nguyện.» Cao-công tỏ ra ý vì thương-cảm mà nói rằng: «Túc-hạ đã có lòng cao-ngĩa như vậy, trời kia tất có ý giúp cho, lão-phu này sao dám cưỡng-bách, duy hăng để cho lão-phu này phụng một tiệc tiên-hành đã, rồi sẽ khởi-trình.»

Ngày mai Cao-công khai yến-tiệc, mời các quan-chức, và kẻ danh-sĩ t ong quận hết thấy đều tập-hợp. Cao-công cất chén rượu chúc mừng khách, rồi bảo khách rằng: «Kẻ lão-phu này hôm nay vì viên huyện-úy họ Thôi liễu cái duyên kiếp này.» Khách chẳng ai hiểu là sự gì. Cao-công sai người gọi nhà sư Tuệ-Đồ ra, thì là vợ cũ chàng Thôi-Anh vậy. Vợ chồng trông thấy nhau cả thương khóc, chẳng ngờ lại được thấy nhau ở đây. Cao-công thuật cả lại sự đầu-đuôi cho khách nghe, và đem bức bình dề-họa cảnh phù-dung ra cho khách xem. Khách mới biết rằng Cao-công nói cái lời liễu duyên kiếp này chính là câu trong lời dề của vợ Thôi-Anh. Mà nhà sư Tuệ-Đồ đó là cái tên mới đổi của vợ Thôi-Anh vậy. Cử-tọa ai nấy đều cảm - động thổ - than, phục Cao-công là người có thịnh-đức. Cao-công lại tặng cho Thôi - Anh tên nó tên tỷ đều một tên, vợ chồng mới bãi-biệt Cao-công và Cao-phu-nhân, song-song đi tự-nhiệm. Cách mấy năm nhiệm-mãn, Thôi-Anh lại đi qua đất Ngô-môn, thì Cao-công đã mất rồi. Vợ chồng Thôi-Anh cảm-thương gào-khóc như mất cha mẹ, liền tới chỗ phần-mộ Cao-công lập đàn chay, làm chay ba ngày đêm, để báo đức Cao-công rồi mới đi. Vương-thị có nghĩ rằng vợ chồng lại được cái hạnh-phúc liễu kim - sinh duyên, vì chung có đức đạo tu-hành. Nhân thế Vương-thị suốt đời tại-gia tu-trì, tụng-niệm kinh *Quan-âm* chẳng thôi.

II.— Ý-Hoa thắm-sử

綺華慘史

Hồi Âu-chiến dấy lên, sự biến-cổ trong tình-trường, bồi-bồi xuất-hiện, uyên-ương đôi lứa, thương-thường vì có khác vực khác trời mà nên cừ-địch. Có chàng Gi-Khai-Mẫu vốn là người

nước Tỉ-lợi thì, sang du-học ở kinh-đô nước Đức, cùng với người bạn đồng-học, thuộc về phái thiếu-niên nước Đức, là chàng Luân-Tur-Mạch quen nhau, thân-ái nhau như chân tay, vì thế chàng Tỉ-Khai-Mâu thường - thường vắng-lai ở nhà chàng Luân-Tur-Mạch. Chàng Luân có người em gái tên là Ý-Hoa, người đẹp dáng xinh, hơn cả một đời, tỏ lòng yêu chàng Tỉ lắm, chàng Tỉ cũng vắng thuận ; đôi bên khắc dạ ghi tâm, càng ngày càng thân-thiết. Chứa bao lâu ở Ý-Hoa liền cùng chàng Tỉ-Khai-Mâu đính hôn-ước, người anh là Luân-Tur-Mạch cũng rất đồng-ý tán-thành. Ngày cưới đã định rồi, chợt cơn mây gió ở Âu-thổ khởi lên, nước Tỉ-lợi-thì vì nước nhỏ không giữ được trung-lập, mới bị hãm vào trong luồng sóng chiến-tranh. Chàng Tỉ khi ấy muốn chẳng tính sự về cũng chẳng được, lúc lâm-hành, cùng ả cầm tay nhau kê tình-tự, tình như mạch suối tuôn, không phép gì ngăn-cầm được. Như thế đã ít lâu, chàng Tỉ mới quyết lời từ-tuyệt rằng : « Tệ-hang tôi cùng với quý-quốc nàng đôi bên đã thành cừu-dịch, tôi chẳng có thể chẳng về, về thì tất tông sự chốn hung-hàng, cùng với người quý-quốc gặp nhau ở trong nơi rừng khói mưa đạn. Trên chốn cương-trang bên nào bên ấy đều vì tổ-quốc tranh vinh-dự, sự-thế không thể lấy tình riêng bỏ việc chung được. Ngay như anh ruột nàng nhất-đần cùng tôi gặp nhau, cũng chỉ có một bề đều hết chức-trách của mình mà thôi. Tôi được chết ở trong tay kẻ quốc-nhân của nàng, tôi chết tôi rất lấy làm cam-tâm. Ngay như anh ruột nàng là người rất thân-ái của nàng, quan-hệ với nàng, dù có chết ở tay tôi chẳng nữa, cũng là tôi vì hết sức cho nước tôi, cái thế không thể gồm đoái được. Tương-lai chiến-sự đã yên, tôi chỉ có một cái chết để tạ lỗi với nàng là phải đấy thôi. » Chàng Tỉ

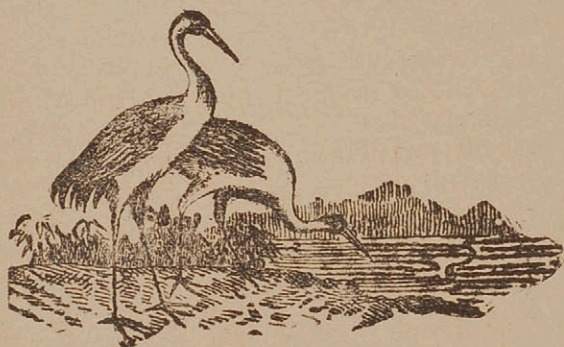
nói xong, thồn-thức không thể nói lên được nữa. Ả Ý-Hoa cũng khóc-lóc nói rằng : « Sự ái-quốc vốn là thiên-chức của chúng ta, thiếp cũng sao dám nói nhiều. Nay thiếp cũng không biết làm thế nào, chỉ có một điều kỳ-đảo ở trước đấng Thượng-đế, khẩn-cầu cứu-hộ cho vợ chồng ta, khiến cái thảm-sự ấy chẳng thực-hiện, đề mong thỏa lấy cái nhân-duyên mĩ-mãn của hai chúng ta về sau này, như vậy là nên. Nếu chẳng may mà quốc-cửu với ái-tình, không thể lưỡng-toàn, thì chàng chết, thiếp cũng chỉ có một điều tự chết ở ven chàng, cầu lấy cái linh-hồn của hai chúng ta kết-hợp. » Hai người mới cùng nhau quyết-biệt.

Chàng Tỉ-Khai-Mâu về nước, lúc-khắc vào đội máy-bay nước Tỉ, làm chức Phi-cơ-đội tiên-phong. Một hôm Tỉ cưỡi máy bay ra tuần-hành dò xét tình-trạng quân giặc, chợt gặp một chiếc máy-bay của Đức xông lại đánh kịch-liệt. Tỉ cũng hết sức chống-cự. Chiếc máy của Đức vẫn không bỏ, cứ đuổi theo mãi, tất muốn đánh được chiếc máy của Tỉ mới cam-tâm. Hai chiếc máy đánh nhau ở trên không, trải qua độ hai chuyền đồng-hồ, máy bay của Đức lữ-lượt kéo đến càng nhiều. Tỉ biết rằng sức mình đơn yếu không đủ địch nổi bên nhiều. Nhưng nghĩ rằng trốn đi cũng vô-ích, chẳng gì bằng nhân lúc nguy-hiểm mà đánh lại cho kịch-liệt, nếu liêu một chiếc máy của mình mà phá-hoại được mấy chiếc máy của giặc, cũng đủ đền-bù về sự tồn-thất. Mới mở hết sức máy, thẳng xông vào chỗ máy-bay họp đông của Đức mà tiến đánh. Tạc đạn ném ra như mưa, máy bay của Đức bị tổn-hại ước có năm sáu chiếc, còn những chiếc khác đều quay-lượn lánh đi. Lúc ấy có một chiếc máy-bay của Đức đi sau cùng, Tỉ ném tạc-đạn làm gãy được cánh bên tả của chiếc máy Đức, Tỉ vừa giáp đến tận nơi vừa tiến,

chiếc máy của Đức cũng ném tạc-dạn đánh lại. Lĩ ném trúng vào đầu người cầm máy của Đức, người ấy chết, chiếc máy của Đức liền hủy hoại mà rơi xuống. Chiếc máy của Tỉ cũng vì tạc-dạn làm hỏng máy, cũng liền theo chiếc máy Đức mà rơi xuống. Quân Đức tranh nhau xúm lại bắt chàng Tỉ, chàng Tỉ trông thấy người chết vừa rơi xuống đó, tức là người anh ruột ở Ý-Hoa là Luân-Tu-Mặc, chàng Tỉ cả tiếng òa lên khóc. Quân Đức chẳng hiểu cơ sao, cùng reo lên cười, cho chàng Tỉ là người khiếp-sợ. Chàng Tỉ dãi hết duyên-cớ mình, xin với viên quan Đức lại gần xác chàng Luân-Tu-Mặc viếng khóc. Quan Đức cho phép. Chàng Tỉ viếng khóc xong liền cắn ngón tay lấy máu viết bức thư gửi cho ở Ý-Hoa. Viết xong, liền giao cho một người lính Đức khăn - cầu chèo đến cho. Viên quan Đức thấy tình-trạng lấy làm thương, định bẩm thỉnh lên bộ Tu-lệnh, tha-phóng cho Tỉ, không khiến liệt vào hàng tù-binh, không ngờ Tỉ vừa trao bức thư xong, đã cầm súng bắn mình chết ở ven xác chàng Luân-Tu-Mặc. Quan-quan Đức

cảm-dộng là người có nghĩa-khi, cho được cùng với chàng Luân-Tu-Mặc cùng chôn một huyệt, rồi chèo sai người cầm bức di-thư chèo đến cho Ý-Hoa. Ở Ý-Hoa chợt thấy tin, cả khóc-lóc, liền mở bức thư xem, thì đại-y trong thư nói rằng: « Cái lời tôi với nàng khi lâm-biệt, chẳng may mà thực-hiện ra đây, người cốt-nhục của nàng đã chết ở tay tôi, tôi sao lại nở sống một mình, cái thân làm kẻ tù-lõ, cái chức-trách bảo nước của tôi đã hết, tôi chỉ có tự-vãn đề tạ lỗi nàng mà thôi.» Ý-Hoa xem bức thư xong, bàng-hoàng như mất cả tri-giác; một chiếc tinh-thần lại hơi tỉnh, liền chạy ra chỗ vòng quân, đi tìm chỗ chôn xác người anh với xác chàng Tỉ-Khai-Mẫu, lăn khóc than viếng một hồi; khóc viếng xong liền uống thuốc độc mà chết, thế là ở dưới đất nguyện làm cây liên-li, ở trên trời nguyện làm chim song-phi. Nhưng mà thắm lắm vậy. Than ôi! Ông trời kia sao lại phát-sinh ra hồi đại-chiến tự xưa chưa từng có ấy ru!

TÙNG-VÂN biên-dịch



THƯ CHO CON GÁI DU-HỌC BÊN TÂY

Con gái yêu của mẹ,

Mẹ vừa mới tiếp được điện-tín của con báo lâu đã đến Marseille và con đã gặp anh con ra đón, thế là mẹ yên-lâm. Trong 30 ngày một mình con lênh-đênh trên biển, giờ mẹ mới hết lo. Các con đi mẹ ngủi-ngủi trông nhớ, nhưng tưởng tới ngày xum họp thì lại nguôi-nguôi tác lòng. Thầy chúng con mãi sớm chỉ để lại cho mẹ được hai chúng con làm di-lịch, mẹ nâng-niêu như đôi ngọc quý, không lúc nào muốn rời tay. Anh con là trai phải đi xa du-học đã đành, chứ như con, mẹ chỉ ước-ao có luôn bên mình mẹ, ấp yêu như ngày con còn thơ-ấu, tóc xõa hai vai, bập-bẹ mấy chữ chi, hồ. Nhưng mẹ thấy con trong mấy năm trời tự học, thì đậu được bằng tú-tài, cốt để theo anh con sang Pháp; chỉ con đã định mẹ chẳng muốn ngăn cản, nên cũng chiều con để cho con đi. Mẹ đề cho con đi mà trong lòng mẹ vẫn ngàn-ngại, ngại vì một nỗi chẳng biết lúc con về, phẩm-giá con có được như khi đi không? Hay chỉ lĩnh được mảnh bằng, tính nết lại chẳng còn chỉ là ôn-hòa thuần-thục.

Con ơi, thế-giới ngày nay hình như mắc phải bệnh cuồng, con ở giữa kinh-đô một nước văn-minh bên Âu-châu phải cần-thận lắm mới được, chớ để cho luồng sóng mạnh kia nó cuốn được mình. Phải biết phân-biệt sự hay dở, chớ đua đòi các nữ-học-sinh áo hồ ngực, tóc cắt ngắn, nói thì khoa tay, đi thì bước dài; bao giờ cũng phải nhớ mình là một người con gái Việt-Nam; học xong về bổ-y-phục Âu-châu, mặc bộ quần áo ta trông không đến nỗi ngượng-ngáp. Nói thế không phải là mẹ bắt con cười không hở răng, đi không động quần, hay là eo-lả yếu-ớt như mẹ ngày

xưa, mình mặc áo mớ ba mớ bảy, chân đi đôi dép cong, đầu đội nón nghề hai quai kều-kít. Không, mẹ không bắt con như thế. Ý mẹ muốn con đi đứng cho gọn - gàng, nói - năng cho tự - nhiên, nhưng cốt nhất giữ lấy đặc-sắc của một người đàn-bà, nghĩa là phải sao cho đoan-trang nhu-mi, thướt-tha yền-điều, nói tóm lại là phải cho lịch-sự phong-nhã. Được như thế tự-khắc là có duyên; người đã có duyên thì không cứ tóc dài da trắng, mắt sắc mồm tươi cũng đẹp. Mà đẹp thế mới thật là đẹp. Mẹ ở xa muốn đăm không có thể ngày ngày săn-sóc các con, bắt-bẻ các con vào khuôn-phép được; các con phải tự sửa lấy mình, cố sức tu-thân, nuôi lấy chí-nguyện cho thanh-cao, người ta mà đã lỡ bước thì rồi lẩn-lộn phong-trần, khó lòng mà đứng vững được. Mấy lời tâm-huyết, các con nên ghi lòng.

Còn như sự học-vấn của con thì con nên đọc sách ít mà quan-sát nhiều. Chú-ý mẹ cho con đi học có phải là để con thành cô Cử cô Nghè, mua lấy cái hư-danh về nước đâu. Mẹ cho con học chỉ cốt mong cho con sau này chọn được người xứng-đáng cùng ai trải qua giấc mộng trăm năm; rồi dốc lòng giúp chồng dạy con, trở nên một bác hiền-thế từ-mẫu, không thẹn với bà Mạnh-mẫu, bà BERTHELOT. Ngoài chức-vụ trong gia-đình, rảnh thì giờ con an-ủy kẻ khổ, trông nom người ốm, giúp các hội cứu-bần. Chẳng may gặp cảnh nghịch, lại có đủ tư-cách đủ nghị-lực ra ghé vai gánh vác công việc thay chồng; tuy chẳng có dục can-đảm như cô YUKO cả nước Nhật thờ là một vị nữ-thần ái-quốc, chẳng có tài văn-chương như bà CHRISTINE DE PISAN mượn ngòi bút giải-phóng cho phụ-nữ nước Pháp, lại chẳng khéo doanh-nghiệp như cô

con gái nước Mi nọ tay trắng làm nên giàu có, nhưng mà cũng chủ-trương được các công việc to-tát nặng-nề, khỏi t hen với gia-đình, với tổ-quốc.

Con gái nước ta ngày nay đều xô đẩy nhau vào tân-học, nhiều người thấy thế mong cho chóng có lắm cô Cử cô Nghè, bà kỹ-sư, bà bác-sĩ để làm vẻ-vang cho đồng-bào. Mẹ thì mẹ không mong thế. Mẹ mong cho trình-độ học-thức nữ-giới nước ta thật cao để hiểu thấu được hết chức-vụ của mình. Ngày nào mà khắp đàn ông nước Nam đều có một cảnh gia-đình êm-ái, ban ngày đi làm nhọc sức mệt lòng, đầu tâm nản chí, chiều về thấy vợ hiền con ngoan, tự-nhiên vui-vẻ phấn khởi trong lòng; ngày nào mà cả phụ-nữ nước Nam đều như bông hoa quý vừa đẹp vừa thơm, đi đến đâu rắc mùi hương hạnh-phúc đến đấy; ngày ấy đàn bà Việt-Nam mới đáng cho thiên-hạ thờ kính tôn-phục, vì đã có công to với nhân-quần xã-hội; công ấy tuy không chói-lọi lừng-lẫy, nhưng mà kín đáo âm-thầm, như thế giá mới càng cao. Mẹ nói thật đấy con ạ. Trong muôn việc bền-phận người đàn bà, có lẽ chỉ việc thương con yêu chồng là quan-hệ hơn cả. Mới nghe tưởng là nhỏ-mọn, nhưng có nghĩ sâu mới biết bao nhiêu cái hay cái đẹp bởi đấy mà ra. Ông A. FRANCE có nói rằng: « Người ta tạo được vũ-trụ bằng khoa-học và ái-tình » (Avec la science et l'amour on crée le monde). Cứ như lời nói ấy thì công việc vĩ-đại kia, đàn bà đã giúp được nửa phần rồi. Bình-đẳng chính là ở đó, chứ ở đâu? Mẹ thấy người bạn gái nào bỏ cái chức-vụ thiêng-liêng của mình, mẹ lấy làm thương. Mẹ thương vì đàn bà ngoài hai chữ ái-tình không còn tìm hạnh-phúc ở đâu được nữa. Một người con gái cô-độc dù giàu-có sang-trọng, học-thức yêm-bác đến đâu, cuộc đời cũng nhạt như cây mía trái mùa. Chả vậy sao có thực-nữ nước Nga kia, tài-học lỗi-lạc, sau khi vừa được

giải thưởng, tiêng-tăm lừng-lẫy khắp Âu-châu, một hôm có gặp người chị họ quê-mùa mộc-mạc, con-cái đồng-đúc, vui-vầy âu-yếm, cô trông người rồi ngấm đến ta thì thấy đời mình tẻ ngắt. Cô ôm máy đứa cháu vào lòng, đưa mắt nhìn chị mà nói rằng: « Ước gì em được như chị. » Con ơi, con muốn học đến đâu mẹ cũng để cho con học, mẹ chỉ cầu trời cho con sau này không đến nỗi phải ngậm-ngùi thờ-lộ ra những lời nói cay-đắng như thế.

Lừ khi cái sóng nữ-quyền nó tràn đi khắp hoàn-cầu, nhiều bà nhiều cô muốn được như đàn ông: nào học bay, nào học nhảy, nào làm quan tòa, nào làm nghị-viên, ưỡng cả cái công tạo-hóa ưỡn-nấn ra mình. Hay là các bà giận ông tạo sao sinh ra mình là đàn bà, tự đòi lột cho biết tay chằng? Biết đâu đấy? như thế các bà mới thật là nữ-anh-hùng cũng nên? Mà hai bà Trưng với bà JEANNE D'ARC, vì tấm lòng yêu thương chan-chứa, xót-sa nỗi nhà nỗi nước, cầm gươm vác súng, dù da ngựa bọc thân, phơi xương trên bãi cát cũng đành; ba bà ấy lại chỉ là ba vị nữ-lưu giầu cảm-tình thôi! Mẹ đọc nhật-trình tạp-chí thường thấy thiên-hạ hoan-nghênh có con gái nước nọ bơi qua bể, bà trạng-sư nước kia biện-thuyết tài; mẹ coi sức khoẻ kia bất-quá như sức bà ngày xưa có-mang thầy các con gần tới ngày ở cũ mà còn cày nổi được một sào ruộng; tài nói nọ dễ thường cũng như tài bà ngày xưa khéo kể chuyện ông Ba-Bì khiến các con nghe lúc trợn mắt lè lưỡi, lúc múa tay reo cười. Chỉ có thế, mà làm sao thiên-hạ ca-l tụng, coi như thần-thánh!

Con ạ, mẹ để con một mình vượt bể là cốt cho con giao-thiệp với phụ-nữ các nước, mở rộng kiến-vấn, mua được nhiều thứ quý đem về làm quà cho chị em nhà. Mẹ thu xếp tiền nếu đủ thì nghĩ hè mẹ sẽ cho các con đi chơi

nước Ý, nước Ý, Luân-đôn, Thụy-sĩ ; một bước đàng là một tròng khôn. Các con bây giờ thật sung-sướng quá, chứ mẹ ngày xưa, màn che trướng rủ, hồ-đề đã mấy khi được bước chân ra khỏi cổng nhà.

Trong lá thư con gửi cho mẹ ở Singapore con có nói ở trên tàu con được nghe các bà người Pháp chơi piano vui lắm, tới Paris thế nào con cũng học. Học lấy biết thì cũng hay ; nhưng mẹ thiết-tưởng tiền ấy con nên dùng để đi xem các nơi danh-thắng nước Pháp thì hơn, vì mẹ nghĩ mĩ-thuật nước nào, nhất là khoa âm-nhạc, là của báu riêng của nước ấy ; con nghe một bài hát tây dù « trong như tiếng hạc bay qua. . . . », mẹ chắc con cũng chẳng cảm được hết cái hay như khi con nghe một người ả-đào nổi tiếng ngoài Bắc ngâm khúc Tỳ-bà-hành hay một cô danh-ca đất Huế hát bài Nam-ai « Vua Duy-lân từ-biệt nước nhà ». Đêm khuya trăng tỏ, buống thuyền trên mặt nước Hương-giang, tai nghe giọng êm-đềm réo-rắt, hát câu : « Yêng-hùng bốn bề là trai, đâu đâu cũng thành-thời ! » hay biết nhường nào ! Mà cái hay ấy chỉ riêng con cháu Lạc-Hồng biết cảm. Đòn tây mẹ không muốn cho con học, khiêu-vũ mẹ lại càng không muốn cho con tập. Một người đàn bà An-Nam « nhầy dầm », mắt mẹ trông chẳng những là không đẹp, mà lại còn dơ nữa. Giá thử bà con còn sống nhìn thấy con « nhầy dầm » thì phải đến cau mày, nhắm mắt, bịt tai, ù té chạy !

Con ơi, mấy lời mẹ răn bảo, con phải in sâu trong lòng mới đáng là con gái qui của mẹ, khỏi phụ cái ơn mẹ một mình nuôi dạy từ nhỏ tới giờ, phụ cái ơn thầy làm quan thanh-liêm hiền-hậu để cho các con giờ được hưởng phúc.

Các con phải năng viết thư cho mẹ luôn, chớ để mẹ mong chờ ; xa-xôi muộn dậm, lá thư thay người. Mẹ ở nhà vẫn bình-tĩnh khoẻ mạnh như thường. Sáng ngày ra thăm ruộng, về trông người chần tâm dẹt lưa ; khi mỗi cửa thầy nói các con học ngày xưa ra xem ; cũng có lúc buồn, nhớ các con, nhớ thầy các con thì lại mời bác sang đánh vài ván cờ, hay lấy cây thập-lục của con hay gảy ra dạo mấy bài đàn xưa ; đêm nào khó ngủ, trần-trọc không yên giấc, thì lại một mình đối ngọn đèn tàn đem kinh Phật ra tụng niệm, cầu Phật phù-hộ cho các con ở phương xa được khoẻ mạnh, cho thế-giới được thái-bình. Ngày nào cũng thế, thăm-thoát chả mấy chốc mẹ con lại gặp nhau. Hai ba năm trời, chóng chừ không lâu đâu các con ạ. Các con cứ yên-tâm mà học-hành, đừng nghĩ-ngợi đường xa mà lòng sinh ra bàng-khuáng vơ-vẩn, hại đến chí hăng-hái của tuổi thanh-niên.

Thôi, tạm-biệt các con. Mẹ ngừng bút.

VĂN-HÀN

VĂN-UYÊN

Khúc đêm hè

Hỡi chúa hè, hỡi chúa hè,
 Năm canh vắng-vắng mấy đàn ve ;
 Khiến người non nước khi ngồi rồi,
 Mắt mỗi dòm nom, tai mỗi nghe.

Trên nhau chi mãi chủ hè,
 Kể đi nẫu-nực người về rả-roì.
 Vì đâu những truyện đầy voi,
 Biết bao giờ trả nợ đời cho xong.
 Nỗi riêng lòng lại bận lòng,
 Gió xuôi toan mượn cánh hồng bay cao.

Quốc quốc năm canh há miệng gào,
 Tri-âm đường lọt khúc thanh-cao ;
 Ấy hồn Thục-đế bao nhiêu tuổi,
 Rát cổ vì sao, sao bởi sao !

Tang-thương nỗi lớp ba-đào,
 Con đường lui-lối nơi nào là nơi.
 Cổ nhân nào dễ mấy người,
 Khi vui mây nước khi cười trăng hoa.
 Rắp lên hỏi ở Hằng-nga,
 Quảng-hàn cung ấy ai là chủ-nhân ?

Chán nỗi xa xa lại nỗi gần,
 Tiếng gà eo-óc chốn cô-lân ;
 Đường con nhọc-mệt thương ai tá,
 Lên tiếng đầu canh nhắc gọi đàn.

Nghĩ thân lại gớm cho thân,
 Bấy còn nặng gánh phong-trần chưa
 [thôi.

Gương đồng gương nguyệt mà soi,
 Ánh sương pha tóc, vẻ môi đượm da.
 Biết nhau còn chút trời già,
 Một vòng tám-sự hai ba sợi tâm.

Trần-trọc đầu cành mấy khúc ngâm.
 Con đường mai-mữa những âm-thầm ;
 Hối làng vẩn-tảo ai là khách,
 Nghe chích-choè kêu thêm thổng-lâm.

Đĩa dầu đốt ngọn canh thắm,
 Nửa e khi nẫu, nửa eấm cuộc tàn.
 Ở đời mấy kẻ liền gan,
 Sắt son vững mấy tuần-hoàn cho cam.

Sả chi tay vội giúng chằm,
 Dở-dang lại để kẻ sấm người khinh.
 Thánh-thót xa xa tiếng bất-bình,
 Ó là liếng để lúc tan-canh ;
 Một năm có mấy đêm nay tá,
 Tiếng đục đồn mau lẫn tiếng thanh.

Lo-thơ một giở giang-thành,
 Bên mũi chóp giát bên mảnh trắng treo.
 Non sông những mối eo-xèo,
 Thà đem trận gió thổi về cho xong.
 Biết ai là khách anh-hùng,
 Biết ai là kẻ một lòng như ta.

Nghe tiếng đêm hè những xót-sa,
 Vì tình muốn sỏi ngõ buồn ra ;
 Thợ trời khéo lựa lòng quân-tử,
 Vội tặng hồ sen mấy đóa hoa.

Giang-hồ trai bước sa-dà,
 Cũ là người cũ, nay là đêm nay.
 Bơ vơ chút nỗi niềm tây,
 Đòi phần trung-hiếu chữa khuấy phần
 Lầu lầu trắng tổ trời cao, [nào.
 Nam-kha một giấc chiêm-bao lại nong.

Văn tế các cháu viếng bà

Kính duy ngày tháng
 năm Lũ cháu nội ngoại chúng tôi
 đứng trước linh-cữu bà khóc mà than
 rằng :

Non Bồng nước Nhược, là từ-hàng
 muôn dặm lênh-dênh ; bề Quế dòng
 Phương, bức di-ảnh nghìn thu vắng-vẽ.
 Sương mờ trường Mã ; gió lạnh nguồn
 Phong.

Nhớ bà xưa : Nhân-tử nết đất ; hiếu-
 hậu lòng trời. Gương cứu-tuần vắng-
 vặc trên cao ; tranh tứ-thế phủ bày
 dưới gót.

Chúng cháu chỉ từng thềm lan tựa
 gối, cũng lưỡng ngày còn dài tháng còn
 rộng, cõi trăm năm bà sẽ còn lâu. Nào

hay bóng quế ngả chiều, ối hời trời chỉ
cực dật chí cùng, đường chín suối bà
sao chỉ vội?

Thôi thì thôi ! Mây trắng xa bay ;
ngày xanh khôn giữ. Không ngờ nên
nổi, chén đào tiệc ngẫu bằng-khuàng ;
có tưởng chi đâu, ngõ trúc sân đồng
ngơ-ngẩn. Theo cha mẹ cúc-cung và lễ,
cảm cảnh biệt li ; cùng anh em khê-thủ
đôi hàng, độc tình nội-ngoại.

Kính dâng lễ bạc ; gọi chút lòng
thành. Mối thương-tâm giận với trời
già ; giọt ai-lệ chan cùng chúa hạ. Ồi
than ôi !

NHÂN-VÂN-ĐÌNH

Sơ-thu ngâm vịnh

(Họa Lâm Trác-chi nguyên-vận)

I

Những mảng bàng-hoàng đêm muốn
Sáng ra đứng ngắm vẻ trời thu ; [sáng,
Thu này có khác chi thu trước,
Lắm khách mừng vui lắm khách sầu !

II

Một trận gió vàng ngó đờ lá,
Mây hàng nhận trắng tiết sang thu ;
Bốn mùa ai lại không sầu cảm,
Há một mùa thu mới cảm sầu !

Cảnh chiều thu.

Giữa cảnh hoàng-hôn gió thổi vù,
Phương trời lác-dác giọt mưa thu ;
Thương chim sợ lạnh kêu riu-ri-l,
Nhớ bạn trông mây kéo mịt-mù ;
Đỗ bến lão chài mau cuốn lưới,
Về chuồng thẳng mục vội lừa trâu ;
Hết cơn mưa gió rồi trong lặng,
Soi tỏ non sông bóng nguyệt cao.

Tình non nước

Cao cao một quả non kia,
Xanh-xanh một giải nước kề gần non .

Đôi bên tạc một lòng son,
Nghìn năm nước nước non non chẳng
Ai làm nước chảy bề khơi? [rời.
Lòng non thương nước gốc trời ngàn-
Sự đời bày xóa cuộc cờ, [ngơ.
Nước non biến đổi một giờ, than ôi !
Non còn nhớ nước ngậm-ngùi !

THIỆN-TRƯỜNG (Hà-tiên)

Thơ con muỗi

Bé-nhỏ nhưng nào có sợ ai,
Ai ai ta cũng ghé vào tai ;
Đọc-ngang phỉ sức khi êm giờ,
Lưng-lẫy ra uy lúc nóng trời ;
Lưới độc giăng quanh thấy lủ nhện,
Túi tham vơ-vét mặc đàn rơi ;
Lầu hồng gác tia đâu là chẳng,
Phận nhỏ nhưng mà rộng dất chơi !

Phong-dao

I

Ở nhà mình nghĩ mình hay,
Nhì con nhất mẹ câu này chẳng ngoa.
Ra ngoài mới tỉnh dần ra,
Hông, tây, nam, bắc, người ta hơn mình.

II

Trăng đến rằm trắng tròn,
Minh bao nhiêu tuổi thì khôn hời mình?
Vấn-vương ta những vì tình,
Trăm điều bưng-bít miệng bình cho
[xong.

III

Ai như đôi vợ chồng Ngâu,
Mỗi năm chỉ gặp mặt nhau một lần.
Câu Ngán bắc lại cho gần,
Mỗi năm họp mặt mấy lần thêm vui !

IV

Muốn đi trảy hội chùa Hương,
Đồng tiền thời hiếm con đường thời
Em về lễ Phật trong nhà, xa...
Phật nhà phù-hộ bằng ba Phật chùa.

V

Văn-minh khắp cả hoàn cầu,
Đâu đâu cũng thịnh cũng giàu hơn ta.

Trời nam cũng một sơn-hà,
Vì không gắng-gỏi nên ra won-hèn.

Tô-giang Vũ Tuất

DỊCH THƠ TÂY

La chau mière incendiée par
la foudre

Lorsque le laboureur, regagnant sa chaumière,
Trouve le soir son champ rasé par le tonnerre,
Il croit d'abord qu'un rêve a fasciné ses yeux,
Et, doutant de lui-même, interroge les cieux.
Partout la nuit est sombre et la terre enflammée.
Il cherche autour de lui la place accoutumée
Où sa femme l'attend sur le seuil entr'ouvert:
Il voit un peu de cendre au milieu d'un désert ;
Ses enfants demi-nus sortent de la bruyère,
Et viennent lui conter comme leur pauvre mère,
Est morte sous le chaume avec des cris affreux.
Mais maintenant, au loin, tout est silencieux.
Le misérable écoute et comprend sa ruine.
Il serre, désolé, ses fils sur sa poitrine ;
Il ne lui reste plus, s'il ne tend pas la main,
Que la faim pour ce soir et la mort pour demain.
Pas un sanglot ne sort de sa gorge oppressée,
Muet et chancelant, sans force et sans pensée,
Il s'assoit à l'écart, les yeux sur l'horizon,
Et regardant s'enfuir sa moisson consumée.
Dans les noirs tourbillons de l'épaisse fumée,
L'ivresse du malheur emporte sa raison.

Sét đánh cháy nhà

Trời tây bằng - lảng ác tà,
Nông-phu vội trở về nhà nông-phu.
Đông-diên sét đánh bao giờ,
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm-bao ;
Tưởng mình mơ ngủ hay sao,
Trông lên hổ vờ trời cao phen này.
Rành-rành đất nóng còn đây.
Mịt-mùng trời thăm đất dày bao-la.
Trông quanh tìm đất nước nhà,
Vợ hiền hé cửa ngóng chờ hôm xưa.
Tro tàn một năm tro-tro,
Bốn bề nào thấy đâu là ruộng nương.
Lũ con rách-rưới thảm-thương,
Kéo nhau ở đám cỏ hoang bước vào,
Kể hồi trưa những thế nào,
Mẹ hiền chết cháy kêu gào những câu.
Chung quanh êm-ả rầu-rầu,
Nông-phu ngấm biết cơ-màu hồng to.
Ôm con ruột rời tơ vò,
Không đi hành-khất đời giờ chết mai.
Uất lên khóc chẳng ra hơi,
Như ngậy như dại như người vô-linh.
Bước ra ngồi nghĩ một mình,
Trông theo ra đám mây xanh chân trời:
Hoa màu đương độ tốt tươi,
Ra tro theo gió toi-bời cuốn đi,
Trông theo chẳng nói-năng gì,
Ruột tâm đời đoạn trăm bề phát điên...

ALFRED DE MUSSET

Tô-giang Vũ Tuất dịch.

T H Ò ' I - Đ Ì A M

Việc thế-giới

Tình-hình chính-trị Âu-châu. — Kỳ trước đã nói qua về hội-nghị *La Haye* của các nước chiến-tranh cũ họp để giải-quyết về vấn-đề nợ lẫn nhau. Hội-nghị ấy đã họp ở kinh-đô nước Hòa-lan ngày mồng 6 tháng 8. Các nước đến dự hội-đồng chia làm hai hạng: một hạng là các nước chủ-trương, đứng lên tổ-chức cuộc hội-nghị, là sáu cường-quốc có quan-hệ lớn về việc này: Pháp, Anh, Đức, Ý, Tỉ, Nhật; một hạng là các nước tham-dự, là sáu nước có quan-hệ ít về việc này: Hi-lạp, Ba-lan, Bồ-đào-nha, Lỗ-mã-ni, Triết-khắc, Tắc (*Yougoslavie*). Đại-biêu cho nước Pháp là thủ-tướng kiêm ngoại-vụ BRIAND, tổng-trưởng bộ Tài-chính CUÉRON, và nghị-viên LOUCHEUR. Đại-biêu cho nước Anh là tổng-trưởng bộ Tài-chính SNOWDEN và tổng-trưởng bộ Ngoại-giao HENDERSON. Đại-biêu cho nước Đức là tổng-trưởng bộ Ngoại-giao STRESEMANN, và tổng-trưởng bộ Kinh-tế CURTIUS. Đại-biêu cho nước Tỉ là thủ-tướng JASPAR và tổng-trưởng bộ Ngoại-giao HYMANS. Còn đại-biêu các nước khác phần nhiều là những chức đại-sứ cả. Duy có nước Mĩ, từ sau khi chiến-tranh đến giờ, phàm các cuộc hội-nghị để giải-quyết các vấn-đề thuộc về việc chiến-tranh, đều không tham-dự cả, vì lẽ không cùng các nước Âu-châu ký-nhận hòa-ước *Versailles*, nên kỳ này cũng không có đại-biêu chính-thức, chỉ phái một người gọi là « quan-sát-viên » (*observateur*) mà thôi. — Hội-đồng chia ra làm hai ban: một ban tài-chính, một ban chính-trị. Ban tài-chính xét riêng về các trái-khoản và chương-trình YOUNG (xem N.-P. kỳ trước); ban chính-trị

thì xét về vấn-đề triệt quân Đồng-minh ở hạt *Rhénanie*. (Nguyên hòa-ước *Versailles* định rằng Đồng-minh được phép đóng quân ở Đức để làm cách đàn áp cho Đức phải trả nợ bồi-thường, nay Đức đã hứa nhận chương trình YOUNG thời xin với Đồng-minh rút quân về.)

Ngay mấy kỳ họp đầu, đại-biêu nước Anh là SNOWDEN diễn-thuyết cực-lục bác cái chương trình YOUNG, nói rằng cách điều-đinh các khoản nợ như thế có thiệt-hại to cho nước Anh, nhất là khoản cho phép nước Đức được trả nợ bằng vật-liệu cùng dụng-cụ, như than đá, như máy-móc, thì thiệt riêng cho các nghề khai-khoáng, và chế-tạo của Anh, chính-phủ Anh không khi nào chịu như thế. Lời phản-kháng đó rất là quả-quyết cứng-cỏi, gây ra trong hội-nghị một cái không-khí xung-đột. Không những thế: nhân đại-biêu Pháp CUÉRON trả lời lại, phân-trần các lẽ, đại-biêu Anh nói gắt lên, nhất-thiết cho là vô-lý cả lời-lẽ trái hẳn với phép lịch-sự ngoại-giao xưa nay, cả hội-nghị lấy làm kinh-ngạc, có người cho là đại-biêu Anh lập-tâm phá cuộc-hội-nghị và gây hiềm với Pháp vậy. Tuy về sau đại-biêu Anh có tỏ ra hối lại những lời nói quá đó, nhưng cái không khí trong hội-nghị vẫn nồng-nàn lắm. Vả những điều yêu-cầu sửa lại chương-trình YOUNG, vẫn cứ kháng-kháng giữ, không chịu bỏ một điều nào. Lại chính thủ-tướng Anh MAC-DONALD cũng biểu đồng-tình với đại-biêu về các khoản đó. Như thế thì nếu các đồng-minh khác cũng cứ kháng-kháng không chịu nhượng-bộ, hội-nghị tất phải tan mất. Bấy giờ thủ-tướng Pháp BRIAND mới đem hết tài ngoại-giao khôn-khéo

để điều-định cho được êm. Đại-biểu Đức cũng hết sức tán-thành. Sau Pháp, Ý, cùng cả các nước Đồng-minh khác đều bằng lòng nhượng-bộ cho nước Anh, sửa lại chương trình cho phần nước Anh được thêm lên mấy chục triệu nữa. Nhờ đó hội-nghị mới làm xong công-việc. Chương-trình sửa đổi rồi, được hội-nghị duyệt-y, nay chỉ còn đợi cho nghị-viện các nước duyệt nữa là thi-hành. Còn vấn-đề triệt quân ở *Rhénanie* cũng đã giải-quyết xong, hạn mấy tháng nữa thì Đồng-minh rút quân dần về.

Nói tóm lại cuộc hội-nghị này chỉ một tí nữa là hỏng cả, vì cái thái-độ ngạnh-quyết của đại-biểu nước Anh, nhưng kết quả lại là lợi cho Anh; xem thể thì trong phép ngoại-giao có lúc đập bàn nói sảng cũng là một cái diệu-kế vậy.

Việc Ai-cập. — Kỳ trước nói về tòa Nội-các mới nước Anh thuộc về đảng Lao-động, có kết-luận một câu rằng: Nội-các này tuy chính-kiến rộng-rãi hơn Nội-các bảo-thủ trước, nhưng e rằng đối với các thuộc-địa, cái chính-sách có lẽ cũng không thay đổi gì. — Cứ như tin gần đây nói rằng nước Anh mới cho Ai-cập (*Egypte*) được độc-lập thì lời dự-đoán đó không đúng vậy. Nếu vậy thì Nội-các Mac DONALD thật không phụ cái tên là thuộc về một đảng hiếu tự do bình-đẳng, thật lòng muốn khai-phóng cho các dân-tộc.

Thủ-tướng MAC-DONALD vừa mới lên cầm quyền, liền bắt viên Chánh Công-sứ Anh LORD LLOYD, — chức là cao-đẳng ủy-viên (*haut commissaire*)

của chính-phủ Anh ở Ai-cập, nhưng thực là toàn-quyền-công-sứ ở Ai-cập, — phải từ-chức. Viên này theo một cái chính-sách cương-quyết, làm cho mất lòng dân Ai-cập lắm. Chính-phủ quyết gọi về, và nhất-định theo lời hứa trước cho Ai-cập được độc-lập. Tổng-ly Nội-các Ai-cập MAHMOUD PACHA liền thay mặt quốc-vương nước ấy sang Luân-đôn để cùng với bộ ngoại-vụ Anh định-định điều-ước. Điều-ước ấy hiện đã làm xong, hai chính-phủ Anh và Ai đã ký, chỉ còn đợi Nghị-viện hai nước duyệt-y nữa mà thôi. Điều-ước định kỳ-hạn là hai-mươi-lăm năm. Theo điều-ước thì Ai-cập từ nay được hoàn-toàn tự-chủ, không phải là thuộc-quốc nữa mà thành một nước đồng-minh với nước Anh, vừa đồng-minh khi chiến-tranh, vừa đồng-minh lúc bình-thời. Có quân-đội riêng, có trống-súy riêng, tự coi lấy việc trị-an trong nước cùng việc bảo-hộ các kiều-dân ngoại-quốc. Nước Anh lại cam-doan giúp cho Ai-cập xin vào Hội Vạn-quốc, giúp cho yêu-cầu với các cường-quốc có trị-ngoại-pháp-quyền (1) ở Ai-cập bãi bỏ cái quyền ấy đi. Quân Anh đóng ở Ai-cập sẽ dần dần rút về, chỉ để mấy đội ở chung quanh vịnh hà Suez để giữ đường giao thông cho Đế-quốc Anh. Các điều-kiện đó, khi tuyên-bố ra, làm khùng-động cả trong đảng bảo-thủ Anh, vì là trái hẳn với cái chính-sách của đảng ấy xưa nay.

Công-sứ Anh ở *Athènes* (Hi-lạp), PERCY LORAINÉ, được bổ làm đặc-sứ ở Ai-cập thay cho LORD LLOYD, đợi đến khi điều-ước bắt đầu thi-hành thì lĩnh chức đại-sứ (*ambassadeur*), mà chính-phủ Ai-cập cũng sẽ bổ đại-sứ để thay mặt ở Luân-đôn như liệt-cường khác.

(1) Trị-ngoại-pháp-quyền (*droit d'exterritorialité* hay là *régime des capitulations*) là đặc-quyền của các cường-quốc Âu-châu đến ở các nước Đông-phương, (như Thổ-nhĩ-kỳ, Tàu, v. v.) có phạm tội gì được lãnh sự nước mình xử, không phải tòa án bản-xứ xử.

Các độc-giả tất muốn biết rõ nội-dung điều-ước công-nhận độc-lập cho Ai-cập thế nào, vậy xin lược-dịch các khoản-trọng yếu như sau :

1^o Nước Anh không có quân-đội đóng ở Ai-cập nữa ;

2^o Hai nước Anh và Ai kết đồng-minh với nhau, để giữ cho mọi sự giao-thiệp trong hai chính-phủ được thân-mật thỏa-thuận ;

3^o Nước Ai-cập sẽ xin vào Hội Vạn-quốc, và nước Anh sẽ giúp cho việc đó ;

4^o Hai nước cam-đoan không được ngăn-trở việc ngoại-giao của mỗi nước đối với liệt-cường ngoài ;

5^o Chính-phủ Ai-cập phải chịu trách-nhiệm bênh-vực sinh-mệnh tài-sản cho các dân ngoại-quốc kiều-cư ở Ai-cập ;

6^o Nếu nước Anh phải giao-chiến với nước nào ngoài, thì Ai-cập phải cứu-viện cho, mà trái lại cũng thế. Như khi có chiến-tranh hay có nguy-hiểm chiến-tranh, thời Quốc-vương Ai-cập phải hết sức giúp cho Hoàng-đế Anh, bao nhiêu đường giao-thông trong nước, các quân-cảng về hải-quân và không-quân phải cho mượn hết ;

7^o Nếu Ai-cập phải dùng đến quân quan chuyên môn để luyện tập cho quân đội trong nước, thời phải dùng quân quan Anh ;

8^o Ai-cập phải để cho mấy đội quân Anh đóng ở mấy nơi địa-đầu đường vận-hà *Suez*, về phía tây 32^o kinh-tuyến để phòng-bị đường giao-thông ;

9^o Nước Anh sẽ vận-động với các cường-quốc có trị-ngoại-pháp-quyền ở Ai-cập để yêu-cầu cho bãi bỏ quyền ấy đi, miễn là Ai-cập phải cam-đoan hết sức bênh-vực cho sinh-mệnh tài-sản của kiều-dân các nước ấy ;

10^o Chính-phủ Anh sẽ phái một viên đại-sứ để thay mặt ở Ai-cập, và trái lại cũng thế. Quốc-vương Ai-cập sẽ dành cho đại-sứ Anh được đứng đầu cả ngoại-giao-đoàn ;

11^o Thuộc về đất *Soudan* thời cứ tạm theo như hiệp-ước năm 1899, rồi sau này sẽ tùy-nghi đình ước khác ;

12^o Điều-ước này không được trái gì với các quyền-lợi trách-nhiệm của nước Anh theo như hiệp-ước Hội Vạn-quốc cùng hiệp-ước *Kellog*, là hiệp-ước phi-chiến ;

13^o Hai nước cam đoan hễ có việc phân-tranh gì mà trực-tiếp điều-đình không xong, thời phải đem ra Hội Vạn-quốc xét ;

14^o Kỳ-hạn điều-ước là 25 năm, hết hạn ấy hai bên có thể hiệp ý nhau thay đổi được.

Ngoài 14 điều ấy, còn mấy điều phụ nữa như sau này :

A) — Nước Ai-cập thuận làm các trại lính cho quân Anh đóng ở dọc sông *Suez* ;

B) — Nước Anh sẵn lòng giúp quân-quan cho Ai-cập để huấn-luyện quân-đội trong nước, quân-quan ấy sẽ đặt thành phái-bộ ;

C) — Quân-quan Ai-cập nếu cần phải đi học ở ngoài thì sẽ sang học ở Anh

D) — Trong khi Ai-cập cần phải chỉnh-đốn các việc nội-chính thì dùng các tay chuyên-môn người Anh để làm cố-vấn về tài-chính, về tư-pháp.

Thời-cục nước Tàu. — Từ khi xảy ra việc Trung Nga giao-thiệp về Đông-thiết-lộ, nước Nga đối với Trung-hoa chia làm ba phái, mỗi phái đều chủ-trương khác nhau : 1^o Phái chính-phủ *Moscou* lấy việc đối với Âu-châu,

phát-siễn đã thất-bại, chủ-trương xin cùng Trung-hoa tiếp-cận; 2^o Ở phương-diện Xích-thập phần nhiều người buôn không chủ-trương việc chiến-tranh; 3^o Phái Bá-lực thì chủ-trương quyết lấy võ-lực đối-đãi. Các Hoa-kiều ở Hải-xâm-uy bị ngược-đãi, và các nhà ở Tuy-phần và Đông-ninh bị quấy rối đều vì phái ấy mà ra cả; chiến-hạm ở Tam-giang-khẩu cũng phụng-lệnh tổng-bộ Bá-lực lấn vào bờ cõi Trung-hoa. Hiện nay ở nước Nga đã nhiều người hô-hào khôi-phục việc giao-thiệp, mà quân Nga vẫn cứ quấy rối mãi, cũng là do ở phái ấy.

Nước Nga mới biên thành đạo lao-nông đặc-biệt Viễn-đông-quân, để làm quân quốc-phòng đối với Trung-hoa, cử Bá-lợi-do-hải-nhĩ làm tổng-tư-lệnh.

Quan trưởng-bộ ngoại-giao nước Nga có nói rằng đã xét rõ Trung-quốc bị mấy cường-quốc xui-gục, ý định sinh ra sự chiến-tranh, khiến cho nước Nga phải khốn-nạn về đường kinh-lế, nhờ đó để đánh đổ chính-phủ Xô-viết.

Người ngoại-quốc ở Bắc-bình điều-tra số quân Nga vào cõi Trung-hoa ước chừng bốn vạn người, tổng-chỉ-huy là Tây-gia-thoát-phu. Nghe đâu Tây-gia-thoát-phu cho quân-lính được tự-do lấy lương, cho nên quân-đội như hổ đói vào rừng đến đâu quấy rối đến đó.

Các nhà đương-cục Liêu-ninh có điện cho chính-phủ Trung-ương, xin làm cho sung-thực việc quốc-phòng ở phía đông-bắc, nghĩ định các quân ở phía bắc làm đội hậu-bị, đến lúc cần ra trước hết cử các đạo quân Đường Sinh-Tri, Lưu Trấn-Hoa, Trần Điều-Nguyên đi ra ngoài cửa quan, thuộc quyền Trương Học-Lượng và Hà Thành-Tuấn chỉ-huy, để chuyên về việc đối với nước Nga, việc vận-tải đã do đường Đả-thông qua đường Thao-nam thẳng đến Tuy-phần

và Mâu châu-ly, nước Nhật dẫu không cho chở qua đường Nam-mãn, cũng không vì đó mà ngăn-lở, sau khi kế-hoạch, sẽ có số quân là 20 vạn người, đủ sức đối với nước Nga.

Trong cuộc hội-nghị ở Viên-lãng Trung-son mới rồi, bọn Tướng Giới-Thạch, Hồ Hán-Dân, Vương Chính-Đình, Cố Ứng-Phản đều ra ý cảm tức về cái thái-độ của người Nga. Nghe đâu quyết một mặt dùng cái thủ-đoạn ngoại-giao cách-mệnh để mưu giải-quyết việc ấy, một mặt hết sức chuẩn-bị việc phòng-ngữ.

Tuy rằng hai bên đánh nhau cón hiểu trận, song hai chánh-phủ *Moscou* và Nam-kinh vẫn trao đổi điện-tin với nhau. Và từ khi xảy ra việc Trung-Nga xung-đột, Trung-hoa bị thiệt-hại khá to, nhưng nước Nga bị thiệt-hại lại có phần to hơn. Đoạn đường sắt A-mục-nhĩ hầu thành ra một cái thế-giới của bọn thổ-phỉ, những dân Nga ở men bề Đông-hải lại càng khủng-khoảng lắm, thế thì nước Nga lại sẵn lòng mong hòa-bình hơn là Trung-hoa, chắc hai bên rồi sẽ cùng tuyên-ngôn hòa-bình. Nhưng Trung-hoa sợ bị nước Nga uy-hiếp chằng, nên không tán-thành hội-nghị ở *Moscou*, mà nước Nga vẫn không tán-thành khai-nghị ở Liêu-ninh, nếu ở *Berlin* thì hai bên đều bằng lòng cả, nhưng văn-điện đi lại rất phiền, sau này có lẽ khai-nghị ở Cáp-nhĩ-tát là thích-hợp hơn cả.

Nghe tin đồn hồi cuối tháng trước, viên đại-sứ Nhật tại nước Nga hiệp-thương về vấn-đề Trung-đông; Nhật bản đối với con đường thuộc quyền-lợi Mông-cổ, hết sức tôn-trọng quyền-lợi nước Nga. Còn Nam-mãn với Ngoại Mông-cổ, nước Nga cũng hết sức tôn-trọng quyền-lợi nước Nhật, lúc nào cần kíp, hai nước sẽ giúp nhau.

Nghĩa là đường Trung-đông thu về Trung-hoa thì các tỉnh ở men bề, cùng

Hải-xâm-ny, thế tất mất cái địa-vị phần-hoa. Vả lại đường Trung-đông mà Trung-hoà thu về được, thì đường Nam-mãn sau này, cũng thu về được. Cho nên Nhật rất không muốn cho Trung-hoa thu lại quyền-lợi đường Trung-đông, và không muốn cho Mĩ, Anh, Pháp đứng ra điều-định, là vì lẽ ấy.

Tướng Tác-Tàn là sứ-thần Trung-hoa ở Berlin, mới đây được ủy quyền điều-định với Nga.

Nước Nga đã tỏ ý muốn hòa-bình giải-quyết, Trung-hoa bắt giam hơn bốn trăm người Nga, nước Nga bắt giam hơn sáu trăm người Trung-hoa, sẽ cùng Tướng Tác-Tàn đình-ước tha cả.

Tướng Tác-Tàn có bảo công-sứ Nga rằng chính-phủ Trung-hoa không phản-đối việc dùng người Nga làm cục-trưởng đường Trung-đông, nhưng trước phải phái đại-biêu đến khai-nghị. Nước Nga liền bằng lòng một mặt Trung-quốc thừa-nhận cái mệnh-lệnh của Nga cử viên cục-trưởng Trung-Đông, một mặt mở cuộc chính-thức hội-nghị. Còn như việc xung-đột ở biên-giới, trước hết không định hẳn là cái trách-nhiệm ở bên nào, do cuộc hội-nghị Trung Nga cử đoàn ủy-viên hai nước đến tận nơi điều-tra. Còn những văn-kiện cộng-sản của Nga ở đường Trung-Đông bị các nhà đương-cục Trung-hoa bắt được, đều bằng chữ Anh, chữ Nga, chứ không có bản nào bằng chữ Hán, nước Nga cho là không phải dùng để tuyên-truyền ở Trung-hoa. Phương-diện Trung-hoa thì nói cho nước Nga biết rằng bọn Bạch-ngã quấy rối là vấn-đề cục-bộ của người Nga, Trung-quốc tuyệt không có giúp đỡ cho bọn ấy, Trung-quốc không chịu trách-nhiệm gì. Việc hai bên bàn với nhau đã tiến lên một bước. Hiện hai

viên công-sứ đều đã điện về Moscou và Nam-kinh hỏi ý hai chính-phủ.

Ngoại-giao-giới có tin rằng nước Mĩ có thông-diệp cho hai nước Trung Nga, xin chú-ý cái nghĩa-vụ nên chịu trong bản công-ước phi-chiến. Tướng Tác-Tàn có điện về Nam-kinh nói rằng nước Nga mong nước Đức can-toàn việc hòa-bình.

Quan trưởng-bộ ngoại giao nước Nga có tuyên-ngôn hai điều sau này: 1^o Không nhận việc quân Nga đánh vào bờ cõi Trung-hoa; 2^o Nước Nga cho việc giao-thiệp chưa phá-liệt hẳn, không để một nước thứ ba can-thiệp vào, vẫn có thể trực-tiếp đàm-phán được, mong sau này hai nước sẽ cùng nhượng-bộ, khiến cho cuộc hội-nghị có thể mở được.

Sứ-đoàn lại tiếp được lời tuyên-ngôn của Vương Chính-Đình nói rằng Trung-quốc vẫn tôn-trọng bản Trung-Nga hiệp-định, không tán-thành việc chuyển nhờ hai nước Nhật, Mĩ điều-định.

Tuy rằng việc giao-thiệp do hai viên công-sứ Trung Nga ở kinh-thành Berlin nước Đức hội-đàm với nhau, ý-kiến hai bên đã tiếp-cận, nhưng cuộc đàm-phán chính-thức, cần phải đợi sau khi quân Nga rút rồi mới có thể mở được, địa-điểm sẽ ở Cáp-nhĩ-tân hay Mãn-châu-lý, nhật-kỳ chưa định, khi nào thỏa-định thì sẽ do chính-phủ hai nước phái toàn-quyền đại-biêu đến dự.

Lại tin ở Berlin nói rằng bản Trung-Nga tuyên-ngôn sẽ do Tướng Tác-Tàn sau khi ở nước Đức ký chữ rồi liền phát-biểu có thể chắc được rằng những điều Trung Nga trở-ngờ làm ngăn-trở cho việc thân-giao, có thể trừ đi được cả, không những việc Đông-thiết-lộ có thể giải-quyết được, ngay các vấn-đề giao-thông và thông-thương cũng có thể dựng nên cơ sở-mới.

Sau lại có tin ở Thượng-hải rằng Xích-quân ở hai đường đông - nam cùng thời lẫn vào bờ-cối, thi-hành việc công-kích; đảng cộng-sản dọc đường quấy rối, dù biết nước Nga có ý khinh-thị bản điều-ước phi-chiến, còn cuộc hòa-nghị ở Berlin cũng chẳng qua là một cái thủ-đoạn đánh lừa liệt-cường mà thôi.

Bộ ngoại-giao Nam-kinh lấy sau khi Trung-Nga tuyệt-giao, sinh-mệnh và tài-sản của các Hoa-kiều ở nước Nga bị thiệt-hại rất lớn. Quân Nga lại vào quấy rối bờ cõi luôn, các nơi bờ cõi Trung-hoa bị thiệt-hại không biết bao nhiêu mà kể. Đã điện cho Trương Học-Lương phái viên điều-tra những sự thiệt-hại của Trung-hoa phải chịu để làm căn-cứ việc giao-thiệp đối với nước Nga.

Tin điện Cáp-nhĩ-tân nói rằng nước Nga phá-hoại điều-ước phi-chiến, việt-cảnh sang đất Tàu xâm-nhiều chín thành-trấn, những nơi bị binh-hỏa điều-tra như sau này :

1. — Mãn - châu-ly, 2. — Trác - lan-mặc-nhĩ, 3. — Tam-tạp và Tứ-tạp, 4. — Ô-vân, 5. — Triệu-hung trấn, 6. — Mạt sơn, 7. — Tuy-phần, 8. — Mục-lăng, 9. — Đông-ninh.

Chín xứ ấy hiện có tang-chương rõ-ràng.

Vấn - đề đoàn-quân Phùng Ngọc-Tường. — Phùng-ngọc-Tường nay vẫn ở Tấn-từ, chưa xuất-dương, các yếu-nhân về phái Phùng đã nhận chức. Lộc Chung Lân nhận chức trưởng bộ quân-chính. Tiết Đốc-Bạt nhận chức trưởng bộ vệ-sinh. Đường Thiệu-Lương nhận chức thứ-trưởng bộ ngoại-giao.

Hiện Phùng đã làm xong việc biên-khiển tập đoàn quân thứ ba, chỉ đợi chính-phủ trung-trong phát phi-khoản mà thôi.

Ấy cái vấn-đề trọng-đại ở Trung-hoa ngày nay, ngoại việc Trung Nga ra, còn một vấn-đề khó giải-quyết nhất là vấn-đề đàm-quân tây-bắc của Phùng-Ngọc-Tường. Quân Phùng từ khi đã biên-tập thành đoàn-quân thứ ba rồi, tinh cả số tạp-quân ba tỉnh Hà-nam, Thiềm-tây và Cam-túc có tới trên 30 vạn. Cứ kể chiến-công thì quân Phùng cũng không phải là không có, song những-làm đến quá nửa. Kể lương thiếu, tới số mấy nghìn vạn, nếu trả cho hết, chẳng những là không tiền, mà dầu có nữa, bây giờ đã vậy, còn sau làm sao? Nhược-bằng quốc-phủ chưa trả đủ lương, vội giải-tán ngay, thì quân Phùng tất mượn lấy cơ ấy mà sinh sự. Mà giải-tán rồi lại phải tìm nơi an-sáp đùng để làm xăng, cũng là một vấn-đề rất khó. Còn như không giải-tán, cứ để giầy-rua, thì số thiếu ngày lại càng tăng, dầu đem tài-sản cả phía tây-bắc cũng không đủ cung-ứng, vậy thì xử-tri quân Phùng cách nào bây giờ, thật là rất khó!

Chẳng nói ai cũng rõ tỉnh Thiềm-tây là một nơi bầu-tích, lại vừa bị cái thiên-tai, dân đói thậm-chí phải đào chuột mà ăn, thì còn sức nào dung nổi 30 vạn đại-quân, ngồi mà ăn vạ? Cho nên tin điện dò lương, cùng với tin đồn xẻ bột sang phía đông, chẳng ngày nào là không nghe người nói.

Gần nay tin đồn quân Phùng muốn phản-động, đã âm cả toàn-quốc. Song bất-luận việc ấy thực hay hư, cứ coi tình-thế hiện-thời, xúm mấy chục vạn quân đói, ở tỉnh Thiềm-tây là một tỉnh nghèo, mà không có cách xử-tri thỏa-thiện, tất không thể nào yên được thật đáng lo cho Trung-hoa.

Việc triệt bỏ quyền linh-sự-tài-phán, — Trung-hoa có thông-điệp cho các nước yêu-cầu triệt bỏ quyền linh-sự-tài-phán, bị bốn nước Anh, Pháp, Mĩ Nhật cự-tuyệt, trả lời không ưng thuận,

các nước khác cũng đều theo một giọng như thế cả, bảo rằng nước Trung-hoa không có gì làm đảm-bảo về đường thi-hành tư-pháp tối-tân.

Trong việc này có một điều, là la Hoa-kỳ cũng biểu đồng-tình, như vậy thì liệt-quốc đề-huê đề-đối-phó với mọi khoản của chính-phủ Quốc-dân yêu-cầu.

Trung-hoa có đáp lại bức thư về việc các tòa-án lĩnh-sự, có nói nếu cứ đề mãi các tòa-án lĩnh-sự, thì du-luận Trung-hoa lấy làm hồ thẹn, căm tức, và có kể các nước nếu bãi các tòa-án lĩnh-sự thì được lợi những thế nào.

Sứ-bộ Pháp cũng tiếp được bức thư trả lời của Trung-hoa về việc lĩnh-sự tài phán. Trung-hoa nói việc chính-trị và việc tư-pháp ở Trung-hoa đã thay đổi. Trong thư viện lẽ rằng nước Pháp cũng đã cho nước Thổ-nhĩ-kỳ bãi cái thể lệ cho người ngoại-quốc hưởng luật-phép riêng, như vậy thì việc của Trung-hoa xin đây không phải là một việc mới mà là một việc đã từng có rồi. Sau có nói liệt-quốc đã ưng bỏ quyền-lợi đặc-biệt kể từ tháng giêng năm 1930, và xin nước Pháp ưng đặt ngay cuộc hội-nghị đề bàn về điều-kiện bãi quyền lãnh-sự tài phán.

Việc giao-thiệp Pháp-Hoa. — Cái duyên-cớ làm sao mà việc điều-đinh Pháp-Hoa đình-hoãn, nguyên là người Pháp trú-cư ở miền bắc Trung-hoa cho các khoản của chính-phủ quốc-dân yêu-cầu là vô-lý, chính-phủ quốc-dân yêu-cầu cho người Trung-hoa được miễn thuế quá-vãng ở Đông-duong, mà người Pháp vẫn phải nộp-thuế quá-vãng ở Trung-hoa, tính tới gấp mấy thời giá hàng-hóa. trái với các điều-khoản của chính-phủ Nam-kinh đã cam-doan bãi các khoản thuế ấy để bù lại việc quan-thuế tự-trị của liệt-quốc mới ưng-chuẩn.

Việc quân Nhật phá-hủy đường Bắc-lãng. — Về việc quân Nhật phá-hủy đoạn đường sắt Bắc-lãng, tòa giao-thiệp Thẩm-duong đã đưa giấy kháng-nghị lần thứ hai, nhưng người Nhật vẫn trả lời một cách cương-ngạnh, cho là hợp-ly. Hội quốc-dân ngoại-giao ở Liêu-ninh và các đoàn-thể công, thương, học-cùng hai đoàn-thể giáo-chức, đều hợp sức lại đề tranh-kháng, dân-tình Trung-hoa đều có ý căm-tức, có phát truyền-đơn tuyên-ngôn và thông-diện đi khắp trong nước.

Hội phản Nhật tuyên-cáo dân-chúng Nhật-bản. — Hội p ản Nhật vừa rồi có phát-biểu bức thư tuyên-cáo dân-chúng Nhật-bản, đại-y nói như sau này :

1^o Việc vận-dộng phản Nhật của người Trung-hoa là chỉ phản-đối việc xâm-lược hung-bạo của người Nhật ở Trung-hoa, chứ không phải là phản-đối cả dân-tộc Đại-hòa ;

2^o Hai nước Trung Nhật nếu muốn thân-thiện thì không thể nói không mà có thể thành được, nên phải theo cái nguyên-tắc dân-tộc bình-dẳng ;

3^o Điều-ước bất-bình-dẳng là một cái chướng-ngại rất to cho hai dân-tộc Trung Nhật, tất phải bỏ hết các điều ước bất-bình-dẳng mới có thể nói đến việc thân-thiện chân-thực được ;

4^o Dân-chúng Nhật-bản nên đốc-thúc chính-phủ mới đổi cái chính-sách đối với Trung-hoa ;

5^o Sau khi cái địa-vị dân-tộc Trung-hoa đã khôi-phục rồi, tự nên cùng dân-tộc Đại-hòa dất tay cùng tiến, thẩu tới cái mục-đích cùng còn cùng vinh.

Việc trong nước

Kỳ hội- ồng viện Dân-biểu Bắc-kỳ.— Viện Dân-biểu Bắc-kỳ mới họp kỳ hội-đồng thường-niên ngày 24 tháng 9. Quan Thống-sứ ROBIN có đọc một bài diễn-thuyết dài lắm, và rất quan-trọng, xin tóm-lược đại-y như sau này.

Trước hết thuật lại những công-việc đã làm tự năm 1926 đến giờ. Nguyên năm 1926, viện dân-biểu đương-thứ này mới bầu, khi ấy quan Thống-sứ có tuyên-bố một cái chương-trình hành-chính, đại-khái có mấy điều như sau : đặt các trường làng, mở-mang việc y-tế ở dân-thôn, chỉnh-đốn phép trước-bạ điền-thổ, sửa-sang việc hương-chính, cải-cách thể-lệ quan-trường, lập ra hội-đồng cố-vấn.

Các khoản đó đều đã thi-hành tiếm xong cả, nay quan Thống-sứ thuật lại kết-quả về từng khoản một.

Về việc học ở hương-thôn thì chủ-y Chính-phủ là cho các làng được phép tự-do mở trường, chọn lấy thầy giáo làng trả lương, Chính-phủ chỉ giám-đốc xa mà thôi. Cách lập trường ở các làng và quyền giám-đốc của Chính-phủ đã định rõ trong nghị-định ngày 27 tháng 12 năm 1926. Đến cuối tháng 5 năm 1929 này, thống-kế được cả thầy là 818 trường, trong số đó có 23 trường hai lớp, cộng là 841 lớp, 25.502 học-trò vừa trai vừa gái (24.537 con trai, 965 con gái).

Việc y-tế thì chủ-y dùng cách cấp-tốc luyện lấy những « bà mẹ » để coi việc đỡ đẻ ở các hương-thôn, do dân làng phái người đi học ở tỉnh, rồi khi về làm việc cho dân làng, tiền công tùy các làng định lấy. Việc này cũng thi-hành từ năm 1926, năm nay (lời chỉ-thị của sở Y-chánh ngày 13 tháng 6 năm 1929) có sửa-đổi lại mấy điều. Thống-kế cái số người đẻ do các bà

mẹ đỡ trong khoảng một năm, từ tháng 6 năm 1928 đến tháng 6 năm 1929, được hơn 25.000 người. — Còn các nhà thuốc ở hương-thôn thì mới đặt được ít nhiều ở các tỉnh Hải-dương, Yên-bái, Hưng-yên, Bắc-ninh, Thái-bình, số người đến hỏi bệnh xin thuốc được ngót 12 vạn.

Về việc trước-bạ điền-thổ thời cách làm bây giờ còn là cách tạm-thời, vì điền-thổ xứ Bắc-kỳ vụn-vặt quá, muốn làm cho thật đúng theo pháp-luật thì công-trình to-tát lắm, không thể làm ngay được. Hiện bộ luật về điền-thổ đã soạn xong, nhưng chưa thể thi-hành được. Nay tạm-thời hằng làm như sau này : Trước cho đạc-diền theo một cách giản-dị, chỉ học vài ba tháng là làm được, gọi là « phép đo bằng bàn đạc » (*systeme à la planchette*), kể cũng vừa đúng, có thể bằng-cứ mà làm bản-đồ được. Từ trước đến nay kể có đến hơn 6 nghìn người đạc-diền như thế, cũng do các làng cất ra để cho sở Địa-chính dạy, rồi về làm thuê cho dân làng. Hiện đã đạc được hơn 1 triệu 11 vạn 3 trăm mẫu tây, tính ra được 12 triệu, 88 vạn 6 nghìn 8 trăm thửa, mà toàn-số ruộng đất ở đồng-bằng và miền trung-du Bắc-kỳ ước 14 triệu thửa ; như thế thì việc đạc-diền cũng là tiếm-tiền xong. Bây giờ mới đặt ra sổ điền-thổ, làng nào ruộng đất đã đo rồi, bản-đồ từng thửa và bản-đồ cả làng đã vẽ xong rồi, thời phải có sổ giống như địa-bạ cũ mà tinh-tường hơn, do người chưởng-bạ giữ, biên rõ mỗi thửa của ai, mỗi lần di-dịch hay đợ bán, người chủ phải khai-báo để biên thêm vào. — Nhân nói về điền-thổ, quan Thống-sứ nói đến các « nông-nghiệp ngân-hàng » đặt ra ở các tỉnh : mới đây có định lệ rằng phạm người đến vay phải « bằng »

phải có văn-tự ruộng đất đem ký để làm của nợ, văn-tự ấy do hội-đồng ủy-viên của nhà «băng» đặt ra ở các làng phải nhận thực. Như thế thì nhà «băng» được chắc-băng, có thể cho vay được rộng hơn, giúp cho tiết được cái nạn vay nặng lãi ở hương-thôn.

Về hương-chính có chỉnh-dốn lại theo nghị-định ngày 27 tháng 2 năm 1927, đặt ra ngoài hương-hội một hội-đồng ký-mục và định rõ chức-dịch của hương hội cùng lý-dịch.

Về quan-trưởng thì nghị-định ngày 20 tháng 9 mới đây sửa-đổi lại nhiều lắm, đại khái cho các quan-chức An-Nam được rộng quyền hơn trước để hết sức trông nom về việc trị-an và bắt đầu đặt ra một ngạch quan tư-pháp đối với ngạch hành-chính, để dần dần chuyên coi về việc án. Việc sau đó mới là khởi-điểm mà thôi, vì hiện nay chưa có đủ người, nhưng sau này những người có bằng cử-nhân tiến-sĩ luật càng ngày càng nhiều ra thì ngạch tư-pháp sẽ thành-lập, và các tòa án sẽ có thể độc-lập hẳn với quyền cai-trị được, tức là theo được cái phép phân-quyền của hiến-pháp các nước văn-minh. — Chú-ý Chính-phủ cải-cách về quan-trưởng như thế là muốn quay lại cái chính-sách bảo-hộ theo như điều-ước, cho nên trong bài diễn-thuyết quan Thống-sứ đã nói rõ-ràng rằng: «Nghị-định ngày 20 tháng 9 trước hết tuyên-bố lên một điều, xưa nay bản-chức vẫn lấy làm căn-trọng, một điều giản-dị tầm-thường, không có lạ lùng mới-mẻ gì, một điều đã biên rõ trong điều-ước: là cái chủ-nghĩa bảo-hộ. Xứ Bắc-kỳ này không phải là một xứ Nhà nước Đại-Pháp trực-tiếp cai-trị. Vẫn biết rằng điều đó không ai là không biết. Nhưng hoặc có khi quên đi chẳng, — mà quả đã có quên đi thật, — thì nhắc lại trong một khoản nghị-định cũng không phải là thừa.»

— Lời tuyên-bố của quan Thống-sứ đó quan-trọng lắm, quốc-dân ta nên đặc-biệt chú-ý.

Hội-đồng Cố-vấn (*Comité privé indigène*) thì đặt ra ngay từ năm 1926, từ bấy đến nay đã họp được 15 kỳ, phạm các việc sắp-đặt cải-cách như trên kia là quan Thống-sứ đều có hội-ý-kiến của hội-đồng cả. Theo nghị-định ngày 25 tháng 3 năm 1927, hội-đồng lại kiêm chức-trách về đề-chính nữa, mùa nước thì đi khám đê, chẳng may vỡ đường lụt thì đốc-suất việc cứu-tế cho nạn-dân.

Thế là cái chương-trình dự-định năm 1926, nay đã thi-hành được hoàn-toàn.

Ngoài các khoản trong chương-trình đó, Chính-phủ gần đây lại còn chú-ý đến mấy việc nữa, hoặc đã thi-hành, hoặc còn trù-tính.

Nhất là việc mộ nhân-công, gần đây xảy ra lắm việc lôi-thôi, nên Chính-phủ phải đặt ra luật-lệ nghiêm để qui-định việc mộ phu, cốt để giữ cho người ứng mộ khỏi bị kẻ tham lợi đánh lừa. Còn chính việc mộ nhân-công, thì tuy viện dân-biểu Bắc-kỳ đã từng phản-đối, nhưng xét ra là một việc cần, không thể ngăn-cấm được, vì dân Bắc-kỳ nhiều, cứ bình-thường cũng đã không đủ ăn, bị tai-nạn gì như trận bão ngày 30 tháng 7 vừa rồi thì đến chết đói, cần phải cho đi kiếm ăn nơi khác, miễn là trông nom cho cách làm ăn ở các nơi được tồn-thỏa thì thôi. Mấy năm trước, hoặc có chủ đồn-điền không hiểu mà ngược-đãi kẻ làm-lụng, nhưng nay Chính-phủ đã đặt phơ-ơng kế để phòng-ngữ rồi.

Nhân việc mộ phu này, có kẻ phao-truyền ra lắm chuyện bậy-tạ, người dân nhà quê ngu dốt ít học, dễ tin lắm, xem đó thì biết cần phải mở-mang trí-thức cho dân. Trường học chỉ dạy con

trẻ cùng kẻ thanh-niên. Còn người lớn không có sách hay mà đọc. Vậy ý quan Thống-sứ muốn đặt một cuộc tu-thư để soạn sách hay truyền-bá trong dân-gian; lại định đặt những thư-viện ở các làng, để giúp cho dân quê có sách mà đọc.

Chính-phủ còn chú-ý một việc nữa, là việc bảo-trợ cho các học-sinh An-nam sang du-học bên Pháp. Hiện ở Paris đã có một sở coi riêng về việc ấy. Ở đây Chính-phủ cũng nhờ Hội Khai-tri Tiến-dức lập một ban các phụ-huynh học-trò để nghĩ cách giúp đỡ chỉ bảo cho những người đi du-học bên Tây.

Sau hết quan Thống-sứ nói đến cái án «hội-kin» mới rồi, cùng công-việc Hội-dồng Đề-hình xét cái án ấy. Hoặc có người bác hội đồng này là một tòa án đặc-biệt, dùng pháp-luật đặc-biệt, kết án không có giá-trị; quan Thống-sứ trả lời rằng chính việc âm-mưu phiến-loạn là việc đặc-biệt, phải có tòa án tương-đương xét-xử, và Hội-dồng Đề-hình xử cái án mới rồi là chiếu theo điều 87 và 89 Hình-luật nước Pháp, do sắc-lệnh quan Giám-quốc ngày 31 tháng 12 năm 1912 tuyên-bố thi-hành cho bên này, không phải là pháp-luật đặc-biệt gì. Nếu xử theo điều 223 luật Giá-long, bắt cả kẻ đồng-mưu kẻ thủ-phạm phải tội lạng-trì, cùng họ-hàng thân-thích phải tội trăm-quyết, thì còn nặng biết bao nhiêu!

— Bài diễn-thuyết của ông Nghị-trưởng Nguyễn Hữu-Cự, đại-khái cũng không có điều gì lạ. Duy có nói rằng viện Dân-biểu hiện nay quyền-hạ

còn hẹp-hòi lắm, kê lập ra đã hai mươi năm nay rồi, công việc đã quen, tưởng đã đến ngày chính-phủ nên mở rộng cho một chút.

Lại nhắc lại mấy điều thỉnh-cầu về việc học:

«Mỗi năm có đến 1500 kẻ thiếu-niên có bằng tiểu-học Pháp-Việt, tranh nhau thi vào các lớp cao-đẳng tiểu-học, mà rút lại chỉ lấy chừng 200 người mà thôi. Chúng tôi đã xin với Chính-phủ lập thêm lớp cao-đẳng ở các tỉnh lỵ lớn, để cho những học trò có tu-cách có thể theo học cao hơn bậc tiểu học, không đến nỗi ân-hận như bây giờ. Lại được một điều tiện nữa, là học trò tỉnh nào sẽ được học ngay ở tỉnh ấy, không phải xa cách cửa nhà cha mẹ.

«Lại các trường hay các lớp công-nghệ cũng cần phải đặt thêm, để tập cho kẻ thiếu-niên có nghề-nghiệp làm, không đến nỗi thành ra một hạng người vì học-hành dở-dang, công việc không có, dễ xiêu lòng theo những chủ-nghĩa không chính-đáng.

«Thuộc về bậc trung-học thì trường Bảo-hộ mới rồi đã được «thăng» lên làm *Lycée*. Nhưng mà chỉ mới là đổi cái tên mà thôi, chứ thực-sự thì thể-thức nhà trường, giá-trị bằng-cấp cũng vẫn không thay-đổi gì cả. Bằng tú-tài bản-xứ vẫn phải chịu phần kém bằng tú-tài tây. Trình-độ học hai bên đã ngang nhau thì bằng-cấp cũng phải ngang nhau. Chúng tôi đã thỉnh-cầu điều đó mấy lần, mà vẫn chưa thấy gì cả. Kẻ thiếu-niên đi học cùng các phụ-huynh học trò đều lấy làm sốt ruột mà mong đợi lắm (1).

(1) Quan Toàn-quyền mới rồi có ký nghị-định (ngày 13 jun 1929) cho những người có bằng tú-tài bản-xứ vào làm việc các ngạch công cũng được bằng-đẳng như người có bằng tú-tài tây. Nhưng bằng tú-tài bản-xứ bên Pháp vẫn chưa công-nhận, cho nên không thể vào các trường Đại-học Pháp được. Còn *Lycée du Protectorat* thì quả chỉ mới có đổi tên mà thôi, thể-thức nhà trường, tư-cách thầy giáo, vẫn như cũ cả.

« Sau hết đến bậc đại-học. Đã mấy năm nay nghe nói Chính-phủ định đặt ra một trường Luật và một trường Thuốc kiêm-bị, khiến cho học trò học bên này có thể cứ tuần-tự mà tiến lên bậc cao-dẳng được. Như thế thì cái nền học ở Đông-Pháp này sẽ được hoàn-toàn, và kẻ học-sinh không cần phải sang du-học tận bên Pháp, nhiều khi phiền-phi mà có lắm nỗi bất-tiện. Nhưng tới nay vẫn chưa thấy có gì cả.»

Sách mới.

Bản-chi tiếp được những sách mới như sau này, xin vui lòng giới-thiệu :

1) *Việt-Nam Y-học toàn-tập*. NGUYỄN HỮU-CỰ soạn. Quyển I, 146 trang. — Nhà in Nam-Việt, Nam-định.

2) *Văn-vấn*, quyển I. *Chuyện-vui*, quyển I, Trích-lục trong báo «Tiếng-dân». Một quyển 32 trang, giá 8 xu; một quyển 38 trang, giá 9 xu. — Nhà in Tiếng-dân, Huế.

Nam-Phong Tùng-thư.

MỚI XUẤT-BẢN :

— *Khảo về Tiểu-thuyết*, giá 4 hào

XUẤT-BẢN TRƯỚC :

1) *Văn-minh luận*, 4 hào; — 2) *Ba tháng ở Paris*, 4 hào; — 3) *Văn-học nước Pháp*, 4 hào; — 4) *Chính-trị nước Pháp*, quyển I, 4 hào; quyển II, 5 hào; — 5) *Triết-học đạo Khổng*, 5 hào

ĐƯƠNG IN: *Lịch-sử thế-giới*.

